HỢP LƯU

SỐ 47 THÁNG 6 & 7 NĂM 1999

NGƯỜI VIẾT
& NGƯỜI ĐỌC



TẬP SAN VĂN HỌC NGHỆ THUẬT BIÊN KHẢO

P.O.Box 277, Garden Grove, CA 92842. USA
Tel: (714) 265-1394 - Email: tchl@aol.com
http://www.kicon.com/hopluu

Phát hành mỗi 2 tháng • Số 47 tháng 6 &7 năm 1999

Đại diện tại Florida: Triều Hoa Đại / Tel: (904) 282-2419 - *Đại diện tại Houston, TX:* Ngu Yên / Tel: (713) 524-6262 - *Đại diện tại San Jose*: Phạm Việt Cường / Tel: (408) 294-2413 - *Đại diện tại Âu châu*: Mr Lê Tất Luyện / 15 Place Souham, 75013, France / Tel: 33 (0) 1 45 83 19 12 - *Đại diện tại Na Uy*: Hoài Mỹ / Olsvikaasen 138. N-5079 Olsvik, Norway - *Đại diện tại Canada*: Hồ Đình Nghiêm / Tel: (514) 342-8018 & Trân Sa / Tel:: (416) 762-4659 - *Đại diện tại Australia:* Thường Quán / Tel: 61.3 / 8071.797 - *Đại diện tại Đông Âu*: Yên Phong / PSF-21.37284 - Waldkappel. Germany.

Chủ trương:

Nguyễn Thị Hoàng Bắc, Lê Bi, Phạm Việt Cường, Hồ Minh Dũng, Triều Hoa Đại, Phan Tấn Hải, Như Hạnh, Luân Hoán, Vũ Quỳnh N.H., Đỗ Kh., Thụy Khuê, Thân Trọng Mẫn, Trần Thị Mai Ninh, Nguyễn Thị Ngọc Nhung, Hồ Đình Nghiêm, Chân Phương, Thường Quán, Trân Sa, Hoàng Xuân Sơn, Đỗ Hữu Tài, Kiệt Tấn, Đặng Tiến, Tường Vũ Anh Thy, Nguyễn Mạnh Trinh, Nguyễn Quốc Trung, Phan Thị Trọng Tuyến, Lê Thị Thấm Vân, Trần Vũ, Trương Vũ.

Chủ biên:

Khánh Trường

Thể lệ gửi bài:

Kèn theo bài xin ghi dịa chỉ, tên thật, số điện thoại, email, fax (nếu có). Bài gửi *Hợp Lưu* đừng gửi báo khác. Trường hợp đã phổ biến, phải cho tòa soạn biết, dù chỉ trên báo địa phương. Viết một mặt giấy, rõ ràng, nhất là ngoại ngữ (tốt nhất dùng chữ IN). Nếu đánh máy xin chừa rộng khoảng cách giữa hai dòng. Viết trên computer gửi bài kèm disk (ghi rõ nhu liệu sử dụng và ký hiệu của bài). Bài không đăng không trả lại bản thảo. Nếu là thơ, sau 3 số không thấy xuất hiện, xin gửi báo khác. Nếu là truyện, biên khảo... bài chọn đăng sẽ có thư riêng hoặc điện thoại. Gửi bài qua email xin sử dụng địa chỉ hopluu@hotmail.com

Số đăng ký tại Quốc Hội Hoa Kỳ ISSN 1065-9323



Tranh ĐINH CƯỜNG

HỢP LƯU
Số 47 tháng 5 & 6 / 1999
NGƯỜI VIẾT & NGƯỜI ĐỌC



MỤC LỤC

Bìa: *tranh sơn dầu* **Phan Nguyên**



Thư tòa soạn



Chủ đề *Người Viết & Người Đọc* lẽ ra sẽ phong phú hơn nữa, rất tiếc, vì công việc riêng, một số văn hữu hứa đóng góp bài vở trong số này đã gọi điện thoại hoặc viết thư cáo lỗi. Tuy vậy, trong giới hạn tương đối, tòa soạn cũng cố gắng gửi đến độc giả một số báo đầy đặn, với phần nhận định, lý luận và thơ, truyện, cùng các mục thường xuyên đa dạng.

Xem thường và hủy hoại vốn cũ văn hóa là một căn bệnh trầm kha của các quốc gia chậm tiến, nhất là các quốc gia vừa chậm tiến, vừa chìm đắm triền miên trong chiến tranh như Việt Nam. Bao năm qua, chúng ta thường nghe nhiều tiếng kêu thống thiết báo động tình trạng "chảy máu" văn hóa tại quê nhà. Những đồ cổ quí giá, bằng mọi ngã, mọi cách, một phần thất thoát ra nước ngoài, phần khác bị đem nấu chảy đóng thành khối (nếu là vàng, như ấn tín, đồ trang sức của các vua chúa, hoàng hậu, cung phi...). Chưa kể sách vở, bản thảo hoặc bị đem bán ký, gói hàng, hoặc xay thành bột, tái sinh, hoặc bị bỏ lăn lóc trong các nhà kho, các "tàng thư" mà điều kiện bảo quản hoàn toàn không có. Kết quả, theo tháng năm, những của cải vô giá ấy tan dần thành bụi, do mối mọt, thời tiết. Trên thế giới, có lẽ chưa có một dân tộc nào xem thường và lơ là với vốn cũ như Việt Nam ta. Giáo sư Nguyễn Văn Trung, sau thời gian "ẩn cư" tại Canada để lo hoàn tất cuốn *Nhận Định X*, đã trở lại với độc giả Hợp Lưu qua bài nhận định *Sưu tầm, lưu trữ và khai thác vốn cũ văn hóa Việt Nam.* Bài nhận định

đề cập đến những tắc trách đáng tiếc trong các công tác vừa nêu trên của nước ta từ trước đến nay, không cứ gì miền Nam Việt Nam trước 75, hay cả nước hiện nay. Đồng thời Giáo sư cũng đã đề nghị một số biện pháp khả thi.

Ngoài nhận định của Giáo sư Nguyễn Văn Trung, chúng tôi cũng giới thiệu với độc giả một nhận định khác của Huỳnh Hữu Ủy, về "đỉnh thơ kỳ dị" mang tên Nguyễn Đức Sơn. Nhiều thập niên qua, Huỳnh Hữu Ủy được biết đến như nhà phê bình hội họa hiếm hoi của Việt Nam. Nay, song song với công việc đã và sẽ còn tiếp tục ấy, ông tạo thêm cho người đọc một ngạc nhiên mới: ngòi bút của ông cũng rất vững vàng trong công việc nhận định thi ca.

Phần chủ đề *Người Viết & Người Đọc* sẽ được soi rọi bởi các cây bút Nguyễn Hữu Lê, Phố Tịnh, Nguyễn Hoàng Văn, Phan Nhiên Hạo, Thọ Diên, Mai Nguyễn, Trần Văn Nam.

Riêng phần sáng tác thơ, văn số này rất phong phú, đa dạng, với đóng góp của khá nhiều nhà văn nữ trong, ngoài nước. Ngoài các sáng tác mới nhất của Lâm Chương, Phùng Nguyễn, Ngô Thế Vinh, Du Tử Lê, Lưu Hy Lạc, Phạm Việt Cường, Luân Hoán, Đỗ Quyên, Nguyễn Tôn Nhan, Lê Thánh Thư, Nguyễn Nghị, Tường Vũ Anh Thy, Hồ Minh Dũng, Thế Dũng, Lê Trọng Phương, Huỳnh Liễu Ngạn, Cao Xuân Tứ, Thận Nhiên, Huỳnh Mạnh Tiên, Hoàng Tuấn Dũng... Chúng ta sẽ được đọc các sáng tác của phái nữ: Trần Thị Ngh., Lê Minh Hà, Vũ Dung Tâm Minh Hằng, Miêng, Phạm Tường Vân, Trần Mộng Tú, Nguyễn Hương, Châu Giang, Phạm Hải Anh, Trần Thanh Hà, Phan Thị Trọng Tuyến, Thiên Yên, Sương Mai...

Mục thường xuyên: Kim Thi trở lại với bạn đọc sau một số tạm nghỉ - Linda Le, một nhà văn Việt Nam viết tiếng Pháp rất nổi tiếng hiện nay trên thế giới, trả lời phỏng vấn - Phan Nguyên với phòng tranh *Papyrus*, một khai phá mới trong sự nghiệp hội họa của ông - *Người Trung Quốc Xấu Xí* được đọc bởi Phan Thị Trọng Tuyến.

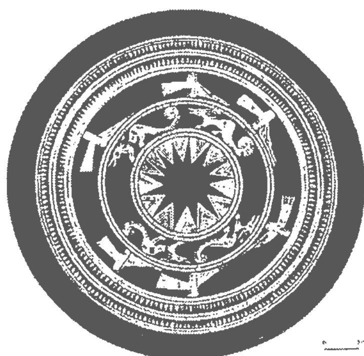
Hy vọng số báo sẽ được độc giả đón nhận với sự hài lòng.

HỢP LƯU



NGUYỄN VĂN TRUNG

Sưu tầm, lưu trữ, khai thác vốn cũ văn hóa Việt Nam



Đề tài rộng cần góp ý của nhiều người; dựa vào kinh nghiệm bản thân, tôi xin đưa ra một vài ghi nhận cho những trao đổi bàn sâu. Vốn cũ là gia tài cha ông để lại từ ngàn xưa cho đến ngày nay, gồm các di vật dưới lòng đất, trên mặt đất, những bút tích bằng chữ viết ghi trên đá, gỗ, giấy...

Mặc niệm ở nghĩa trang văn hóa

Gần đây nhiều người làm công tác sử đã lên tiếng báo nguy kêu gọi cấp cứu trước nạn tàn phá các di tích dưới lòng đất và trên mặt đất. Tôi không có đầy đủ những lên tiếng đã đăng báo và mong ước những lên tiếng này được gom lại, xuất bản rộng rãi. Trước mặt tôi chỉ có một hai bài mà thôi. Tôi nhớ đã đọc một bài than khóc về một làng cổ trên dưới 700 năm có nhiều di tích đã bị tàn phá trong đó có cả mồ mả người thân mình an nghỉ. Tác giả về quê không còn tìm thấy những ngôi mộ đó đành phải cắm những ném hương cả bốn phương trời để vái lậy. Tuổi Trẻ Chủ Nhật 12/5/1996, có nhắc: *"Năm 1987, trên tờ Quân Đội Nhân Dân đăng bức thư ngỏ của Trần Quốc Vượng nói về việc xâm phạm các di tích lịch sử thủ đô."* Tuần báo Văn Nghệ Hội

Nhà Văn Việt Nam, 16/7/1988, đăng bài "Bản Điều Trần Về Một Sự Thật" của Nguyễn Linh Giang làm phóng sự điều tra về một thực trạng đau buồn là việc tàn phá các di tích lịch sử của tỉnh Hà Nam Ninh, một tỉnh có bề dầy lịch sử. Tác giả lên tiếng cầu cứu: SOS Các Di Tích Lịch Sử Và Danh Thắng, rồi kết thúc bài phóng sự: *"Tôi viết bài phóng sự này tại nhà khách của sở Văn Hóa Hà Nam Ninh khi bên tai tôi còn vọng lại tiếng mìn nổ và đá lở vang lên ở Kẽm Đô, Kẽm Trống, Vọng Lâu Đài như tiếng khoan rít lên xoáy vào lòng. Trước mắt tôi còn hiện lên những cảnh bị tàn phá đổ nát tiêu điều của các di tích lịch sử. Tôi đã viết những điều tôi biết, tôi hiểu và tôi trông thấy. Lời khắc khoải cũng là điều tôi trăn trở về một sự thật phải được nói lên để cảnh tỉnh một thảm họa có thể xẩy ra nếu các cấp hữu quan thờ ơ và không có những hành động thiết thực. Rồi đây lớp cháu con của chúng ta lớn lên -những chủ nhân tương lai của đất nước- sẽ được tiếp thu một di sản văn hóa giầu có và phong phú xứng đáng với truyền thống dựng nước và giữ nước của dân tộc, hay được tiếp nhận một thực trạng đau buồn bởi những kỳ tích của quá khứ chỉ còn lại trong sử sách, còn trong thực tế thì hỡi ôi, chỉ còn một tiếng vang vọng u buồn. Một nền kinh tế xuống dốc bằng những chính sách hữu hiệu trong vòng một thập niên có thể vực lại được. Một nền văn hóa xuống dốc thì hằng thập niên cũng khó lòng cứu vãn. Vì sự phục hưng của nền văn hóa dân tộc, vì tương lai dài lâu của những thế hệ mai sau hãy cứu vãn các di tích lịch sử và danh thắng của đất nước."*

Gần mười năm sau lại có những tiếng báo động, kêu cứu khác một cách tuyệt vọng. Tuổi Trẻ Chủ Nhật 3/11/1996 đăng lời phát biểu của ông Nguyễn Huệ Chi: *"Tôi ghê sợ mọi sự đập phá, không gì vô phúc bằng việc con cháu đào bới mồ mả cha ông mình."* Tuổi Trẻ Chủ Nhật 22/12/1996 đăng một loạt bài lên tiếng khác. Trả lời phỏng vấn, ông Hà Văn Tấn, viện trưởng Viện Khảo Cổ, than thở: *"Các nhà khảo cổ đến trước các di tích, chỉ để tưởng niệm; họ không có quyền hành gì cả và không ai chịu trách nhiệm về những di tích bị tàn phá... Tôi có thể nói là tôi đã đi gần khắp nơi trên thế giới nhưng chưa có nơi nào tôi đau xót như ở Việt Nam. Mình là một đất nước tự hào về một nền văn hóa lâu đời nhưng các di sản văn hóa hiện nay đang có nguy cơ bị mất mát phá hoại cả."* Trong bài Thương Thay Các Di Tích, pgs Tố Như nói về các nguyên nhân phá hoại: *"Thời gian và môi trường là kẻ thù đáng sợ. Tuy nhiên một kẻ thù khác còn đáng sợ hơn, nguy hiểm hơn cho các di tích: Đó là sự dốt nát, sự thiếu trách nhiệm và lòng ham của con người."* Pgs Trần Hoàng, trong bài "Những Tiếng Kêu Vô Vọng" nói thêm một nguyên nhân nữa *"của sự hủy hoại chủ động*

trong mấy chục năm qua xuất phát từ ý thức sai lầm coi việc xóa bỏ được các di tích tôn giáo cổ truyền như một thành tích."

Tiêu hủy bút tích

Còn một loại di tích khác là những bút tích bằng chữ viết ghi trên đá, gỗ, giấy... Riêng về bút tích ghi trên giấy, không phải chỉ gồm những văn bản mà cả những giấy tờ liên quan đến khía cạnh hành chánh của các sinh hoạt công tư mọi mặt, hay đến đời sống hàng ngày của mỗi người, mỗi gia đình. Những bút tích này được lưu trữ ở các thư viện công, văn khố và ở các thư viện tư. Theo chỗ tôi biết hình như không có những lời kêu gọi cứu nguy thảm thiết công khai như đối với di tích trong lòngđất và trên mặt đất, mặc dầu tình cảm đau buồn có thể còn hơn gấp bội trước cảnh mất mát, tàn phá loại bút tích này.

Trước 75, ở miền Nam, Thanh Lãng đã lên tiếng trong tạp chí Nghiên Cứu Văn Học số 9, tháng 9-10/1968: *"Những đống rác thân yêu, một vấn đề biết đặt với ai"* trước tình cảnh kho lưu trữ di chuyển, không có chỗ chứa, vứt bừa bãi ngoài hàng hiên. Dưới chế độ dân chủ cộng hoà và xã hội chủ nghĩa Việt Nam, tôi không rõ có những lên tiếng nào. Tôi chỉ nghe thuật lại trong dịp sơ tán tránh bom Mỹ, sách báo thư viện tài liệu văn khố đã bị mất mát nhiều. Tôi chứng kiến cảnh thất thoát của thư viện Đại Học Văn Khoa Sàigòn cũ mà tôi biết rõ. Sau 75, mỗi lần di chuyển từ nơi này qua nơi khác hay từ lầu trên xuống lầu dưới là một lần mất sách báo quý. Có hai cách mất mát khác: Mấy ông lớn cho người đến mượn rồi vô tình hay cố ý chưa trả và nhân viên không dám đòi. Hoặc cứ việc mượn rồi khai mất, sẵn sàng đền tiền nhưng số tiền này không tương xứng với giá trị sách. Giấy tờ hành chánh của trường, hồ sơ lý lịch, bài thi của sinh viên được đem bán ve chai với lý do bồi dưỡng cán bộ công nhân viên. Không phải những nông dân ít học phá hủy bút tích mà chính những nhà đại trí thức chuyên về sử, khoa học xã hội là cán bộ lãnh đạo văn hóa giáo dục. Không phải chỉ giấy tờ của chế độ cũ mà cả của chế độ hiện nay cũng bị tiêu hủy. Nếu có một sinh viên cũ nào bây giờ là ông nọ bà kia, muốn biết quá trình học hành thi cử của mình thì đành chịu. Tôi còn giữ được một số bài thi, luận văn, luận án... trong đó có nhiều văn bản đặc sắc liên quan đến mảng văn học miền Nam mà tôi lưu tâm như luận văn cao học của anh Nguyễn Văn Y đã qua đời: Huỳnh Tịnh Của Và Công Trình Biên Soạn Đại Nam Quấc Âm Tự Vị hay của ông Phạm Việt Tuyền, luận văn cấp tiến sĩ bậc I: Trương Minh Ký Và Văn Học Thế Hệ 1862-1913.

Trong các bài thi của sinh viên tôi giữ một bài thi về triết học, nhưng thí sinh đã không làm bài theo đề thi mà để 4 giờ viết tâm sự gửi đàn anh về thân phận giới trẻ trong cuộc chiến vẫn đang diễn ra mà thi cử là một cách hoãn dịch:

"Tôi đã thực sự trở về với tôi trong sáng nay: Và rồi tự dưng tôi ứa nước mắt. Tôi còn gì? Sau hai mươi năm quê hương sầu đổ vỡ, tôi biết mình đã bất lực từ những ngày lớn lên trong huyền thoại tự do của những người nhân danh bè bạn [...] Nhưng chúng ta cũng không thể chung sống với những người bạn nhân danh là đồng minh của chúng ta. Chắc anh cũng hiểu điều đó chứ? Làm sao sống chung được khi người bạn chúng mình đang phá sản gia tài máu và nước mắt của cha ông chúng mình tạo dựng mấy ngàn năm [...] Vì thế hôm nay tôi không làm bài như anh mong muốn. Tôi quyết định phải bỏ một kỳ thi để nói với anh, điều ấy không làm cho tôi đau lòng lắm, bởi lẽ bạn bè tôi có khi bỏ phí cả cuộc đời để nói vỏn vẹn có một lời thôi. Mong anh đừng trách tôi sao không trọn vẹn với sách đèn. Một ngày nào đó anh sẽ hiểu tôi hơn." Sau khi mô tả tình hình đất nước trong chiến tranh, trách móc trí thức đàn anh, tác giả chất vấn: *"[...]Vết tích hờn căm còn đó, làng xóm đìu hiu còn đó, từng hàng mộ tiếp tiếp nối theo ngoài nghĩa địa chưa khô đất! Hình ảnh ấy chắc cũng làm anh xúc động chứ? Tại sao nói phê bình huyền thoại không tránh được phải dựa trên huyền thoại phê bình -đề thi triết-? Điều đó giờ đây không còn cần thiết. Sự cần thiết là chúng ta hiểu thực chất của những người bạn đang mang huyền thoại tự do cho chúng ta và bổn phận của tôi, của các anh là phải phá tan huyền thoại đó [...]. Anh em mình hãy ngồi lại gần nhau hơn, hãy nói với nhau bằng thứ ngôn ngữ của cha mẹ chúng ta. Mảnh bằng sẽ không làm được gì nếu ta dùng nó như chiếc xe chở dầy phân thối, tôi sợ mình bị quyến rũ làm tài xế xe phân đó, nên đã từ bỏ chuyện thi hôm nay.* (Khóa 1, niên học 1968-1969, ban Triết, Đại Học Văn Khoa Sàigòn).

Tôi vẫn trân trọng giữ bài thi 6 trang đánh máy này như một chứng từ về nỗi buồn tuổi trẻ, nỗi buồn đại học, nỗi buồn chiến tranh, nỗi buồn của thân phận nước nhược tiểu. Sau đây xin trích một vài câu trong những bài luận văn thi tuyển đại học về môn sử sau 75:

- *"[...] Năm 1963, dưới sự chỉ đạo của đồng chí Nguyễn Cao Kỳ, cuộc đảo chính Ngô Đình Diệm đã đi đến thành công tốt đẹp [...]."*

- *"[...] 4 giờ sáng 10/3/1975, chúng ta đã hoàn toàn làm chủ được Ban Mê Thuột, dưới tiếng loa phóng thanh của quân và dân ta lúc này, chính phủ Mỹ và chính phủ bù nhìn Ngô Đình Diệm đã hốt hoảng cao chạy xa bay [...]"*

- "[...] Nhiệm vụ của Phan Chu Trinh là đứng ra thành lập Đảng Cộng Sản để lãnh đạo các tổ chức của phong trào quần chúng thay đổi nền kinh tế theo lối tư bản chủ nghĩa [...]"

- "[...] Sau suốt 4 năm kháng chiến chống quân xâm lược, nhân dân ta đã phấn đấu đòi quyền tự do dân chủ, biến nước xã hội chủ nghĩa thành nước xã hội chủ nghĩa tư sản, nửa thuộc địa phong kiến vì nước này mang hai bản chất rõ rệt: một nửa thuộc xã hội chủ nghĩa, một nửa thuộc tư bản chủ nghĩa [...]"

Một bài khác bày tỏ tâm sự của thí sinh: *"[...] Tôi sinh ra đâu phải để chờ đợi mà để sống chiến đấu, lao động và học tập. Nay giờ đây, tất cả đều bế tắc. Không gì đau khổ hơn bị ốm yếu và nợ nần. Nợ nần như một cái bẫy, sa vào thì dễ, thoát ra thì khó. Biết rằng rồng bay chẳng gặp gió, tài trai chẳng gặp thời [...] Chắc có lẽ gần hết giờ nhưng đầu óc tôi không nghĩ ra một câu nào trong đề thi kỳ này; nhưng ngược thay, đầu tôi lúc này là một khối thơ lãng mạn hiện lên làm cho tôi thấy không thể truyền bút vào bài thi được nữa. Cánh cửa sổ đại học bao la và rộng rãi không thể để những cái đầu ngu dốt vào cánh cửa đó được."* Đây là một chứng từ về nỗi buồn cách mạng, nỗi buồn thầy cô dậy học.

Trong cuộc đời nghiên cứu, tôi thường lưu tâm tìm những bút tích để hiểu một con người, một thời kỳ lịch sử. Chẳng hạn tôi vẫn đi tìm, chưa ra, một thư viết từ trong tù, ghép bằng các mẩu giấy thuốc lá của những đảng viên Việt Nam Quốc Dân Đảng, gửi cho Phạm Quỳnh, yêu cầu ông lên tiếng can thiệp Tây, đừng xử bắn nhóm ông Nguyễn Thái Học, theo lời hai cụ Nghiêm Toản và Bùi Hữu Sủng, đảng viên Việt Nam Quốc Dân Đảng, kể với tôi. Phạm Quỳnh có lên tiếng nhưng để biện minh cho án xử: "Nước Pháp đánh mạnh và đánh đúng -La France frappe fort et frappe juste." Nhưng tôi giữ được một thư khác tương tự của sinh viên trong tù trước 75, cũng ghép bằng những mảnh giấy điếu thuốc lá gửi cho tôi. Sau 75, mấy ông ở Hà Nội vào, mượn tôi, nói là để triển lãm, tôi đã cho mượn và đòi không được nữa vì lúc đó tôi chưa biết quy luật bất thành văn, phổ biến đại ý nói: Cho mượn sách báo, tài liệu là đồ ngu, và mượn rồi trả lại là đại ngu.

Về thư viện tư nhân, sau hai đợt thu gom ở miền Bắc (1955) và ở miền Nam (1975), ai nấy đều biết cả, chỉ không rõ một cách chính xác mức độ tiêu hủy, những ai còn dấu được chính chủ nhân đem ra chợ sách cũ bán. Người Nhật đã bỏ đô la ra mua tất cả. Khi được tôi biên thư nhờ tìm tài liệu, giáo sư Trần Kinh Hòa (Chen Chin Ho, nay đã qua đời) cho tôi biết: Thư viện ở Nhật, cái gì của Việt Nam cũng có! Sau 75, ngoài hai loại chủ nhân thư viện tư có sách báo vì làm việc

biên khảo, viết sách ai cũng biết tiếng, hoặc có sách báo để sống văn hóa hoàn toàn vô danh trên văn đàn, xuất hiện và phát triển mạnh một loại chủ nhân thư viện tư là những người biết giá trị sách báo cũ, sưu tầm để bán một cách kín đáo. Tôi không thể cho biết tên những người thuộc hai loại sau cùng. Về loại thứ nhất, xin kể một vài trường hợp:

1. Thư viện Trương Vĩnh Ký, sau 75, tan hoang, gia đình cất giữ được một ít, mang sang Pháp. Còn lại, thất lạc, bán ở chợ trời sách cũ. Anh Nguyễn Văn Y nói với tôi mua được một ít của tủ sách này.

2. Thư viện Vương Hồng Sển. Không phải ông chỉ có đồ cổ, sách báo cũ mà cả những thứ quý khác như những quảng cáo, chương trình các buổi trình diễn tuồng cải lương xa xưa và những thứ liên quan đến sex chỉ vài người bạn rất thân biết được cho coi. Sau 75, ông rất sợ người ta gõ cửa, từ mấy cậu làm văn hóa phường, đứng ngoài cổng xin ông cho mượn các bích chương, chương trình diễn tuồng cải lương mà không trả; đến các vị lãnh đạo địa phương quê nhà, dưới Sóc Trăng, đề nghị xuất bản một bản thảo, ít lâu sau, sách ra nhưng không phải tác giả là Vương Hồng Sển. Có lần ông Trần Văn Giầu nhờ tôi mượn sách, ông Sển nể cả tôi và ông Giầu, đành lòng cho mượn, nhưng ăn không ngon, ngủ không yên cho đến khi ông Giầu trả sách. Ông Sển có ba phòng khách, phòng ngoài, phòng trong và thư phòng. Chỉ những người thật thân tình mới được mời vào thư phòng.

3. Tủ sách Khai Trí. Điều quý nhất trong tủ sách của ông Khai Trí là số lượng các bản thảo nghiên cứu về văn hóa Việt Nam mà ông đã mua vẫn lưu giữ chờ dịp thuận tiện, in sau. Toàn bộ kho sách tài liệu bị tịch thu và chủ nhân đi tù một thời gian. Hiện không rõ số phận các bản thảo trên ra sao.

4. Thư viện của Nam Đình. Nam Đình hay Nguyễn Kỳ Nam là một nhà báo kỳ cựu, nổi tiếng nghiêm chỉnh ở miền Nam. Ông lưu giữ, sắp xếp tất cả tài liệu trong mấy chục năm làm báo. Trước 75, có lần toà đại sứ Ấn Độ cho người đi tìm các bút tích, hình ảnh chuyến ghé thăm Sàigòn của Tagore, ở các thư viện công, không có gì nhưng khi đến thư viện của Nam Đình, các yêu cầu được thỏa mãn. Tôi không rõ số phận thư viện của Nam Đình bây giờ ra sao? Ông đã qua đời ít lâu sau 75. Hiện chỉ có một cuốn 502 trang hồi ký 1925-1964, gồm 3 tập, nhưng mới in tập 2, 1935-1944, in ra không bán, chỉ lưu truyền trong các thân hữu. Sau 75, ông xin thu hồi lại. Đây là tài liệu quý về một giai đoạn lịch sử chính trị.

5. Thư viện Thanh Lãng. Thanh Lãng có một kho sách báo văn học cũ, thời tiền chiến khá đầy đủ. Ông đã trích dẫn làm tài liệu cho sinh viên, in ronéo hàng mấy chục tập. Sau 75, Tạ Trọng Hiệp đã được

Thanh Lãng trao tặng những gì ông cần. Ngoài ra ông đem bán ve chai vì nghĩ rằng chẳng bao giờ ông được nghiên cứu, dậy học mảng văn học đó nữa. Gần đây một số tập trích dẫn kể trên đã được nhà xuất bản Văn Học in ra 3 tập 13 Năm Tranh Luận Văn Học.

6. Tủ sách Nguyễn Văn Y. Anh gốc miền Nam, sưu tầm sách báo cũ xuất bản ở miền Nam, nhất là các sách bị Tây cấm hồi đầu thế kỷ. Nghe anh nói anh sưu tầm được cả trăm cuốn các sách đã xuất bản bị tịch thu hay các bản thảo. Ngoài ra anh cũng sưu tầm những bút tự, chữ ký của hầu hết các nhà văn ba miền. Anh không để những của quý đó ở nhà mà gửi bà con, họ hàng, không biết văn hóa là gì nên họ không có tham vọng ăn cắp, nhưng lại để ở trần nhà, xó bếp nên đôi khi bị chuột gậm hay cháy. Khi những người anh quý trọng hỏi mượn, anh nói ngồi đợi anh đi lấy về, bầy ra cho coi, đôi khi cho ghi chép rồi lại đem đi gửi. Tôi không liên lạc gì nữa sau khi anh mất sớm vì bạo bệnh, nên không rõ số phận tủ sách của anh bây giờ ra sao.

7. Thư viện Trương Bá Cần. Sau 75, linh mục Trương Bá Cần đã thiết lập được một thư viện riêng với danh nghĩa của tuần báo Công Giáo Và Dân Tộc. Có lẽ ông là người có nhiều sách báo, tài liệu cũ, đặc biệt về công giáo. Ông mượn uy cách mạng, đề nghị trí thức công giáo như linh mục Nhã, giáo sư sử địa Đà Lạt sang nhượng tủ sách của mình. Nhưng hành động đáng tiếc hơn cả là việc ông đề nghị Tòa Tổng Giám Mục thu gom tất cả giấy tờ của các họ đạo, tập trung ở Tòa Tổng Giám Mục, để đổi lấy giấy in lịch công giáo. Tôi chứng kiến cảnh hàng đống cao, các sách báo, tài liệu giấy tờ do các họ đạo đem nộp và ông cho một vài người đến chọn lọc. Còn lại để bán giấy vụn. Đây là một vụ phá hủy tài liệu do một người đỗ tiến sĩ sử học đại học Sorbonne thực hiện.

Những giả thuyết giải thích

Một số nhà nghiên cứu lịch sử kể trên đã đưa ra nhiều nguyên nhân giải thích hiện tượng phá hoại di tích cũ. Tôi xin góp thêm ba ý vượt khỏi các chế độ chính trị:

1. Cơ chế làng xã xưa gồm hội đồng kỳ mục, bô lão đại diện cho quyền bính tinh thần đạo lý bên cạnh quyền bính hành chánh. Xã hội cũ Việt Nam không có giới tăng lữ lo việc tế tự trong các sinh hoạt lễ nghi tôn giáo dân tộc. Vai trò này do các bô lão đảm nhận. Khi người Pháp chiếm đóng Việt Nam, ở Nam Kỳ họ đã thi hành đường lối đồng hóa, xóa bỏ cơ chế quyền hành tinh thần đạo lý của làng xã. Việc xóa

bỏ này có lẽ là một trong những nguyên nhân xuất hiện các đạo ở miền Nam, tiêu biểu hơn cả là Cao Đài. Đạo này tạo được một giới chức tôn giáo đảm nhận quyền hành đạo lý trong dân chúng. Người Pháp coi quyền hành của giới chức tôn giáo này như của một quốc gia trong quốc gia. Ở miền Trung và miền Bắc, người Pháp vẫn tôn trọng thể chế làng xã truyền thống, chỉ sau 45 những thể chế này bị phá bỏ và không được thay thế. Trong thực tế, các nơi tế tự như nhà thờ, thánh thất, chùa chiền của các tôn giáo ít bị xâm phạm vì ngại đụng đến các tín đồ. Nhưng các cơ sở tôn giáo dân tộc thuộc quyền quản lý của các hội đồng làng xã nghĩa là của nhà nước bị xâm phạm mà không ai phản đối vì chính những chủ nhân có trách nhiệm bảo vệ vi phạm thì ai còn nói gì được nữa.

2. Ý kiến công dân yếu kém. Việt Nam bị ngoại bang đô hộ quá lâu, tạo nên một tâm tình che dấu những gì liên quan đến bổn phận công dân như đóng thuế và tật chiếm công vi tư, ăn cắp của công, không ăn cắp được, đôi khi đập phá cho bõ ghét vì không cho rằng của công là của đóng góp của chính mình mà là của bóc lột, ăn cướp của kẻ thống trị.

3. Xa hơn nữa chưa có ý thức lịch sử sâu rộng rõ rệt. Việt Nam không phải là dân tộc không có lịch sử, chỉ sống với hiện tại và với quá khứ bằng thần thoại, truyền thuyết; nhưng ý thức lịch sử thấp kém không sâu rộng. Tôi đã nhắc tới điểm này trong chương Một Dân Tộc Không Có Văn Khố Bảo Tàng Viện (xem Trương Vĩnh Ký, Nhà Văn Hóa, NXB Hội Nhà Văn Hà Nội, trang 27). Hồi 1968, Giám Đốc Nha Văn Khố và Thư Viện ở Sàigòn, cô Đặng Phương Nghi tốt nghiệp trường Ecole des Chartes ở Paris đã làm một bản điều trần về hiện trạng Nha Văn Khố và Thư Viện Quốc Gia. Thật rất có ý nghĩa phản ứng của một viên chức có trách nhiệm và thẩm quyền về văn hóa trước những yêu cầu bảo vệ tài liệu văn khố: *"Các ông phải tập sống cho quen không có văn khố đi chứ!"*

4. Nguyên nhân phá hủy vốn cũ bằng bút tích liên quan đến đường lối chủ trương đưa tới tình trạng coi di tích là tàn tích và phả hủy là lập thành tích. Mục tiêu phá hủy được nêu lên trong Quốc Tế Ca: *"Về quá khứ cần xóa sạch, phá sạch"* để xây dựng con người mới, xã hội mới. Nhưng đồng thời cũng có một chủ trương khác được đề ra: Kế thừa tiếp thu vốn cũ có phê phán. Trong thực tế thật rất khó thể hiện hai yêu cầu trái ngược kể trên mà không xẩy ra những sai trái lệch hướng. Dự định phá sạch, xóa sạch của Cách mạng là triệt để; do đó dự định này mang tính chất tôn giáo tương tự dự định của Ki Tô giáo chủ trương biến đổi con người cũ, xã hội cũ để thực hiện một Trời Mới,

Đất Mới.

Nếu cần không ngại dùng bạo lực đối với hiện tại nhưng kết quả được đảm bảo trong tương lai: Các thế hệ sau vì không còn quá khứ để so sánh chỉ biết cảm nghĩ, suy luận, mơ ước theo những lối nhìn khuôn mẫu đã được chỉ bảo, dậy dỗ và diễn tả biểu lộ tâm tình lý luận bằng một thứ ngôn ngữ của chế độ. Có thể dễ dàng nhận diện những luận điểm ngôn ngữ của chế độ ở nơi những người con đẻ của chế độ là đảng viên, nay bỏ đảng, chống đảng, chống chế độ, ở lại trong nước hay ra nước ngoài chẳng hạn vẫn buột miệng gọi người ở miền Nam là ngụy và ngay cả những người lớn tuổi, ở ngoài chế độ, đã sống một thời gian dài trong chế độ. Xin nêu một trường hợp: Khi viết giới thiệu (trong Nhận Định X) cuốn sách Năm Chiếc Bánh Và Hai Con Cá của Tổng Giám Mục Nguyễn Văn Thuận, tôi thấy tác giả sau 13 năm tù, đã sử dụng một cách tự nhiên những từ ngữ, kiểu nói bầy tỏ những lựa chọn manh tính chất ý thức hệ hay huyền thoại của một chế độ: *"Vào đó nóng cực kỳ... Cô Thanh cấp dưỡng. Chiến sĩ trực [...]" " Từ từ mấy chiến sĩ gác tôi trở thành học trò của tôi", "gỗ thánh giá lấy từ núi Vĩnh Phú nơi có đền Hùng thờ các vua Hùng, tổ tiên chúng ta đã có công dựng nước"... "Trước 11 giờ đêm, chúng tôi đã làm xong tôi mừng quá! Thắng lợi."* Lựa chọn ý thức hệ của Cách mạng dựa trên khái niệm địch-ta và coi cuộc chiến đấu chống địch trên mọi mặt chính tri văn hóa, giáo dục, ngoại giao như một mặt trận quân sự; tương tự chế độ tư bản hiện nay dựa trên khái niệm thị trường, coi mọi sinh hoạt quan hệ trong các lãnh vực văn hóa thông tin, giáo dục, tôn giáo đều là quan hệ buôn bán: Học sinh, sinh viên là khách hàng của thầy giáo, trường học; độc giả, khán giả là khách hàng của thị trường thông tin...

Thực ra trên bình diện giao lưu văn hóa, nói như Nhất Hạnh: Có Phật có Chúa trong ta thì cũng có thể nói thêm có Marx trong ta; vì như Raymond Aron một người không ai nghi ngờ lập trường chống cộng của ông, đã nói: Trong chủ nghĩa Marx, có phần cốt lõi đã thuộc về gia tài của nhân loại. Do đó cái phần cốt lõi đã được nhiều người không cộng sản hay chống cộng sử dụng mà không rõ xuất xứ, tương tự những người chống ki tô giáo sử dụng những khái niệm bắt nguồn từ ki tô giáo mà không biết. Chẳng hạn nói tranh đấu cho hòa bình trong khi đúng ra người ta chỉ đi bộ hay cầu nguyện cho hòa bình. Thần học giải phóng Bạo lực là một cốt lõi của tư tưởng Marx. Một thần học có nên chủ trương bạo lực để thực hiện chương trình cứu rỗi theo đức tin hay không?

Sưu tầm, lưu trữ, khai thác

Ở đây chỉ xin gợi ý về sưu tầm, lưu trữ, khai thác các bút tích. Trước hết có thể chỉ chú trọng chính dữ kiện là bút tích với ý định tìm hiểu, khai thác vượt không gian, thời gian, phi lịch sử tương tự phát hiện bút tích trong một chai trôi giạt vào bờ biển, không biết của ai, từ đâu đến, đã có từ bao giờ... Tôi đã nghe nhiều lần khi ngồi ở Bãi Trước Vũng Tầu hay công viên Lê Văn Tám (nghĩa địa Mạc Đĩnh Chi cũ) qua loa phóng thanh bài Huyền Sử Mang Tên Quốc của Phạm Duy. Chắc hẳn mấy người phụ trách thuộc thế hệ trẻ không biết gì về Phạm Duy hay người lái máy bay mang tên Quốc ném bom dinh Độc Lập và miền Bắc bị bắn rơi mất tích. Có thể mấy cán bộ trẻ này không cần tìm hiểu tác giả thời cuộc đã tạo ra một sự kiện lịch sử mà chỉ chú ý đến bài hát hay và con người, sự việc được kể trong lời ca như những huyền sử. Cứ như vậy, một hai trăm năm sau bài hát trở thành một dân ca thuộc văn hóa dân gian. Một lối nhìn phân tách chỉ dựa vào sự kiện tác phẩm có ý nghĩa giá trị của nó.

Hoặc trái lại đi tìm những bút tích liên quan đến tác giả, tác phẩm, thời đại để hiểu tác phẩm từ những điều kiện, hoàn cảnh quy định sự xuất hiện, diễn tiến của tác phẩm hoặc những tác dụng của tác phẩm đối với người đương thời về mặt nọ mặt kia v.v...

Trong trường hợp Việt Nam, hầu hết những người làm nghiên cứu lịch sử đều phàn nàn về tình trạng thiếu tài liệu, ngay cả văn bản của các tác phẩm đôi khi chỉ được biết là có vì đã được nói đến trong một sách nào đó. Những bút tích liên quan đến đời sống tác giả càng hiếm hoi. Do đó có thể nghi ngờ tất cả các bộ lịch sử, văn học sử, văn hóa sử Việt Nam vì thiếu nghiêm chỉnh về tài liệu. Có ba bậc tiền bối: Cadière, Nguyễn Văn Tố, Lê Thọ Xuân đều được nhìn nhận là những nhà nghiên cứu nghiêm túc. Hình như cả ba không hề viết một bộ văn học sử hay lịch sử Việt Nam nào vì mỗi vị đều chỉ đã viết hàng trăm bài báo nhằm hiệu đính, chú thích về tác giả, tác phẩm, thời điểm làm ra...

Thật đáng lưu ý thái độ thẳng thắn của Như Hạnh, một nhà nghiên cứu Phật học, hiện dậy ở một đại học Hoa Kỳ đã ghi nhận không thể viết lịch sử Phật giáo Việt Nam, càng khó viết một lịch sử tư tưởng Phật giáo Việt Nam dựa vào văn bản và ông suy rộng ra ghi nhận trên cho các tôn giáo khác nữa.

Tuy nhiên có thể viết lịch sử đạo thiên chúa ở Việt Nam hay lịch sử đảng Cộng Sản Việt Nam vì những người Việt Nam theo đạo công giáo hay cộng sản tiếp thu được truyền thống sưu tầm, lưu trữ, khai thác các dữ kiện lịch sử của Tây phương. Người công giáo và người cộng sản đều có cả hai loại tài liệu, tài liệu công khai và tài liệu

nội bộ chưa hề được phát hiện hay công bố. Ngoài ra, dựa vào những tài liệu của công giáo và của đảng cộng sản, đặc biệt loại tài liệu chưa công bố, có thể viết lịch sử Việt Nam cận đại một cách tương đối có cơ sở kiểm chứng, từ thế kỷ XVII và lịch sử Việt Nam hiện đại từ 1930 đến nay. Có những cách tiếp cận và khai thác sử dụng loại tài liệu tôn giáo hay của đảng cộng sản không những về mặt lịch sử mà cả về những phương diện khác như lịch sử ngôn ngữ, lịch sử phong tục, lịch sử tâm lý v.v... Về tài liệu công giáo chỉ xin giới thiệu một nguồn tài liệu mà tôi gọi là Biên Niên Ngoại Sử gồm các thư từ của các thừa sai gửi về cho gia đình, cha mẹ, anh em, bạn bè, bề trên của mình. Loại tài liệu này cho biết:

- Về thời sự một cách cụ thể các biến cố chính trị mà chính sử bỏ qua, chẳng hạn chính sử chỉ ghi lại Minh Mạng mất nhưng không cho biết vì sao mất, đám tang được tổ chức ra sao và nhất là không nói gì về những tin đồn trong dân chúng nhân cái chết của ông vua này. Hoặc vụ Lê Văn Khôi xẩy ra ở miền Nam, những thư từ của thừa sai cho biết dân chúng một vùng ở ngoài Bắc nghĩ gì về vụ nổi loạn này. Vấn đề lý thú không phải ở chỗ dư luận đó đúng hay sai mà là có dư luận cho thấy ý thức chính trị của dân chúng vùng đó, thời đó là thế nào.

- Văn kiện triều đình. Nhiều văn thư được dịch nguyên văn như hịch Quang Trung khi chiếm Bình Định, tất nhiên bản gốc bằng Nôm, Hán hay quốc ngữ của những văn kiện này chắc còn được lưu trữ ở các nhà xuất bản thời đó.

- Đính chánh chính sử. *Biên Niên Ngoại Sử cung cấp những sự kiện chính xác cho phép nghi ngờ tài liệu chính sử ghi theo quan điểm chính thức của nhà nước.*

- Đời sống hàng ngày của dân chúng, nếp sống vật chất, ăn mặc, ở và nếp sống tinh thần, phong tục, văn hóa, tôn giáo v.v... Đây là điểm thú vị hơn cả vì những mô tả tập trung vào đời sống của dân quê ở cả ba miền, đặc biệt trong thời nội chiến, cảnh nghèo khổ, bất an, thiên tai, lụt lội v.v... Loại tài liệu này có đáng tin không? Có, vì đây là thư từ viết riêng cho người thân, không phải để công bố với người khác nên có mức độ trung thực cao. Sau này Hội Thừa Sai xin lại để xuất bản.

- Những tài liệu nội bộ của đảng Cộng Sản không công khai chính thức viết cho người khác đọc, chỉ để nói với nhau gọi là lưu hành nội bộ. Và ngay trong nội bộ cũng có nhiều cấp, cấp dưới, cấp trên, cấp lãnh đạo. Loại tài liệu này có mức độ trung thực khách quan. Không nên quên Marx là một trong những người đầu tiên sáng lập khoa xã hội học. Nhưng Marx chỉ nhận thức trong lý luận. Lénine mới

nhận thức để hành động, tranh đấu, do đó cần bám sát thực tế, phân tách thực tế, tìm cho ra những điều kiện quy định, những mâu thuẫn để đề ra đường lối chỉ đạo, phương châm hành động. Đòi hỏi phân tách thực tế là ưu tiên trở thành nề nếp, truyền thống và khi phân tách, trao đổi chỉ nhằm hiểu đúng thực tế trước mắt, không để cho tình cảm, lý tưởng, học thuyết kể cả mác-xít chi phối. Có lẽ đây là một trong những bí quyết thành công của người cộng sản. Vì ngay cả trong tình huống khó khăn tưởng chừng tuyệt vọng, rút cục vẫn tìm ra lối thoát và giữ thế chủ động. Những đánh giá hiện tại trước mắt, sau đó những đánh giá này trở thành lịch sử, thường có mức độ chính xác. Chẳng hạn bản phân tách mang tên Tìm Hiểu Tình Hình Công Giáo do một người nằm trong nội bộ công giáo Việt Nam viết trước 75, đã phân tách cơ cấu tổ chức giáo phận, hàng giám mục, họ đạo, các dòng tu, đảng phái chính trị, tâm tư, nguyện vọng của người công giáo, tình hình trí thức, sinh viên, học sinh v.v... Tôi là một đối tượng được đánh giá trong bài phân tách này, nhìn nhận là bài phân tách trung thực, sâu sắc vì người viết có trình độ kiến thức để hiểu những vấn đề thuộc lãnh vực tư tưởng, tôn giáo, giáo hội học v.v... Tôi nghĩ rằng những tài liệu nội bộ phân tách tình hình miền Nam 1955-1975, nếu được tiết lộ, buộc những người không cộng sản phải duyệt lại những thiên kiến của mình về thực tại miền Nam của chính mình. Tại sao những tài liệu kể trên chưa có thể được khai thác?

Việc tiết lộ những tài liệu này cũng tùy thuộc một phần vào thái độ của những người muốn tìm hiểu, nghiên cứu. Ví dụ Hội Thừa Sai Paris, đôi khi e ngại, dè dặt không cho coi những tài liệu văn khố cũ, còn lưu trữ vì không ai lại cung cấp tài liệu cho người đố kỵ thù ghét mình để thể hiện thái độ đố kỵ, thù ghét nhất là một cách sai trái; còn nếu chứng tỏ được ý định tìm hiểu, nghiên cứu không phải để tố cáo, kết án mà để hiểu được làm sao những lệch lạc, sai trái lại có thể xẩy ra trong một thời điểm nhất định nào đó để đưa ra những giải thích, rút ra những bài học lịch sử, nhằm mục đích xây dựng, thiết tưởng cánh cửa thư viện văn khố và cánh cửa lòng mới có thể mở ra.

Một vài đề nghị

Thành lập những thư viện và trung tâm tham khảo tài liệu tư nhân. Tính cách tư nhân có lẽ đảm bảo hơn việc lưu trữ quản lý do gia đình, hội đoàn văn hóa tôn giáo đảm nhận và thuận lợi hơn trong việc vận động, trao tặng, sang nhượng hay cho mượn sao chụp.

Trong nước đề nghị phục hồi Thư Viện Trương Vĩnh Ký. Chị Christine Nguyễn, chắt Trương Vĩnh Ký, đang vận động UNESCO tham gia phục hồi những văn bản mục, rách nát.

Phục hồi nhà xuất bản Nhà Sách Tân Định gọi là Trung Tâm Văn Hóa Tân Định. Hiện nay nơi này chỉ còn cái xác nhà nhưng có thể sưu tầm, phục hồi những sách báo đã in với sự đóng góp của Hội Thừa Sai Paris, cung cấp cả những văn khố của hội để tiện tham khảo ngay tại Việt Nam.

Bảo Tàng Viện Vương Hồng Sển: Tôi đã đưa đề nghị từ hồi 1989 được tán thành nhưng không rõ hiện nay gia tài văn hóa của ông Sển được xử lý ra sao? Tôi cũng đã trình bầy dự định thành lập Trung Tâm Văn Hóa Tân Định với những vị phụ trách thông tin văn hóa quận 3, năm 1987, được sự đồng tình nhưng cho đến nay chưa làm được gì cụ thể.

Ở nước ngoài, đề nghị phối hợp thành lập Thư Viện Hoàng Xuân Hãn - Tạ Trọng Hiệp ở Paris. Ở Hoa Kỳ, Thư Viện Nguyễn Khắc Kham (còn sống) và Trần Kinh Hòa (đã qua đời). Ở các nơi có đông người Việt, thành lập những trung tâm tham khảo tài liệu, sưu tầm, lưu trữ những bút tích của nhà văn, nhà báo, nhà nghiên cứu văn hóa và của các nhà làm chính trị, quân sự v.v... dưới dạng thư từ, bút ký, di cảo v.v... Ở Pháp mới thành lập độ 10 năm, một viện lưu trữ, văn khố của các nhà văn và nhà xuất bản (Institut des mémoires de l'édition contemporaine, IMEC), nhằm sưu tầm, lưu giữ các bản thảo, thư từ, liên lạc giữa những nhà văn với nhau hoặc giữa họ với nhà xuất bản. *Trung Tâm Tham Khảo Tài Liệu mở rộng sưu tầm các bút tích của các giới khác nữa.* Những trung tâm tham khảo tài liệu này thành lập những hội đồng khoa học, nhằm mục đích:

1. Giúp đỡ, hướng dẫn các sinh viên trong nước, ngoài nước, sinh viên du học hoặc tại chỗ, làm luận án về Việt Nam, lưu ý đến đòi hỏi có một quan điểm Việt Nam tránh tình trạng mà tôi gọi là Tây cha, Tây con, Mỹ cha, Mỹ con vì chỉ tìm tài liệu ở văn khố nước ngoài và chịu ảnh hưởng hướng dẫn, thường lấy quan điểm Tây phương làm gốc.

2. Sưu tầm thiết lập thư mục các luận án tiến sĩ về Việt Nam, giới thiệu nhận xét và tìm cách khai thác những luận án này, không để nằm an nghỉ trong quên lãng dưới lớp bụi của thư viện. Gần đây, con giáo sư Trần Văn Toàn làm luận án, đã khai thác được những bút tích của ông Nguyễn Mạnh Hà, nhờ quen biết nhưng những người không quen biết, làm sao biết được những vị nào có bút tích và ở đâu. Khi giáo sư Tạ Trọng Hiệp vừa nằm xuống, tôi đã kêu gọi những người có liên lạc thư từ với giáo sư, gửi về cho gia đình. Hiện nay nhà biên khảo

Hán Nôm Nguyễn Văn Hoàn, Viện Văn Học Hà Nội, đã đáp lại lời kêu gọi. Riêng tôi cũng giữ được tất cả các thư giáo sư Hiệp đã gửi cho tôi trong gần 20 năm và đã trao cho gia đình, mong để ở Thư Viện Tạ Trọng Hiệp. Qua những thư này, người đọc sẽ hiểu được tâm trạng, thao thức của một trí thức tha thiết với đất nước và văn hóa Việt Nam như thế nào, tình hình nghiên cứu Hán Nôm trong nước, ngoài nước và sau cùng, những dị biệt về chính trị trong một đối thoại giữa ba người ở Hà Nội, Sàigòn và Paris.

3. Gây ý thức về tình cảm dân tộc. Tài liệu, văn khố Pháp Mỹ mới mở gần đây cho thấy người Pháp, người Mỹ đã chủ trương gây chia rẽ thù địch ra sao giữa các xu hướng chính trị, tôn giáo, địa phương. *Trung tâm tham khảo tài liệu sẽ cho thấy người Việt Nam thường không tin nhau, không chịu ngồi với nhau để nói với nhau bằng ngôn ngữ mẹ cha, như mong ước của người sinh viên đã bỏ thi kể trên, mà chỉ tin người ngoài nên mới có những thảm cảnh mà người Việt Nam ngày nay bất cứ ở phe nào đều đã cảm nhận một cách đau xót.*

Mấy tháng trước khi qua đời, tôi gặp lại bác sĩ Trần Kim Tuyến sau 20 năm xa cách, nói chuyện về Phạm Xuân Ẩn, tâm tình hiện nay của một người làm tình báo đơn tuyến (chỉ tiếp xúc với một người trong phe mình, còn bạn bè, thân tình thì đều ở phía địch). Sau đó tôi được đọc trong những xấp thư ông gửi cho bạn bè có đoạn sau đây: "Tôi thường nói đùa với mẹ cháu, nhất là từ khi qua đây, kể ra thì trong đời tư của tôi, tôi đã nhờ ơn đảng ta lắm chứ; vì việc ra khỏi nhà tù thời Thiệu một phần cũng là nhờ cộng sản Phạm Ngọc Thảo về việc đi thoát được tối ngày 30/4/1975 một phần cũng là nhờ cộng sản Phạm Xuân Ẩn. *Không trách có người đồn ông Tuyến là cộng sản nằm vùng số một.*" Hiện nay có những tài liệu nội bộ về phía đảng, Ngô Đình Nhu, Ngô Đình Cẩn và Phật giáo thượng tọa Thích Trí Quang mà tôi đã đọc hay được nghe qua những tiếp xúc trực tiếp, gợi cho tôi ý nghĩ nếu những người Việt Nam thuộc ba quan điểm kể trên có thể thông tin với nhau hồi 1962-63 thì có thể đã tránh được vụ đảo chính 63 và chiến tranh mở rộng, vì trong thời điểm đó, cả ba quan điểm khác nhau đều có chung một quan điểm Việt Nam không phải quan điểm của người ngoài. Những tài liệu văn khố này có thể cho phép rút ra những bài học cho tương lai.

Một cách cụ thể, trong thời gian ở Paris, tôi đã tiếp xúc với gia đình giáo sư Tạ Trọng Hiệp, được cho biết kho sách báo tài liệu của

gíao sư đã đóng thùng; chỉ nguyên sách có trên 20 ngàn cuốn. Các con giáo sư hân hoan đón nhận ý định của bạn hữu thành lập Thư viện Tạ Trọng Hiệp. Tôi chưa tiếp xúc với gia đình giáo sư Hoàng Xuân Hãn.

Tôi có gặp Linh Mục Nguyễn Đình Thi, đứng đầu Hội Huynh Đệ VN, trao tặng ông một tài liệu liên quan đến ông. Hội có một trung tâm tài liệu về Đông Nam Á ở ngoại ô Paris (Montreuil+ có nhiều phòng cho khách tạm trú.) Tôi đã thông tin cho ông về dự định thành lập những thư viện, trung tâm tham khảo tài liệu. Ông chưa bày tỏ phản ứng.

Tôi đã tiếp xúc với hội Thừa sai Paris nêu dự định thành lập Trung tâm văn hóa Tân Định nhằm phục hồi các sách báo do các nhà xuất bản Tân Định, Qui Nhơn, Phú Nhai, Kê Sở (HàNam) Trung Hòa (Hà Nội), Nazareth ấn loát, phát hành và khai thác các sách báo, hồ sơ văn khố của hội ở Paris. Toàn bộ kho sách báo tài liệu này được coi như một vốn cũ không phải chỉ để tìm hiểu lịch sử du nhập đạo chúa vào VN, mà còn để tìm hiểu lịch sử VN, lịch sử văn học, văn hóa Việt Nam về các mặt khoa học tôn giáo, khoa học xã hội.Trung tâm này có thể đặt ở Paris và chủ yếu ở Sài Gòn để những người không đủ điều kiện (đặc biệt trong giới sinh viên) ra nước ngoài có thể tham khảo. Tôi gặp lại một số bạn quen biết được cho hay đã thành lập hội gọi là Việt Nam ký ức(Việt Nam/mémoires) có giấy phép hoạt động từ đầu năm 1999. Tinh thần, mục đích, đường lối hoạt động của hội tương tự những gì tôi mong ước dự định. Đặc biệt điều khoản hội tự coi như một trung tâm sưu tầm, lưu trữ tài liệu về VN nhằm phục vụ mọi người không phân biệt xu hướng xã hội và tự bản thân không có một chủ trương nào về chính trị, văn hóa.

Điều khác đáng lưu ý, hội có sự tham gia của người nước ngoài (Pháp) ngay cả trong ban điều hành. Điều này tạo thuận lợi cho việc gây qũy và đảm bảo hơn về quản lý hành chánh, tài chánh.

Sở dĩ tôi tha thiết vận động thành lập những thư viên, Trung Tâm tham khảo tài liệu. Đơn giản trước hết để giải quyết kho sách báo, tài liệu tôi sưu tầm lưu trữ từ trên dưới 40 năm nay. Tôi sẽ 70 tuổi vào năm 2000, bệnh nọ tật kia, nhiều bạn trẻ hơn đã ra đi trước tôi. Tôi đã giữ được hầu như nguyên vẹn kho sách báo, tài liệu của tôi qua những thử thách sau 1975 với những đợt kiểm tra, tiêu hủy sách báo cũ, và với vụ bị bắt giữ một thời gian. Tôi ngồi trong một xe chở nhiều chồng tài liệu kèm theo. Hôm sau, xe vận tải lớn đến chở kho sách. Nhưng rút cục, kho sách chỉ bị niêm phong và sau khi tôi được trả tự do, những tài liệu đem theo cũng được trả lại hầu như đầy đủ. Bây giờ, mối đe dọa không phải chính trị mà là không gian,thời gian, thời tiết.

Nhà tôi không đủ chỗ chứa, phải gửi chỗ nọ chỗ kia, nóng lạnh, ẩm ướt, mối mọt đã làm hư hại một ít; các con tôi không đứa nào tiếp tục cái nghiệp của bố chúng, mà còn luôn luôn muốn vứt bỏ những cái chúng coi là vô giá hiểu theo một nghĩa, còn tôi trái lại coi là vô giá hiểu theo một nghĩa khác.

Kho sách, báo, tài liệu của tôi, không thể bán, chỉ để trao tặng, nhất là mảng tài liệu, tôi có nhiều thứ đều do người quen hoặc không quen trao cho như thể ủy nhiệm cho tôi. Do đó, tôi sẽ trao tặng ưu tiên trong nước, sau đó ngoài nước.

Tôi đã nhận cộng tác với Vietnam/Mémoires ở Paris, nhưng cũng mong thành lập một VN/Mémoires tương tự ở Bắc Mỹ, vì Âu Châu thuận lợi hơn trong việc sưu tầm bút tích, chứng từ liên quan đến lịch sử Việt Nam từ thời Pháp thuộc và đến cuộc chiến tranh Đông Dương; còn Bắc Mỹ liên quan đến cuộc chiến sau 54. Và nhiều nhân chứng thuộc miền Nam Việt Nam còn sống; kể cả những người hiện bị khinh bỉ, mạt sát mà chưa thể lên tiếng, cũng cần dành cho có tiếng nói sau khi đã qua đời.

Tôi có nhận đươc thư ông Lê Đình Điểu gửi hồi tháng 12/98 loan báo việc thành lập "Người Việt Foundation" kèm theo phiếu đóng góp và bản thân ông sẽ đóng góp trong 5 năm số tiền 50,000 Mỹ kim, mà chưa nói rõ cụ thể phục vụ văn hóa thế nào. Tôi đã trả lời ông không có tiền và liệu tôi có nên bán kho sách báo tài liệu của tôi để có tiền đóng góp vào hội này không?

NGUYỄN VĂN TRUNG

Montréal 10 tháng 4 1999



HUỲNH HỮU ỦY

Nguyễn Đức Sơn: một đỉnh thơ kỳ dị và cô độc



Trong một bài viết về Bùi Giáng gần đây, tôi có nhắc đến một cô phong đỉnh của vòm thơ Việt hiện đại, đấy là tôi muốn đề cập đến Nguyễn Đức Sơn, cũng là một tài năng rất lạ lùng của nền thi ca đương đại của chúng ta. Cũng ngang ngửa với Bùi Giáng nhưng bước đi bằng một nhịp điệu khác, cũng tài năng lồng lộng và cuộc đời thì vô cùng kỳ cục, kỳ dị, kỳ quái, bao nhiêu chữ kỳ tìm thấy trong tự điển có lẽ đều dùng được để mô tả về chàng thi sĩ này.

Mấy năm cuối thập niên 50 và đầu 60, Nguyễn Đức Sơn xuất hiện như một hiện tượng ồn ào, ồn ào nhưng vẫn chất chứa, tiềm ẩn một cái gì đó rất sâu thẳm. Văn phong tài hoa, tư tưởng khiêu khích, thái độ ngông nghênh, vung tán tàn. Sau vài bài thơ được ghi nhận là đột khởi thành một dòng riêng biệt trên *Sáng Tạo* và *Văn Nghệ*, Nguyễn Đức Sơn đặc biệt xử dụng báo *Mai* của ông Hoàng Minh Tuynh như một diễn đàn thích hợp để gây nên bao nhiêu chuyện ồn ào, từ sáng tác văn nghệ cho đến cả những lời nhắn, lời rao trên mục hộp thư. Những truyện ngắn của Nguyễn Đức Sơn in trên báo Mai được chủ nhiệm Hoàng Minh Tuynh giới thiệu rất trang trọng, ưu ái, có nhiều biệt nhãn, như chuyện *Cái chuồng khỉ, Thiên đàng địa*

ngục hai bên[1] đã tạo nên một sự quyến rũ rất đặc biệt đối với lớp người đọc trẻ của một nền văn học trẻ. Thực sự thì cũng không có gì mới mẻ lắm về phương diện tư tưởng, mà chỉ xoay quanh một số chủ đề của triết học hiện sinh đang có một sức quyến rũ nồng nàn đối với giới văn nghệ và trí thức. Cái chính yếu là thái độ của Nguyễn Đức Sơn và văn phong của anh đã tạo nên cái hấp lực đặc biệt đối với người đọc của anh.

Mới đây, tình cờ mở quyển *Tự điển thi ca Anh-Mỹ-Việt* của Nguyễn Đình Tuyến xuất bản năm 1997 ở Houston, Texas, tôi thấy ông Tuyến xếp Nguyễn Đức Sơn vào khuynh hướng thơ hiện sinh, và để làm chứng cho điều đó, ông trích dẫn hai câu thơ dưới đây. Hai câu thơ này mặc dù còn non nớt và vụng về, viết lúc Nguyễn Đức Sơn còn ký bút hiệu *Sao Trên Rừng* vào những năm trước 60, tôi cũng xin trích dẫn lại ở đây để chúng ta có thể có một cái nhìn xuyên suốt về chàng thi sĩ này từ những bước chập chững cho đến ngày nay. Hai câu thơ ấy nói về sự vắng bóng của Thượng đế, Thượng đế đã chết, để con người có thể sống bằng tự chọn và tự do của mình.

Trông lên thượng đế đi rồi
Hỏi mây thái cổ con người vân vi
(Đêm Khơi)

Từ Nietzsche đến Kierkegaard, Heidegger, Camus, Sartre, rồi Dostoievski, những khuôn mặt đồ sộ ấy đã thâm nhập bầu không khí tinh thần và văn nghệ của miền Nam những năm trước và sau dấu mốc 1960. Nhân cách văn hóa của Nguyễn Đức Sơn là một sự cộng hưởng để hình thành giữa bầu khí thời đại và cá tính độc đáo mãnh liệt của anh. Nên khi đề cập đến những bước chân đầu tiên của Nguyễn Đức Sơn, bước vào cõi văn chương và làm ồn ào nhiều chuyện thì không thể nào không đề cập đến tình thế lúc đó.

Rất hẳn nhiên, tư tưởng hiện sinh là dòng chảy mạnh nhất, cuốn phăng phăng, đưa một số người đến với những nỗi ngờ vực, hoang mang, mất hướng. Chống lại định mệnh phi lý, họ lên đường đi tìm một ý nghĩa cho cuộc đời. Các thần linh đã chết, con người hiện sinh khẳng định sự tự do của mình. Cùng lúc, một số người khác lại chuyển động trên cuộc hành trình từ triết thuyết hiện sinh để đến với chủ nghĩa Marx, rồi đi lên rừng và tham dự vào cuộc chiến đấu giữa các bưng biền.

Nguyễn Đức Sơn, con người tự do và cô đơn ấy quyết liệt báng bổ thần thánh, nên rất dễ hiểu là anh đã nồng nhiệt giới thiệu và bình

luận về một tâm hồn đồng điệu: thi sĩ Tô Thùy Yên, người lên tiếng mạnh mẽ về chính nỗi cô đơn và sự tự do của con người. Bài giới thiệu ấy được in trên tờ *Mặt Đất* số 1 năm 1964[2], nếu tôi nhớ không nhầm, đã xoáy trọng tâm trên những dòng thơ của bài thơ T*hân phận của thi sĩ* của Tô Thùy Yên. Có lẽ chúng ta cũng nên đọc vài đoạn trích từ *Thân phận của thi sĩ* để sống lại phần nào bầu khí tinh thần và trí tuệ mà Nguyễn Đức Sơn đang hít thở, đăm chiêu và cưu mang lúc bấy giờ:

Cô đơn bằng Thượng Đế
Yếu đuối như linh hồn
Làm sao tôi trèo lên
Vực thẳm tờ bản thảo
Trắng im lìm giá băng

Ngó thấy tự đằng xa
Cuộc đời hàm tiếu thật
Tôi lỡ dại ôm ghì
Làm dập hoa, sướt gai
...
Có đọc thuộc Thánh thư,
Linh hồn tôi vẫn vậy.
Tôi vẫn không thể lạy
Dù đứng trước hư vô.

Đầu tôi cứng và trơn
Thượng đế làm sao ngự?
Tôi đành trốn chủ nợ
Định mệnh đòi linh hồn.

Năm tháng nhúng hoàng hôn
Đến rã rời thể xác
Tôi thấy đã mất mát
Tất cả trừ cô đơn.

Đọc Tô Thùy Yên khi nói về Nguyễn Đức Sơn tưởng như lạc đề, nhưng thực ra không phải vậy. Qua những dòng thơ trên, chúng ta càng dễ đến gần với Nguyễn Đức Sơn hơn bằng sự chia sẻ với không khí quanh anh lúc ấy. Chúng ta hãy đọc thêm chính những lời Nguyễn Đức Sơn tự nói về mình, in trên trang bìa tập thơ *Đêm Nguyệt Động* của anh: "Tác giả tự biết không một nơi nào trên trái đất này quạnh quẽ

đến đau thương, đau thương đến chỗ muốn tự sát, như trong lòng tác giả, cũng như không nơi nào có thống khổ mênh mông và cực lạc xa vời như trong hồn tác giả (...) Một buổi chiều trốn học lang thang trên bờ biển Nha Trang, thời niên thiếu, tác giả suýt nổi cơn điên khi trực nhận mãnh liệt cái quá ư ngắn ngủi của kiếp sống và từ đó đâm ra khật khùng cho đến nay."[3] Rõ ràng đó chính là bầu khí của những Meursault và Roquentin, cũng là những mối ám ảnh và tiếng vang khi rầm rì khi bùng nổ sôi sục từ một thế giới trầm thống của chiều sâu tâm lý phức tạp nơi "Anh em nhà Kamarazov," "Tội ác và hình phạt" hay "Hồi ký viết dưới nhà mồ."

Có một cái gì đó hoảng loạn, hoang mang của một tiếng kêu thương sâu thẳm. Rồi những biến động chính trị và cuộc chiến bùng nổ dữ dội vào những năm 60 cũng đặt ra nhiều câu hỏi cho giới văn nghệ và tuổi trẻ. Trên tất cả bối cảnh ấy, Nguyễn Đức Sơn đã tìm ra một cách phát biểu riêng biệt của mình: một hòa hợp giữa nhu cầu sôi sục của bản thân và đòi hỏi quyết liệt của xã hội, lịch sử, hóa giải những xung đột nội tâm của một tâm hồn cô đơn khốc liệt. Rồi cuộc cánh mạng tính dục như một giải phóng con người trước bao nhiêu bức bách đè nặng cũng góp phần rất nhiều trong sự hình thành tính cách tư tưởng và nghệ thuật của Nguyễn Đức Sơn, rồi sau cùng là chất thiền đạo lây lan và phát triển mạnh mẽ sau biến cố 1963, là một đáp ứng cao nhất, mặc dù hơi thời thượng, để gỡ ra khỏi ngõ bí càng lúc càng trầm trọng.

Trong *Văn Học Miền Nam Tổng Quan*, nhà văn Võ Phiến trích in lại mấy câu thơ của Nguyễn Đức Sơn, rồi đưa ra nhận xét có thể nói là rất xác đáng về Nguyễn Đức Sơn:

Anh sẽ đến bất ngờ ai biết trước
Miệng khô rồi nẻo cực lạc xa xôi
Ôi một đêm bụi cỏ dáng thu người
Em chưa đái mà hồn anh đã ướt
(Vũng nước thánh)

Và ở một bài thơ khác:
(...)
Hai đứa nhìn nhau bảo phải im ru
Em sắp đái và hồn anh chết cứng

"Giữa trời bể bao la, sao rơi sóng vỗ, ông vừa nằm vọc c... vừa suy nghĩ mông lung về lẽ huyền vi của vũ trụ v.v... Những cái như thế

không phải họa hoằn mới xảy ra. Nó xuất hiện đều đều trong thơ ông. Nó thành ra một đặc điểm của thơ ông, của tính khí, thái độ ông. Một thái độ thách thức, khiêu khích, chống đối, báng bổ thánh thần, thái độ của người méo miệng trợn mắt làm trò giữa cảnh cúng vái trang nghiêm, của người vất đồ dơ dáy lên những cái vẫn được xem là cao cả thiêng liêng.

Nếu chỉ lăng quăng gàn dở ngoài đời thì có thể đó là chuyện tính nết. Nguyễn Đức Sơn đưa nó vô trong thơ, cố tình ghép nó bên cạnh cái cao siêu, vĩ đại, thì đây không là nết riêng nữa mà là một thái độ tinh thần. Thái độ Tản Đà rất ngông, Nguyễn Đức Sơn cũng ngông; Tản Đà ngông trong thơ mộng, Nguyễn Đức Sơn ngông mà ngỗ nghịch, phá phách"[4].

Nhận xét trên rất hay nhưng những chữ *"ngông mà ngỗ nghịch, phá phách"* để mô tả Nguyễn Đức Sơn trong văn chương và cả ngoài cuộc đời thì tôi sợ rằng chưa đủ. Tôi muốn nói thêm rằng Nguyễn Đức Sơn là một cái gì đó rất kỳ cục, kỳ quái mà lại chất chứa một chiều sâu thâm viễn và u áo.

Dục tính là ngưỡng cửa bí hiểm và khủng khiếp nhất của con người và trời đất. Ngưỡng cửa mà cũng là lằn ranh, là biên giới. Khi bước qua được ngưỡng cửa ấy, con người sẽ thư thái hay xuất thần bước vào một cảnh giới khác. Khi Nguyễn Đức Sơn viết bài thơ chỉ có ba chữ, viết thành hai dòng *Hột/thì le* thì quả là quá khủng khiếp, anh đã thu tóm tất cả yếu chỉ tông nguyên của trời đất, vũ trụ vào trong ba chữ ấy. Mọi hạt mầm đều phải nứt vở để phát triển sự sống; đó là yếu tính sinh sinh hóa hóa của đất trời, của vũ trụ, vạn vật. Nguyễn Đức Sơn đang còn hệ lụy, vướng bận trên bờ ranh ấy, nửa bên này nửa bên kia, vẫn còn phải bơi lội giữa dòng dục lạc và còn một chút xíu nữa thì sẽ đáo bỉ ngạn để bước qua một chân trời khác. Khi anh viết bài thơ dưới đây ở cái tuổi của một thanh niên sung sức vừa mới lớn, anh có vẻ như đang chuẩn bị cho một bước nhảy bằng cả sinh mệnh đời mình với đầy cảm hứng sung mãn:

Đầu tiên tôi thở.cái phào,
Bao nhiêu phiền não như trào ra theo
Nín hơi tôi thở cái phèo
Bao nhiêu mộng ảo bay vèo hư không
Sướng nên tôi thở phập phồng
Mây bay gió thổi trời hồng muôn năm
Mai sau này chỗ tôi nằm
Sao rơi lạnh lẽo âm thầm biển ru[5]

Cứ mãi bước đi giữa cái hoang vắng ấy, ăn ngủ hít thở với cô tịch còn nhuốm màu bản năng, rồi cũng đến lúc anh hoát nhiên đại ngộ. Vứt bỏ hết tất cả, chẳng còn chút trói buộc nào, anh sống và cảm cái huyền diệu của trời đất, đối đầu với cái hư vô, cái không cùng vô thủy vô chung. Mặc dầu chữ nghĩa, cách diễn đạt và ý niệm hiện đại, bài thơ dưới đây vẫn nằm trong dòng thơ thiền, và riêng tôi, tôi cảm thấy rằng đây là một trong những bài thơ rất hay của dòng thơ thiền từ thời Lý-Trần cho mãi đến ngày nay.

Khi thấm mệt tôi đi luồn ra núi
Cuối chiều tà chỉ gặp bãi hoang sơ
Bước lủi thủi tôi đi luồn vô núi
Nghe nắng tàn run rẩy bóng cây khô
Chân rục rã tôi đi luồn ra núi
Hồn rụng rời trước mặt bãi hư vô[6]

Nguyễn Đức Sơn đã ngộ ra lẽ vô thường nhưng anh không an nhiên bước tiếp giữa cõi tĩnh lặng. Anh mặc chiếc áo nâu sồng của thiền sư nhưng chắc chỉ là để "giả dạng qua truông" sau khi đào thoát khỏi một trại lao công đào binh ở tiền tuyến vùng Tây Nguyên. Anh trở lại với cái xã hội ồn ào rồi vẫn quất queo, hùng hục giữa cái thế giới cô độc của anh. Có lúc nhẹ nhàng, khinh khoái, nhưng thường xuyên vẫn là cay đắng, cô độc, sổ toẹt hết tất cả mọi thứ trên đời, đánh sập hết mọi bảng giá trị, lúc dữ dội nhất thì gần như thù hằn xã hội, văn minh và văn hóa của loài người.

Ông Võ Phiến đã trích dẫn một ý kiến vô cùng đặc sắc của kịch tác gia và nhà viết tiểu luận Bửu Ý về Nguyễn Đức Sơn, vẽ lại bóng dáng Nguyễn Đức Sơn như một con tê giác cô đơn: "Hình ảnh của con tê giác, từ tính tình đến cách ăn nói, dáng đi... Đơn độc quất queo. Dã man nghiệt ngã. Chỉ thong dong ở chốn không người: rừng và biển." Võ Phiến cho biết Nguyễn Đức Sơn đã xem đó như một lời tri kỷ[7].

Nguyễn Đức Sơn có một hiểu biết rộng rãi và sức cảm sâu, sắc bén, tinh vi về văn chương, nghệ thuật nhưng anh lại phủ nhận tất cả. Trong đời sống, anh cũng thường xuyên và hung hăng nói chuyện này chuyện khác, đặc biệt là chuyện chính trị, nào là lực lượng thứ ba, các nước phi liên kết, nào là Á Phi và Châu Mỹ La Tinh, nào là Mặt Trận Giải Phóng. Anh nói với tôi là ông Nguyễn Hữu Thọ gửi thư mời anh ra khu, anh nhận lời nhưng rồi không đi, tôi không biết điều này có thực hay không vì tôi không kiểm chứng được. Thái độ của anh là bao giờ cũng đứng về phía những người yếu, người bị đàn áp nhưng thực

chất thì anh là một con người vô chính phủ. Mới ngày hôm trước, tôi có cảm giác anh là người của Mặt Trận Giải Phóng thì chỉ ngày hôm sau, sau 30.4.75, anh là người đầu tiên đi loan những câu ca dao, hò vè chống Cộng, anh đến gặp tôi và cho biết tin tức về những chuyến xe bí mật chở những sĩ quan chế độ cũ đi đâu mất tiêu vào giữa đêm tối bí mật. Có một hạng người sinh ra đời để gánh chịu số phận của người bị đàn áp, hay họ luôn luôn là người chống đối, đó chính là trường hợp Nguyễn Đức Sơn.

Chống đối mà không có hàng ngũ nào để đứng vào nên bao giờ cũng là một kẻ thất thế. Sự thất thế đó chính là chọn lựa quyết liệt nhất của Nguyễn Đức Sơn. Mà hơn thế nữa, tổng hợp nhận xét của Võ Phiến và Bửu Ý đã trích dẫn ở bên trên, tôi xin thêm một chút xíu nữa: Nguyễn Đức Sơn là một con người lúc nào cũng thủ ở tay một nắm đá hay một gói đồ bẩn thỉu cả theo nghĩa đen và nghĩa bóng để sẵn sàng ném vào những tượng thần, tượng lãnh tụ hay những tên khổng lồ. Năm 1971 hay 72 gì đó, nhà xuất bản An Tiêm in một tập thơ của Nguyễn Đức Sơn theo thể nhịp hai, viết mỗi câu hai chữ, đại khái về hình thức thì gần như bài *Sương Rơi* của Nguyễn Vỹ thời tiền chiến. Tập thơ ấy là một tuyên ngôn văn hóa chính trị của Nguyễn Đức Sơn, rất dữ dội, ương ngạnh, trâng tráo và dị hợm giữa lúc hòa đàm Paris đang tiến hành và sắp đến hồi kết cuộc. Trong tập thơ ấy, tôi còn nhớ mấy câu rất mạnh:

Địa cầu
Địa cầu
Lãnh tụ
C... lỗ

Những câu thơ của Nguyễn Đức Sơn được viết ra như thế thì làm sao Hà Nội chịu đời cho thấu, nên trên chương trình văn nghệ gửi vào Nam của đài Hà Nội, Thái Ngọc San, một người bạn cũ đã có thời lang thang giang hồ với anh ở Bình Dương, kết án anh rất nặng nề. Trên tờ *Mặt Đất* số 1, Thái Ngọc San đã từng in bài thơ *Ngày trở lại căn nhà cũ* nói về một căn nhà hoang vắng có lẽ là nơi T. N. San và Nguyễn Đức Sơn từng lưu trú, căn nhà hiu hắt, tiêu điều với những con rắn mối, thạch sùng tới lui trên vách. Sau năm 75, Thái Ngọc San có viết một truyện ngắn về cuộc đời Nguyễn Đức Sơn cũng khá hay trên tạp chí *Sông Hương* ở Huế. Mà đời Nguyễn Đức Sơn thì chỉ mô tả lại là đủ hay rồi, không cần phải thêm thắt gì cả, có lẽ vì thế mà Nguyễn Đức Sơn nửa đùa nửa thực bảo rằng tờ báo phải trả nhuận bút truyện ngắn ấy

cho anh mới đúng chứ sao lại trả cho Thái Ngọc San.

Sau năm 75, Nguyễn Đức Sơn viết khá nhiều, nghe nói có đến mấy ngàn bài thơ và đều được anh chôn giấu rất kỹ, nơi một hang hốc nào đó trên vùng rừng núi Di Linh, Bảo Lộc hay gần khu Am Phương Bối. Anh có chép tặng tôi mấy bài, nhưng hoàn cảnh của tôi cũng không được mấy yên ổn nên không giữ được. Tôi còn nhớ loáng thoáng một bài thơ ngắn, không nhớ được rõ ràng từng chữ từng lời nhưng cũng chép lại ở đây, chỉ cốt giữ lấy cái ý mà thôi.

Bài thơ này chỉ là ba câu rất ngắn, gay gắt, sắc cạnh nhưng vẫn rất thơ mộng:

Đ.m. cây bông hồng
Mày không lao động
Sao mày vẫn trổ bông (*)

Cây bông hồng trổ ra đóa hoa tươi thắm rực rỡ là một triển nở tự nhiên. Đó là con đường của thơ, của đạo, con đường trở về với bản thể tự nhiên. Đừng hỏi tại sao đóa hoa kia nở rực, đừng hỏi tại sao con chim xanh ngửa cổ đứng hót trên cành, cũng đừng hỏi tại sao người thơ ấy đã viết những vần thơ bất tuyệt giữa niềm cô đơn tịch lặng thăm thẳm. Tôi nhớ đến một câu thơ của Hölderlin *Bông hồng nở ra vì nó nở ra một cách tự nhiên*, hay một dòng thơ khác trúc trắc cầu kỳ của Gertrude Stein *Đóa hồng là một đóa hồng là một đóa hồng là một đóa hồng*. Nhưng ở đây, đóa hồng tuyệt đẹp và cao quý ấy đã bị kết án. Phía sau lời kết án ấy, chúng ta chỉ còn thấy một toàn cảnh xô xảm, ảm đạm đến cùng cực. Ở đó, cái tươi mát của cảnh vật và nội tâm đã hoàn toàn tan vỡ, trên mặt đất chỉ còn là một thế giới của gian trá, áp bức, tội lỗi, tàn ác và xuẩn ngốc.

Thời tiền chiến, Nguyễn Vỹ viết bài thơ *Sương Rơi*, bài thơ cũng có cái mới của nó khi xuất hiện trên thi đàn nhưng chẳng gây được cảm xúc gì lắm, đến Nguyễn Đức Sơn thì khác hẳn, thể thơ hai chữ đã hiện ra rất tài tình trong từng chữ, từng lời. Điều quan trọng hơn hết thảy không phải chỉ là kỹ thuật, âm vận mà chính là cái hồn thơ. Chữ và lời và thi ảnh đã pha trộn, nhào nắn bằng một tâm hồn thơ mộng mà thành khẩn đến khốc liệt, bằng một kỹ thuật rất điêu luyện nên đã mang lại cho chúng ta những bài thơ tuyệt diệu. Dưới đây là một trong những bài thơ hai chữ ấy.

Hẹn một
Ngày vui

Anh đui
Em dắt
Réo rắt
Đàn kìm
Tiếng chìm
Tiếng nổi
Ăn xổi
Ở thì
Ta đi
Hát dạo
Nắm gạo
Tang thương
Nắm xương
Lạc phố[8]

Chỉ có 32 chữ được xếp trong 16 dòng mà lại gợi lên một cảnh tượng sống động vô song, gây cảm xúc vô bờ cho những ai còn có chút lòng khi ngoái đầu nhìn lại. Bốn câu cuối tuyệt hay làm chấn động tâm hồn người đọc. Đó đâu phải chỉ là cảnh đời của tác giả, mà chính là bức tranh của đất nước được vẽ phác lại trong một đôi nét, là một biểu ý rất mạnh. Tôi nhớ đến Cao Bá Quát và Đỗ Phủ khi đọc bài thơ này.

Đầu năm 1995, trên số báo tân niên *Thế Kỷ 21*, tôi được đọc hai bài thơ mới của Nguyễn Đức Sơn giai đoạn sau này. Tôi chép lại ở đây nguyên xi cả hai bài[9] để những ai trước đây chưa được đọc Nguyễn Đức Sơn có thể thấy và biết được thêm đôi chút về anh.

(Chưa Có Đề)
Đêm xưa núp dưới đại hồng chung
Hai đứa chơi nhau sướng phát khùng
Khí chảy thấm nhuần thân hữu hạn
Tinh ra tan biến trí vô cùng
Cần gì em bấu không nghi hoặc
Mặc kệ anh ôm chẳng ngại ngùng
Rắn rết (*) vẫn bò quanh cổ tự
Trăng mờ đổi nhỏ bóng ung dung

(*) Rắn rết: Không cố ý ám chỉ thực dân và cộng sản (chú thích của Nguyễn Đức Sơn).

Nhu Cầu Bức Xúc Của Thời Đại
Có những ngày
Sao ta không muốn làm gì cả
Gò mả
Hết muốn chào
Gái nhảy ào ào
Hết muốn tránh
Trời có đánh
Cũng hết muốn né
Này cóc núi lang thang
Lặng lẽ trở về hang
Dạy ta ngáp
1993

Tôi nghe một số bạn hữu khen hai bài thơ này hay và quý, nhưng theo tôi bài thứ nhất chỉ là một bản cliché của thơ Nguyễn Đức Sơn 30 năm trước, lặp lại một cách nghèo nàn và nhàm chán. Chỉ có cái chú thích chữ *rắn rết* là đặc biệt, biểu lộ được vẻ tinh nghịch cố hữu của anh. Cái chú thích này đáng được khuyên một điểm son, nó cứu được bài thơ đã gần như sắp tàn rã hay thành một vật phế thải. Cơn bão thời đại dữ dằn thổi qua cả mấy chục năm nay mà vẫn chưa ngưng dứt, cả một dân tộc đang sống trong cảnh tang thương chưa từng thấy, mà chính Nguyễn Đức Sơn và gia đình anh cũng đã đổi thay hoàn toàn, cái gia đình nhỏ ấy đã trở thành một lũ người rừng và dường như còn liên hệ rất ít với xã hội, tôi tự hỏi Nguyễn Đức Sơn còn hứng thú gì để viết nên những dòng như vậy?

Về bài thơ thứ hai, ngay từ cái đề đã hay rồi. Nguyễn Đức Sơn dùng một cụm từ rất thời thượng mà rỗng tuếch *"Nhu cầu bức xúc của thời đại"* để đập mạnh vào giác quan người đọc. Rồi dẫn theo đó là mấy hình ảnh vừa tinh nghịch, hài hước, vừa chán chường, ngao ngán, thê lương. Ba câu cuối: *Này cóc núi lang thang / Lặng lẽ trở về hang / Dạy ta ngáp* cô đọng như một bài thơ hài cú, đọc thực là thú. Nguyễn Đức Sơn bao giờ cũng vậy, anh rất thành công trong sự độc đáo lạ lùng và kỹ thuật vững chắc của mình.

*

Bao giờ nghĩ đến Nguyễn Đức Sơn, tôi đều nhớ ngay đến Nguyễn Đức Sơn trong chiếc áo nâu sồng với khuôn mặt có đôi chút kỳ dị, đạm bạc và đạo vị, mang một cái túi vải đựng mấy tài liệu riêng gì đó, cái

kèn harmonica, một quyển nhật ký đóng bìa cứng rất đẹp mà ngày nào anh cũng có ghi chép đôi điều vào đó. Trong cái túi vải ấy thường cũng lấp ló thò đầu ra một con chó nhỏ, có lẽ là giống chó fox. Con chó này cũng khá tội nghiệp, gắn liền với Nguyễn Đức Sơn nên phải sống một cuộc đời kỳ dị quái đản không kém gì thượng thừa thi sĩ chủ nhân. Nó chỉ được nuôi bằng chế độ dinh dưỡng đặc biệt, ngày nào cũng chỉ thấy chay tịnh ổi, xoài, mít, lúc nào sang trọng lắm thì được bồi dưỡng thêm một hai muỗng sữa chua đông lạnh vẫn bày bán ở các xe kem đầu đường. Họa sĩ Chóe có vẽ một bức chân dung Nguyễn Đức Sơn với con chó này bằng bút sắt rất đẹp, tôi chưa thấy in ở đâu cả, hy vọng là Nguyễn Đức Sơn còn giữ được vì anh khoe với tôi là anh giấu cất mấy chục quyển nhật ký và thơ của anh rất cẩn thận, cái phác thảo bằng bút sắt ấy của Chóe hẳn là cũng nằm trong số những thứ chôn giấu ấy.

Hồi trước năm 75, có một giai đoạn tôi gặp anh thường ngày, ngày nào tôi cũng thấy anh lọc cọc đạp xe lên Bình Dương, không biết để làm gì, tôi không tiện hỏi vì không muốn nhòm ngó vào sinh hoạt riêng của anh. Với chiếc áo nâu sồng, anh đi qua những trạm gác quân sự dễ dàng mặc dù đang trốn lính, trong tay chẳng có giấy tờ tùy thân gì hết. Trên đường đi mà nếu gặp những nhánh củi khô, những chiếc guốc gỗ cũ thế nào anh cũng dừng lại nhặt lên, và về đến nhà thì anh đã có một bó củi đầy, đủ để đun nấu trong nhiều ngày. Thêm một điểm đặc biệt nữa của Nguyễn Đức Sơn mà có lẽ ít người biết, là anh rất để ý đến đời sống tự nhiên, sinh hoạt của chim chóc, những giống cá trong các ao hồ và cây cỏ lạ. Anh nói với tôi là bộ *Cây Cỏ Miền Nam* của g.s. Phạm Hoàng Hộ còn thiếu sót nhiều, anh đã bổ túc thêm vào một số. Dĩ nhiên là anh chỉ làm việc đó vì nhu cầu riêng của anh chứ chắc là giáo sư Phạm cũng không biết đến. Tôi không biết chuyện này có đúng hay không vì anh không đưa những ghi chú này cho tôi xem, nhưng tôi tin là thực, ít ra cũng là thực trong cái thế giới nhiều quái dị và ảo mộng của anh, nghĩ là thực thì đã là thực rồi.

Nguyễn Đức Sơn ngổ ngáo và gây hấn hết với mọi người nhưng dường như chẳng ai ghét anh. Người đồng thời cùng trang lứa như Trịnh Công Sơn và Bửu Ý, lớn tuổi hơn một chút là Võ Phiến, tỏ vẻ rất yêu mến anh. Thái Tuấn xem anh là bạn thân. Một số nhà văn hóa lão thành như Giản Chi, Nguyễn Hiến Lê, Nguyễn Đăng Thục thì tỏ ra quý trọng anh một cách đặc biệt. Nxb Mặt Đất vừa mới bắt đầu hoạt động thì đã được học giả Nguyễn Hiến Lê tin cậy giao in tác phẩm *Những vấn đề của thời đại*, và g.s. Nguyễn Đăng Thục thì nhờ in quyển Phật *Giáo Việt Nam*, và nếu không có biến cố 75 thì chắc chắn đã in một vài

tập sách gì đó của cụ Giản Chi. Giữa những người giao du vong niên với Nguyễn Đức Sơn, có lẽ Giản Chi là người để mắt xanh đến Nguyễn Đức Sơn nhiều nhất. Trong một bữa ngồi uống trà ở nhà cụ Giản Chi, 80 Hoàng Diệu, Khánh Hội, tôi thấy cụ và Nguyễn Đức Sơn nói chuyện rất tương đắc, tri kỷ. Đặc biệt phải nhắc đến ông Thanh Tuệ, giám đốc nhà xuất bản An Tiêm, có lẽ là người yêu mến, quý trọng và chịu đựng Nguyễn Đức Sơn nhiều nhất.

Ngày hôm qua, trên tờ *Hợp Lưu* số mới nhất (số 46, tháng 4 và 5, 1999), trong một trò chơi có giải thưởng của nhà xuất bản *Minh Văn*, tôi đọc thấy một bài thơ của Nguyễn Đức Sơn, tôi chép thêm vào đây để kết thúc bài tiểu luận, tôi xin phép bỏ bớt hai câu vì thấy không cần thiết trong văn mạch của bài viết này. Bạn đọc nào muốn đọc hết cả bài thơ thì hãy lật báo *Hợp Lưu* mà xem, số đã dẫn, trang 241.

Mắc đái là mắc đái
Làm thơ cũng cùng hình thái
Không còn chi để phải nói lại
...
...
Trong khi thơ rụng như cây chín trái
Khôn ngoan ta đưa tay hái.

Cuộc đời của Nguyễn Đức Sơn gắn bó với thơ một cách vô cùng sâu thẳm. Có thể nói thơ chính là sinh mệnh của anh. Thoạt nhìn, cái thế giới thơ ấy có vẻ phức tạp, nhiêu khê, cầu kỳ, bí ẩn, mà rồi tất cả đều hóa ra giản dị, tuôn chảy tràn đầy và rơi rụng sung mãn.

Anh nhặt lấy hoa trái của thơ chất đầy túi trên con đường đi về cõi không cùng.

Viết bài này để tặng bạn Nguyễn Đạt
và Phan Quốc Sơn, đầu tháng 4-1999.

HUỲNH HỮU ỦY

CHÚ THÍCH:

(1) Các truyện ngắn của Nguyễn Đức Sơn được gom lại và in thành hai quyển *Cát bụi mệt mỏi* (1968) và *Cái chuồng khỉ* (1969), đều do An Tiêm xuất bản.

(2) *Mặt Đất*, tạp chí văn nghệ do chính Nguyễn Đức Sơn chủ biên, ra được hai số,

mỏng dính trên tay người đọc vì chỉ là một tờ nhật báo 8 trang xếp đôi lại.
(3) *Đêm nguyệt động*, An tiêm xb, Sàigòn 1967. Dẫn lại trong *Văn Học Miền Nam tổng quan* của Võ Phiến, Nxb Văn Nghệ, California, 1986.
(4) *Văn Học Miền Nam Tổng Quan*, sđd, trang 118.
(5) *Một mình nằm thở đủ kiểu trên bờ biển* trong *Những bài tình đầu*, tập III, Mặt Đất xb, 1965. Trích lại trong *Văn Học Miền Nam Tổng Quan*, sđd, trang 235.
(6) Nguyễn Đức Sơn, *Một mình đi luồn vô luồn ra trong núi chơi*. Tạp chí Văn, Sàigòn, số ra ngày 1-3-70, dẫn lại trong Võ Phiến, sđd, trang 117. Bài thơ này, cũng như bài *Thược Dược* của Quách Thoại và tập văn xuôi *Nẻo về của ý* của thiền sư Nhất Hạnh là những tuyệt tác hiếm hoi của dòng văn học thiền trong vài chục năm vừa qua. Luôn thể, tôi xin chép lại bài *Thược Dược* qua trí nhớ:

Thược Dược

Đứng im ngoài hàng dậu
Em mỉm nụ nhiệm mầu
Lặng nhìn em kinh ngạc
Vừa thoáng nghe em hát
Lời ca em thiên thâu

Ta sụp lạy cúi đầu.

(7) Võ Phiến, sđd, trang 302.
(8) Nguyễn Đức Sơn, *Mơ về thành phố Hồ Chí Minh*, tạp chí *Diễn Đàn*, Paris, số 1.9.1993.
(9) Nguyễn Đức Sơn, (*Chưa có đề*) và *Nhu cầu bức xúc của thời đại*. Tạp chí *Thế Kỷ 21*, California, số 70, tháng 2.1995.
(*) Một người bạn cho tôi biết, bài thơ này trước đây đã được in trên một tạp chí ở hải ngoại. Anh đọc lại cho tôi nghe, và tôi cũng xin ghi lại ở đây như một dị bản trước khi chúng ta có dịp kiểm chứng để có một bản gốc chính xác:

Đ.m. cây bông hồng
Nếu mày không lao động
Không cho mày trổ bông.



NGUYỄN HỮU LÊ

Triết lý "ba phải"(1) trong văn học và vấn đề mối quan hệ giữa người viết và người đọc.



Câu nói cửa miệng của dân gian:"Sư nói phải, vãi nói hay" thường được hiểu như là một loại triết lý xuề xòa, hòa cả làng, nói xuôi cũng được, nói ngược cũng xong. Người Việt đặt tên cho hạng người không có chính kiến, hay "theo đuôi" này là "đồ ba phải" hay "ông ba phải". Đã có lúc tôi cũng đinh ninh là câu tục ngữ kia chỉ có một nghĩa như đã nói.

Cho đến một hôm nhàn rỗi, đọc lại câu trên một cách thảnh thơi và "trung tính", tôi chợt giật mình và đặt câu hỏi:"Tại sao xưa nay ta cứ cả tin vào một cách giải nghĩa?". Rõ ràng câu nói có hình ảnh trên có thể chứa cái nghĩa đã suy diễn, có thể không, hoặc còn hàm chứa các ý nghĩa khác? Tại sao ta không có quyền tin ngay vào cái nghĩa đen của nó: "Sư nói (cũng) phải, vãi nói (cũng) hay" mà cứ nhất thiết phải suy diễn. Nghĩa hàm chứa trong câu nói giản dị này là khuyên người ta suy ngẫm, đừng vội cả tin ngay một phía. Tự kiểm duyệt lại mình, tôi chợt nhận ra cái định kiến có sẵn không chỉ thuần túy là một cách suy diễn ngẫu hứng. Nó bắt nguồn từ một truyền thống nhất nguyên trong tư duy: Lẽ phải chỉ có một.

Lối tư duy một đúng một sai , một phải một trái, một chính một tà, một ngụy một chân, một sáng một tối... đã làm hậu thuẫn vững chắc

cho một lối suy diễn. Loại chân lý này chỉ đúng trong sách vở hoặc phòng thí nghiệm. Nó không có chỗ đứng trong cuộc đời muôn màu muôn vẻ. Khi muốn lược đồ hoặc đơn giản hóa vấn đề, người ta cứ mổ xẻ phân tích theo kiểu chú giải một nghĩa vừa dễ lọt tai lại đỡ rắc rối. Nhưng sự đời thường lại không đơn giản như thế.

Theo tôi, "sư nói phải , vãi nói hay" có thể hiểu như là một triết lý thông minh về "nhiều khả năng có thể của lẽ phải hoặc chân lý". Trong cùng một vấn đề, đứng trên điểm nhìn này là phải, đứng trên điểm nhìn khác là trái; phải trong tình huống này, lại trái trong tình huống khác. Khả năng nhiều lẽ phải hoặc nói theo cách nói gọn của dân gian "ba phải"(Xin đừng hiểu số ba này như một khái niệm của hệ đếm theo nghĩa chính xác) hoàn toàn có thể hiểu là một cách nhận thức nghiêm túc. Nó được thừa nhận một cách phổ biến hiện nay, và có mầm mống từ hàng ngàn năm trước trong lịch sử. Triết lý "ba phải" không chỉ được dùng để nhận thức chân lý mà còn đúng trong việc chuyển dịch để thẩm văn. Trong cái hay có cái dở, trong cái ngỡ như hoàn hảo có cái bất toàn, trong cái cao cả có cái thấp hèn, trong cái đạo đức có cái phi nhân.

Trước đây, khi còn ngồi trên ghế nhà trường, tôi vẫn thường được truyền dạy một cách hiểu về Truyện Kiều. Nó là bản "cáo trạng" chế độ phong kiến. Đó là lối tư duy nặng nề kinh viện của thói quen chỉ có một lẽ phải. (Xin được gọi tắt là "một phải") Về sau, trong một lần điều tra xã hội học, chúng tôi mới vỡ ra rằng dân gian không hiểu như thế. Các cụ già thì mê Kiều là mê cái đạo lý "trung hiếu tiết nghĩa", cái hiếu thảo của cô Kiều. Lớp trẻ hơn thì mê cái "Xăm xăm băng lối vườn khuya một mình", cái táo bạo, dạn dĩ vượt ra ngoài vòng lễ giáo. Trong lịch sử phê bình, nàng Kiều cũng lên bổng xuống trầm, kẻ khen hết mực người chửi hết lời.

Điều đáng ngờ dễ nhận ra là không ai có thể tiếp cận Truyện Kiều theo truyền thống "một phải" mà không phạm sai lầm. Bởi vì Nguyễn Du không sáng tác truyện Kiều theo những luận đề đạo lý hoặc triết lý có sẵn. Vẫn là đề tài đạo lý "trung hiếu tiết nghĩa" nhưng nó đã bị biến dạng dưới các điểm nhìn khác nhau giữa "thường" và "biến", giữa sách vở và cuộc đời. Kiều trong cơn gia biến nếu cố chấp "chung tình" với Kim theo nghĩa đen chặt chẽ lại sẽ là bất hiếu với cha mẹ. Chọn chữ hiếu thì đành bội thề, là đánh rơi chữ "tiết". Trong hoàn cảnh nghiệt ngã chỉ có một lối chọn cho lẽ phải thì cuộc đối thoại giữa khả năng có nhiều cách hiểu về lẽ phải được đặt ra bàn cân và khả năng nào cũng có lý trong cái phi lý. Khả năng nào cũng có thể đúng mà không phải là ngụy biện. Cuộc đối thoại giữa những logig

nghiệt ngã của đời và mực thước của đạo trong Truyện Kiều đã tạo ra nhiều tầng nghĩa trong tiếp nhận của công chúng qua các thời đại.

- Triết lý "ba phải" và hoạt động sáng tạo của nhà văn:

Trong sáng tạo nghệ thuật, triết lý "ba phải" (Nhiều khả năng của lẽ phải) cũng chi phối quá trình biến đổi quan niệm của nhà văn về cuộc sống. Trong văn học cổ trung đại Việt Nam, Truyện Kiều là tác phẩm hiếm hoi, nếu không muốn nói là duy nhất đưa lên bàn cân cái triết lý nhiều khả năng của lẽ phải.(Mầm mống của triết lý này có thể còn hiện diện trong tích cổ Mỵ Châu-Trọng Thủy hoặc một số tác phẩm khác chịu sự chi phối mạnh của đạo lý hồn nhiên dân gian). Dẫu sao , ở xứ ta, lối giãi bày cuộc sống như là những nghịch lý (so với đạo lý hoặc triết lý học thuyết) vẫn cứ xa lạ với cái cố chấp của truyền thống. Rốt cuộc thì người ta vẫn cứ đọc truyện Kiều theo lối tư duy "một phải". Nghĩa là có bao nhiêu lượt đọc truyện Kiều cũng không thể khép kín các cách hiểu và cách hiểu nào cũng tự tìm cho mình một kiểu thước đo để khẳng định chân lý.

Trong thời đại chúng ta, truyền thống "một phải" có cơ tái xuân và sinh sôi nẩy nở. Tư tưởng chính thống chính là mảnh đất mầu mỡ cho khả năng hồi sinh đó. Nhiều nhà văn xứ ta cứ đổ vấy cho kiểm duyệt nhưng lại quên rằng kẻ kiểm duyệt đắc lực và tin cậy nhất lại nằm trong chính mình. Trong truyện ngắn "Đi tìm cái đã có" mới xuất hiện gần đây trên tạp chí Hợp Lưu của Trần Hiệp (2), nhân vật "chị" được xây dựng dưới một hệ chuẩn của thước đo đạo lý. Ở đó, ngôn ngữ người kể chuyện dài dòng cắt nghĩa cho những "sa ngã" những "nhẹ dạ", những hành động thiếu suy nghĩ, những hối hận của nhân vật chính và được kết thúc bằng một thói quen dễ dãi:"Sự hối hận đạo lý": *"Chị tiếp tục đi tìm cái đã có.Tội nghiệp thân chị, cái đã mất làm sao có thể lấy lại trọn vẹn, chỉ có thể làm lại từ đầu với cái giá đắt hơn, cái giá của sự bội bạc"*. Điều quan trọng là cách nhìn "một phải" trong truyện ngắn này đã chắn mất tầm nhìn, tầm phân tích sâu sắc hơn của nhà văn về cuộc sống. Nguyên nhân gì đã bứt người đàn bà nhẹ dạ đó ra khỏi tổ ấm gia đình để lăn lóc đầu đường xó chợ để kiếm sống? Hãy thử để tác giả nhập vai thật sâu sắc vào vị trí người đàn bà đẹp kia một mình phải đương đầu vơí đủ loại người trong chợ đời, xem tác giả lựa chọn ra sao? Con người ta ai chẳng lựa chọn sai, nhưng điều quan trọng khác nhau ở chỗ bản lĩnh trong lựa chọn và cái gan chịu trách nhiệm trước và sau sự lựa chọn. Theo tôi một truyện ngắn sẽ không gượng gạo khi nào nhà văn từ bỏ cái vai thái thượng hoàng đạo đức giả để mà chia sẻ, cảm thông và sống thực sự cùng nhân vật. Đến

lúc đó tác giả sẽ phát hiện ra ngay mọi khuông đạo lý đều chật chội và khập khiễng khi phải làm quan tòa phán xét cuộc sống muôn màu muôn vẻ. Tương tự như thế, mọi quan hệ tình dục hoặc tình yêu ngoài hôn nhân trong văn học Việt Nam đều được các tác giả rào chắn cẩn thận, khi thì là một sự "sa ngã" đạo đức, khi thì một "hoàn cảnh" "bị" cưỡng ép. Hóa ra ngoài tấm giá thú, tình yêu, tình dục chỉ còn là những sa đọa thái hóa không thôi sao?

Một trong những nhà văn hiếm hoi tỏ ra "ranh mãnh" và "cáo" trong lĩnh vực này là Nguyễn Huy Thiệp. Hầu như bất cứ truyện ngắn hay nào của anh cũng có sự phân tích sắc cạnh về triết lý "nhiều khả năng của lẽ phải". Trong Con gái thủy thần, trò chơi tình yêu giữa cô giáo dạy nghề và nhân vật xưng tôi là một ví dụ. Kẻ thất tình nhìn thấy lẽ phải có cả trong sự "phản bội" của người tình. Đó là cái lý cao cả và có thể chia sẻ được. Trong "Không có vua" có cái nhìn đầy thương cảm của tình người của nhân vật nữ trước những hành vi"đê tiện" của đám đàn ông trong một gia đình không có "kỷ cương", "không có vua". Trong "Chuyện tình kể trong đêm mưa", cái triết lý đó cũng chi phối cách nhìn đầy thơ mối tình giữa gã "thổ phỉ" Bạc Kỳ Sinh và cô Muôn. Nguyễn Huy Thiệp ý thức rõ về cái nhìn này. Tuy nhiên, trí thông minh đôi khi cũng báo hại anh. Con gái thuỷ thần 3 xuất hiện gần đây, cái giả ngây ngô của Chương trước những quan niệm về giá trị của nhân vật "bà chủ" và "ông chủ"được đặt vào ngôn ngữ đối thoại ngang tàng đã không đủ sức thuyết phục. Cảm giác về sự lên gân giả tạo của tác giả hiện rõ lên trang viết, mặc dù truyện ngắn này vẫn là một truyện ngắn có khả năng lôi cuốn người đọc.

Sự chi phối của triết lý "nhiều khả năng của lẽ phải" có trong "Miền thơ ấu" của Vũ Thư Hiên, trong bộ Sông côn mùa lũ của Nguyễn Mộng Giác, trong Tạp luận Võ Phiến, trong Trăng Góa của Lê Minh Hà, trong Khi người ta trẻ của Phan Thị Vàng Anh và nhiều nhà văn thành danh đương đại khác... Nói như thế không có nghĩa là hạ thấp cách nhìn "một phải", một chuẩn mực. Nhà văn hiện đại có tác phẩm hay và nghiệt ngã, không khoan nhượng được phân tích dưới một cách nhìn thuần nhất(nhại lại triết lý "một phải" của chính thống) mà hấp dẫn phải kể đến Phạm Thi Hoài với "Maria Sến".[3] Nhà văn hiện đại với cách viết thuần và nhã, có khả năng phổ cập với công chúng sâu rộng là Hồ Trường An và Nguyễn Ngọc Ngạn.

-Triết lý "ba phải" trong bình giá tác phẩm:

Ở trong nước hoạt động bình giá và nghiên cứu văn học chịu sự chi phối chặt chẽ của tư tưởng chính trị chính thống. Nhiều năm nay,

các nhà nghiên cứu cứ loay hoay tìm một "đáp án" để tiện việc bình giá và xếp ngôi vị của các tác giả trong làng văn. Nạn công thức cứng đờ và giáo điều trong hoạt động nghiên cứu văn học gần đây được chính giới nghiên cứu gióng chuông báo động. Lý do thật dễ nhận ra mà cũng thật khó khắc phục: Đó là việc áp đặt một bảng định giá đơn điệu và quyền uy để làm thước đo cho cái đa dạng và phong phú của thực tiễn văn học nghệ thuật. Trong môi trường đó các nhà phê bình lý luận tài hoa như Nguyễn Đăng Mạnh, Hoàng Ngọc Hiến, Lê Ngọc Trà v.v... vẫn bướng bỉnh tìm tòi "những khả năng khác nhau của lẽ phải" trong tiếp cận tác phẩm văn học. Gần đây nhất, cuốn "Chân dung và đối thoại" của Trần Đăng Khoa được dư luận trong nước chú ý. Do chưa có trong tay nguyên bản, chỉ với những bài lẻ đã được đọc, chúng tôi chưa có thể có nhận định tổng quát được.Tuy nhiên qua một số bài "bình" của nhà thơ, đã có thể hình dung ra được cái hấp dẫn của các bài viết: Đó là cách cảm nhận văn chương bằng nhiều khả năng mở rộng của quan niệm về cái hay, sức thuyết phục của tác phẩm văn học. Hơn ở đâu hết, cái gọi là "Sư nói phải, vãi nói hay" là một cách hiểu đứng đắn và nghiêm túc trong hoạt động bình giá và thưởng ngoạn văn học.

Trong hoạt động phê bình văn học ở hải ngoại, Nguyễn Hưng Quốc là một trong số ít các tác giả tâm đắc với triết lý "ba phải". Chuyên luận "Thơ con cóc" có thể coi là tuyên ngôn hành nghề của tác giả. Tuy nhiên, nếu như Trần Đăng Khoa vốn có năng khiếu bẩm sinh để hồn nhiên gặp gỡ triết lý "ba phải" trong bình văn thì Nguyễn Hưng Quốc lại có quá trình trưởng thành vất vả và khổ công dùi mài hơn, bởi anh cũng như số đông các nhà nghiên cứu khác có điểm xuất phát ban đầu là triết lý "một phải".

Triết lý "ba phải" và công chúng thưởng ngoạn tác phẩm văn học.

Có thể nói ngay rằng đội ngũ đông đảo công chúng thưởng ngoạn văn chương đứng về phía truyền thống: Đó là triết lý một phải. Lâu nay ta cứ hay than phiền về cái "tỳ vị", cái "tạng" thẩm văn lạc hậu của số đông; vẫn không giải được bài toán về mối quan hệ giữa phổ cập và nâng cao. Thói quen thẩm văn cũng như khẩu vị trong ăn uống, cái lạ nào cũng có khả năng xâm nhập vào thói quen để gây nghiện, nếu nó đủ sức gây nghiện thực sự. Lỗi không phải ở công chúng thưởng ngoạn mà là ở những người đầu bếp. Nếu đầu bếp cứ chiều người hưởng thụ theo thói quen "một phải" chính thống (Tích cổ trong cải lương, hài gây cười thiếu thông minh mà rẻ tiền, viết các tác phẩm phụ họa cho chính thống và đạo lý học thuyết...) thì khi đói

người ta vẫn cứ ăn, nhưng ăn mà vẫn thấy thèm thèm thiếu thiếu một cái gì đấy. Xin được mở ngoặc thêm, như trên đã có dịp phân tích, không phải cái "một phải" nào cũng dở. Cái dở là cứ nhại đi nhại lại mãi một thói quen, chẳng hạn thói quen nô bộc chính thống. Mọi sự tiến bộ không bao giờ giẫm chân tại chỗ để đóng vai chính thống. Khi Phạm Thị Hoài "nhại lại" chính thống, vờ đóng vai "một phải" để giễu cợt chính thống thì mặc dù "lạ", công chúng vẫn thích thú.

Số còn lại của công chúng thưởng ngoạn là số có năng khiếu bẩm sinh hoặc có năng lực thưởng ngoạn do có tích lũy và học vấn đứng về phía đội ngũ "ba phải". Đây chính là đội ngũ đáng tin cậy để kích thích sự đổi mới trong cảm thụ nghệ thuật. Bởi vì triết lý "một phải" không những giẫm chân tại chỗ về mặt nhận thức mà còn là sự "cản mũi kỳ đà" trên lĩnh vực thẩm mỹ, là lĩnh vực không bao giờ được phép nhàm chán. Triết lý "ba phải" nói gọn lại là có ưu thế dung hợp, thừa nhận cái khác mình để phát triển. Triết lý "một phải" thì chỉ biết kiêu ngạo "tự ngắm mình" và sống huyễn hoặc mộng du bằng giá trị tưởng tượng nên ngày càng xa lạ với tha nhân và tiến bộ xã hội.

NGUYỄN HỮU LÊ

1- Từ "ba phải" trong trường hợp này không liên quan gì đến khái niệm "ba phải" vẫn quen dùng lâu nay.
2-Trần Hiệp: *Đi tìm cái đã có.* Tạp chí Hợp Lưu số 46 Tr.81
3_Xin xem :Đặc sắc của nghệ thuật kể chuyện trong *Marie Sến*...Nguyễn Hữu Lê. Gió Đông số 1.



PHỐ TỊNH

Nghiên cứu & khảo luận: một sinh hoạt thừa thãi?



Có lẽ người viết nào cũng mong được phản hồi về những điều mình viết ra và trình bày cùng bạn đọc. Khi hoàn tất trang bản thảo, tác giả đưa bài lên báo, những mong thu lượm những phản hồi từ phía bạn đọc. Hiếm có những trường hợp người viết một công trình nào đó mà lại để kín trong ngăn tủ. Mối tương quan giữa người sáng tác và công chúng độc giả Việt Nam xem ra mặn mòi hơn là giữa người nghiên cứu. Nhận xét này rút ra từ sự kiện là trên một số tập san văn chương tại hải ngoại thỉnh thoảng có đăng thư bạn đọc và bạn viết than phiền là đăng nhiều bài nghiên cứu khảo luận quá; nhiều bài xem ra chỉ là thứ trò chơi chữ nghiã vô bổ. Khi chúng tôi trình bày vấn đề chính tả chữ i và y trong tiếng Việt (Văn Học 129-130) thì sau đó nhận được sự góp ý của một bạn đọc. Thư góp ý của bạn nêu ra một số nhận xét về nội dung cuả bài viết, nhưng qua đó cũng gợi lên một vài ý liên quan đến một vấn đề rộng hơn. Nêu lại trường hợp này chúng tôi chỉ xem như một kinh nghiệm về một vấn đề chung cuả chúng ta hiện nay: sinh hoạt nghiên cứu cũng cần những ý kiến phản hồi từ phiá người đọc.

Bài viết cuả chúng tôi thử duyệt lại một trong số các vấn đề

cuả tiếng Việt, mục đích chỉ là đề nghị các giới liên quan tạo điều kiện để giảm thiểu những bất nhất, rắc rối cho những ai học và dạy tiếng Việt. Nếu như bài viết không dễ theo dõi như bạn đọc than phiền, và "có thể gây thêm rắc rối cho những thế hệ sau này", thì có lẽ là phần khuyết điểm cuả người viết, vì có thể là chúng tôi chưa trình bày đủ sáng và dễ hiểu để chia sẻ ý cuả mình với độc giả thôi; hay nói cách khác là người viết chưa lập ngôn khéo.

Bạn đọc có thể đã hơn một lần để ý thấy những điều "bất hợp lí" trong cách viết chính tả tiếng Việt, vì chúng đi chệch khỏi nguyên tắc chính tả ghi âm cuả "chữ quốc ngữ". Một trong những điều bất hợp lí ấy là vấn đề chữ i và y. Trong số những điều bất hợp lí kia, có những điều đã đi vào tập quán ngôn ngữ: chẳng hạn, chúng ta có bài và bày, khi nói ra chỉ khác nhau ở âm chính a đọc bình thường, và ă là thể ngắn cuả a. Thế nhưng khi viết, thể ngắn cuả âm chính đã chuyển trách nhiệm về bán âm cuối i và y để phân biệt a ngắn và dài.

Tuy nhiên, cũng có những bất nhất tạo ra do sự nhầm lẫn hay bất cẩn cuả một số người soạn từ điển, sách báo để lại. Đó là những trường hợp mà chúng tôi lượm lặt ra khi nói về nguyên tắc (a) từ thế kỉ XVII trở đi, nghiã là từ khi chữ quốc ngữ được hình thành do công cuả một số cá nhân giáo sĩ phương tây. Những trích dẫn từ ngữ trong các từ điển đều chú mục vào nguyên tắc (a) này mà thôi. Luận điểm cuả chúng tôi là: những hiện tượng bất nhất lâu nay phần rất lớn là từ sự rối loạn cuả nguyên tắc (a) : chữ i dùng để ghi nguyên âm cuả âm tiết, có thể là nguyên âm đơn / i / hay nguyên âm đôi / ie/ . Nhưng trước khi đi đến những kết luận như thế, chúng tôi đã xem xét lại chính tả cuả chữ i và y, và ghi nhận những trường hợp sau đây:

1. si/sy - li/ly - kí/ký: chữ i và y đặt ở sau phụ âm đầu, làm phần âm chính cuả âm tiết

2. sinh - lính - kính -xỉu - : chỉ dùng chữ i trong phần chính cuả âm tiết mà không bao giờ dùng chữ y

3. hia - bià - điã - hiền - biết - giếng: chữ i đi kèm với nguyên âm ê để làm thành tổ hợp âm chính cuả âm tiết

4. yêu - yến - yểng: tương tự như trường hợp 3 trên đây, nhưng chỉ dùng chữ y

5. im - ỉu - ý - y - ỷ/ỉ: chữ i và y đều đứng ở đầu âm tiết

6. quí/quýt - huyện - thuý - nguy: chữ i và y trong các tổ hợp nguyên âm chúm môi (nghiã là khi viết thì có chữ u đặt trước nguyên âm chính)

7. mai - cúi - mây - cay - cai : chữ i và y là hai bán âm cuối đi theo sau một nguyên âm để khép âm tiết lại.

Trong số những trường hợp trên đây, chỉ có hai trường hợp 2 và 3 là dứt khoát, không có tình hình nước đôi, dùng lẫn cả i và y ; ngoại giả, năm trường hợp còn lại hình như có tình trạng hai chữ i và y dùng thông lẫn nhau.

Xem xét kĩ thì hiện tượng i và y không phải là có thể dùng tuỳ tiện, không theo nguyên tắc nào. Trong năm trường hợp còn lại, có thể nhận thấy ngay là chúng ta có thể tách được hai nhóm 4 và 5, vì chúng có những nét sóng đôi với hai nhóm 2 và 3: tất cả đều là thành phần âm chính cuả âm tiết. Chỉ có điểm khác biệt duy nhất: một đằng i và y đứng ở đầu âm tiết (nhóm 4 và 5), một đằng thì có phụ âm đầu đi trước (nhóm 2 và 3). Dựa trên nét khu biệt này mà chúng tôi quy bốn nhóm vào một loại, phân tích bậc hai để nhận ra tính quy luật cuả chúng.

Việc phân tích trở nên dễ dàng hơn khi đã có thể phân loại các nhóm còn lại theo những nét khu biệt cuả chúng. Cuối cùng chỉ còn lại nhóm 1 là nhóm rắc rối nhất trong khi viết chính tả hai chữ i và y. Bài viết là kết quả cuả những đợt phân tích như thế, và đã dẫn đến bảng quy tắc, dựa trên cơ sở chính tả hiện nay (Bảng 3).

Viết bài trên, chúng tôi muốn góp phần đặt lại vấn đề chính tả này sao cho "hợp lí" hơn. Bài viết có thể chỉ cần một đoạn ghi năm quy tắc (bảng 3) là đủ. Nhưng chúng tôi muốn tìm hiểu thêm: tại sao có hiện tượng bất nhất trong lối viết chính tả chữ i và y như chúng ta thấy hiện nay. Ngược lại lịch sử cuả vấn đề, chúng tôi nhận thấy là chính tả chữ i và y lộn xộn không phải là vì thiếu nguyên tắc chính tả, nhưng là do sự bất chấp nguyên tắc cuả những người biên soạn từ điển từ De Rhodes trở xuống. Từ những tìm tòi như thế, chúng tôi mạnh dạn đưa ra mấy nhận định về nguyên nhân cuả hiện tượng bất nhất trong chính tả chữ i và y như ta thấy hiện nay. Và sau cùng là khôi phục lại những quy tắc mà chính tả chữ i và y mà tiếng Việt hiện đại chấp nhận.

Độc giả có thể nghĩ rằng chúng tôi quá thiên về mặt lịch đại (diaronic), nhưng chúng tôi tin là hướng tìm tòi như thế không hề có tính cách khảo cổ, mà chỉ muốn qua đó để nhận diện rõ hơn về những hiện tượng bất nhất hiện nay. Vì sự bất nhất đã hiển nhiên, nên chi chúng tôi đã chỉ miêu tả sơ sài trong bài viết mà thôi. Những tìm tòi vừa kể sẽ có ý nghiã cho những ai có trách nhiệm (những người quản lí vấn đề chính sách ngôn ngữ quốc gia, báo chí , và nhà trường) để góp phần vào tiến trình chuẩn hoá ngôn ngữ.

Có thể trong tương lai xa, khi có những cải cách triệt để chính tả chữ quốc ngữ, năm quy tắc kia sẽ thay đổi chăng. Nhưng đó là chuyện về sau. Nhưng trong điều kiện hiện nay, năm quy tắc đó có thể

rút xuống mức thấp nhất những rối rắm về chính tả chữ i và y mà nguyên nhân chính là việc dùng một đồ vị để ghi hai âm vị khác hẳn nhau: i/y đều dùng để ghi nguyên âm / i / và bán âm cuối / j /. Sự lẫn lộn này đã có từ thời De Rhodes chứ không phải hoàn toàn là do người đi sau.

Đứng trước tình hình như thế, chúng ta bây giờ có thể làm gì được không ? Trước kia, các nhà ngữ học miêu tả Mĩ cho rằng ngôn ngữ là hiện tượng sinh hoạt tự nhiên cuả xã hội, và vì thế nhà ngữ học chỉ có thể miêu tả chúng mà không thể đặt vấn đề "sưả đổi", "cải cách". Chúng tôi không tán thành quan điểm như thế, nên thử đặt lại vấn đề "tiêu chuẩn hoá" một số vấn đề chính tả. Hưởng ứng các đề nghị cuả những người đi trước, chúng tôi đề nghị nên tiêu chuẩn hoá chính tả hai chữ i và y trong chừng mức ít xáo trộn nhất như đã ghi ở Bảng 3 trong bài viết nói trên.

Bạn đọc đã nhận xét đúng khi bảo rằng việc làm như thế là cuả một viện hàn lâm chứ không phải cuả một vài cá nhân. Tuy nhiên, viện hàn lâm là một cơ chế tổ chức cuả các vị hàn lâm, thì hiện nay chưa có. Và cứ cái chiều hướng như thế này, việc chuẩn hoá ngôn ngữ có lẽ cũng còn lâu lắm. Đất nước chúng ta đang choáng trong những cơn say "bùng nổ" (?) phát triển, trong sinh hoạt báo chí người ta còn mải vinh danh các "siêu sao người mẫu" (!), người ta đua nhau diện "áo bò", quần jeans..., liệu có thể trông mong gì một viện hàn lâm giúp đỡ cho thế hệ con em chúng ta hay chăng ? Chúng tôi không lạc quan đợi viện hàn lâm đâu, vì rằng thế kỉ XX đã có rất nhiều cơ hội để các vị hàn lâm ngồi lại làm việc. Tiếc thay, bàn cãi thì nhiều mà một nghị quyết đủ thẩm quyền thì quá hiếm hoi. Liệu chúng ta có thể đợi các ông hàn bàn cãi thêm một thế kỉ nưã hay không ?

Vả chăng việc sử dụng ngôn ngữ là cuả mọi chúng ta. Việc chăm lo giữ gìn nó là trách nhiệm chung. Những ai quan tâm đến chữ quốc ngữ đều thấy là nó rất nhiều ưu điểm cuả một hệ thống chữ viết ghi âm, nhưng cũng có khá nhiều nhược điểm. Nếu người nghiên cứu đưa ra những luận điểm xác đáng thì sẽ là những gợi ý tốt cho những ai quan tâm đến việc chính tả tiếng Việt (người quản lí chính sách ngôn ngữ, báo chí, nhà trường). Họ sẽ làm những phần việc tiếp theo trong phạm vi chức năng cuả họ. Những tìm tòi về ngôn ngữ như thế sẽ không là những việc làm vô ích, mà sẽ có góp phần vào việc thúc đẩy sinh hoạt ngôn ngữ tiến bộ. Trên bình diện quốc gia, một cải cách ngôn ngữ hợp lí vẫn có thể thực hiện được nếu có được một kế hoạch hoạt động đồng bộ giưã nhà nước, nhà trường và báo chí truyền thông.

Bài viết cuả chúng tôi chỉ đặt một vấn đề nhỏ bé, cho nên chúng tôi đã phải bỏ ra ngoài một số khái niệm mà nếu được trình bày đầy đủ thì đã có thể giúp độc giả dễ theo dõi chúng tôi hơn. Phần đóng góp cuả chúng tôi nằm khiêm tốn trong năm "quy tắc" mà chúng tôi đề ra ở Bảng 3 (tr. 72). Năm "quy tắc" nêu ra ở cuối bài là những đúc kết từ thực tế chứ không phải do chúng tôi sáng tác ra; đấy chỉ là những quy nạp từ những điều công luận đã thừa nhận từ trước đến gần đây. Bất quá chúng tôi chỉ làm công việc "hợp lí hoá" những gì đang được chấp nhận đối với chính tả chữ i và y trong hai "quy tắc" (2) và (4). Hai "quy tắc" này ít nhiều có tính cách "điển chế": chúng tôi căn cứ trên hiện tình chính tả để làm cho xác đáng hơn nguyên tắc (a) đề ra từ De Rhodes. Việc làm này tuy nhỏ nhưng có thể giúp những người quan tâm một hướng để duyệt lại thói quen không có lợi cho việc chuẩn hoá ngôn ngữ, và từ đó có thể sửa lại thói quen -nếu muốn. Anh bạn tưởng chừng chúng tôi muốn đặt kiểu viết mới (!) nên đã viết đuà một câu có chính tả chữ i và y "kiểu mới". Có lẽ không khó gì mà nhận ra là lối viết đó hoàn toàn đi ngược lại quan niệm cuả những người viết bài. Chúng tôi có thể dựa trên Bảng 3 đó mà nhận xét về câu viết theo lối chính tả gọi là "mới" cuả bạn đọc ghi ở trong thư góp ý như sau:

Vyệt,vyết	không đúng tinh thần quy tắc (1) và (4) ------->	Việt , viết
tôy, đổy	ngược lại với quy tắc (5) vì âm /ô/ đều là âm thường -------->	tôi, đổi
gyữ	không đúng cách ghi gi trong trường hợp bình thường (có lẽ anh hiểu nhầm ý chúng tôi khi bàn về ngoại lệ cuả quy tắc (4), trong đó có nhắc đến hiện tượng (giặt) gyạ (tr.72) --------->	giữ
nai	trái với quy tắc (3) vì âm /a/ là âm ngắn ------->	nay

Như đã nói ở trên, chúng tôi không có chủ tâm thay đổi những tập quán ngôn ngữ, mà chỉ đề nghị tiêu chuẩn hoá một vấn đề chính tả. Việc này chỉ có thể làm được khi có một tổ chức xã hội chuyên trách (Hàn Lâm Viện chẳng hạn, hay một cơ quan chính quyền biết lắng nghe tiếng nói cuả giới trí thức chuyên môn). Hiện nay thì bệnh tuỳ tiện dường như đã trở thành bất trị, rồi tệ hơn nưã là có người đã đồng hoá bệnh tuỳ tiện này với "tập quán ngôn ngữ"; hậu quả là những người có trách nhiệm đều lẩn tránh trách nhiệm, thả nổi việc sử dụng ngôn ngữ.

Thư bạn đọc nói trên đã gợi lại một số ý liên quan đến hiện tình sinh hoạt chữ nghiã cuả chúng ta ở hải ngoại: một đằng chúng ta muốn phát triển sinh hoạt văn hoá - văn nghệ Việt ở bên ngoài để làm phong phú bộ mặt sinh hoạt tinh thần cuả VN hải ngoại; mặt khác, chúng ta lại có vẻ dè xẻn với văn hoá-văn nghệ qua việc "giành dân lấn đất" (nên hay không nên in bài nghiên cứu trong tập san văn hoá-văn nghệ!). Những giằng co này một mặt cho thấy sự khó khăn trong sinh hoạt chữ nghiã cuả VN hải ngoại, mặt khác nó cũng ít nhiều nói lên sự phân cách giưã hoạt động văn nghệ và sinh hoạt nghiên cứu -phê bình. Những diễn đàn văn hoá-văn nghệ muốn thu ngắn sự ngăn chia đó đều gặp phản ứng. Tại sao lại có tình trạng này ? Để trả lời câu hỏi này, có lẽ phải nhìn lại chính sinh hoạt chữ nghiã tiếng Việt tại hải ngoại.

Các tập san văn học đã nhiều đợt đặt vấn đề: có hay không một nền văn học hải ngoại, và tương lai cuả nó đi về đâu. Giả như mở rộng phạm vi, để hỏi: có hay không một sinh hoạt văn hoá-học thuật VN hải ngoại, có lẽ tất cả những tranh luận dằng dai trước nay cũng có thể dùng lại để làm những câu trả lời không kết thúc. Chúng tôi rất không muốn lao vào cuộc tranh luận này, bởi vì có nói gì thì cũng sẽ chỉ thấy mình lặp lại ý như Võ Phiến, Nguyễn Văn Trung, khi các vị bàn về sinh hoạt văn học hải ngoại. Chúng tôi chỉ thêm vào đây một điều này: dù ở đâu chăng nưã, chúng tôi vẫn là người Việt Nam, và chúng tôi vẫn muốn đóng góp cho cộng đồng dân tộc cuả mình. Nói cách khác, không có hàng rào ngăn cách trong và ngoài, chính thống và bên lề.

Một điểm liên quan đến nguyên do những sự "giằng co" đang bàn ở đây, là: vấn đề ý nghiã thực tế cuả những tìm tòi nghiên cứu. Nghiên cứu khoa học xã hội cuả chúng ta thường bị rẻ rúng, coi là không có giá trị thực tiễn. Chúng tôi nghĩ khác. Nghiên cứu ngữ -văn của người mình trong mấy chục năm nay tiếng là theo phương pháp nghiên cứu phương tây nhưng phần lớn chưa đạt tính khoa học đúng nghiã. Tiếng là nghiên cứu nhưng nhiều khi chỉ là lập luận suông, hoặc theo cảm tính chủ quan, tán dông dài cho kêu, hơn là lập luận xác thực dựa trên chứng cứ rành mạch. Nguyên nhân cuả nó liên hệ đến cả ba phiá: xã hội, người nghiên cứu, công chúng.

Nếu nghiên cứu văn học, ngữ học cuả người Việt chưa có ảnh hưởng mạnh đến hoạt động văn học và ngữ học, thì đó có thể là tại chính người nghiên cứu không bắc được những nhịp cầu nối giưã nghiên cứu và thực tiễn: các bộ môn nghiên cứu ngữ âm, ngữ pháp, ngữ nghiã, phong cách học, tâm lí ngôn ngữ, ngữ dụng học, ngôn ngữ văn bản, chưa có những kết quả nào xứng đáng với trình độ ngôn ngữ

cuả dân tộc Việt - vốn là một ngôn ngữ văn hoá phong phú. Hoàn toàn thiếu vắng những công trình về ngôn ngữ một nhà văn, như Nguyễn Du, Đồ Chiểu, Phan Châu Trinh, Nhất Linh, Nguyễn Tuân, Võ Phiến... Dường như hãy còn quá nhiều công trình viết lách chỉ nhằm mục đích sơ thiển là để làm tài liệu giáo khoa cơ bản cho bộ môn liên quan, chứ chưa có giá trị đóng góp vào đà tiến cuả cuộc sống văn hoá chúng ta, ít nhất cũng là bắc cầu quan hệ giưã văn học và ngữ học.

Cũng có thể nghiên cứu chưa "lên" được là tại công chúng chưa thiết tha đến, hoặc coi rẻ chúng, chỉ vì hiểu lầm rằng chúng vô bổ. Thật ra thì, nếu muốn, một nghiên cứu phong cách văn chương truyện Kiều sẽ có giá trị rất thực tiễn là giúp người Việt cuối thế kỉ XX nhìn lại mình xem phong cách ngôn ngữ cuả thế hệ mình nghèo nàn hơn (thoái bộ), hay phong phú đa dạng (tiến bộ) hơn thời cụ Tiên Điền; tìm hiểu tiếng lóng Việt Nam sẽ thấy được trình độ "sáng tác" tiếng lóng cuả người Việt ở Hà Nội, Sài Gòn bây giờ so với thời Bỉ Vỏ chẳng hạn; tìm hiểu và mô hình hoá được phong cách một nhà văn lớn thì hoạ may mới được thế nào là cá tính trong sáng tạo văn học, và từ đó mà hiểu ra sự cần thiết phải tránh cái sáo trong văn chương... Công chúng phải biết đòi hỏi thì nghiên cứu mới "khá" được, và văn học cũng nhờ thế mới có thể có sinh khí. Nghiên cứu và văn chương vẫn có mối quan hệ gắn bó và nợ nần nhau chứ không hề cách li.

Thêm vào đó, tưởng cũng nên để ý là hoạt động nghiên cứu là loại hình hoạt động không có "lãi" trực tiếp như sản xuất, kinh doanh. Ở các nước có trình độ quản lí , tổ chức phân công xã hội cao, thì chính sách văn hoá-khoa học cuả nhà nước, hay sự bảo trợ nuôi dưỡng cuả những tổ chức văn hoá là điều kiện để thúc đẩy nghiên cứu khoa học có chiều sâu và chiều rộng. Nhờ vậy mới có thể nói đến những thành tựu nghiên cứu sẽ dẫn đến hiệu quả xã hội mai sau. Hãy lấy một thí dụ đơn giản: nếu như nước mình cũng ổn định như người ta, nhà ngữ âm Việt Nam có thể nghiên cứu hiện tượng nói ngọng cuả các điạ phương để tìm ra biện pháp chưã trị tật nói ngọng. Hiệu quả thực tế to lớn đấy chứ ! Một thí dụ khác: nghiên cứu tâm lí ngôn ngữ có thể giúp nhà trường (cả ở trong nước lẫn ở ngoài) thay đổi lề lối dạy học, sao cho có thể giúp học sinh phát triển tư duy khoa học, tinh thần độc lập suy nghĩ, vượt bỏ lề thói tư duy thụ động, từ chương.

Nói tóm lại, giá trị thực tiễn cuả nghiên cứu là giá trị thẩm thấu, để tạo điều kiện cho những đổi thay trong sinh hoạt bây giờ và về sau.

Hiện nay, trong tình cảnh một xứ sở lạc hậu về nghiên cứu

khoa học, xã hội lại thiếu chính sách văn hoá, tổ chức bảo trợ văn hoá cũng không có. Giới nghiên cứu ở xứ mình thì ngay ở trong nước cũng còn bị rẻ rúng, việc "gửi hương cho gió" trong thời buổi này thậm khó khăn, đòi hỏi một nghị lực, một hi sinh lớn. Tại hải ngoại tình hình còn thê lương hơn. Mạnh thường quân của nghiên cứu thật hiếm hoi. Chỉ loi thoi mấy sự hi sinh của người nghiên cứu và của các diễn đàn văn hoá - văn nghệ. Vị chủ biên tập san Văn Học đã rất khiêm tốn nói rằng người nghiên cứu là những người "gửi hương cho gió". Hình ảnh thật dễ thương và đúng cho tình cảnh nghiên cứu của chúng ta. Nhưng cũng đáng ngậm ngùi thay. Ở cái xứ mà Phan Huy Ích hay Đoàn Thị Điểm là tác giả bài diễn ca Chinh Phụ Ngâm cũng thế thôi, đều OK hết, và xem những ai muốn duyệt lại vấn đề là những kẻ hiếu sự, thì cũng khó đòi hỏi gì hơn ở mọi người, mọi giới. Mặc dầu vậy, chúng tôi không lạc quan mà cũng chẳng bi quan. Thời buổi nhiễu nhương mà ! Hi vọng thế kỉ XXI nhiều khởi sắc hơn chăng !

PHỐ TỊNH



NGUYỄN HOÀNG VĂN

Tác giả lớn, độc giả lớn



Đâu đó, Walt Whitman từng viết (hay than thở?) đại ý rằng nhà thơ lớn cần những độc giả lớn.

Lâm Ngữ Đường, trong Một quan niệm sống đẹp, viết rằng một đất nước có sản sinh được một hay hai thiên tài như Rodin cũng không quý bằng viễn ảnh ở đó hầu hết trẻ em đều biết tập tành sáng tác cái gì đó để giải trí trong lúc nhàn rỗi. Không phải họ Lâm không khao khát những chân tài như Rodin: Một thế hệ đam mê như thế sẽ là nền tảng để có thể hun đúc nhiều Rodin hơn nữa.

Bàn về những bế tắc của văn học lưu vong, trong Sống và viết như những người lưu vong, Nguyễn Hưng Quốc giải thích tại sao nhiều cây bút *rõ ràng là có tài năng nhưng đến với văn chương một thời gian ngắn rồi chia tay không luyến tiếc* bằng cách so sánh tiếng vọng từ độc giả. Sống giữa lòng đất mẹ, với trùng điệp những độc giả cùng sử dụng tiếng mẹ vây quanh, tiếng vọng ấy là *những dư âm đa dạng kỳ thú (hay kỳ dị) đưa cả tác giả lẫn tác phẩm vào cuộc phiên lưu mới**. So sánh với những người cầm bút *miên man hết cuộc phiên lưu này đến cuộc phiên lưu kia**, tiếng vọng mà người cầm bút lưu vong chờ đợi chỉ là âm thanh lặng ngắt như khi *nói vào ống điện thoại chưa nối đường dây*[1]. Tẻ ngắt. Và vô vọng. *Mộng văn chương, thôi, gác lại, cũng đành !*

Những ý kiến trên, gộp lại, như muốn nói lên rằng mối dây liên

hệ giữa kẻ viết và người đọc cũng hệ trọng như thứ quan hệ cá-nước. Độc giả là môi trường hít thở, là nguồn dưỡng khí và sinh thực cho niềm đam mê của người viết. Mối tình nồng thắm với độc giả giúp họ gắn bó với cây bút, giúp họ vươn mình đứng dậy trong những thế đứng tầm cỡ. Không có những độc giả tầm cỡ đầy đam mê để tạo nên những *đợt sóng tiếng vọng tiếp nối nhau*, người viết sẽ dễ dàng chán nản; gươm đàn nửa gánh rồi cũng bỏ lại bên đàng.

Nghe ra, mối dây liên lạc giữa kẻ viết và người đọc ấy hao hao thứ quan hệ cung-cầu trong kinh tế học. Và thoang thoáng màu sắc duy vật sử quan. Đại loại tình hình đã chín muồi, xã hội đã có nhu cầu tất phải có gì đó diễn ra để đáp ứng. Đại loại mâu thuẫn đã đến hồi gay cấn, *đòi-hỏi-phải-giải-quyết*: Độc giả đã lớn, đã đòi hỏi cái gì đó lớn, tất nhiên những tác giả lớn phải ra đời để đáp ứng. Như thể bất kỳ ai có thiên hướng làm một tác giả lớn cũng phải ẩn mình trường kỳ mai phục, phải kiên nhẫn chờ đợi sự *chín muồi* của một tầng lớp độc giả xứng đáng.

Quan hệ cá-nước như thế cũng là một sự thể hiển nhiên. *Ulysses, được viết bởi James Joyce, là tác phẩm có ảnh hưởng rất lớn, mở đường cho nền tiểu thuyết hiện đại của thế kỷ 20; và người ta thường kể giai thoại về cuộc hội ngộ giữa độc giả và tác giả của Ulysses: Tôi có thể hôn lên bàn tay đã viết Ulysses được không? -, thôi đi. Cái bàn tay tôi ấy mà, ngoài chuyện viết lách nó còn làm nhiều thứ lắm!*. Sự cộng hưởng giữa độc-giả-lớn và tác-giả-lớn rõ ràng là sự may mắn rất lớn, không những cho người cầm bút mà còn cho cả xứ sở, bởi từ đó nền văn chương rồi sẽ thăng hoa.

Nhưng không phải ai cũng may mắn với những độc giả đáng mong ước như thế. Không nói đến những kẻ gươm đàn nửa gánh, nhiều tác giả vào đời với những tác phẩm ẩn chứa những tiềm năng của sự lớn đã tự hủy hoại chính mình vì sự thiếu vắng của những độc giả lớn. Người ta nói đến Mai Thảo. Hừng hực một khát vọng cách tân văn chương nhưng Mai Thảo đã phải gượng mình trong cuộc hôn nhân dơi chuột với những độc giả *thường thường bậc trung* vì nhu cầu sống. Giá mà thị hiếu thẩm mỹ của tầng lớp độc giả nuôi sống ông ta lớn hơn một tý nhỉ? Giá mà những độc giả ấy đủ lớn để rải thảm đỏ tung hô những cảm hứng Sáng Tạo nhỉ? Dường như đây là một kiểu cọ phản đề của chính đề tác-giả-lớn-độc-giả-lớn bên trên: Mâu thuẫn giữa độc-giả-nhỏ và tác-giả-sẽ-lớn sẽ làm thui chột cái lớn còn đang tiềm ẩn. Cái lớn còn đang lấp ló, chưa định hình ấy sẽ bị những thị hiếu thẩm mỹ thường thường bậc trung vùi dập, từ trong trứng nước.

Nếu vậy, hết thảy những tác giả lớn đều là người may mắn ư?

Họ sinh ra đã được bọc trong chiếc điều văn chương. Mới thai nghén một tác phẩm, bên ngoài những độc giả khao khát cái lớn đã hân hoan bày biện những thảm đỏ, những mảnh *chiếu trên*. Đầy trân trọng!

Nhưng Walt Whitman là một nhà thơ lớn và vào thời của Whitman, độc giả Mỹ chưa lớn lắm. Không ai trân trọng Whitman cả. Không một tấm thảm đỏ hay một mảnh chiếu trên dành sẵn cho gã thi sĩ *một vũ trụ, người con của đảo Manhattan.* Chỉ có những nhục mạ và xỉ vả. Từ lúc in tập thơ đầu tiên cho đến lúc về nơi an nghĩ cuối cùng, thậm chí ngót nghét non một thế kỷ sau khi qua đời, nhà thơ vẫn còn là một đề tài tranh cãi. Độc giả Mỹ thời ấy - gắn bó với khuôn khổ đạo đức cứng nhắc và thủ cựu của Thanh Giáo - chưa đủ lớn để nhận ra những yếu tố nhân bản và khai phóng trong tính cách nổi loạn của *vũ trụ Whitman,* cả ở ngôn ngữ thơ và ở ý thơ. Vũ trụ của con người *ngỗ ngược, dẫy đà, ưa khoái lạc, ăn nhậu và sinh con đẻ cái.* Vũ trụ ấy đả phá mọi khúm núm và tôn thờ, ca ngợi tự do, vứt tung mọi xiềng xích trói buộc. Whitman ngỗ ngược với những *hương nách thơm hơn lời cầu nguyện.* Whitman thách thức những định kiến và những ước lệ bằng một thứ ngôn ngữ thông tục vượt qua những chữ nghĩa mòn nhẵn lề thói. Whitman đơn độc. Không một độc giả nào chầu chực hôn lên bàn tay từng viết Leaves of Grass, tác phẩm của một nhà thơ lớn [2].

Cả Nguyễn Du. Khi Nguyễn Du viết đến những dòng cuối mới hay muôn sự tại trời..., lớp độc giả lớn say mê như Chu Mạnh Trinh, Xuân Diệu hay Bùi Giáng chưa hề hình thành. Người ta bảo ông viết chuyện dâm tình: Đàn bà chớ đọc Thúy Vân Thúy Kiều. Cả một nho sĩ vừa ăm ắp thi tứ trong huyết quản, vừa vương vấn lạc thú trần gian như Nguyễn Công Trứ vẫn còn nặng lời đáng kiếp tà dâm.

Thi sĩ lớn Walt Whitman hay Nguyễn Du đâu hề mai phục, chờ đợi sự hình thành của một tầng lớp độc giả lớn? Vincent Van Gogh hay Paul Gauguine cả đời không hề bán được một bức tranh. Không có những độc giả lớn chờ sẵn để hân hoan chào đón, tác phẩm của họ phải đối đầu với chông gai và chịu đựng sự vùi dập. Nguyễn Du bị đả kích là viết dâm thư. Walt Whitman bị xỉ vả là *một thằng rồ xâm phạm đến thuần phong mỹ tục đáng cho ăn roi.* Những họa phẩm của Van Gogh hay Gauguine thoạt đầu bị xem là những *bôi bác lem nhem.* Còn nhạc Beethoven, trong buổi hợp tấu đầu tiên, đã có người la ó. Hiếm người có cái may mắn hô hấp trong cái không khí đầy dưỡng chất tạo nên từ giới thưởng ngoạn lớn, đang bị đốt cháy bởi cùng một thứ lửa đam mê.

Sẽ khá dài dòng nếu chúng ta cứ tìm hiểu cặn kẽ thế nào là một tác giả hay một tác phẩm lớn. Đại khái đó là những gì có thể thách

thức thời gian. Nhưng làm thế nào để có thể thách thức thời gian. Cũng dài dòng nốt. Tuy nhiên, chí ít nó phải vượt qua khuôn khổ của thời đương đại. Nó không thể lập lại những gì đã hình thành và ổn định. Mà nếu phải làm như vậy, nó phải thể hiện với một ngôn ngữ hay phong cách mới. Vượt qua yếu tố đương đại có nghĩa là hướng về tương lai, là khai mở cho một con đường mới.

Nguyễn Du, Walt Whitman, Vincent Van Gogh hay Paul Gauguine vĩ đại và tồn tại với thời gian vì họ đã thể hiện những gì mà cả trăm năm sau hay chí ít là một hai thế hệ sau, người khác mới thể hiện được. Hôm nay không ai có thể trở nên vĩ đại bằng cách thể hiện y hệt những điều mà Nguyễn Du, Whitman, Van Gogh hay Gauguine đã thể hiện. Và người thưởng ngoạn lớn hôm nay không hẳn là những kẻ đang gật gù trước Kiều, trước thơ Whitman. Để lớn, một tác giả của hôm nay phải thể hiện những gì nhiều thế hệ sau người ta mới có thể thể hiện một cách bình thường. Cũng để lớn, một độc giả của hôm nay phải cảm nhận cho được những điều ấy, những gì mà độc giả bình thường của thời đương đại không thể cảm nhận.

Nếu phải *trường kỳ mai phục*, chờ đợi sự hình thành của một tầng lớp độc giả lớn, e rằng con số những gì gọi là lớn sẽ ngày càng hiếm hoi. Tác giả lớn không những là người linh cảm được cái mới, cái lớn mà còn có được sự quả cảm để đi đến tận cùng của những cái lớn còn đang chập chững. Như Walt Whitman từng can đảm đối đầu với không khí thủ cựu cứng nhắc của một nước Mỹ Thanh giáo, bất chấp thái độ thờ ơ hay lời xỉ vả của những nhà đạo đức cuồng tín. Những con người như thế tin vào con đường của mình. Tin vào linh cảm của mình. Thế hệ này không chấp nhận, có thế hệ sau. Thế hệ sau chưa, sẽ có thế hệ sau nữa. Vân vân.

Một giai thoại thường được kể về một kịch sĩ và một khán giả: Kịch sĩ hết sức xuất thần trong vai ác của mình khiến vị khán giả - vì quá lương thiện - trở nên lú lẩn, không phân biệt đâu là sân khấu và đâu là cuộc đời, xông lên giết chết kịch sĩ. Hai người được ghi nhận như là một kịch sĩ và một khán giả vĩ đại nhất.

Đó là một quan niệm của nghệ thuật sân khấu vốn đòi hỏi người nghệ sĩ hoá thân vào vai diễn: Càng giống thật, càng thành công. Tuy nhiên kịch tác gia Đức, Bertolt Brecht, lại nghĩ khác: Đó phải là hai kẻ tồi nhất. Người nghệ sĩ, theo ông, phải luôn ý thức rằng mình đang làm nghệ thuật, phải khiến người thưởng ngoạn ý thức rằng đó không phải là đời mà là một câu chuyện đời đang được diễn kịch, và được diễn theo lối của mình. Và khán giả phải ý thức rằng đó là một chuyện đời, được kịch hoá theo một phong cách riêng nào đó. Phải có một

khoảng cách ngăn không cho kịch sĩ và khán giả tiến lại gần nhau. Sâu khấu phải tách rời với đời thực.

Còn kẻ làm văn chương, nếu cứ rụt rè, nếu cứ mong đợi; những mầm mống nuôi dưỡng cái lớn , nếu có, rồi sẽ tàn lụi. Tác giả lớn là người biết bất chấp sự thờ ơ hay những phản ứng bất lợi để đi trọn con đường. Và anh ta còn phải khiến cho người đọc ý thức rõ, như Betolt Brecht từng đòi hỏi ở những kịch sĩ: Tôi đang viết đây này. Và đang viết theo kiểu của tôi. Đừng lầm lẫn tôi với những gì tôi viết, đừng đem những gì cho là chuẩn độ của đời ra đo lường....

Tác giả lớn là những người vừa có tài, vừa quả cảm. Họ thể hiện tài năng đó theo cách của riêng mình. Họ bất chấp sự thờ ơ và, trong nhiều trường hợp, ngỗ ngược thách thức những độc giả... không lớn.

NGUYỄN HOÀNG VĂN **

Chú thích:

1. Nguyễn Hưng Quốc. 1998. *Sống và viết như những người lưu vong*, trong Việt số 2. (Phần đánh dấu (*) được NHQ trích từ Nguyễn Mộng Giác, Văn Học 103, 11.94)

2. Walt Whitman sinh ngày 31.5.1819 và mất ngày 26.3.1892
Những câu thơ được trích từ *Song of Myself*, trong *Leaves of Grass*, khổ thứ 24:

...Walt Whitman, a komos, of Manhattan the son,
Turbulent, fleshy, sensual, eating, drinking, and breeding...

The scent of these arm-pits aroma finer than prayer,
This head more than churches, bibles, and all the creeds...

Chú thích của Hợp Lưu:
** Trên Hợp Lưu số 44 và số 46, khi đăng hai bài viết về Bùi Giáng của Nguyễn Hoàng Văn, toà soạn đã in nhầm tên tác giả thành Nguyễn Hoàng Vân. Thành thực xin lỗi tác giả Nguyễn Hoàng Văn và xin đính chính cùng bạn đọc.



PHAN NHIÊN HẠO

"Dòng chính" là gì?



Trong văn chương hải ngoại gần đây đang tồn tại một kêu gọi khá khẩn thiết về việc văn chương Việt nam cần gia nhập vào "dòng chính" của văn chương Hoa Kỳ. Có rất nhiều than thở, thậm chí cay đắng về một nền văn chương nghèo nàn lạc hậu không có khả năng hội nhập vào văn chương "dòng chính." Việc văn chương Việt nam thiếu những tác phẩm tầm vóc, những tác phẩm có thể chinh phục đọc giả ngoại quốc là một sự thật hiển nhiên. Tất cả những cố gắng giới thiệu văn chương Việt nam đến đọc giả ngoại quốc là cần thiết và đáng quý vì thật ra cho đến nay, văn chương Việt nam hầu như chưa được biết đến mấy bên ngoài biên giới cộng đồng nói tiếng Việt. Việc hội nhập vào "dòng chính" là một việc đáng làm. Tuy vậy, chưa ai thử đặt câu hỏi "dòng chính" là gì?

Khái niệm "dòng chính," "mainstream," là một khái niệm rất tế nhị trong một xã hội hậu hiện đại, đa chủng tộc và đa văn hóa như Hoa Kỳ. Thật sự, đây là một thuật ngữ mà hiện nay dường như người

ta tránh đề cập đến ở Hoa Kỳ. "Mainstream" ở Hoa Kỳ, ít nhất là trong môi trường đại học, thường được hiểu như một áp đặt của văn hóa da trắng, của "the dominant culture," lên văn hóa của các sắc dân thiểu số, hơn là một mẫu mực, hay một mục đích, mà những người làm văn hóa thiểu số nên nhắm tới. Ngay cả trong định nghĩa đơn giản nhất của thuật ngữ này bởi từ điển, chúng ta cũng thấy đây không phải là một thuật ngữ trung tính. "Webster's New World Dictionary" định nghĩa "mainstream" như sau: "a major or prevailing trend, as of thought, action, literature, music, etc." (trang 815)[1]. Vì "dòng chính" là một dòng "thắng thế" (prevailing), nó có tính loại bỏ những dòng yếu hơn. Nói một cách khác, "dòng chính" là dòng mạnh nhất được tạo nên bởi những kẻ thế lực nhất về văn hóa. Một cách lịch sử và hiển nhiên, ít nhất là ở Hoa Kỳ, những kẻ thế lực nhất về văn hóa là người da trắng, cũng là những kẻ thế lực nhất về kinh tế và chính trị. Những người làm văn hóa gốc dân thiểu số hiện nay ở Hoa Kỳ vì thế có xu hướng phê phán và không muốn bị khống chế bởi cái gọi là "dòng chính" này. Họ cho rằng văn hóa dòng chính, vì được tạo nên một cách lịch sử bởi những áp đặt kinh tế và chính trị, trong đó bao gồm lịch sử nô lệ hóa người da đen và kỳ thị người da màu nói chung, đã không phản ảnh, và thậm chí coi rẻ, văn hóa của các sắc dân thiểu số.

Những người biện hộ cho "dòng chính," mà ngày nay ở Hoa Kỳ thường bị coi là những kẻ bảo thủ, thường đồng hóa khái niệm "dòng chính" với cái gọi là tính nhân loại. Họ cho rằng văn hóa "dòng chính" là văn hóa bao gồm những giá trị phổ quát và căn bản vượt qua biên giới chủng tộc và địa lý. Rất thú vị, đây cũng là quan điểm của phần lớn những người làm văn hóa ở các nước nhược tiểu, những người sùng bái phương Tây, và cho rằng bằng cách trích dẫn và sao chép các nhà văn phương Tây, họ đang đạt đến tầm vóc quốc tế (!). Nhưng nếu nhìn đến tận căn nguyên của những giá trị gọi là phổ quát này, người ta sẽ thấy chúng cũng được tạo nên bởi người da trắng và được truyền bá cùng với các cuộc xâm chiếm của chủ nghĩa thực dân. Dĩ nhiên không ai có thể phá bỏ được hoàn toàn các chuẩn mực đã được kiến tạo bởi các hoàn cảnh lịch sử, nhưng ít nhất là dưới nhãn quan hậu hiện đại, người ta tránh đánh giá các sản phẩm văn hóa chỉ dựa trên duy nhất các tiêu chuẩn phương Tây. Thậm chí người ta tránh hoàn toàn việc phán xét (judge) một tác phẩm văn hóa. Và dĩ nhiên là

---

1 Webster's New World Dictionary of American English, Third College Edition. New York: Prentice Hall, 1988.

tuyệt đối tránh thái độ sùng bái lố bịch đối với văn hóa Tây phương. Rất nhiều nhà văn gốc dân thiểu số ở Hoa Kỳ giờ đây hài lòng, và thậm chí tự hào về tình thế chông chênh ngoài lề của họ, về sự tồn tại "on the edge", trên cái gọi là "dòng chính".

Các nhà văn Việt nam ở hải ngoại , khởi đi từ một đất nước nghèo nàn và lạc hậu, phần lớn đều không có được cái tinh thần độc lập của các nhà văn thiểu số Hoa Kỳ. Một mặt, có cảm giác rằng những kêu gọi hội nhập "dòng chính" hiện nay chỉ dừng lại ở mức độ ngôn ngữ. Nếu một nhà văn Việt nam viết được bằng tiếng Anh hoặc tìm được người dịch sách mình ra tiếng Anh, thế là hội nhập. Mặc khác, các kêu gọi "hội nhập" này hoàn toàn không đề cập gì đến tương quan văn hóa giữa cái gọi là "dòng chính" và bản sắc văn hóa riêng. Ngược lại, có một thái độ gần như là khinh bỉ đối với cái gọi là nền văn chương lạc hậu của Việt nam. Rất tiếc là người ta tìm kiếm các cơ hội hội nhập vào "dòng chính", và cải tạo nền văn chương lạc hậu Việt nam bằng những thứ rất ...cũ kỹ của văn hóa phương Tây. Những món cũ kỹ cỡ Kafka, Freud, hay chủ nghĩa cấu trúc. . . Những món mà phần lớn các sinh viên văn chương Hoa Kỳ đều nhai qua một cách uể oải trong những năm đại học để rồi không còn để ý đến mấy khi ra trường. Những nhà hiện đại phương Tây từ lâu đã trở thành cổ điển ở Hoa Kỳ. Có người cho rằng "cũ người mới ta". Những món này có thể cũ kỹ đối với một xã hội phát triển như Hoa Kỳ nhưng vẫn còn rất mới đối với người Việt nam, nên cứ tiếp tục dùng chúng như các mẫu mực trong sáng tác và phê bình văn chương. Tôi e rằng một quan niệm như vậy mâu thuẫn với chính cái gọi là việc làm mới văn chương Việt nam. Điều này cũng giống như nói rằng vì Việt nam chưa bao giờ chế tạo được máy bay nên nếu có mua máy bay thì mua rẻ những loại cũ kỹ thời đại chiến thế giới thứ hai thay vì mua máy bay phản lực đời mới nhất. Văn chương không nhất thiết phải đi từ a qua b để đến c. Phần lớn những người tự coi là tiên phong nhất trong văn học Việt nam hiện nay thật ra hãy còn mắc kẹt đâu đó trong đám sương mù của chủ nghĩa hiện đại, nơi mọi sự đều rất trầm trọng và. . . văn chương. Tình trạng này thậm chí tệ hại hơn ở trong nước, nhất là ở miền Bắc, nơi các nhà văn dường như rất sính hàng ngoại. Các tên tuổi của chủ nghĩa hiện đại như Sartre và thậm chí tiền hiện đại như Dostoevski hãy còn được dẫn ra quanh các bàn nhậu ở Việt nam như những thước đo kiến thức và mức độ cập nhật văn chương. Các bài lý luận phê bình phần lớn nặng việc trích dẫn, biểu diễn kiến thức chấp vá văn hóa phương Tây hơn là nhằm vào đối tượng được phê bình.

Việc học hỏi, thu nhập kiến thức văn hóa từ các bậc thầy phương Tây là cần thiết nhưng cần thiết hơn là một thái độ độc lập trong sáng tạo văn chương sau khi tiêu hóa các kiến thức đó. Mặc khác, nếu muốn hiện đại và hòa nhập vào "dòng chính" của văn chương Hoa Kỳ, chúng ta cần nhận rõ rằng văn chương Hoa Kỳ nói chung là một nền văn chương chống lại tính trí thức của văn chương Âu châu. Và văn hóa Hoa Kỳ, thích hay không thích, vẫn là một nền văn hóa đang bành trướng mạnh mẽ trên thế giới trong thời điểm gọi là hậu hiện đại này. Các nước đang phát triển ở Á Châu, là những ví dụ, về việc đang ngày càng Mỹ hóa trong xu hướng trở nên các xã hội tiêu thụ và giải trí phổ thông. Nếu các nhà văn của chủ nghĩa hiện đại luôn đặt họ trong tư thế đối lập với xã hội tiêu thụ, các nhà văn hậu hiện đại học cách sống với các đồ vật và kỹ thuật. Thường thì thay vì phê phán gay gắt xã hội tiêu thụ, các nhà văn hậu hiện đại là những người có óc khôi hài và vị tha đối với những gì từng được coi là rẻ tiền. Cái gọi là "tính phức tạp hậu hiện đại", "the post-modern complexity," trong lối sống của giới trí thức trẻ Hoa Kỳ, là một sự tổng hợp giữa kiến thức, sự sung mãn về thông tin, tinh thần dân chủ, tính vị tha và óc khôi hài. Tôi đã từng ngạc nhiên khi nhìn thấy các sinh viên văn chương trong trường tôi học ngồi xem những show truyền hình rẻ tiền kiểu Jerry Springer. Nhưng rồi chính tôi sau một thời gian cũng bắt đầu nhận ra rằng, nếu người ta có thể xem xét mọi sự với một đầu óc cởi mở và không quá quan trọng hóa vấn đề, ngay cả những show truyền hình rẻ tiền như vậy cũng rất thú vị. Đinh Linh, một nhà văn Việt nam viết bằng tiếng Anh có lần nói với tôi rằng anh tìm được rất nhiều cảm hứng để viết từ việc đọc các tiểu thuyết hình sự, các mẫu rao vặt, các sáng tác của trẻ con, và nhiều thứ linh tinh đại loại như vậy. Hầu hết những nhà văn giỏi nhất của văn chương "dòng chính" Hoa Kỳ hiện nay, một cách thú vị, là những nhà văn viết một cách rất chân phương. Điều này không có nghĩa rằng chủ nghĩa hậu hiện đại hoàn toàn sao chép các phương thức sáng tác của văn chương cổ điển. Vấn đề là những nhà văn "dòng chính" này, nhiều người trong số họ có thể không phải là những nhà văn đúng với các định nghĩa của chủ nghĩa hậu hiện đại, dường như không mấy quan tâm về các thời trang văn học. Họ bằng lòng với vai trò khiêm tốn của những người kể chuyện. Họ không muốn làm những nhà tư tưởng, vì các tư tưởng thường rơi vào chỗ trống không trong một xã hội tiêu thụ. Họ cũng không quá chú trọng vào các cách tân hình thức, vì các cách tân hình thức thường chỉ là trò ảo thuật trên các thủ pháp đã được sáng tạo đầy dẫy bởi chủ nghĩa hiện đại, mặc dù đã có thời, việc nhại lại các thủ pháp của chủ nghĩa

hiện đại được xem như một đặc tính nghệ thuật của chủ nghĩa hậu hiện đại. Những nhà văn Việt nam thuyết phục nhất ở hải ngoại hiện nay, những người mà học vấn và hoàn cảnh sống cho họ nhiều cơ hội tiếp xúc với cái gọi là "dòng chính" nhiều hơn cả, cũng là những người kể chuyện rất chừng mực và chân phương. Những người như Võ Đình, Đinh Linh hay Nguyễn Thị Ngọc Nhung.

Việc gia nhập vào "dòng chính" theo tôi là một việc làm đáng quý nhưng không phải là mục đích tối hậu của một nhà văn hải ngoại. Nếu nhãn quan hậu hiện đại cho phép nhà văn sáng tạo nên thực tại và hội hè với thực tại đó thay vì chỉ phản ảnh nó, ngay cả phản ảnh đến các tầng sâu kín nhất như những gì mà chủ nghĩa hiện đại đã làm, tính dân chủ và cởi mở của xã hội hậu hiện đại cũng cho phép nhà văn, đặc biệt là các nhà văn gốc dân thiểu số, được độc lập hơn với các thước đo văn chương. Tài năng của một nhà văn không nhất thiết được đo bằng các giải thưởng lớn hay bằng cấp, mặc dù trong một xã hội chuyên môn hóa cao, người ta khó có thể làm gì ra hồn nếu không có kiến thức căn bản vững chắc. Xã hội hậu hiện đại cũng giúp giải thoát các nhà văn ra khỏi ảo tưởng về sứ mạng nghiêm trọng của họ đối với nghệ thuật hay chính trị. Ngày nay người ta xem Tivi nhiều hơn đọc sách. Và các nhà văn không phải là những kẻ đắt hàng. Nhất là các nhà văn viết loằng ngoằng. Người ta cần những nhà văn biết rõ công việc mình làm và làm với một sự đơn giản hiệu quả, với một cái nhìn cởi mở và óc khôi hài, hơn là những nhà văn phức tạp và hình thức. Một nhà văn giỏi cũng chỉ là một nhà văn của một số nhỏ đọc giả. Một nhà văn gốc dân nhập cư, giới hạn bởi ngôn ngữ và các khác biệt văn hóa, khó có thể là một nhà văn bên ngoài cộng đồng của anh ta. Điều này không có nghĩa là các nhà văn thiểu số không có khả năng chinh phục đọc giả bên ngoài cộng đồng. Chỉ đơn giản là anh ta nên viết về những gì anh ta biết rõ nhất và nhắm tới trước tiên những người anh ta quen thuộc nhất. Các nhà văn thiểu số Hoa Kỳ không phải quá lo lắng về việc tác phẩm của họ có được chấp nhận bởi "dòng chính" hay không khi "dòng chính" chính nó là một khái niệm đang được xét lại.

Người Việt nam ở Hoa Kỳ là một cộng đồng mới mẻ. Những người Nhật đầu tiên đến Hoa Kỳ là vào năm 1868, cho đến nay họ vẫn chưa có một nhà văn quan trọng nào ở Hoa Kỳ. Người Trung Hoa, đông đảo hơn và đến Hoa Kỳ sớm hơn (1849), cũng chỉ có được một vài người gần đây như Maxime Hong Kingston và Amy Tan. Cả hai nhà

văn kể trên đều dùng tiếng Anh như ngôn ngữ thứ nhất. Các nhà văn Việt nam có thể làm những điều diệu kỳ. Nhưng nếu họ nghĩ rằng họ có thể gây ấn tượng đối với người Hoa Kỳ bằng các cách tân của chủ nghĩa hiện đại Âu châu và buộc đọc giả phải mày mò trong đám chữ nghĩa rối rắm để tìm ra những ý tưởng cũ kỹ, thì nói như những người Mỹ "dòng chính": "You might just embarrass yourself."

Và tôi, người viết bài này, có thể cũng đang làm lố bịch chính tôi khi nói về "dòng chính" dưới cái gọi là nhãn quan hậu hiện đại, một nhãn quan rất Mỹ và không chắc gì đã thích hợp với văn chương Việt nam.

PHẠN NHIÊN HẠO



PHẠM VIỆT CƯỜNG

Khi em đi

Còn lại
dáng em ngồi
lặng tím chiều
đi

ngoài
thế giới
chiếc ghế mồ côi căn phòng

lạ lùng những đường vân
Môi
vành ly em mờ
tôi nhìn trong suốt
lên đêm trời hường xạm

dấu vết
cuộc đời
khác

nụ hôn của gió
lướt qua khuôn mặt
kỷ niệm

còn ấm trên môi tôi

PHẠM VIỆT CƯỜNG



THỌ DIÊN

Nhật ký người tàng hình



Bỗng nhiên ngồi bật dậy viết tung tóe kẻo trễ.

BÀI TẬP *bis*
Tôi ngụ cư như tôi ngự cu
Tôi cay đắng như tôi căng đáy
Tôi mài kéo như tôi mèo cái
Tôi hiện đại như tôi hại điện
Tôi liệng cống như tôi lộng kiếng
Tôi tiền đâu như tôi đầu tiên
Tôi phù yên như tôi ưu phiền
Tôi xiềng râu như tôi sầu riêng
Tôi trop cher như tôi très chaud
Tôi đơn giản như tôi đang giỡn.

Thay vì một từ nào đó được lập lại như Thanh Tâm Tuyền - *Tôi buồn ngủ như tôi buồn nôn*, hay Đỗ Kh. *Tôi tiêu sơn như tôi tiêu hủy. Tôi tráng miệng như tôi tráng sĩ (*Bài Tập, Tạp chí Thơ số mùa thu 96) - từng cặp chữ bị quật chéo lại, bỏ dấu khác đi hoặc thay đổi các hợp âm, có khi hơi gượng vì không rõ nghĩa nhưng đại khái là láy qua lái lại chơi, vui thôi mà. Vậy động lực và chủ đích ở đâu? Động lực là cảm hứng bất chợt từ sự thú vị khi đọc Bài Tập của Đỗ Kh., còn chủ đích thì làm gì có. Nhiều người viết đôi khi ngồi bật dậy ngồi vào bàn cũng chỉ vì vậy.

Bộ điên hay sao mà khi ngồi vào bàn viết người ta lại tỉ mẩn đặt câu hỏi ai, cái gì, lúc nào, ở đâu, như thế nào, tại sao, bao nhiêu, để làm

chi. Viết là một tiến trình khởi đầu từ lâu lắm. Tạm lấy mốc thời gian những năm sáu mươi, bảy mươi của giới trẻ miền Nam.

Nó có thể manh nha từ bài tập làm văn đầu tiên. *Em hãy tả con chó. Em hãy tả cảnh gia đình quây quần buổi tối, một đám cháy nhà, tâm sự quyển sách vỡ lòng bị bỏ quên.* Sau đó, *em hãy phân tích tâm trạng Thúy Kiều lúc vào lầu xanh, tâm trạng Kim Trọng lúc nghe Thúy Kiều gãy đàn lần thứ hai, tư tưởng Pascal qua cây-sậy-biết-suy-nghĩ, đam mê là gì?...*

Nó có thể hữu hình từ tình cảm rạo rực hoặc não nề khi đặt bút viết dòng nhật ký đầu tiên của đời mình, dù mình chỉ mới mười ba tuổi đời: *Hôm nay sinh nhật mình nhưng hình như mọi người trong nhà đã bỏ quên mình. Ôi! Mình thật cô đơn.* Hoặc lúc giở những trang lưu bút ngày xanh vừa được một người bạn chuyền cho, *tới phiên mình đây; mình sẽ viết: Bạn ơi quan hà xin cạn chén ly bôi, ngày mai tôi đã... đã... đi xa rồi. Hoa phượng. Ve sầu. Mỗi khi đến hè lòng man mác buồn...* v...v...

Rồi là những tập thơ chép tay, chữ viết bay bướm nén nót trên giấy mõng màu hồng có trình bày... mỹ thuật bằng cách cóp lại tùy "gu" những hình vẽ của Đinh Tiến Luyện, Hồ Đắc Ngọc, Vy Vy, Lê Trung... Bắt đầu bồi hồi mê thầy cô giáo và làm thơ lúc người ấy (thầy, cô) sang sông. *Hôm nay đám cưới người tôi thương, giăng mắc mưa rơi khắp phố phường.* Kiểu *nhà ai pháo đỏ*. Đầu tóc bỗng dưng bù xù, mắt mơ màng. Con trai sẽ hút thuốc nhìn khói, con gái vẽ mắt đen bỏ tóc xỏa làm người đẹp sầu mộng. Trong đám đông thỉnh thoảng trích dẫn thơ của người khác, để... tự khẳng định. *Hoa có rụng mới biết đời dâu bể, tình có xa rượu uống mới nồng.* Có khi xổ nho: *Dục phá sầu thành tu dụng tửu...*, hoặc mênh mông trừu tượng: *ta mở lớn cửa vườn để mọi người vào nhìn, nhưng có nhìn xin đừng hái, lá hồn ta đã chín vàng sắp về đến cội...* Quá trình vay mượn kéo dài khá lâu bỗng nhiên một hôm ngồi bật dậy ngồi vào bàn viết, sáng tạo với danh dưng đại từ ngôi một là cái chắc: *Tôi đi hoang suốt những ngày mùa đông...* Mặc dù bên ngoài nắng đổ lửa, xe cộ chạy rần rần, hàng xóm chửi nhau chí chóe, chó ỉa bậy ngay trước cửa. Thi văn đoàn *Mây Lênh Đênh,* bút nhóm *Thép Đã Tôi Thế Đấy* được hình thành từ đó. Rồi từ đó em buồn, hành trang trĩu nặng vai gầy.

Buồn hơi lâu. Vừa làm bộ buồn vừa cóp nhại tâm sự của người khác. Thân phận: *Tôi chợt sinh ra như loài thảo mộc, rồi bỗng lớn lên như lũ thú rừng.* Tuyệt tình: *... tôi vội vã ghì em thêm và ngước mắt lên cao.* Lúc này còn nhập nhằng của mình của người cho đến khi tìm được một hướng đi riêng. Song song là một sự đọc ngốn để tự nâng cao

kiến thức bằng Hố Thẳm Tư Tưởng, Bay Đi Những Cơn Mưa Phùn, Điệu Buồn Cho Charlie, Số Không Và Vô Tận, Chàng Tuổi Trẻ Gan Dạ Trên Chiếc Đu Bay, xong rồi Buồn Nôn. Trầm ngâm, xa vắng và thỉnh thoảng vu vơ: *To be or not to be,* Ngoằn ngoèo: *con người bị kết án với sự tự do.* Báo động: *Người ta có thể đi tới bằng cách trở lui.* Rên xiết Tây: *Tu es la forêt des contradictions.* Tình Tây: *L'amour, tu es pierre et c'est sur cette pierre que j'ai bâti ma vie.*Thượng đế Tây: *Seigneur, rendez moi dans mon rêve ce que Vous avez retiré dans ma vie.*

Cứ như một người học vẽ vỡ lòng tập họa chân dung mình bằng chì đen, chép tranh của họa sĩ nổi tếng, pha trộn các trường phái rồi lại... tự khẳng định bằng hướng đi riêng với ít nhiều lai căng. Hướng đi này có khi chỉ là một đoạn dạo chơi ngắn ngủn không đủ hơi, thiếu sự khích lệ; có khi ồn ào gây hiện tượng, được nâng đỡ bởi các bậc anh chị cha chú trong văn đàn, về sau tự ngo ngoe rồi chết yểu, vỡ nợ vì cụt vốn kín thức, ngôn ngữ, cảm hứng, đề tài... hoặc bận bịu bon chen sinh kế. Hiếm người viết để sống, càng hiếm ai sống để viết như Bùi Giáng, Mai Thảo. Cũng có những cuộc dạo chơi dài ra, khách nhàn du chợt biến thành kẻ lữ thứ nghiêm trang chầm dầm như đang có sứ mạng cao cả của Đường Tam Tạng trên hành trình thỉnh kinh hay Abraham phải bầu đoàn thê tử về Canaan theo lời dạy của Đức Chúa Trời.

Nói chung không ai khởi dầu bằng cách tự khoác cho mình chiếc áo sứ mạng nặng chịch khi tập tễnh cầm bút. Sứ mạng luôn luôn đến sau quá trình dạo chơi, sau khi mặt mày đã nghiêm và buồn, và tư duy đã cực kỳ triết học. Lý tưởng chính trị thì nói làm gì, hãy gạt cái này ra ngoài văn học. Người ta sẽ không khởi đầu bằng Bảy Bước Đến Thành Công, Cái Dũng Của Thánh Nhân, Quẳng Gánh Lo Đi Và Vui Sống, Nạn Con Lai là Một Quốc Nhục hay Zatrthustra Đã Nói Như Thế... vì không màng đến sứ mạng. Viết, trước hết là tự giải phóng, tự cứu rỗi: *"Hỏi viết cho ai? Viết cho tôi. Viết làm gì? Chẳng biết để làm gì, muốn viết thì viết, không viết thì cứ ấm ách nên viết để giải tỏa, thế thôi. Viết thế nào? Chưa bao giờ trong đầu tôi hiện lên câu hỏi ấy, câu hỏi mà lâu lâu trong sinh hoạt văn chương giới cầm bút vẫn thường đặt ra để tìm một lối viết khác trước; thậm chí những người tìm đường muốn dứt khoát với quá khứ hay truyền thống không ngần ngại chặt cầu với lớp đi trước, và phóng đại công việc mình làm thành một sứ mệnh cao cả..."* (Nguyễn Mộng Giác, Viết Văn Ngoài Quê Hương, Tạp chí Việt). "*tôi viết như tự cởi trói đồng thời sợ cuộc đào tẩu bị bắt quả tang, với tôi, chứng cớ hết chối cãi...*" (Trần thị Ng.H.. Nghỉ Mát Ở Bãi Biền,

Văn 1969).

Ở một nghĩa nào đó, viết cũng để được chia xẻ. Người đồng cảm đầu tiên là kẻ đọc bản thảo lúc nó chưa được đưa lên giàn phóng. Những người này nằm trong danh sách Top 5 thậm chí Top 10 được chọn để trao gửi một cách trân trọng. Khi tác phẩm xuất hiện trên báo hay tạp chí dưới dạng những bài viết rời, tác giả quan tâm đến những người viết khác có bài trong cùng một số báo, ít nhất một phần ba những người này đọc qua bài của mình. Họ là ai? Những người cùng làm văn học tất nhiên sẽ có một nhận định đúng đắn, sâu sắc hơn những ai đọc chỉ để thỏa mãn sự tò mò, để giải trí hay để theo đuổi một sở thích, một phong trào, một thời trang. Quần chúng có vẻ như là đối tượng sau cùng mà người viết nhắm vào, bởi tiếng vọng này gián tiếp và trừu tượng, thường khi êm ru; trừ phi tác phẩm được chiếu cố bởi nhà xuất bản để in thành sách, được nằm trong danh sách bán chạy trong năm, được tái bản nhiều lần với số lượng lớn, được chuyển thành phim... Nhưng các bước này thuộc về hậu kỳ, lúc ấy người viết đã tom góp lại những bài viết rời đủ cho bề dày của một tuyển tập. Kết quả nhiều khi nằm ngoài dự kiến của tác giả. Hừng chí, nhà thơ sẽ ra tiếp những tập thơ khác còn nhà văn thì rục rịch viết chuyện dài hơi.

Chặng sau này của cuộc hành trình đôi khi bừa bãi bi hài lẫn lộn. Tham vọng trồi lên. Người viết thấy mình độc đáo, quan trọng, gây ảnh hưởng. Anh ta nghiêm trang hơn, trách nhiệm hơn vì đang ấp ủ hoài bão cách mạng văn học, đang tạo thời cuôc, đang làm lịch sử. Do vậy mà nhiều người tự làm tiêu ma cái hồn nhiên ban đầu. Cũng có những tác phẩm thực sự ảnh hưởng cả một hoặc nhiều thế hệ, như *hoa vàng ở động gã từ quan, bụi đỏ ngày xưa Hoàng Thị, vết chim bay* của Phạm Thiên Thư, *sinh tử thập thành lá hoa cồn phiêu bồng* của Bùi Giáng; Đinh Tiến Luyện với *Anh Chi Yêu Dấu*; Duyên Anh với *Thằng Vũ, Thằng Côn, Con Thúy*; Nguyễn Đình Toàn với *Con Đường, Chị Em Hải;* Nhã Ca *Giải Khăn Sô Cho Huế*, Túy Hồng *Những Sợi Sắc Không;* Thụy Vũ *Mèo Đêm, Lao Vào Lửa*. Bên kia là Gide là Sartre là Troyat, Remarque, Salinger, Kazantzakis... Cái thời mà văn học miền Nam trộn lộn với thế giới, vui như Tết.

Đại lộ có những lối rẽ hoặc đường song song. Một cát tuyến có thể bỗ xuống biến nhà thơ thành nhà biên khảo, nhà văn thành nhà phê bình. Các nhà này thường khi đa năng, và thực tế cho thấy có vài trường hợp "hai (hoặc ba) trong một" thành công xuất sắc. *Những ngày Làm Việc Ở Chung Sự Vụ* của Nguyên Sa không làm hư đi áo hoa vàng hoa cúc hay áo xanh sân trường, *Tạp Ghi* Ba Tê không ăn nhậu gì

đến *người đã ném mẩu thuốc tàn xuống sông nghe lòng mình phơi trên kè đá*. *Second-hand* đi chơi chung với *Marie Sến để đánh đường tìm tiếng*, mặc dù huề cả làng, vẫn là một đại lộ nhiều "lane"

Tính ra khi mặc áo này áo nọ người viết chẳng có ý đồ gì ghê rợn. Chẳng lẽ đi ban đêm mà mang kính râm hay mặc trang phục dạ hội mà xỏ giày thể thao Nike. Tâm trạng này không thể khoác văn phong kia. Độc giả quần chúng tùy nhu cầu và mỹ cảm của mình mà chọn tác phẩm; tác giả không chọn độc giả rồi tự làm cho mình bằng đều. Chuyện này do phân công tự nhiên của xã hội và các chủ biên. Con nít cấp một bây giờ đọc Đô-Rê-Môn, lớn một chút chuyển sang Lúc-Ki Lúc-Ke, Tintin, Xì-Trum; Khăn Quàng Đỏ. Học sinh cấp 3 - con trai bắt đầu nổi mụn, con gái ẹo ẹo - tìm đọc Áo Trắng, Mực Tím, Hoa Học Trò; nâng cao hiểu biết qua các giải đáp y học hoặc nhỏ to tâm sự trong tuần báo Phụ Nữ, Thanh Niên; chọn Nguyễn Nhật Ánh, Đoàn Thạch Biền vì truyện của họ... "dễ thương". Sinh viên đại học đọc báo Kinh Tế, Tiếp Thị, thỉnh thoảng ghé nhà sách lựa, lựa, mua một tập truyện ngắn gồm nhiều cây bút trẻ hoặc một truyện dài của ai đó vì nghe nói được tái bản hoặc có nhiều lời chê khen của báo chí. Thường khi, họ chỉ mua sách học ngoại ngữ hoặc vi tính. Không giống cha mẹ cô chú cậu dì thím mợ dượng tụi nó trước đây đọc Sách Hồng với *Chiếc Áo Nhung Lam, Cái Ấm Đất* rồi *Chim Hót Trong Lồng* của Nhật Tiến, từ từ leo sang lục bát Viên Linh, *Qua Bắc Vàm Cống* của Tô Thùy Yên rồi mới rẻ đường này đường kia với mỹ cảm riêng nhưng tựu trung vẫn là có tình với văn học.

Ngày nay tivi, băng video, băng cassette, CD, computer làm người ta mất dần thói quen đọc sách vì... mệt quá. Đọc là một loại hình sinh hoạt thụ động: không âm thanh không hình ảnh, không kỷ xảo, chỉ đơn độc cái trí tưởng tượng đi lang thang từ trang này sang trang khác. Hành trình lẻ loi này vừa oải vừa lạc điệu. Bây giờ bấm cái cạch là có ngay mọi loại kiến thức. Yêu văn học lắm mới chần chừ mua một cassette có giọng đọc của Nguyễn Ngọc Ngạn hoặc Hồng Đào, nằm nhắm mắt lơ tơ mơ một hồi với cái giọng lên bổng xuống trầm bảo đảm phiêu du là cái chắc vì thiếu sự động não.

Người hoài cổ chắc khó quên cảm giác nô nức khi mang thêm một quyển sách về nhà. Mùi giấy mực thơm đặc biệt của sách mới in, những cái gáy nằm sang sát trang trọng trên kệ tủ, tấm chặn giữa hai trang đọc dở... Nhịp sống công nghiệp không cho phép người ta lãng mạn tủn mủn. Tủ sách giai đình trong vài thập niên gần đây đã dần dần biến mất trong phong cách bày trí một căn nhà. Thay vào đó là một giàn thiết bị âm thanh đồ sộ, một bàn nhỏ thiết kế cho máy vi tính, giá

đựng băng CD... Người Việt Nam đặc biệt đưa tất cả những cái này ra phòng khách cùng với tủ lạnh, máy truyền hình và xe gắn máy, tủ thờ, tủ chén và đồng hồ treo tường có báo giờ mỗi nửa tiếng nói tiếng Anh đàng hoàng chứ không phải đồ bỏ.

Vậy bây giờ người ta viết cho ai? Cho mình cái đã, rồi cho bạn bè người thân và tất nhiên là những người cùng làm văn chương. Riêng năm 1998, cả nước có 700 tập thơ được xuất bản. Chẳng lẽ hơn 70 triệu người Việt Nam bây giờ yêu thơ dữ vậy? Ở hải ngoại các tác phẩm cũng được viết cho những đối tượng tương tự; có điều người ta ít hy vọng hơn vì lớp con cái cháu chắt của họ không thèm đọc tiếng Việt Nam, nhưng ít ra những tác phẩm này đại diện cho một loại hình văn học: văn học hải ngoại, ghi dấu, và di chứng của một giai đoạn thăng trầm của đất nước. Văn, Hợp Lưu, Văn Học, Trăm Con, Việt, Sóng Văn, Diễn Đàn, Tạp chí Thơ... phong phú và đa dạng, trang trọng, nhiệt tình nhưng ngắc ngoải. Trong nước, hơn 400 nhật báo và tạp chí định kỳ, cùng bao nhiêu cây bút trẻ triển vọng của thời mở cửa vẫn chưa đẩy văn học lên một tầm cỡ nhất định. Nói như Đỗ Kh.: "*... tình trạng thơ ca trong nước hiện nay đầy hứa hẹn tuy là nếu nhìn lại nửa thế kỷ vừa qua thì có hơi trống vắng. Ba mươi năm chiến tranh và hai mươi năm đóng cửa cả nước về tất cả mọi mặt, văn hóa cũng như... v...v... kinh tế này kia. Nhưng có lẽ trong ba mươi năm chiến tranh thơ là ăn bom nhiều nhất cũng như trong hai mươi năm đóng cửa thơ là bị ăn độn nhiều nhất.*

Rất may là trong cái sa mạc này vẫn có những ốc đảo, kể cả những ốc đảo thật và những ốc đảo do ảo ảnh sa mạc gây ra. Đây đó vẫn đếm được nhiều tòa nhà, thấy được những công trình xây dựng quan trọng nhưng những công trình này, những tòa nhà này không đủ để làm nên một thành phố. Một thành phố phải là những con đường hội tụ và tôi có cảm tưởng chỉ có thế hệ lớn lên và thành niên trong thời kỳ đổi mới, nghĩa là vào cuối thập niên 90 này mới là những con đường đang hình thành nhen nhúm đó."

Dù không biết viết để làm chi, người ta vẫn cứ viết, thậm chí người trước còn đặt hy vọng nơi người sau. Đỗ Kh. cảm thán *trong nước không có gì nhưng có tương lai; ở ngoài nước không có gì, chẳng những đã không có tương lai mà không có cả quá khứ gì đáng nói nữa.* Nhiều người phát biểu văn học hải ngoại là cánh tay nối dài của văn học miền Nam trước 1975. Dù là một hiện thực hay là một nguy cơ, Việt Nam rõ ràng đang có hai dòng chữ, hai cánh tay văn học cái thế này cái thế khác nhưng cùng mọc ra trên cơ thể của một người dị tật; may mà chưa có cái nào bị liệt. Vậy là ngon rồi. Phùng Quán có lần



PHẠM TƯỜNG VÂN

Bầy cò bỏ đi...

Rồi một ngày tất cả những con đường túa ra từ tim thành phố
Bỗng bấn loạn như bầy rắn bị thổi tung mồi lửa
Nhông nhênh trên một con rắn hoang tôi tìm về điểm gặp
một con đường
Em bối rối nhìn tôi từ đuôi một con rắn khác
Em ngu ngơ đến nỗi sự hoài nghi không còn chỗ đậu
Lúng túng như bầy cò trước cánh đồng đầy những hình nhân
Điều tôi muốn tìm là cây kim nằm trong quả trứng
Quả trứng ngủ im trong bụng con cò...
Tôi hung hãn giật tung những con bù nhìn
Em luống cuống, tái nhợt như miếng gỏi vắt chanh
Sự hoài nghi ào ào hạ cánh
Tôi nép mình như cóc nhái
Hồi hộp chờ một quả trứng hồng...
Cánh đồng mộng tưởng của em rũ rượi xác xơ
Bầy cò bỏ đi
Để ung vô vàn quả trứng...

11.1994

gầm gừ rằng:

Giấy bút ta ai cướp giật đi
Ta sẽ dùng dao viết văn lên đá.

THỌ DIÊN
Tháng ba, 1999

---

* Xin thật thà xin lỗi cùng các anh Thanh Tâm Tuyền, Nguyễn Mộng Giác, Nguyễn Xuân Hoàng, Nhã Ca, Đỗ Kh., và các nhà thơ, nhà văn, nhạc sĩ... về những câu, từ đã trích dẫn trong bài viết này.



DU TỬ LÊ

Lời xin lỗi,
đồng thời biết ơn của cục đất sét, khác

bây giờ, sau vài năm ta không gặp nhau
có thể em đã lấy chồng;
tôi mong thế.
trở thành kẻ khác
hạnh phúc hay đau khổ?
(cứ cho là cả hai)
tôi cũng chẳng thấy điều gì đáng nói.
chí ít
người đàn ông kia cũng mang lại cho em sự dầy vò (nhạt nhẽo?!?)
chỉ xin nhắc nhở em
hãy quên,
hãy đoạn tuyệt, hãy vĩnh biệt sớm
biển cả.

nếu em không thể hãnh diện
về dấu vết tội ác nhân loại
đã để lại trên thân thể / trong tâm hồn / em
(như tôi đã để lại
trên thân thể / trong tâm hồn / em
những đường nhăn hai mặt.)

bây giờ, sau vài năm chúng ta không gặp nhau
có thể em đã lấy chồng;
tôi mong thế.
có thể người đàn ông mang tên Bob, tên Sam, tên Jack,

có thể người đàn ông mang tên Wang, tên Hwa,
tên Lee, tên Kim,
có thể người đàn ông mang tên Hùng, tên Dũng,
tên Vinh, tên Giầu, tên Có
ngay khi người đàn ông đó, có trùng tên với tôi,
tôi cũng chẳng thấy điều gì đáng nói
chỉ xin nhắc nhở em
hãy quên
hãy đoạn tuyệt, hãy vĩnh biệt sớm
biển cả.

người đàn ông mới nào
cũng nhìn, ngắm thân thể em
như bức tranh chờ được khám phá và, hoàn tất
dù cho dưới bụng em
đầy vết nứt
(và chính tôi
cũng góp phần tạo nên ít nhiều vết đó!)

bây giờ, sau vài năm chúng ta không gặp nhau
có thể em đã lấy chồng
tôi mong thế,
(và) tôi biết em được Thượng Đế hà hơi
sống lại,
bước ra từ cục đất sét.

em hãy nhận, hôm nay, ở đây
lời xin lỗi, lòng biết ơn
dẫu muộn,
của cục đất sét, khác.
(8-98)



Sự dại dột của các sinh vật /và/ tôi/

mỗi sinh vật đều phải chết vì một giác quan nào đó của chúng
như thiêu thân chết vì ánh đèn
cá chết vì mồi
bướm, ong chết vì mật hoa
hươu, nai chết vì tiếng sáo
voi đực chết vì mùi riêng tiết ra từ voi cái bị sập bẫy

Thượng đế sinh ra và, cho tôi
những năm giác quan!
em muốn tôi chết vì em bằng giác quan nào
nghe, thấy, ngửi, sờ, và, nếm?

loại bỏ dù chỉ một giác quan
theo tôi là xúc phạm không thể tha thứ
trước Thượng Đế
(và) em

thì thôi.
đành vậy.
nếu được chết vì em
xin cho tôi dại dột cùng lúc:
nghe, thấy, ngửi, sờ và, nếm!

DU TỬ LÊ
(5-98)



MAI NGUYỄN

Người viết *là* người đọc



Không nhớ rõ mấy tuổi tôi mới có quyền tự đi mua và chọn lựa cho mình những cuốn sách để đọc, ngoài sách giáo khoa. Và từ lúc nào, tôi có thể nghiễm nhiên ngồi hay nằm đọc các thứ sách truyện mà không bị mẹ hay người lớn trong nhà ghé mắt dòm chừng xem ''nó đọc cái gì?'', nhảm nhí hay đàng hoàng. Sau tuổi được phép và chăm chỉ đọc Tự Lực Văn Đoàn, còn lại trong ký ức của tôi là những trưa, chiều quanh quẩn trong nhà Khai Trí hay rề rà cúi xuống đủ loại sách vừa cũ vừa mới, bày hàng ngay trên vỉa hè đường Lê Lợi của Sàigòn. Chẳng riêng tôi, nhiều người bạn đồng trang lứa cũng cùng một đam mê là đọc. Đôi khi đọc bất cứ cái gì có trong tay. Chắc chắn vì thời buổi ấy chưa có những phương tiện giải trí quyến rũ và đầy rẫy như bây giờ.

Con người ai cũng phải đọc mỗi thứ một chút, đọc gì thì tùy theo khả năng và tuổi tác. Còn bé đi học, ta đọc sách do nhà trường ấn định, họa hoằn trong những gia đình ''chữ nghĩa'' con cái được chỉ dẫn thêm những loại khác. Đến tuổi thiếu niên là giai đoạn của thơ và tiểu thuyết - thường là tiểu thuyết tình lãng mạn- riêng với các cậu con trai thêm loại trinh thám, kinh dị hay siêu nhiên. Cuối cùng, vào tuổi

trưởng thành là loại sách nghiêm chỉnh hơn. Thời học sinh, ngoài giới hạn ở các tác phẩm trong học trình, thì đọc có mục đích chính là khám phá và thỏa mãn sự tò mò cá nhân, tìm hiểu về bản thân và xã hội, cuộc sống chung quanh. Vì thế một cuốn sách phải giúp giới thiếu niên nhận diện ra mình qua các nhân vật.

Con người là sinh vật ham đeo đẳng những điều thuộc về dĩ vãng. Nên tới một chặng đời nào đó, vừa có sau lưng một khoảng thời gian tạm đủ để gọi là quá khứ, người ta thèm nói, thèm viết ngay về nó, đồng thời đi tìm, hay thích thú khi không tìm mà gặp trong tác phẩm những gợi nhắc về kỷ niệm và các sự kiện tương tự đã xảy ra trong đời mình. Điều này chẳng khác ước muốn được bày tỏ những hoài tưởng gắn bó, nhưng qua trung gian ngòi viết của người khác. Đấy là một trong những chia sẻ mạnh giữa người đọc và người viết. Ngoài nỗi hoài cảm còn có hoài nghi, động lực đưa đến đọc như tìm giải đáp cho điều ta chưa thông tường, chắc chắn, chẳng riêng về kiến thức văn hoá, mà cho cả các vấn đề tâm lý và đời sống.

Dĩ nhiên, không hẳn ai cầm đến sách báo cũng để bổ túc sự hiểu biết của mình. Đọc, có thể đối với đa số, chỉ giản dị là một cách giải trí, nhưng dù thú vui, thì nó đã bước vào ranh giới của sự cần thiết. Nếu hoàn toàn để tiêu khiển, hẳn nhiên có nhiều phương cách vừa sinh động vừa thoải mái, hấp dẫn và dễ dàng hấp thụ hơn, như truyền hình, phim ảnh, video... Có thể ngẫu nhiên cầm lên một cuốn sách, mở ra một trang nào đó thật tình cờ. Nhưng khi đã đọc, từ sát na đó trở thành một hành động chủ ý, không còn là vô tình được nữa. Phải ít nhiều để tâm vào tác phẩm mới có thể đọc, dù là tiểu luận, biên khảo rắc rối nhức đầu hay một bài thơ đầy ẩn dụ, hoặc chỉ là một câu chuyện tầm phào bình dân. Đọc không đi đôi với những hành động khác như nghe nhạc, xem tivi, nấu ăn, trò chuyện... trong khi ta có thể làm nhiều việc trong nền nhạc hay với những hình ảnh chớp ngang trên màn ảnh nhỏ.

Đến một trình độ thưởng thức nào đó, đọc không còn là một sự thụ động mà trở thành chiếm đoạt tác phẩm, và ngược lại độc giả cũng bị tác phẩm chế ngự. Rất nhiều sáng tác không để ta được đọc dễ dàng, chúng lựa chọn độc giả, đòi hỏi họ xứng đáng với tác phẩm. Tuy thế, lắm khi xảy ra điều ngoại lệ, nếu không muốn nói rằng kỳ lạ: với một số tác giả, nơi ít nhiều sáng tác, độc giả không phải bỏ ra một cố gắng nào. Bài viết rất dễ đọc, giản dị mà lôi cuốn. Nhưng sau đó, lúc

muốn kể lại cho người khác để trao đổi, bấy giờ mới thấy sự dễ dàng kia chỉ là ngoài mặt, mới nhận ra tầm quan trọng và biến ảo của ý lẫn chữ. Tất cả nhờ công phu và sự trân trọng của người viết. Tính cách sáng sủa của tác phẩm, từ tài năng của tác giả, đã tránh cho người đọc một việc làm nặng nề.

Khi làm được việc ấy, người viết mới chắc chắn đạt được điều cần thiết là sự chia sẻ của độc giả, dù mục đích của mỗi nhà văn khác nhau. Cũng như có người, đọc để cập nhật tin tức, kiến thức, để tìm hiểu hay chỉ là nhu cầu tiêu khiển, viết cũng từ nhiều mục đích. Người này xem viết như thú chơi cho qua thời giờ hoặc tìm chút tên tuổi, trong khi kẻ kia cần nó như nhu cầu bày tỏ tâm tư, để thoát ra những mộng mơ thao thức, hay nhằm một chủ ý rao giảng những quan niệm, tư tưởng triết lý hay văn học, hoặc dùng ngòi bút làm phương tiện cho một công cuộc tranh đấu xã hội và chính trị... Ở đây ta không nói đến những người ''viết mướn''. Với chủ ý nào chăng nữa, giữa mục đích và tính cách của tác phẩm cũng có mối tương quan, và không thể quên yếu tố thứ ba ảnh hưởng đến tác phẩm là trình độ của nhà văn. Dù chỉ giản dị để giải tỏa một tâm trạng, một tác phẩm được viết bằng tài năng vẫn mang tính cách văn học chọn lọc, do từ tư tưởng, cấu trúc tới văn phong. Cũng như loại sách truyện viết cho đại chúng bình dân có thể đi từ những tác phẩm thật tầm thường tới loại xuất sắc và đáng giá. Hẳn nhiên mỗi người viết đều có thành phần độc giả riêng, họ chọn lựa đối tượng của mình, nhưng ngược lại độc giả cũng lựa chọn nhà văn. Ở một giới hạn nào đó, quyền hành của người đọc mạnh mẽ hơn vì dẫu sao người viết không thể băng băng một mình như trên con đường vắng, người đọc là kẻ đồng hành thiết yếu.

Viết là hành động tự giải tỏa càng đúng hơn với phụ nữ. Trước đây, từ nhiều thế kỷ, dù ở phương đông hay phương tây, đàn bà không có quyền phát biểu và tự do ngôn luận. Họ phải giữ kín tâm trạng và ẩn ức như những bí mật trong tâm hồn quẩn quại của mình. Cách bày tỏ duy nhất là viết nhật ký. Những người phụ nữ ấy cúi xuống trang giấy để viết ra những điều mà cuộc đời cấm cản, không cho họ được cất cao giọng để nói ra. Như nhà văn nữ người Đức, Verena von der Heyden-Rynsch, đã nhận xét : ''Mỗi cuốn nhật ký thầm kín tựa như một thứ nghĩa trang chôn cất những giấc mơ vỡ vụn, những tiếng nói bị tắc nghẹn hay một định mệnh bị dồn nén''. Phần nào đó, điều người ta viết là điều không thể nói ra lời, điều người ta viết vì người khác đã câm nín. Ngày nay, quyền hạn và chỗ đứng của

người phụ nữ được nới rộng và xác định hơn. Diễn đàn dành cho họ và của họ tự tạo ra chiếm một ''không gian'' rộng. Sự nổi dậy ấy không những là một phong trào nổi bật về phía người viết mà cả phía người đọc. Càng ngày số độc giả nữ tăng rất nhanh so với phái nam. Và nếu trước kia, phụ nữ thường chỉ viết về tâm lý và tình cảm, bây giờ họ đi vào đủ loại, ngay cả các thriller cùng tiểu thuyết dữ dội. Cũng xuất phát từ một tâm thức giải tỏa tương tự, ở cuối thế kỷ này, đã xuất hiện nhiều tự truyện, đáng kể có loại tự hư cấu (autofiction) do từ ý thức rằng, lắm khi con người không thể viết về mình một cách khách quan. Cho nên, để mọi người có thể nhìn ra cái tôi trong tác giả, phải xuyên qua gốc gác, cha mẹ, tuổi thơ, tình yêu, thân phận, sự nghiệp văn chương và cả những điều tự bày thêm ra. Tóm lại, ta cảm thấy có ảnh hưởng của phân tâm học trên kiểu viết mới về chính mình.

Người đọc có thể chẳng bao giờ viết, nhưng thật khó lòng tưởng tượng một nhà văn không đọc nhiều sách. Người ta không thể viết nếu không đọc. Loại ra ngoài những sinh hoạt cơ bản của con người là ăn ngủ, công việc mưu sinh, giao dịch, thì việc người viết làm nhiều nhất, hơn cả viết nữa, chính là đọc. Nhiều người cho rằng, chính đọc đã tạo ra nhà văn, không ai sinh ra đời với cây bút sẵn trong tay. Đọc đem đến cho con người sự thèm muốn được viết. Nếu không đọc hay đọc ít, nhà văn sẽ là người đứng dậm chân tại chỗ trong khi văn học là dòng cuồng lưu không ngừng chuyển động. Phần khác, nếu người viết không đọc, họ sẽ chẳng biết tôn trọng người đọc. Điều này ta thường bắt gặp trong không ít những bộ truyện, có nhiều lúc độc giả có cảm tưởng không phải là tác giả quyết định chấm hết nhân vật của mình, mà chính là nhân vật muốn đoạn giao với tác giả. Người viết còn muốn dông dài, nhưng nhân vật đã mỏi mệt, đã sống đủ, đã nói hết lời. Thí dụ ấy là dấu hiệu cho ta thấy, có hay không lòng trân trọng độc giả và sự yêu thích đọc sách của người cầm bút. Trong nghĩa nào đó, viết thể hiện ý muốn trao cho người đọc một tác phẩm mà chính mình mong ước được đọc về sau. Như thể, viết là để đọc trong tương lai.

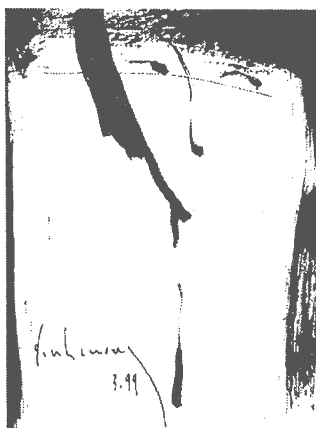
Dù sao đọc hay viết đều phát sinh từ một tình yêu chữ nghĩa, là sự thích thú gia nhập một hội chơi. Trong hội chơi ấy, có nên cho rằng, không còn văn chương về một cuộc phiêu lưu, mà là sự phiêu lưu của một thứ chữ nghĩa? như Jean Ricardou, một nhà phê bình Pháp, đã định nghĩa về văn chương mới của cuối thế kỷ hai mươi.

MAI NGUYỄN



HOÀNG NGỌC TUẤN

Đối thoại giả tưởng về việc viết và đọc văn chương



X: *Hãy thử bàn bạc một chút về việc viết và đọc văn chương. Tác giả bao giờ cũng cần có độc giả. Nhưng phần nhiều những tác phẩm gọi là "mới lạ" không được mấy ai đọc, hoặc không mấy ai "thưởng thức" nổi. Càng "mới lạ" chừng nào, thì càng ít độc giả chừng ấy. Rốt cuộc, những tác phẩm này có vẻ như chỉ lưu hành trong một vài nhóm tác giả và độc giả "elite" nào đó. Họ viết, họ đọc, họ phê bình nhau, họ công bố các trường phái, ra các tuyên ngôn, tổ chức hội nghị, trao giải thưởng... cho nhau. Liệu thứ văn chương này thực sự có ích gì cho cuộc sống không?*

Y: Có chứ. Lúc vừa xuất hiện, cái mới lạ bao giờ cũng chỉ được một số người ít ỏi lưu ý. Nhưng cuối cùng rồi nó cũng đến tay quần chúng, khi những tiêu chuẩn thẩm mỹ mới lạ của nó được phổ cập hoá và không còn mới lạ nữa. Hãy nhớ đến trường hợp Van Gogh trong hội hoạ và Erik Satie trong âm nhạc. Sau bao nhiêu năm bị quần chúng chê bai, bỏ rơi, giờ đây những tác phẩm này lại "nuôi" quần chúng. Không biết bao nhiêu nhà xuất bản, thợ in, cửa hàng, người bán hàng, thầy giáo nghệ thuật, v.v... hiện nay nhờ chúng mà có công ăn việc làm. Không biết có bao nhiêu người thực sự thưởng thức được

nghệ thuật của họ, nhưng chỗ nào cũng thấy ấn bản tranh Van Gogh và băng đĩa nhạc của Erik Satie. Trăm năm trước, chúng là thứ "kỳ quặc". Trăm năm sau, chúng lại biến thành đồ dùng hàng ngày.

Để thưởng thức những cái thực sự mới lạ trong nghệ thuật đương thời bao giờ cũng đòi hỏi một trình độ chuyên môn nhất định. Các nhóm mà bạn gọi là "elite" chính là các nhóm có một trình độ chuyên môn nhất định nào đó để phát hiện, phê bình và thưởng thức cái mới lạ.

X: *Có thể hội hoạ và âm nhạc là những ngành nghệ thuật phi ngôn ngữ, đòi hỏi người ta phải có những kỹ năng và kiến thức về cấu trúc màu sắc, đường nét, hình khối, âm thanh, giai điệu, hoà âm... ở một trình độ nào đó để có thể thưởng thức. Trong thực tế, không phải ai cũng được học về hội hoạ và âm nhạc, nên ít người có khả năng thưởng thức "ngay". Và do đó, quần chúng phải đợi đến khi các nhà chuyên môn viết lách, thuyết trình, giải thích thật nhiều, rồi mới bắt đầu thấp thoáng thấy được cái hay cái đẹp. Còn văn chương thì khác. Phương tiện của nó là ngôn ngữ, và ai biết đọc cũng đọc được. Tôi cho rằng để thưởng thức văn chương không cần có trình độ gì đặc biệt, ngoài khả năng đọc.*

Y: Tôi không đồng ý với bạn. Viết và đọc văn chương đâu phải chỉ như viết và đọc báo hàng ngày. Để sáng tác và thưởng thức văn chương - một nghệ thuật - người ta cũng cần những kỹ năng và kiến thức về rất nhiều mặt. Do đó, không chỉ người viết, mà người đọc cũng cần được rèn luyện. Thử hỏi: Liệu đa số quần chúng Trung quốc đời Đường có thưởng thức nổi thơ của Vương Duy, Lý Bạch không? Hay là chỉ một nhóm "elite" nhiều chữ nghĩa và "biết" văn chương? Liệu đa số quần chúng Anh, Mỹ thời đầu thế kỷ 20 (và ngay cả bây giờ) có thưởng thức nổi tiểu thuyết của James Joyce không? Hay chỉ một nhóm "elite"?

Mà ngay cả học vấn cao cũng chưa chắc đủ để thưởng thức văn chương, đặc biệt là loại văn chương được xây dựng trên những hệ thẩm mỹ mới lạ. Đối với kẻ gọi là có học vấn cao, ta phải xem cái học vấn của y là học vấn về chuyện gì. Y khoa chăng? Hay nông nghiệp? Nếu cái học vấn của y chú trọng về thẩm mỹ văn chương thì họa may. Mà ngay cả cái học về thẩm mỹ văn chương cũng chưa chắc đủ để thưởng thức văn chương mới lạ, nếu cái học đó chỉ là cái học tồn cổ, chỉ biết nhìn về quá khứ, giải thích quá khứ, mà không có một cảm nhận hay một dự tưởng nào về những đổi thay đang và sẽ xảy ra trong thẩm thức mỹ học. Năm 1010, Murasaki Shikibu hoàn tất bộ trường thiên tiểu thuyết "Genji Monogatari" và phải chịu đựng sự lãnh đạm

của toàn thể nước Nhật. Không phải lúc ấy nước Nhật không có người uyên thâm về văn chương. Có chứ. Nhưng thời ấy, rặt một đám "elite" chỉ uyên thâm về cổ văn. Thế mới khốn khổ cho Shikibu! Đợi đến gần một thế kỷ sau đó, thì tác phẩm này mới được các thi hào Fujiwara Shunzei và Fujiwara Teika bắt đầu đánh giá cao khi họ khám phá những tiêu chuẩn thẩm mỹ mới để thưởng thức nó. Đến nay, nhìn lại, "Genji Monogatari" được xem là kiệt tác vĩ đại nhất trong lịch sử văn học Nhật Bản. Chuyện này cho thấy để thưởng thức văn chương thực sự mới lạ quả là khó cho độc giả. Thưởng thức cái cũ bao giờ cũng dễ hơn nhiều. Càng cũ, càng dễ, vì đã được giải thích cả rồi, đã biết cả rồi.

X: *Thế còn trường hợp những cậu bé ở Việt Nam, chưa có kiến thức gì đáng kể, mà đã say mê thường thức truyện của Kim Dung? Và trường hợp những bà cụ ở thôn quê thuộc vanh vách Truyện Kiều? Tôi cho rằng một nhà văn tài ba có thể viết về những tư tưởng sâu sắc mà không cần phải làm ra vẻ "mới lạ". Và chính vì thế, văn chương của họ dễ dàng đi vào quần chúng. "Mới lạ" chẳng qua chỉ là cái áo ngôn từ làm ra vẻ khác thường, kỳ dị mà thôi. Chi mà phiền thế?*

Y: Ở Việt Nam, nếu có những cậu bé thưởng thức và hiểu tiểu thuyết kiếm hiệp của Kim Dung, tôi không cho là điều đáng ngạc nhiên. Tôi nhận thấy từ cách hành văn cho đến tư tưởng của Kim Dung không có điều gì nằm ngoài cái hệ thẩm mỹ và hệ tư tưởng cũ của Tàu, và tất nhiên là của Ta (vì cái gì của Tàu mà chẳng phải là của Ta!). Tôi thấy cách kể chuyện của Kim Dung rất khả đoán. Khi đọc Kim Dung, tôi cứ thử đoán trước vài ba cách giải quyết theo bản kẽm cũ là thế nào cũng có một cách đúng phóc. Về triết lý cũng thế, trong đó quả có nhiều điều sâu sắc lớn lao, nhưng những cái sâu sắc lớn lao này đã quá xưa, đã thấm vào tỳ tạng của dân Tàu và dân Ta quá lâu và quá kỹ, đến độ nó cũng trở thành những điều khả đoán. Chẳng hạn, ý tưởng "vô chiêu thắng hữu chiêu" thực là hay, nhưng nó đã nằm sẵn trong suy nghĩ của quần chúng các nước Tàu, Việt, Nhật, Hàn từ ngàn xưa dưới nhiều dạng cao thấp cạn sâu khác nhau như "tay không đoạt kiếm", "bất chiến tự nhiên thành", "nhạc vô thanh", "thiên thư không cần chữ, sáo thần không cần lỗ", "ý kiếm", "vô ngôn thù thắng", "tịnh trí diệt ma vương", "tố cầm bản vô huyền", "dĩ nhu thắng cương", "bất tranh nhi thiện thắng, bất ngôn nhi thiện ứng, bất triệu nhi tự lai", "vô hữu nhập vô gián", v.v... Có một người bạn của tôi còn nhận xét rằng cái "hay" của tiểu thuyết kiếm hiệp của Kim Dung không phải là cái hay mang tính mỹ học, mà là cảm giác "hay" sinh ra từ tính chất "giáo phái" của nó. Tôi đồng ý với nhận định này. Tính chất "giáo

phái" là thành quả tột bậc của nghệ thuật quảng cáo, và tính chất "giáo phái" thường thu hút quần chúng dễ dàng. Và một khi đã vào "đạo" rồi, thì người ta dễ thấy nó cao siêu, tuyệt vời lắm, dễ "ghiền" nặng lắm. Hãy ra khỏi chuyện văn chương một chút, và nhìn xem các "giáo phái" âm nhạc của Michael Jackson, Madonna... Về bản chất, các "giáo phái" văn nghệ cũng giống hệt như các giáo phái "tâm linh" vậy. Hãy thử nhìn xem cái giáo phái Thanh Hải Vô Thượng Sư, thì rõ. Ầm ầm nổi lên, bao nhiêu vạn người chạy theo, chẳng cần kiến thức gì về tôn giáo.

Trở lại chuyện văn chương. Thẩm mỹ cũ thì dễ thưởng thức. Nói thế, nhưng ngay cả đối với một vài cái cũ đòi hỏi một trình độ thẩm thức nào đó, liệu người ta có thể thực sự thưởng thức nó hay không lại là chuyện khác. Truyện Kiều lúc vừa được Nguyễn Du hoàn thành thì có nhiều cái mới trong đó, nên chắc không mấy ai "thưởng thức" được như hôm nay. Nay, sau hai thế kỷ, những đoạn ngăn ngắn của Truyện Kiều đã được bình tới bình lui nhiều triệu lần từ trong lớp học cho đến bàn nhậu, cọng thêm một lô "Từ Điển Truyện Kiều", "Điển Tích Truyện Kiều" v.v... thì chắc cũng đã có kha khá số người "thưởng thức được từng chữ" trong đó. Nghe nói người Việt Nam hầu hết yêu Truyện Kiều. Chuyện này rất đáng tin. Giống như chuyện ai cũng yêu công chúa Diana dù chỉ mới thấy trên hình. Nhưng nói hầu hết thưởng thức được cái hay cái đẹp của Truyện Kiều, tôi ngờ lắm. Tôi tự hỏi bao nhiêu người Việt đã đọc hết Truyện Kiều từ đầu đến cuối, và đọc được mấy lần như thế. Mà dù có thuộc lòng từng chữ, thì liệu kẻ ấy có hiểu và thực sự thưởng thức nổi từng chữ không? Bà nội của tôi, lúc còn sống, thuộc lòng Truyện Kiều. Hằng ngày, bà nói ba câu thì rớt ra một câu Kiều, nhưng nếu thỉnh thoảng tôi hỏi bà về ý nghĩa của một chữ nào đó, thì bà thường chịu thua và bảo tôi đến trường mà hỏi quý thầy. Bà tôi rất yêu Truyện Kiều. Hiển nhiên. Không yêu sao thuộc đến thế? Nhưng bà tôi có thực sự thưởng thức được nó như một tác phẩm nghệ thuật của Nguyễn Du không? Thì thưa, chắc là không. Bà tôi chỉ yêu thích cái cốt truyện (mà cốt truyện Kiều đâu phải là thuần túy do Nguyễn Du sáng tạo), yêu thích những ý niệm của Phật, Lão, Nho (cũng không phải là nghệ thuật của Nguyễn Du), và yêu thích cái âm điệu lục bát (cũng không phải của riêng Nguyễn Du). Như thế, bà tôi có thực sự là một độc giả văn học đúng nghĩa đối với Đoạn Trường Tân Thanh hay không? Thì thưa, chắc là không. (Bà tôi rất hiền, tôi biết bà chỉ cười xòa nếu nghe tôi dám nói như thế này). Bà tôi cũng rất mê Tam Quốc Chí, Tây Du Ký, Thủy Hử Truyện... Nhưng nhìn chung, bà tôi yêu tất cả những gì có trước bà ít

nhất là một thế kỷ. Còn tất cả những văn chương đương thời với bà, bà đều thấy bá láp. Bà tôi cũng thuộc cả Kinh Bát Nhã qua bản phiên âm tiếng Phạn... "yết đế, yết đế, ba la yết đế, ba la tăng yết đế, bồ đề, tát bà ha...", thường lên chùa tụng cùng các sư, mà cũng không cần thắc mắc về ý nghĩa của nó. Bà là một phụ nữ Việt cực kỳ khả kính, nhân hậu, yêu Truyện Kiều, yêu kinh kệ rất mực, và đã sống một đời hạnh phúc. Bà chưa phải là một độc giả văn học đúng nghĩa. Và bà cũng không cần làm một độc giả văn học chi cho thêm phiền.

X: *Nói như thế thì quá khó để trở thành một độc giả văn học đúng nghĩa. Nói như thế thì đọc thơ, đọc sách cả đời chưa chắc đã là độc giả văn học. Buồn cười thật!*

Y: Buồn cười chứ sao! Nhưng chúng ta phải phân biệt rành mạch chữ "độc giả" chung chung với chữ "độc giả văn học" đúng nghĩa. Độc giả chung chung là người đọc thơ, đọc sách, đọc báo, thế thôi. Cũng như chữ "khán giả" (người xem) khác với chữ "khán giả kịch nghệ"; hay chữ "thính giả" (người nghe) khác với "thính giả âm nhạc". Trước khi nói đến văn học, tôi xin nói về hai nghệ thuật kia trước.

Hôm trước, chúng tôi, một nhóm bạn Úc và Việt kéo nhau xuống viện bảo tàng nghệ thuật NSW để xem tranh Gauguin. Nói đi "xem" thì quả là đúng cho hầu hết chúng tôi. Chúng tôi mua vé. Vào cửa. Đi quanh. Nhìn. Nói chuyện với bạn. Nhớ đến mấy cái bill chưa trả. Nhớ bà hàng xóm hôm qua nói mỉa mấy câu tức lộn ruột. Nhìn. Xanh đỏ tím vàng. Bước loanh quanh. Hơi chán. Thôi, đi ra. Có lẽ chỗ này để dành cho một số người nào đó đến xem. Lần khác mình không vào trong này nữa. Bước ra khỏi cửa. A, công viên mát mẻ dễ chịu làm sao! Có kẻ nói: "Đẹp quá!". Có kẻ lại nói: "Thơ mộng". Có kẻ lại nói: "Vẽ cũng không hơn gì mấy họa sĩ ở Hà Nội bây giờ, mà sao nổi tiếng thế?" Có kẻ lại nói: "Tôi chả thấy đẹp chỗ nào cả, nhưng ông ấy nổi tiếng quá, thì chắc là phải đẹp lắm mà tôi không biết"...v.v... Nhưng hỏi lại thử thì chả ai nhớ nổi bức nào tên gì, hay có cái gì trong đó. Ừ, thì cũng chỉ là mấy cô gái Tahiti để vú ra, ôm hoa quả, ngồi la cà bên bờ biển... Chỉ có một người là nhớ được bức nào tên gì, và có cái gì trong đó. Người ấy còn say sưa nói rằng bức "The Day of the God" mà Gauguin vẽ năm 1894 mới là bức đúng điệu Gauguin. Rằng Gauguin vẽ bức ấy không phải ở Tahiti mà ở Âu châu, trước khi trở lại xứ hải đảo lần cuối cùng. Rằng hình ảnh vị thần và những dáng điệu lạ lùng của các cô gái Tahiti là biểu hiện của tất cả những cảm giác huyền bí đến từ huyền thoại Tahiti mà Gauguin đã bị huyễn hoặc. Rằng màu sắc được dùng trong tranh vừa mang tính trang trí, vừa mang tính diễn

tả; biểu hiện rõ rệt là những vết sóng trên mặt nước của tỳ hải được vẽ bằng những màu sinh động, nhưng những mảng màu làm nên sóng lại không mô tả cụ thể, mà chỉ là những mảng trừu tượng. Rằng Gauguin khác với phái Ấn Tượng ở chỗ, trong khi họ dùng những vệt màu nhỏ để vẽ nước, Gauguin lại dùng những mảng màu liền lạc và to bản. Rằng khi ông vẽ tranh về Brittany, ông thường phân cách những mảng màu này bằng những viền tối; nhưng khi vẽ về Tahiti, ông thường chỉ trét mảng này chồng lên mảng kia, không phân cách rõ rệt nữa. Rằng đó là bí quyết vẽ màu "dẹp" (flat) của Gauguin, và là phong cách riêng của Gauguin trong thời ấy, v.v... Những người "xem" kia há hốc ra nghe: "Sao mày thấy nhiều thứ thế?" Quả là vậy. Cùng đi "xem" cả, mà người chỉ "xem", còn kẻ lại "thấy" rất nhiều. Thế mới biết tại sao anh này có vẻ sung sướng đến thế. Anh đã thưởng thức được cái gì đó, cái mà những kẻ kia không thể nào "thấy" để thưởng thức. Như vậy, trong khi những người kia mua vé vào xem tranh như là đi dạo chơi, suy nghĩ lan man, và tán dóc cho vui; thì anh này đi để được hưởng một niềm hoan lạc bí mật nào đó - một niềm hoan lạc mà nghệ thuật giấu kín trong nó và chỉ ban cho những ai tìm "thấy".

Có một người bạn tâm sự với tôi rằng trước khi vào đại học âm nhạc, anh ấy cũng đã thích "nghe" nhạc Anton Webern. Anh ấy thích vì nó quá sức "bất khả đoán", thậm chí không thể nhớ nổi một câu nhạc ngay khi vừa nghe xong. Bạn thử nghe bất cứ bài nào của Webern thì sẽ biết nó khó nhớ, khó hiểu và khó đoán đến chừng nào. Sau khi bỏ ra nhiều năm để học hỏi và nghiên cứu, anh ấy bắt đầu "thấy" mỗi lúc một rõ hơn cái vẻ đẹp kỳ diệu trong nhạc của Webern, và anh ấy âm thầm tạ ơn Webern mỗi lần anh ấy nghe nhạc của ông. Mỗi lúc anh ấy lại càng thấy rõ hơn và thấy nhiều điều hơn. Và càng lúc, nhạc Webern càng dẫn anh ấy đi xa hơn vào thế giới kỳ diệu của nó - một mê cung đầy phép lạ và sự ngạc nhiên.

Còn về văn chương...

X: *Thôi, khỏi cần nói thêm. Tôi biết bạn sẽ nói thế nào rồi. Tôi chỉ thắc mắc ở chỗ bạn nhấn mạnh hơi nhiều ở "tính khả đoán". Bạn cho rằng truyện kiếm hiệp của Kim Dung thì "rất khả đoán", nhạc của Webern thì quá sức "bất khả đoán". Một tác phẩm khả đoán thì có gì là dở đâu?*

Y: Tôi cho rằng tính khả đoán là phản đề của nghệ thuật sáng tạo. Sáng tác theo một công thức đơn giản đã biến thành bản kẽm (cliché) nào đó thì rất khả đoán khi người đọc đã sẵn có kiến thức về công thức ấy. Kim Dung viết truyện theo công thức cũ nên rất khả đoán. Văn chương Fascist và hiện thực xã hội chủ nghĩa rất khả đoán.

Nhạc Webern không theo bất cứ công thức nào trước đó nên rất bất khả đoán. Văn chương của James Joyce cũng thế, đọc bao nhiêu lần độc giả vẫn còn ngạc nhiên; càng đọc càng tìm thấy thêm những điều bất khả đoán.

X: *Thế giới tràn ngập chuyện tình, chẳng còn gì bất khả đoán. Thế mà tình yêu vẫn mãi mãi là đề tài để nghệ sĩ sáng tạo. Bạn nghĩ sao?*

Y: Tình yêu là tình yêu. Tình yêu không phải là văn chương. Tình yêu chỉ là một đề tài. Khi một nghệ sĩ sáng tạo chạm vào một đề tài cũ rích, y biến nó thành một tác phẩm mới lạ, bất khả tiên đoán. Y biến cái điều tưởng chừng kể ra vanh vách được bằng mồm thành cái điều không thể kể được bằng cách nào cả, ngoài một tác phẩm độc đáo nào đó. Và chính y, y cũng không thể kể lại cùng y nguyên một điều như vậy trong một tác phẩm khác. Giá trị của một tác phẩm không chỉ nằm ở câu chuyện được tác phẩm ấy "kể". Câu chuyện chỉ là chất liệu thô. Rất thô như quặng sắt. Qua tay người này, nó thành cái rựa vụng về. Qua tay người kia, nó thành bảo kiếm. Truyện Thúy Kiều trong tay Thanh Tâm Tài Nhân khác hẳn với truyện Thúy Kiều trong tay Nguyễn Du. Từ một chất liệu, thành hai nội dung nghệ thuật. Cái "bất khả đoán" ở Nguyễn Du không nằm trong cốt chuyện, mà nằm trong nghệ thuật hành văn. Ai đoán nổi tại sao hai câu thơ của Ôn Đình Quân (Kê thanh mao điếm nguyệt / Nhân tích bản kiều sương) lại có thể lọt vào trong đoạn tả Kiều đi tìm vãi Giác Duyên:

"Mịt mù dặm cát đồi cây,
Tiếng gà điếm nguyệt dấu giày cầu sương."

Hai câu của Ôn Đình Quân biến thành câu 2030 trong Đoạn Trường Tân Thanh một cách thần tình lạ lùng. Nó mang vào thân phận Kiều tất cả những ẩn ý của "mao điếm" và "nhân tích" trong tư tưởng Ôn Đình Quân. Mỗi lần tôi đọc lại Đoạn Trường Tân Thanh đến đoạn này tôi lại lạnh mình, kinh ngạc. Nguyễn Du lớn vì nhiều cái bất khả đoán như thế nằm phục trong tác phẩm của ông. Tât nhiên, cốt chuyện về đời Kiều thì chúng ta ai cũng thuộc nằm lòng, và đến đoạn thơ này ai cũng biết là Kiều sắp gặp Giác Duyên. Nhưng nghệ thuật sáng tạo Nguyễn Du không nằm ở chỗ đó, chuyện này Thanh Tâm Tài Nhân đã kể rồi. Cái sáng tạo bất khả đoán của Nguyễn Du nằm ở chỗ, riêng trong đoạn này, ông bằng một cách thần tình nào đó đã bất ngờ đem cái "mao điếm" và cái "nhân tích" rờn rợn lung linh xa xăm của họ Ôn vào thân phận Kiều. Hai câu thơ của họ Ôn cũng đã có sẵn từ đời Đường, nhưng hai câu ấy đứng riêng trong thơ của họ Ôn thì khác hẳn khi nó biến thành một câu tám chữ thoáng qua trong đoạn Kiều đi tìm

vãi Giác Duyên.

X: *Nhưng nói cho cùng, tác giả là người sản xuất, và độc giả là người tiêu thụ. Do đó, nếu độc giả hài lòng với một tác phẩm, thì kể như tác giả của nó đã thành công. Nhiều độc giả hài lòng chừng nào, tác giả thành công lớn chừng nấy, bất kể các nhà phê bình cho rằng tác phẩm đó là lạc hậu, là nhẹ dạ, v.v...*

Y: Tôi thấy có mấy điều cần bàn ở đây. Trước hết tôi thấy chữ "người tiêu thụ" (consumer) dễ gây hiểu lầm, nếu hiểu theo tinh thần "tiêu thụ hàng hóa" của thời đại tiêu thụ (consumer age) trong đó mọi thứ chỉ nhắm vào số lượng sản xuất và tiêu thụ. Về nghệ thuật, có commercial music (chẳng hạn nhạc của Madonna...), commercial literature (chẳng hạn loại truyện ngôi lê đôi mách bày bán ở các quầy báo cho các bà các cô da trắng dư giờ đọc chơi...), commercial painting (loại tranh vẽ hàng loạt bán với giá rẻ để trang hoàng tiệm ăn, nhà bếp, toilet...). Tất nhiên một tác giả có toàn quyền chọn cho mình một thái độ đối với việc sáng tác. Nếu bạn muốn sáng tác như người sản xuất hàng tiêu dùng để đáp ứng nhu cầu hàng ngày của quần chúng, thì tùy bạn. Mà nếu bạn mạnh dạn, vui vẻ, tự tin và có đủ ngón nghề để làm chuyện ấy, thì nhất định bạn sẽ bán rất chạy. Vâng, bán chạy cũng là một loại thành công. Chứ sao không?

X: *Cách trả lời của bạn có vẻ chua chát. Nhưng thỉnh thoảng tôi lại thấy những bài thơ, những tiểu thuyết đọc vào chẳng hiểu tác giả muốn nói gì. Như thế thì có gì là hay?*

Y: Không hiểu gì cả thì làm sao biết hay chỗ nào. Cũng vậy, không hiểu gì cả thì tại sao dám kết luận ngay là không hay. Để thẩm định giá trị mỹ học của một tác phẩm nghệ thuật, đặc biệt là tác phẩm chứa đựng những tiêu chuẩn thẩm mỹ mới lạ, thì người đọc cần phải được rèn luyện để biết cách "hiểu" nghệ thuật qua một nhãn quan mới. Hãy làm thế nào để thực sự "hiểu" một tác phẩm, rồi mới bắt đầu bình luận về nó. Một người chỉ quen xem tranh hiện thực, lần đầu nhìn thấy tranh trừu tượng, tất nhiên thấy lạ lùng và khó hiểu. Nhưng không phải vì anh không biết cách xem tranh trừu tượng mà tất cả tranh trừu tượng là đồ đáng vất sọt rác. Để thực sự biết được một tác phẩm có đáng vất sọt rác hay không, bạn phải được rèn luyện cách thẩm định. Nói tóm lại, muốn đánh giá một tác phẩm, trước hết bạn phải hiểu cho được cái cơ sở thẩm mỹ của tác phẩm ấy, và bạn xét nó trên chính những tiêu chuẩn mỹ học đã làm sinh ra nó. Muốn đánh giá hay thưởng thức tranh trừu tượng, phải có kiến thức về cơ sở mỹ học của hội họa trừu tượng. Đối với văn chương cũng thế. Bạn không cần phải có kiến thức chuyên môn sâu rộng như một nhà nghiên cứu,

nhưng bạn ít nhất phải có kiến thức cơ bản về phương pháp nắm bắt giá trị thẩm mỹ của một tác phẩm.

X: *Như thế bạn muốn nói rằng để trở thành cái gọi là "độc giả văn học đúng nghĩa", người đọc cần phải được rèn luyện để nâng cấp về kiến thức thẩm mỹ văn học. Nhưng tác giả thì cứ việc viết và xuất bản, độc giả thì cứ việc chọn mua và đọc, thì ai rèn luyện được cho ai? Tôi nghĩ tác giả nếu muốn viết cho hay hơn thì cần phải tự nâng cấp chính mình, chứ còn độc giả thì làm sao nâng cấp? Đi học thưởng thức văn chương chăng?*

Y: Ở điểm này, xin bạn cho phép tôi dài dòng một tí. Cả người viết và người đọc đều cần được nâng cấp thường xuyên. Một bên là sự nâng cấp về trình độ sáng tác. Bên kia là sự nâng cấp về trình độ thưởng thức.

Về trình độ sáng tác, công tác rèn luyện và nâng cấp đã bắt đầu từ các giờ dạy văn bậc tiểu học. và kéo dài cho đến hết bậc cao học. Từ tuổi nhỏ, học sinh đã tập làm văn theo nhiều thể loại; ở bậc trung học và đại học, học sinh môn văn được dịp học hỏi và nghiên cứu sâu rộng hơn về kiến thức mỹ học, về kỹ thuật, bút pháp, v.v... Khi đã thành nhà văn, việc nâng cấp về trình độ sáng tác thường là do chính bản thân người viết tự thực hiện; nhưng ở các nước có điều kiện tốt, các viện Đại Học, các Hội Nhà Văn vẫn liên tục tổ chức các seminars, conferences, writing camps. writing festivals... để nhà văn luôn luôn được tiếp cận với những phát kiến mới trong sáng tác. Những người thích viết và bắt đầu viết thì có thể theo học các khoá tập viết do các viện Đại Học và các tổ chức văn học đảm nhiệm.

Thử lấy ví dụ cụ thể. Ở Úc, có Hội Đồng Văn Học Quốc Gia (Literature Board of the Australia Council for the Arts) mỗi năm trợ cấp hai lần cho những nhà văn, nhà thơ có thực tài được viết lách mà bớt bị vướng bận về cơm áo. Hai tiêu chuẩn chính để hội đồng căn cứ vào đó mà phê duyệt tác phẩm của các ứng viên là: "innovation" và "literary merit at international level" cho các "established writers"; và, "innovation" và "literary merit at national level" cho các "developing writers". Như thế, một nhà văn thành danh của Úc phải đạt "tiêu chuẩn quốc tế"; một nhà văn đang lên phải đạt "tiêu chuẩn quốc gia"; và cả hai đều phải "cách tân". Đối với Hội Đồng Văn Học Quốc Gia Úc, "cách tân" là tiêu chuẩn quan trọng; nhà văn không chứng tỏ có sự cách tân thì không đáng để chính phủ bỏ tiền thuế của dân ra để hỗ trợ. Một đất nước non trẻ và ít người như thế mà có nhiều khuôn mặt văn chương to lớn cỡ Patrick White, Morris West, Les Murray, v.v..., thì cũng không có gì lạ. Chính những tiêu chuẩn như thế đã thúc đẩy nhà

văn ở Úc không ngừng cố gắng nâng cấp. Nếu không, y cứ tiếp tục viết cũ rích để làm thoả mãn cái khẩu vị cũ rích của một số độc giả nào đó. Mà viết như thế nhiều khi lại dễ bán, lại thành công về tiền bạc. Đã thế thì chính phủ việc gì phải bỏ tiền ra để trợ cấp? Chính phủ chỉ trợ cấp cho những cây bút cách tân và ít độc giả.

Về trình độ thưởng thức, công tác rèn luyện và nâng cấp đã bắt đầu từ các giờ dạy văn bậc tiểu học. và kéo dài cho đến hết bậc cao học. Từ tuổi nhỏ, học sinh được học cách đọc và hiểu; đến hết bậc trung học, học sinh đã ít nhiều biết cách bình giảng tác phẩm. Ở các nước tiên tiến, chương trình văn học được cập nhật hóa thường xuyên để học sinh phần nào theo kịp những nét đại cương trong những sự cách tân về thẩm mỹ. Nếu học sinh chỉ học hết trung học và ra đời đi làm, hoặc theo học một ngành khác trên đại học, họ cũng đã có được một số vốn liếng nào đó về cách thưởng thức tác phẩm văn học qua những năm tiểu và trung học. Người không thực sự yêu văn chương, thì theo đuổi những sự nghiệp khác, và do đó cái vốn liếng đơn sơ ấy ngày càng nghèo, càng cũ đi. Người thực sự yêu văn chương, thì vẫn có thể tiếp tục được rèn luyện và nâng cấp khi theo học các khóa "literature appreciation" do nhiều tổ chức khác nhau đảm nhiệm.

Ở Úc, mỗi năm, các viện đại học tổ chức hai đợt giáo dục tráng niên vào tháng 7 và tháng 1, gồm những lớp học đêm và week-ends, gọi là "continuing education". Những lớp này không cấp bằng tốt nghiệp, chỉ cấp giấy chứng nhận tham dự (certificate of attendance), lấy học phí rất nhẹ và dành cho người lớn tuổi đang đi làm nhưng muốn nâng cấp về các mặt kiến thức khác nhau. Đề tài giảng dạy rất phong phú, trong đó, luôn luôn có các courses như "literature appreciation (level 1, 2, 3, 4...)", (về các ngành nghệ thuật khác thì có "music appreciation", "film appreciation", painting appreciation", v.v...). Số người tham dự các lớp này bao giờ cũng rất cao; muốn có chỗ, phải ghi danh và đóng tiền sớm chừng nào tất chừng ấy. Các Hội Nhà Văn và các tổ chức văn học khác cũng liên tục mở các lớp học thưởng thức văn chương tương tự như thế. Những lớp này luôn luôn thu hút nhiều người ở nhiều trình độ và nghề nghiệp khác nhau. Tùy theo "level", họ được giảng dạy về lịch sử văn học, về mỹ học của các trường phái, về việc phân tích các tác phẩm từ đơn giản đến phức tạp, v.v... Tôi nhận xét thấy sau vài "levels", nhiều người trở thành dự thính viên thường xuyên của những buổi đọc tác phẩm mới và thuyết trình văn học do các hội văn học tổ chức.

Như thế, chính hệ thống giáo dục của xã hội đảm nhiệm công tác rèn luyện và nâng cấp nhà văn và đôc giả. Trông người mà gẫm

đến ta: đất nước chúng ta chưa từng có điều kiện để làm như thế. Ở học đường Việt Nam, chương trình giảng văn phải nói là hết sức nghèo nàn, bảo thủ và thiếu cập nhật hóa. Học sinh tốt nghiệp trung học ban văn ở Việt Nam trước và sau 75 hầu như chỉ nắm được lèo tèo dăm ba điều cũ rích và sơ đẳng về kiến thức và lý luận văn học. Sinh viên đại học văn thì chủ yếu học và nghiên cứu đi nghiên cứu lại những vấn đề cũ rích, vì thiếu thông tin, thiếu tài liệu. Quần chúng Việt Nam thì có lẽ ít ai tưởng tượng được rằng trên thế giới có cái gọi là "lớp bồi dưỡng khả năng thưởng thức văn học nghệ thuật" và sự cần thiết của nó trong đời sống. Do đó, đại đa số quần chúng VN "yêu" văn nghệ, tìm đến văn nghệ để "đọc", "xem", và "nghe" để giải trí, nhưng vì mất căn bản và không được cập nhật hóa kiến thức về cách thưởng thức, họ chỉ tán thưởng những gì họ "cảm" được, và quay lưng lại hoặc chống đối tất cả những gì "không cảm được". Tình trạng này kéo dài càng lâu, càng dẫn đến nhiều hậu quả tai hại cho văn nghệ. Trong sinh hoạt văn học, lực lượng hùng hậu của khối quần chúng bảo thủ và lạc hậu này vừa biến thành nạn nhân của những nhà văn thương mại, vừa làm chán nản những nhà văn cách tân. Trong một xã hội lạc hậu và bảo thủ, những nhãn hiệu "ngoại lai", "xa rời quần chúng", "quái đản", v.v... bao giờ cũng nằm sẵn chực dán lên trán những cách tân táo bạo. Thường thường, những nhãn này lại do đám nhà văn bảo thủ sáng chế ra để tiêu diệt những đối thủ tiến bộ (vì không muốn mang mặc cảm lạc hậu), và để bảo vệ sự trường cửu của nồi cơm. Sự đói nghèo, cô đơn, ngộ nhận, dễ làm nhà văn cách tân chùn tay, và đôi khi thoả hiệp. Hãy nhìn lại chất lượng sáng tác, phê bình, lý luận, và thưởng thức văn học ở Việt Nam. Bạn có tuyệt vọng không?

Đó là lý do tại sao những nhà văn cách tân luôn luôn đòi trình độ thưởng thức của quần chúng cần được nâng cấp, và tại sao những nhà văn cách tân cứ mãi ước mơ như thế. Nhưng để có một nền văn học lành mạnh và thăng tiến cùng với thế giới, chính quyền và các cơ quan giáo dục phải thực hiện cho được công tác rèn luyện và nâng cấp về sáng tác và thưởng thức văn học từ trong học đường ra ngoài xã hội. Song song với điều đó, giới sáng tác, lý luận và phê bình cũng phải được liên tục nâng cấp.

X: *Lỡ sinh ra trong một đất nước thiếu thốn mọi điều kiện và (vì thế) đa số độc giả không có cơ hội được thường xuyên nâng cấp, thì một nhà văn cách tân khi cầm bút chỉ còn nghĩ đến một nhóm độc giả quá ít ỏi nào đó thôi sao? Hay là thậm chí bất cần đến độc giả?*

Y: Trong khi viết, động lực thúc đẩy nhà văn cách tân là làm sao để xây dựng được những giá trị thẩm mỹ mới lạ, chứ không phải là

làm sao để độc giả vừa lòng. Để sáng tạo, nhà văn cách tân không nghĩ "tôi phải viết cho ai đọc", mà nghĩ "tôi phải viết thế nào cho mới lạ", với niềm tin rằng "nếu thí nghiệm của tôi có chút gì giá trị, thì thế nào rồi mai sau nó cũng góp phần làm cho kho tàng văn chương phong phú thêm, đẩy văn chương đi xa hơn". Khi việc sáng tạo một tác phẩm đã hoàn tất, nếu không mấy ai đương thời thèm đọc tác phẩm của mình, nhà văn cách tân phải chấp nhận như thế. Đó là số phận chung của việc thí nghiệm cái mới. Không phải là nhà văn cách tân bất cần độc giả. Cần chứ. Nhưng phải kiên nhẫn chờ đợi.

X: *Và nếu quả thực cuộc thí nghiệm chả có chút giá trị gì, thì...*

Y: Thì phải chấp nhận thất bại. Chứ sao? Thí nghiệm nào mà chả có thành, có bại. Nhưng cả một đời đâu chỉ có thí nghiệm một thứ hay một lần. Nay thí nghiệm cái này, mai lại thí nghiệm cái khác. Cứ thế. Sáng tạo thực sự là một hành trình vô hạn. Mà nếu hoàn toàn thất bại thì ráng chịu. Chứ sao?

X: *Vậy thì những tác phẩm phổ thông không đáng được tạo nên hay sao? Mục đích của nghệ thuật là gì mà khổ thế? Khổ cho cả người sáng tác lẫn người thưởng ngoạn...*

Ở các nước tiền tiến, giới văn nghệ nhìn chung chi làm hai hướng hoạt động khá rõ rệt. Mỗi hướng có một mục đích riêng. Một hướng nhắm vào việc thí nghiệm, khám phá và thực hiện những ý niệm thẩm mỹ mới. Một hướng nhắm vào việc ứng dụng những gì đã sẵn có vào việc tiêu khiển quần chúng. Một nghệ sĩ phải xác định một hướng hoạt động cho bản thân và dốc sức lực vào đó, nhằm đạt mục đích tối hậu của nó.

Nếu bạn muốn tác phẩm của bạn là sự thí nghiệm, khám phá và thực hiện những ý niệm thẩm mỹ mới, bạn đã biết trước rằng bạn phải chấp nhận thám hiểm một mình hoặc chỉ cùng với một số ít bạn đồng hành. Bạn sẽ không mơ rằng tác phẩm của bạn được bán chạy. Bạn có quyền mơ rằng tác phẩm của bạn sẽ có thể đi vào lịch sử văn học như những dấu mốc cách tân quan trọng. Nhưng bạn phải chịu mất thì giờ suy nghĩ, nghiên cứu, học hỏi. Bạn phải chịu đói, làm trăm thứ việc khác để sống, hay phải nhờ chính phủ trợ cấp. Bạn phải chịu vợ con chê trách là thằng đi trên mây. Cái gì cũng có cái giá của nó.

Nếu bạn muốn tác phẩm của bạn là món tiêu khiển cho quần chúng, bạn đã biết trước rằng bạn phải viết làm sao để quần chúng hài lòng. Để thành công, bạn phải hết sức dốc lòng vào công việc của bạn. Bạn khỏi phải khổ công thí nghiệm, khám phá và thực hiện những ý niệm thẩm mỹ mới. Bạn cứ thoải mái sử dụng tất cả những

công thức tiền chế sẵn có mà những kẻ phát minh ngày trước đã để lại. Khách hàng của bạn không đòi hỏi điều gì mới lạ, khó khăn. Họ chỉ an tâm với những gì họ đã quen. Nhưng bạn phải luôn luôn theo dõi khẩu vị của khách hàng. Bạn phải biết khi nào họ thích đổi món hay đổi gia vị. Bạn phải viết liên tục, xuất bản liên tục, và luôn luôn sống như một thương gia đầy óc cạnh tranh. Bạn có quyền mơ rằng tác phẩm của bạn sẽ được bán chạy; bạn sẽ mua nhiều nhà, nhiều xe; bạn sẽ được nhiều người hâm mộ. Nhưng bạn sẽ không mơ rằng tác phẩm mình sẽ là những dấu mốc trong lịch sử của nghệ thuật sáng tạo. Cái gì cũng có cái giá của nó.

Sinh hoạt khoa học kỹ thuật cũng có hai hướng như thế. Một hướng nhắm vào những phát minh mới. Một hướng nhắm vào việc ứng dụng những phát minh cũ để làm đồ gia dụng. Giới phát minh thì vùi đầu trong phòng thí nghiệm. Giới sản xuất thì vùi đầu trong các hãng xưởng.

Cả hai đều cần thiết, và một xã hội lành mạnh phải đồng thời phát triển quân bình cả hai hướng nêu trên. Thiếu phát minh thì không có tương lai, nhưng thiếu phương tiện gia dụng thì đời sống mất vui thú. Bởi vậy, tất cả những chính phủ biết lo cho tương lai đều đổ tiền vào các trường đại học, các viện nghiên cứu, để liên tục đào tạo những khối óc có khả năng phát minh về mọi mặt, từ khoa học đến văn học. Trong khi đó, các nhà đầu tư lại đổ tiền vào việc sản xuất các mặt hàng tiêu dùng, từ chiếc tủ lạnh đến cuốn truyện tiếu lâm.

Như thế, trong sinh hoạt văn chương, nếu bạn muốn phát minh và tin rằng mình có khả năng phát minh, thì tốt lắm, bạn phải trả giá cho ý muốn đó. Và nếu bạn thành công, bạn sẽ có thể sẽ được lịch sử trao phần thưởng.

Nhưng nếu bạn không có khả năng phát minh, không có điều kiện rèn luyện liên tục, mà lại có khả năng viết truyện giải trí, thì tại sao bạn không bình tĩnh, vui sướng, và dồn mọi nỗ lực vào khả năng của mình. Thay vì bạn phải khổ xác đi làm ở sở một ngày tám tiếng, rồi về nhà ngồi xuống gắng sức viết những tác phẩm chẳng có gì gọi là cách tân, cũng chẳng làm ai thực sự được giải trí, tại sao bạn không bỏ hẳn việc làm ở sở, dốc hết thì giờ vào việc viết về những thứ bổ ích hoặc hấp dẫn khác trên đời (từ truyện chiến tranh, truyện chính trị, truyện lịch sử, cho đến truyện cười, truyện tình, truyện phòng the, truyện Monica Lewinsky,...)? Đây là một công việc hoàn toàn lương thiện và có ích như công việc của người chế tạo đồ gia dụng. Độc giả của bạn có thể là ông tổng thống, nhà khoa học, chị bán hàng xén, anh công nhân. Một nhà toán học đại tài có thể không còn thì giờ để là

một độc giả văn học của Joyce hay Faulkner. Sau giờ làm việc, nhà toán học đại tài cần giải trí. Ông ta bỏ ra ba xu mua một cuốn truyện tình lẩm cẩm, hay một cuốn truyện cười đọc chơi vui, cho đỡ nhức đầu. Có gì sai đâu? Tại sao ông ta phải ráng mua một tác phẩm văn chương mới lạ, nặng ký, để giả vờ đọc, rồi gân cổ lên khen chê (mà không hiểu gì cả) cho khổ xác? Ai cũng cần được giải trí. Sau giờ làm việc, ông thị trưởng hay anh công nhân mua một cuốn truyện trinh thám hấp dẫn để giải trí. Tốt lắm chứ!

Bạn viết sách, xuất bản, kiếm tiền, đóng thuế, mua nhà cửa, đi du lịch, được nhiều người mến mộ, gia đình hạnh phúc. Tại sao không?

Từ đó, bạn sẽ khỏi phải khổ tâm về vấn đề cải tiến văn chương, khỏi phải mất thì giờ cãi cọ loanh quanh, khỏi phải nhọc lòng lúc thì (vì mặc cảm lạc hậu) chê tác phẩm người này là " quái đản, lập dị, không ai thèm mua", lúc thì (vì ghen tức về thành công tài chính) chê tác phẩm người kia là "đồ rẻ tiền nên bán chạy"... Bạn cứ thoải mái xài lại bất cứ thứ gì sẵn có trong kho tàng văn chương quá khứ hay trong mớ kiến thức của bạn, và sung sướng viết. Việc gì bạn phải mất thì giờ làm ra vẻ trí thức trịnh trọng lên diễn đàn nói chuyện tương lai văn học. Anh chuyên viên ráp máy đâu có cần làm ra vẻ mình là nhà phát minh mà mất thì giờ chế ra những sản phẩm dở dở ương ương? Anh cứ ráp máy cho thiện nghệ thì đời anh vui sướng.

Còn nếu bạn thực sự nhận thức rằng nền văn chương của quê hương mình đã đi vào việc sản xuất đồ gia dụng, đồ giải trí quá lâu, mà không thấy có phát minh mới nào đáng kể, khiến bạn lo âu cho tiền đồ văn học, và bạn tự cảm thấy mình phải có trách nhiệm đối với tiền đồ ấy, thì bạn nên xét lại xem bạn có thực tâm muốn cách tân hay không, đủ điều kiện và khả năng để rèn luyện và học hỏi trong cái phòng thí nghiệm vĩ đại của thế giới Đông Tây hay không, bạn có đủ can đảm chịu đựng cô đơn, nhọc nhằn để phóng mình vào một tương lai vô định hay không, và bạn sẵn sàng chấp nhận thất bại hay không.

Có nhận thức như vậy, có khả năng như vậy, có can đảm và quyết tâm như vậy thì mới thực sự có thể bắt đầu vào việc cách tân đúng mức. Chưa đủ những điều kiện ấy, bạn cũng có thể đóng góp vào việc cách tân bằng cách từng bước tự cải tiến mình, đồng thời nhiệt tình cổ vũ và hỗ trợ những phát kiến mới của người khác.

X: *Kiểu chuyên môn hoá như bạn nói chỉ xảy ra ở những nước Tây phương. Còn văn chương Việt Nam thì khác. Giới cầm bút người Việt chịu bỏ cả đời ra để phát minh cái mới có lẽ còn quá ít người và chưa làm được chuyện gì lớn, nên tôi không lưu ý đến. Những người*

còn lại thì có ai thực sự là nhà văn thương mại chuyên nghiệp đâu. Ở nước ta, từ trước đến giờ, hầu hết nhà văn đều có quan niệm rằng văn chương là để diễn tả nỗi lòng của người viết và chia sẻ nỗi lòng ấy với quần chúng đồng bào. Tác phẩm nào được nhiều người tán thưởng thì gọi là thành công. Họ không lưu tâm gì mấy đến những ý niệm thẩm mỹ mới, nhưng họ cũng không chấp nhận làm văn chương đại chúng một cách chuyên nghiệp với dụng đích thương mại.

Y: Khổ là ở chỗ đó. Do đó, mình vừa không có tác phẩm thực sự mới lạ và có tầm cỡ, vừa không có best-sellers được dịch ra nhiều thứ tiếng, bán hàng triệu cuốn. Văn chương như vậy thì vừa khó có tiền đồ gì to lớn, vừa chẳng thực sự tạo nên lạc thú cho người muốn giải trí. Đọc hầu hết tác phẩm văn học Việt Nam đương đại, mình không có được sự choáng váng trước cái mới lạ, lại cũng không cảm thấy bị hấp dẫn một cách sung sướng. Đa số tác phẩm nằm kẹt ở chỗ lưng chừng, không đi đến cùng cái gì cả. Thái độ không lưu tâm gì mấy đến những ý niệm thẩm mỹ mới, nhưng cũng không chấp nhận làm văn chương đại chúng chuyên nghiệp, là cái thái độ giả trí thức rất bế tắt. Ngày nào thái độ đó còn phổ cập, thì văn chương vẫn còn dở dở ương ương. Đã hết thế kỷ 20 rồi mà chúng ta vẫn còn phải đọc những tác phẩm bám mãi vào kỹ thuật và thẩm mỹ của thế kỷ 18 và 19. Ở các nước tiền tiến, nếu một nhà văn không theo kịp những phát kiến mới của thế kỷ, thì y không tìm cách chống báng chúng. Thay vào đó, đường ai nấy đi, y vận dụng triệt để những đường lối kỹ thuật và thẩm mỹ cũ để làm văn chương đại chúng.

Về vấn đề cách tân, tôi không đồng ý với bạn khi bạn cho rằng giới cách tân của mình còn quá ít người và chưa làm được chuyện gì lớn, nên bạn không lưu ý đến. Tôi cho rằng chính vì lực lượng cách tân trong văn giới còn yếu nhỏ, bạn lại càng phải cần lưu ý đến họ, cổ vũ họ, hỗ trợ họ. Đằng này, bạn đã không lưu ý đến những thí nghiệm còn non yếu, thậm chí bạn còn lộ vẻ chống báng theo kiểu "cái này đọc không hiểu gì cả, rõ là quái đản". Làm thế thì ích lợi gì? Nếu thực sự bạn không thích những thí nghiệm, không thích cổ vũ, thì bạn nên để yên cho họ làm. Biết đâu họ sẽ làm được cái gì đáng kể sau này.

X: *Nghe có lý. Nhưng, chỗ thân tình, tôi nói thật, cái gì tôi ráng hiểu mà không hiểu, thì thật tình tôi cảm thấy nó là vô lý, quái đản. Tự nhiên tôi thấy nó dở. Tôi ngờ rằng mấy cái gọi là cách tân hay tiền phong thực chất chỉ là thời trang, lập dị thôi, chẳng có giá trị gì lâu dài.*

Y: Tôi biết bạn nói thật. Cái gì mới lạ mà không làm ta thắc mắc hay nghi ngờ. Ban đầu thì thế, nhưng đến khi hiểu rõ thì biết đâu

lại đâm ra thích thú. Phải thế không?

Nhưng thái độ nguy hiểm nhất cho tương lai của một xã hội là thái độ cố tình chụp cho tất cả những cách tân một cái mũ "thời trang". Thái độ này tự bản chất là một thái độ cực kỳ bảo thủ, và thường xuất phát từ những người âm thầm biết mình không thể tự cải tiến được nên muốn lôi kéo số đông vào cái quỹ đạo cũ của mình. Thái độ này thường đưa ra những phát ngôn mang tính philistine như: "Tại sao phải chạy theo thời trang, mà không chịu để thì giờ trau dồi khả năng của riêng mình."

Hãy tự hỏi khả năng của bạn đến từ đâu vậy? Nó không đến từ học hỏi sách vở chăng? Mà sách vở gì thế? Khả năng ấy không đến từ những giờ học chữ, học văn ở tiểu học và trung học (dù là trong một đất nước tan nát) hay chăng? Bạn có biết cái gì là tiền phong và cái gì là thời trang không?

Người có ý thức về nghệ thuật cần phân biệt được đâu là tiền phong và đâu là thời trang. Trong nghệ thuật, điểm dễ phân biệt nhất nằm ở chỗ: cái tiền phong thường không mang tính thương mại, trong khi cái thời trang thì bán rất chạy. Đi vào sâu hơn, ta thấy cái tiền phong ra đời hôm nay là để tạo tiền đề cho một hệ thẩm mỹ mới được phổ cập trong tương lai, còn cái thời trang ra đời hôm nay là nhằm thoả mãn cái thị hiếu "fast food" hôm nay mà thôi. Đi vào sâu hơn nữa, ta thấy cái thời trang bao giờ cũng là sự tập hợp những trò tiểu xảo lượm được từ kho đồ cũ của những cái tiền phong từ ngày xưa để lại. Vì thời trang là những trò tiểu xảo như thế, tự bản chất, cái thời trang hầu như hoàn toàn được xây dựng trên những cơ sở thẩm mỹ cũ, và nhắm đến việc làm trò giải trí nhẹ cho đám đông. Do đó, nó là một thứ bán chạy.

X: *Nói đến chuyện cách tân, chuyện hỗ trợ, cổ vũ cho cái mới, chúng ta lại phải quay về với vấn đề nâng cấp trình độ sáng tác và thẩm thức của bản thân. Mình đã lỡ sinh ra trong một lịch sử như thế, một đất nước như thế, lại thiếu thốn quá nhiều điều kiện... thì việc cải tiến bản thân, biết là cần thiết đấy, mà đành chịu... Khổ tâm quá.*

Y: Mình cảm thấy khổ tâm vì mình nhìn thấy tình trạng lạc hậu của sinh hoạt sáng tác và thưởng lãm văn chương. Mà để cải tiến một tình trạng lạc hậu đã kéo dài quá nhiều năm như thế thực là quá khó khăn. Chỉ cải tiến cái lạc hậu của bản thân đã quá khổ sở, nói chi đến đại sự. Mà bản thân nếu không tự cải tiến nổi, thì làm sao hỗ trợ người khác? Vậy, vấn đề tiên quyết là tìm một khởi đầu nào đó cho bản thân.

Bước đầu tiên là thái độ mở cửa sẵn sàng đón nhận và tôn trọng những nỗ lực làm mới của người khác. Đồng thời, tìm cách học

hỏi để hiểu được giá trị của những phát kiến của người đi trước và đương thời trên phạm vi toàn cầu. Thế giới hôm nay chỉ là một ngôi làng. Hảy bỏ hẳn luận điệu "sợ ngoại lai", "sợ mất gốc", "sợ không hợp với tạng phủ của dân tộc"... Mấy cái nhãn này rách lắm rồi.

Đã biết rằng bản thân ta là sản phẩm của cả một lịch sử, nhưng ta không thể vin vào đó để nói rằng: "Lịch sử đã sinh ra tôi như thế. Đành chịu thôi." Nói như thế là đầu hàng vô điều kiện rồi, còn phải khổ tâm làm chi nữa. Hoặc giả, ta nói: "Tôi biết tôi phải tự cải tiến. Nhưng hoàn cảnh không cho phép. Tôi thiếu thì giờ, thiếu tiền bạc, thiếu sức khoẻ." Nói như thế thì tích cực hơn.

Nhận thức rằng bản thân phải tự cải tiến là bước đầu tiên của sự cải tiến, và khi đã có nhận thức như thế, bản thân sẽ sẵn sàng mở cửa để đón nhận những điều mới mẻ. Đón nhận thôi, chứ chưa phải là đã làm được điều gì mới mẻ. Nhưng nhiệt tình đón nhận của ta làm sinh ra hai điều có giá trị tích cực. Thứ nhất, bản thân ta nhất định sẽ càng ngày càng học hỏi nhiều điều mới mẻ. Thứ hai, sự đón nhận nhiệt tình của nhiều người như ta sẽ là điều kiện tích cực để làm phổ cập hoá và hữu ích hoá những điều mới mẻ do người khác tạo nên.

Tùy hoàn cảnh cho phép, ta có thể đón nhận những cái mới nhiều hay ít, nhanh hay chậm, sâu hay cạn. Một đất nước mà trong đó đa số người thuộc mọi trình độ và ngành nghề sẵn sàng đón nhận những phát kiến mới lạ từ người khác và từ năm châu bốn bể, thì đất nước đó nhất định phát triển tốt.

X: *Nói thế nghe thích lắm. Nhưng này, từ đầu đến giờ bạn sửa lưng tôi hơi nhiều đấy nhé!*

Y: Có sao đâu? Bạn chính là tôi mà!

HOÀNG NGỌC-TUẤN
Sydney, 5/1999



LƯU HY LẠC

Pvc

Lọm khọm phía bóng mớm
núm vú
hoang mùa rêu

cháy
căng non da chiều
cao
cổ
trắng nuốt giọng cười em theo
trái vú
đổ vũng tối
mặt

bụng đọng tình
vắn số

tối qua vô tích sự
......
nắm ngược
bóng
lần ra đầu vú ngửa gai
góc thời nào
cũng có chiến sĩ
(được thú vị
nằm phục những bước ngựa tế)

với em lời xẩm
xoang
khác cùng mỗi ngày

chú thích về
vú,

LƯU HY LẠC



LÂM CHƯƠNG

Lò cừ nung nấu sự đời



Thằng con trai út của tôi tên Lâm Bình, ngoại hiệu Cu Đen, vừa tròn mười tuổi. Sau khi cắt bánh mừng sinh nhật và hát bài Happy Birthday, nó tuyên bố rằng, từ đây không còn muốn nghe ai gọi tiếng Cu kèm theo tên Đen nữa. Mấy thằng bạn nhỏ của nó, ngoài những đứa Việt Nam, còn có Mỹ, Tàu, Đại Hàn, Thái Lan và Phi luật Tân. Những thằng này không biết tiếng Việt. Cu Đen phải làm thêm một màn thông dịch bằng tiếng Anh.

Nghe xong, chúng trố nhìn nhau, không hiểu lý do.

Một thằng nhỏ Việt Nam, chỉ tay xuống háng: "Cu là cái này."

"Thế còn Đen?"

"Black."

Chừng như chúng hiểu ra cái nghĩa Cu Đen, nên phá lên cười muốn vỡ nhà.

Cu Đen trừng mắt: "Tụi mày cười, tao không chơi với tụi mày nữa."

Một thằng Mỹ con, đề nghị: "Bỏ chữ Cu, thêm chữ Ny sau tên Đen, thành Danny."

Một ý kiến hay, được Cu Đen chấp nhận, và cả bọn vỗ tay tán thành. Từ đó, thằng con tôi trở thành Danny, một cái tên ngoài giấy tờ

khai sinh. Kỷ niệm sinh nhật năm thứ mười, cũng là kỷ niệm ngày đổi tên. Nhưng cái tên mới này, cũng chỉ có giá trị với những thằng bạn của nó thôi. Còn cả nhà đã quen với tên cũ, không ai chịu gọi nó bằng Danny. Mỗi bên nhượng bộ một chút. Thằng nhỏ hết thấy khó chịu. Và người nhà cũng không ngượng miệng phải gọi một tên mũi tẹt da vàng bằng tên Mỹ. Chỉ gọi là Đen. Tiếng Cu đã lỗi thời, đi vào quá khứ. Thật ra, cu còn có nghĩa khác, chứ không phải đơn thuần hàm chỉ bộ phận sinh dục của giống đực. Trong trường hợp con tôi, cu có nghĩa là đứa bé trai. Nhưng khi nhạo báng nhau, người ta không chịu hiểu theo cái nghĩa này.

Không phải tùy hứng mà đặt tên con là Cu Đen, một biệt hiệu ngoài giấy tờ khai sinh. Tất cả đều có nguyên nhân của nó.

Tôi có đứa con gái đầu lòng, đặt tên Khuê. Loay hoay tìm chữ lót. Thị Khuê, thường quá. Ngọc Khuê, có vẻ cải lương. Sao Khuê, tên nghe được, không trùng với ai. Nhưng nếu có người hỏi nghĩa là gì, thì trả lời làm sao? Trên trời có vì sao nào là sao Khuê không? Tôi mở từ điển Hán Việt ra, tra chữ khuê, thì thấy khuê là một vì sao trong nhị thập bát tú. Thế là yên chí, đặt tên con gái là Lâm Sao Khuê.

Năm Sao Khuê chập chững tập đi, thế nước đổi thay. Tôi gặp hồi mạt vận, sa chân xuống hầm tai vạ. Thế mà trước đó một năm, lão thầy bói lừng danh ở Sài Gòn, dám đoan chắc rằng sang năm Ất Mão, đời tôi sẽ lên như diều gặp gió.

Lão lý luận nghe rất phấn khởi: "Cậu đang đi lính, lại thuộc tuổi Ngọ. Vậy cậu là con ngựa thứ dữ. Ngựa chiến, chứ không phải ngựa kéo xe tầm thường. Gặp năm Mão là năm con mèo. Mèo là con vật quanh quẩn xó bếp, dám đâu cự lại ngựa nòi? Ngựa cứ thênh thang đường ngựa, mèo chỉ trơ mắt ngó mà thôi."

Thấy tôi còn đang bồi hồi vì một tương lai rực rỡ, lão bồi thêm cú chót để giữ vững niềm tin. Lão chồm về phía tôi, nói nhỏ như sợ có người nghe thấy: " Nói thật với cậu, ai thuộc tuổi Tí, mà bước sang năm Mão, thì đời thê thảm lắm. Mèo là khắc tinh của chuột. Chuột gặp mèo, nếu không vong mạng, cũng lắm tai ương."

" Người tuổi Tí đến đây coi quẻ, thầy có cho họ biết điều đó không?" Tôi hỏi.

Lão ra vẻ hốt hoảng: "Ấy chết! Mình đâu nỡ báo tin buồn quá sớm. Để cho con người ta vui được ngày nào hay ngày ấy."

Trời xui đất khiến, trong tù, tôi gặp lại lão thầy bói. Lão ở tù vì cái tội bày trò mê tín dị đoan.

Tôi nhắc lại chuyện cũ, và nói: "Con ngựa chiến sút móng, không "dzọt" được. Gặp con mèo, đành phải hoán đổi vị trí. Ngựa lui

vào nằm co xó bếp, nhìn mèo diệu võ dương oai."

Suy ngẫm một hồi, lão thầy bói nói: "Ngày ấy, cậu không cho tôi biết một chi tiết hệ trọng trong gia đình. Đứa con gái của cậu tuổi Sửu. Nó ra đời thì cậu thất thế. Con trâu là khắc tinh của con ngựa. Trâu ngựa không thể cùng chuồng. Trâu vào, ngựa phải ra đi. Nếu ngựa ở lại, sớm muộn gì cũng bị trâu chém đổ ruột. Cậu đi tù là xui, nhưng xa con trâu thì tính mạng được bảo toàn, khỏi bị triệt"

Một lần khác, ông lại thủ thỉ với tôi: "Sau nhiều đêm chiêm nghiệm, tôi mới thấu được lẽ thiên cơ. Nói để cậu yên tâm. Tụi nó không làm gì mình được đâu."

Tôi chán: "Ở tù, bị hành xác, đói gần chết. Ông bảo tụi nó không làm gì được mình?"

"Ối..., chỉ là chuyện nhỏ, không đáng kể. Đời người, ai lại không có lúc hoạn nạn. Cậu có nghe câu sấm truyền "Mã đề, dương cước, anh hùng tận" không?"

"Có nghe, nhưng mỗi người giải đoán một kiểu. Chẳng đâu vào đâu."

"Này nhé. Nhiều người giải thích, mã đề là chân ngựa, hoặc móng ngựa, đều không hợp với câu sấm. Nói theo Hán tự đàng hoàng, mã đề là ngựa cất lên. Nguyên câu có nghĩa thế này, ngựa cất lên, dê bước tới, anh hùng tận số. Chỉ còn ba năm nữa là tới năm Ngọ, tụi mình sẽ vùng lên. Nhất là tuổi Ngọ của cậu mà lại gặp năm Ngọ, sẽ phất rồng gặp mây. Khởi sự sang năm Mùi, tụi nó sẽ chết không đủ đất chôn."

Tôi ngồi im lặng. Biết những gì lão thầy bói nói là chuyện hão huyền, nhưng vẫn muốn nghe như một an ủi trong những ngày buồn thảm.

"Tụi nó khoác lác huênh hoang tự xưng anh hùng. Ứng với điềm trời, anh hùng tận. Mình mất Miền Nam, những người không thông đạt ý trời, bỏ chạy ra nước ngoài. Những người còn lại bị tù, nhưng tướng tinh vững như bàn thạch. Chờ vài năm nữa thôi. Để rồi cậu coi, tụi nó chạy đâu cho thoát? Ngày quật khởi thành công, những anh tướng anh tá từ ngoại quốc sẽ lục tục quay về, nhưng chỉ được đứng chầu rìa, không cho tham gia vào chức vụ gì cả. Lúc đó, vàng thau đã tỏ rồi."

Bám lấy hy vọng mà sống. Ba năm không thấy gì. Gọng kềm siết mạnh hơn. Bốn năm trôi qua. Đời càng thê thảm. Lão thầy bói bỏ xác trong tù. Mười năm sau, tôi về quê cũ, lao đao khốn khó. Đứa con gái đầu lòng, Lâm Sao Khuê mười hai tuổi, xạm mốc, ốm o, gầy mòn. Dù nghèo nàn cơ cực, nhưng tôi vẫn muốn có thêm thằng con trai nối dõi.

Vợ nói: "Khổ quá, còn đẻ làm chi?"

Tôi nói: “Phải đẻ.”

“Nếu không được con trai?”

“Tiếp tục đẻ nữa. Chừng nào ra thằng con trai thì thôi.”

Năm sau, vợ sinh con trai. Có người bảo tôi tù rạc nhiều năm, tinh lực bị vắt cạn, tưởng không còn đủ sức có con. Tôi nói, hạt giống của tôi rất tốt, chỉ cần gieo xuống mảnh đất mầu mỡ là nẩy mầm ngay. Được dịp tán dóc, tôi còn bày cho mọi người cái phương pháp sinh con trai, con gái theo ý muốn. Với điều kiện, khi làm tình phải theo đúng bài bản chỉ dẫn. Kết quả, nhiều đứa bé ra đời. Có người được như ý, có người không như ý. Cũng may, ai sinh con, hễ thấy mặt thì thương. Dù không như ý, nhưng không có đứa bé nào bị bóp mũi, hoặc thả trôi sông.

Thằng con trai nối dõi tông đường, tôi đặt tên Lâm Khang. Xui cho thằng này. Gặp thời tai kiếp, tôi nghèo quá, phải bồng con đi ở đậu dưới chái hiên, bên hông nhà của một người quen. Chái hiên lợp tôn. Chung quanh chắn gió bằng những mảnh bìa carton. Chỉ chừa cái cửa ra vô, nhỏ như lỗ tò vò. Bên trong, đặt vừa vặn một chiếc giường. Trưa mùa hè, chui vào gian phòng nhỏ này, nóng hừng hực như lò lửa thiêu người. Thằng con tôi khóc hoài, không chịu ngủ. Tôi phải treo chiếc võng cho nó nằm, dưới bóng mát cây xoài. Trưa trưa, vợ ngồi đưa võng, hát những câu ru con buồn não nuột:

Má ơi, đừng gả con xa
Chim kêu vượn hú, biết nhà má đâu?

Chim xa cành còn thương cây nhớ cội
Người xa người tội lắm, người ơi.

Nghe thảm quá, tôi kêu lên: “Em ơi, đừng rên rĩ những câu đứt ruột ấy nữa. Hãy hát nhạc vàng cho nó nghe.”

Vợ nói: “Hát nhạc vàng, bị Công An còng đầu.”

“Thì hát nhạc đỏ, nhạc cách mạng.”

“Anh nghĩ con mình có chịu được với loại nhạc thế này không? Ai nhanh tay vót bằng tay em. Bao mũi chông nhọn hoắt căm hờn...”

Tôi xua tay: “Thôi, thôi. Thằng nhỏ mà nghe nhạc này, lớn lên nó sẽ mọc nanh thành quỷ, hút máu người.”

Tôi xin được cái radio cũ, ngày ngày cho nó nghe đờn ca vọng cổ.

Lâm Khang được hai tháng tuổi, bị tướt. Mỗi ngày, năm ba lần chảy té re chất nước lợn cợn màu vàng nhạt. Mấy bà già láng giềng bảo nó bị đẹn ỉa, phải lể đẹn mới xong. Thằng nhỏ bị căng họng, kéo lưỡi, lể bằng kim may. Nó giãy giụa, khóc gần đứt hơi tím mặt. Tôi

nóng ruột, không cho điều trị theo phương pháp cổ truyền nữa. Hai tháng rưỡi. Nó tiếp tục lên cân, nhưng vẫn còn tướt. Tôi quyết định đem con đi khám ở bệnh viện Nhi Đồng I. Sau khi nghe tôi nói nó bị ỉa, bác sĩ cho nhập viện ngay, khỏi cần khám.

Chẳng biết khoa con tôi nằm, là khoa gì. Khi nói chuyện với nhau, mọi người gọi là Khoa Ỉa. Cũng có lý. Đã có Xưởng Đẻ, thì có Khoa Ỉa là chuyện bình thường. Vào đây, tôi mới thấy hết được cái tính "khó khăn khắc phục" của nền y khoa xứ mình. Phòng lớn, chứa hai mươi giường. Mỗi giường, có hai em bé nằm thoi thóp. Một đứa nằm đầu trên, một đứa nằm đầu dưới. Chưa kể một số khác, trải những manh chiếu nhỏ, nằm dưới sàn. Con tôi may mắn, được nằm trên giường, chỗ của một bé gái vừa "đi đứt". Mặt giường trải nylon, để các em tiểu tiện không bị thấm xuống nệm. Cái ghê tởm là đứa này ỉa, chảy tràn ướt lưng đứa kia. Khiếp! Sau hai ngày, tôi đem con xuống nằm dưới sàn. Nhường chỗ trên giường cho một người vừa mới ẵm con đến. Người ấy cám ơn tôi. Trong một nơi chốn, người ta bon chen tranh giành từng chút, chịu nhường nhau một tiện nghi nào đó, lòng tốt ắt phải có lý do.

Mỗi buổi sáng. Mọi người phải ẵm con ngồi sắp hàng trước phòng bác sĩ, chờ khám theo thứ tự. Bác sĩ Khoa Ỉa, không bao giờ bước chân vào phòng bệnh nhân. Dụng cụ hành nghề của bác sĩ, vỏn vẹn một quyển sổ ghi toa thuốc, và một cái ống nghe. Mang ống nghe như một dấu hiệu biểu trưng cho cương vị bác sĩ, chứ không phải để sử dụng. Vì thế, đi vào phòng ăn, hoặc vào quán tạp hóa trong khu vực bệnh viện, bác sĩ cũng đeo ống nghe, để phân biệt với người thường. Và một điều đáng nể khác, khi khám bệnh, bác sĩ không hề đụng tay vào người các em bị ỉa. Có lẽ, am tường môn vi trùng học, nên tuyệt đối giữ vệ sinh. Ông chỉ liếc sơ qua cái mặt đờ đẫn, là biết được bệnh trạng ra sao. Tay viết lia lịa lên mảnh giấy, rồi xé cái rẹt, trao cho thân nhân người bệnh. Đây là cái toa thuốc, nhưng tôi không đọc được chữ gì cả. Giống những ký hiệu về âm nhạc. Nếu gộp chung nhiều cái toa, trao cho một nhạc sĩ, có thể đàn được bản nhạc hay.

Mọi người kháo với nhau: "Ông này là bác sĩ ngụy của mình hồi trước, được cách mạng lưu dụng."

"Sao biết?"

"Nhìn cách viết thì biết ngay. Bác sĩ cách mạng, viết chậm như rùa. Bác sĩ mình, viết nhanh như gió."

Tôi tin tưởng "bác sĩ mình". Cầm toa thuốc lên Phòng Y Dược. Chắc cô phát thuốc cũng là "dược sĩ mình" đã quen đọc ký hiệu, nên liếc qua cái toa, biết ngay thuốc gì. Cô mở lọ này, trút chai kia, trao tôi

một bụm thuốc.

Thằng con tôi mới hai tháng rưỡi, làm sao nuốt nổi một bụm thuốc thế này? Hình như thuốc nội hóa cần lượng hơn phẩm.

Một số người xấu miệng nói, đôi khi chỉ là bột mì, tinh chế thành viên. Dù mỉa mai chế độ, nhưng không phải không có lý. Câu nói hàm chỉ được một phương cách trị bệnh bằng tinh thần. Từ lâu rồi, ngành y khoa đã thừa nhận rằng, kết hợp yếu tố tinh thần, trong việc điều trị bằng thuốc men, cũng đem lại kết quả rất khả quan. Người xưa còn biết, cái tâm ảnh hưởng rất lớn đến cái thân, nên chủ trương lấy tâm làm gốc. Thân tâm không lìa nhau. Hễ tâm bệnh thì thân bệnh.

Tâm vừa máy động, họa phúc liền sinh
Điềm đạm hư vô, bệnh nào phát khởi.

Quỷ vương lộng hành thời mạt pháp. Trật tự xã hội xô bồ rối loạn. Người người lao đao, cái tâm vọng động không yên, nên sinh lắm bệnh tật. Ra đường, thấy thiên hạ tất tả ngược xuôi, mặt mày lo âu hoảng hốt. Những khuôn mặt ấy, trước sau gì cũng vào bệnh viện. Và vào đây, mới biết thế nào là ý nghĩa của những viên thuốc trị về tâm.

Tôi nhớ lúc còn trong tù, mọi thứ bệnh: nóng lạnh, nhức đầu, đau bụng, ỉa chảy, yếu tim, nám phổi, ho hen..., tất cả đều được cấp phát cùng một loại thuốc Xuyên Tâm Liên. Vậy, Xuyên Tâm Liên là thuốc về tâm, trị bá bệnh. Ai chịu, thì tiếp tục sống. Ai không chịu, thì chết. Chết vì tâm bệnh, chứ đâu phải vì thuốc? Hiện nay, chưa có một nước văn minh hiện đại nào trên thế giới, chế được loại thuốc trị bá bệnh, như Xuyên Tâm Liên của nước Việt Nam ta.

Đã nói đến tài ứng biến, và sáng tạo thần sầu của cách mạng, phải nói cho hết, Trong thời gian đi tù, có lần tôi bị chứng bệnh kỳ lạ. Đầu gối sưng nhức, và đái gắt. Dùng Xuyên Tâm Liên cả tháng trời không khỏi. Có lẽ, tâm bệnh quá trầm trọng. Tôi năn nỉ y tá của trại, cho tôi lên nằm bệnh xá để điều trị.

Y tá nói: "Muốn chuyển lên bệnh xá, phải ghi rõ bệnh gì? Nhưng anh khai lung tung, tôi không đoán ra, làm sao chuyển?"

Tôi cố nài: "Xin cứ ghi bừa vào một chứng gì cũng được, lên đó rồi tính sau."

Suy nghĩ một lúc, y tá hỏi: "Khi còn làm lính ngụy, anh có bị bệnh xã hội không?"

"Bệnh xã hội là bệnh gì?"

"Chẳng hạn như tiêm la, lậu mủ, giang mai, mồng gà..."

"Có bị vài lần." Tôi nói.

Y tá gục gật đầu: "Anh đái gắt. Tôi ghi là bệnh tiêm la tái phát nhé?"

"Nhưng phải cho tôi biết tiêm la có hiện tượng ra sao, để tôi khai với bệnh xá."

"Cái bệnh này gây đau nhức dương vật, nếu không điều trị kịp thời, con vi trùng sẽ ăn mất cu."

Tôi cầm mảnh giấy lên nộp cho bệnh xá. Rồi sắp hàng, ngồi cùng với những anh em các trại khác quy tụ về đây. Chờ kêu tên. Bác sĩ xướng danh từng người, kèm theo chứng bệnh.

Tới phiên tôi, bác sĩ gọi: "Nâm Chương. Bệnh tiêm na."

Tôi đứng lên. Bao nhiêu con mắt kinh ngạc mở lớn, đổ dồn về phía tôi như dò hỏi. Vào tù cả năm rồi, làm sao thằng này chui ra ngoài được, chơi đĩ đến nỗi mắc bệnh "tiêm na"? Tôi nóng ran cả người vì ngượng.

Bác sĩ hỏi: "Có đau nhiều không?"

Tôi nói: "Chỉ đái gắt, và đầu gối sưng nhức."

"Bậy! Từ dương vật, sao lại chạy xuống đầu gối?" Ông đưa ngón tay chỉ: "Vào phòng tiêm thuốc cho khỏe."

Đúng là lương y như từ mẫu. Ông không hạch hỏi lôi thôi, cũng không hề tỏ ra khó chịu vì căn bệnh xã hội của tôi. Ông chỉ lo cho sức khỏe bệnh nhân.

Vào phòng tiêm. Tôi thấy nhiều chai nước ngọt hiệu con cọp, và xá xị hiệu con nai, sắp đầy trên những ngăn kệ. Có chai chứa nước màu xanh, có chai chứa nước màu đỏ. Miệng chai được bịt kín bằng miếng nhựa nylon, có quấn dây thun.

Anh y tá hòa hai thứ nước xanh đỏ vào chung trong một cái ly. Đưa cây kim vô ly, bơm đầy ống tiêm. Mỗi người bệnh, được tiêm một ống như thế. Không biết chất gì, khi tiêm vào da thịt, nghe đau thấu trời.

Tôi hỏi: "Thuốc này trị bệnh gì?"

Y tá đáp gọn: "Bê một, Bê Mười Hai. Tăng cường sinh lực."

Buổi sáng nào, chúng tôi cũng được tiêm một ống B1, B12. Có điểm danh từng người, trốn tiêm cũng không khỏi. Đặc biệt những người bệnh nặng, còn được truyền nước biển. Y tá túc trực cả ngày, săn sóc và theo dõi bệnh trạng . Lương tâm nghề nghiệp có thừa, nhưng tôi e rằng phần lớn thuốc men ở đây, chỉ có giá trị về mặt tinh thần.

Một hôm mưa to. Anh y tá dầm mưa, đem tấm poncho (loại áo đi mưa của quân đội ngày trước) ra căng giữa trời. Phía dưới, anh đặt cái thau hứng nước. Cái thau lại đặt cao lên, trên một chiếc ghế đẩu, tránh nước dưới đất bắn vào thau. Tôi phụ anh làm công việc này, đồng thời có cớ tắm mưa luôn.

Anh dặn: "Những thau nước hiệp đầu, bỏ đi. Chỉ lấy nước tinh khiết hiệp sau thôi."

Tôi hỏi: "Anh lấy nước uống?"

"Không. Dùng vào việc khác."

"Việc gì?"

Anh nói: "Làm nước truyền. Tiếng Tây, gọi là sê rum. Miền Nam các anh, gọi là nước biển. Chúng tôi, gọi là nước cất." Và anh giải thích. "Muốn điều chế nước cất. Cho nước lã vào nồi, nấu sôi lên. Nước bốc thành hơi. Hơi chạy qua một cái ống thông hơi, ngâm trong hồ nước lạnh. Gặp lạnh, hơi tụ lại thành nước. Nước này gọi là nước cất, rất tinh khiết, dùng truyền cho người bệnh. Nước mưa cũng qua một quá trình như nước cất thôi. Anh có học về sự hình thành của mưa chứ?"

"Vâng. Hồi nhỏ có học."

"Đấy. Nước ao hồ sông biển, gặp nắng bốc thành hơi. Bay lên thành mây, gặp lạnh thành mưa. Thế thôi."

Do hàng ngày lân la trò chuyện với anh y tá, mà chúng tôi cảm tình nhau. Anh là người hiền lành, chơn chất đáng mến. Tôi nói với anh về hoàn cảnh đất nước phân tranh, về tình trạng gia đình ly tán. Anh thông cảm và thích tôi, dành cho tôi nhiều tiện lợi. Anh nói, bất cứ lúc nào tôi thấy mệt, anh cũng sẵn sàng vô cho tôi một chai nước cất. Tôi ghi nhận lòng tốt của anh, nhưng không bao giờ dám mệt.

Lúc mới vào Khoa Ỉa, con tôi còn lanh lợi tỉnh táo. Mỗi ngày tôi nghiền một bụm thuốc viên, đổ vào họng thằng nhỏ. Bốn ngày sau, nó nằm im thiêm thiếp, ỉa nhiều lần hơn.

Khi ẵm con lên cho bác sĩ "liếc qua" tình trạng bi quan của nó, tôi nói: " Thưa bác sĩ. Bên ngoài bệnh viện có bán thuốc ngoại. Xin làm ơn cho toa thuốc ngoại, để tôi đi mua..."

Giữa chốn đông người, "bác sĩ mình" trừng mắt, điểm ngón tay vào mặt tôi: "A... a..., đầu óc vọng ngoại, luôn luôn tôn sùng nước ngoài. Cái gì của nước ngoài thì ca tụng, cho rằng tốt đẹp. Cái gì của nước ta, thì chê bai rẻ rúng. Anh không muốn dùng thuốc bào chế của nước ta, thì đem con vào đây làm gì?"

"Thưa bác sĩ. Thằng nhỏ không bớt bệnh, tôi xin đổi thuốc, chứ không có ý gì khác."

"Tôi là bác sĩ, tôi biết cách giải quyết. Không cần anh phải chỉ dẫn. Uống thuốc, phải chờ thuốc thấm, từ từ bớt bệnh. Trị bệnh tiêu chảy, không như đóng một cái vòi nước mà ngừng được ngay. Anh hiểu chứ?"

Thế là tôi lại tiếp tục lãnh một cái toa thuốc, viết toàn bằng ký hiệu âm nhạc. Và tôi cũng biết rằng, giữa tôi và "bác sĩ mình" không còn đứng cùng về một phía nữa. Ông đã giác ngộ tư tưởng cách mạng rồi.

Tôi bàn với vợ, đem con ra khỏi bệnh viện, tìm phương khác chữa trị. Không thể để thằng nhỏ nằm lây lất ở một nơi thiếu điều kiện vệ sinh của Khoa Ỉa. Nhưng ngay đêm đó, nó lên cơn sốt. Thôi, muộn rồi! Nó đã nhiễm trùng. Tôi đau đớn vì đã đem con dìm vào cái ổ vi trùng. Bây giờ, chết sống gì cũng phải nằm lại đây. Tôi vội chạy đi tìm y tá, xin cô báo cho bác sĩ trực hay.

Giữa khuya. Cô đang đọc tiểu thuyết, ngẩng đầu lên, nói: "Trẻ em bị nóng sốt là chuyện thường. Có gì mà ông hốt hoảng thế? Ông tưởng lúc nào cũng có thể làm phiền bác sĩ trực được sao?"

"Mấy hôm trước, nó không sốt. Bây giờ bị nhiễm trùng."

"Mới bị sốt lần đầu, lại càng không đáng lo. Còn chuyện bị nhiễm trùng hả? Ông có nhìn thấy con vi trùng bu vào con ông không?"

Tôi năn nỉ: "Nó bị sốt cao độ cô à. Xin cô làm ơn xuống nhìn một chút, coi có cách nào giải nhiệt được không?"

"Sao ông biết sốt cao độ? Bộ ông là cái nhiệt lượng kế hả? Tôi có xuống nhìn cũng vậy thôi. Tạm thời, ông lấy cái khăn ướt đắp lên trán đứa bé. Chờ sáng mai, trình với bác sĩ để ổng quyết định."

Tôi còn đang chần chừ chưa đi. Nát lòng không biết tính lẽ nào.

Cô y tá bồi thêm: "Coi kìa. Điệu bộ ông giống con gà mắc đẻ. Mười mấy năm trong nghề, tôi gặp quá nhiều người như ông. Chuyện một chút xíu thôi, cũng quýnh quáng la làng, kêu réo giật ngược y tá bác sĩ. Làm như y tá bác sĩ thiếu nợ các người vậy."

Nhìn cái miệng chót chét của cô, tôi nộ khí xung thiên. Trong một lúc bốc đồng, tôi muốn có cây súng đại liên, bắn chết mẹ hết cả lũ y tá bác sĩ của bệnh viện này. Tôi nghiến răng, quay trở lại phòng bệnh, thấy vợ đang ngồi cúi đầu ủ rủ dưới chân con. Tôi hằn học nói với vợ về sự tức giận của mình.

Vợ van: "Tôi lạy anh. Hãy ráng giữ bình tĩnh. Biết được thái độ bất mãn của anh, người ta ghét, người ta sẽ giết con mình."

Sáng nay. Lại bồng con sắp hàng ngồi chờ khám bệnh bệnh. Mỗi ngày, bác sĩ chỉ xuất hiện, ngồi sau bàn làm việc trong vòng một giờ đồng hồ. Còn hai mươi ba giờ khác, đố ai tìm thấy mặt ông. Tất cả, ông đều giao cho y tá, và vài ba sinh viên y khoa thực tập. Mà y tá, thì dữ hơn nhân viên phòng thẩm vấn, chua hơn giấm.

Trong khi chờ đợi, tôi lan man hồi tưởng lại những ngày ở bệnh xá của trại tù. Bác sĩ y tá ở đây, thuộc đơn vị của bộ đội Miền Bắc. Họ

đã thực hiện một ca mổ đặc biệt đến nỗi, nếu không chứng kiến tận mắt, người nghe tưởng như bịa chuyện, khôi hài cho vui. Người bạn tù tên Sang, nằm chung phòng với tôi. Anh đang mạnh khỏe, bỗng một đêm, ôm bụng kêu đau ầm ĩ. Cơn đau càng lúc càng dữ dội, phải đưa anh lên bệnh xá. Nửa đêm, bác sĩ y tá mở cuộc họp khẩn cấp, và quyết định mổ bụng anh Sang. Cơ sở còn nghèo nàn thiếu thốn, lấy căn phòng học cũ, làm phòng mổ. Không có điện, phải đốt đèn cầy soi sáng. Không có thuốc gây mê, phải dùng tạm thuốc tê, tiêm vào da bụng. Anh Sang trần truồng nằm ngửa trên chiếc giường, được kê cao lên ngang thắt lưng. Phần hạ bộ, che bằng chiếc khăn lông màu cứt ngựa. Thấy chuyện lạ, những người bệnh chúng tôi bỏ ngủ, lóng ngóng bên ngoài của sổ, nhìn vào. Bác sĩ y tá đứng vây chung quanh giường bệnh. Sau khi lấy bút nguyên tử kẽ một lằn trên bụng bệnh nhân, bác sĩ kẹp lưỡi dao trong hai ngón tay, rạch dài theo nét kẽ. Dao giải phẩu là cái lưỡi lam cạo râu, trời ạ! Ông cẩn thận rạch đi rạch lại nhiều lần, mới banh được cái bụng ra. Bên ngoài, có anh khiếp quá, không dám đứng coi. Hai người y tá đứng hai bên giường, kéo chằng vết mổ mở lớn. Bác sĩ, với bàn tay không đeo găng nhựa, thò vào trong bụng anh Sang, sờ mò tìm kiếm một thứ gì đó.

"Trời ơi!" Anh kêu.

Bác sĩ nói: "Im! Để bác sĩ làm tốt."

Trong khi bác sĩ tiếp tục mò tìm, thỉnh thoảng anh Sang đưa tay gãi chỗ này chỗ nọ.

Bác sĩ nói: "Nằm yên! Để bác sĩ làm tốt."

"Muỗi cắn."

"Cắn chỗ nào, bảo y tá gãi cho anh."

Anh Sang ngóc đầu lên, nhìn bụng mình. Y tá đè đầu xuống.

Bác sĩ nói: "Đừng nhìn. Để bác sĩ làm tốt."

"Bác sĩ mò cái gì mà đau quá vậy?" Anh hỏi.

Bác sĩ nói: "Đừng hỏi. Để bác sĩ khám phá."

Thỉnh thoảng, anh Sang nói: "Muỗi cắn chân phải."

Y tá gãi chân phải

Anh Sang lại nói: "Muỗi cắn gò má."

Y tá gãi gò má.

Anh Sang cứ nói muỗi cắn hoài. Không biết muỗi ở đâu kéo đến nhiều thế. Có lẽ nó đánh hơi được mùi máu.

Bác sĩ ngó ra cửa sổ, nói: "Có anh nào đấy, chạy xuống phòng vệ binh, xin hộ cây nhang muỗi."

Một người trong chúng tôi chạy đi. Lúc sau đem đến một bó nhang hơn mười cây. Y tá thắp nhang, đặt dưới gầm giường mổ. Từ đó

trở đi, anh Sang hết kêu muỗi cắn.

Nửa giờ đồng hồ trôi qua. Bác sĩ ngẩng lên, nhè nhẹ lắc đầu thất vọng, trán lấm tấm mồ hôi.

"Chả thấy gì!"

Anh Sang lại ngóc đầu, nhìn bụng. Y tá đè đầu xuống.

"Không thấy gì thì may lại giùm tôi." Anh lo lắng.

Bác sĩ an ủi: "Yên chí. Chúng tôi cố gắng làm tốt cho anh."

Rồi tất cả bác sĩ y tá kéo đến một chiếc bàn cuối góc phòng, ngồi thì thầm thảo luận. Để lại một người y tá bên giường với anh Sang. Bụng anh được đậy lại bằng một chiếc khăn lông màu trắng, dính đầy máu đỏ. Anh nằm im lặng. Không biết ngủ hay thức.

Trời đã khuya lắm. Ngoài cửa sổ, vài người lặng lẽ trở về chỗ ngủ. Đôi ba anh em còn lại, ngồi xuống thềm hiên. Ngó lên khoảng trời mênh mông. Con trăng xế về bên kia mái trường học cũ. Mùa trăng tháng Chạp, lạnh đục màu sương.

Trong phòng. Thảo luận một lúc lâu, Bác sĩ y tá quay lại giường mổ. Loay hoay bơm thuốc vào ống tiêm.

Anh Sang hỏi: "Bây giờ làm gì nữa?"

Bác sĩ nói: "Tiêm thêm thuốc tê. Thuốc cũ sắp hết công hiệu rồi."

Tiêm thuốc xong. Lại cầm lưỡi dao lam.

Anh Sang: "Mổ nữa hả, bác sĩ?"

"Thêm tí nữa thôi. Đừng sợ." Bác sĩ trả lời.

Ông rạch vết mổ dài ra. Thò tay bụng mò tìm.

"Nhè nhẹ. Đau quá, bác sĩ ơi." Anh rên lên, và ngóc đầu nhìn.

Bác sĩ nói: "Không được nhìn. Tôi phải che mắt anh."

Một người y tá cầm chiếc khăn nhỏ vắt ngang qua mắt anh Sang.

Mọi người im lặng theo dõi bác sĩ. Ông làm việc chăm chú và tận tâm. Có lúc, ông nghiêng đầu, lim dim đôi mắt như lắng nghe một âm thanh vo ve nào đó, có thể tiếng muỗi, hoặc một tín hiệu khác thường từ những ngón tay truyền đạt. Dù không nhìn thấy bàn tay, nhưng ai cũng biết rằng, những ngón tay của ông đang động đậy, rà mò tìm kiếm trong bụng anh Sang.

Bỗng ông reo lên mừng rỡ: "Đây rồi. Đây rồi."

"Cái gì vậy, bác sĩ?" Anh Sang hỏi.

"Khám phá ra rồi. Chính nó."

"Nó là cái gì?"

"Sau này sẽ biết. Mọi chuyện sẽ xong ngay. Yên chí đi."

Bác sĩ ngẩng lên, thở phào, mặt rạng rỡ. Dường như cơn mệt mỏi từ đầu hôm đến giờ, bỗng chốc tiêu tan.

Thấy chúng tôi đang đứng lố nhố ngoài cửa sổ, ông nói: "Các anh không được thức khuya quá. Hãy về chỗ ngủ, để giữ sức khỏe."

Chúng tôi trở về phòng. Đồng hồ chỉ đúng ba giờ khuya. Không biết chuyện gì xảy ra sau đó.

Sáng ra. Vài người muốn vào phòng mổ thăm anh Sang.

Y tá không cho: "Anh ấy còn mệt lắm. Phải để anh ấy nghỉ ngơi. Mai thăm cũng không muộn."

Chúng tôi đứng ngoài nhìn vào. Mặt anh Sang tái mét. Hai mắt nhắm nghiền. Anh được đắp bằng chiếc Poncho Light của anh, mang theo từ ngày đầu đi cải tạo.

Hai ngày sau, anh Sang được đưa về nằm chung phòng với chúng tôi. Cả tháng trời, anh chưa ngồi dậy được. Mọi sự đại tiện của anh đều do y tá trực giúp đỡ. Nâng anh lên, đặt anh đặt ngồi vào cái bô kế bên giường. Đổ và rửa bô cũng do y tá đảm trách. Nhiều lần, chúng tôi ngõ ý muốn phụ với anh y tá trong việc đỡ đần chăm sóc anh Sang, hoặc thay anh làm công việc vệ sinh, đổ cứt rửa bô. Nhưng anh từ chối.

"Các anh đang bệnh, không nên làm việc này. Đây là nhiệm vụ của tôi."

Hàng ngày, bác sĩ xuống phòng thăm bệnh. Ông ngồi cả buổi bên giường, nói chuyện và an ủi anh Sang. Ông cho biết, anh ăn phải một mảnh kim khí nhỏ, phải mổ dạ dày để lấy ra. Chúng tôi biết mảnh kim khí này từ đâu. Anh em nhà bếp thường dùng bùi nhùi bằng kim khí của một xưởng tiện sắt thép nào đó, để lau chùi chảo nấu ăn. Vì sơ ý, làm sót lại một mảnh vụn lẩn trong cơm. Một sơ ý nhỏ, nhưng đã để lại một tai họa lớn cho đời anh Sang.

Trong khi ngồi nói chuyện với chúng tôi, ông thường kể về những ngày gian khổ trên đường Trường Sơn, làm việc trong điều kiện vô cùng thiếu thốn. Từ đó, ông sang qua vấn đề anh em trong bệnh xá.

Ông nói: "Đứng trên quan điểm cách mạng, các anh là kẻ thù. Nhưng dưới mắt một người thầy thuốc, các anh là những bệnh nhân. Chúng tôi phục vụ bệnh nhân theo lương tâm của người thầy thuốc."

Cái quan điểm và lương tâm của ông, làm chúng tôi ngạc nhiên thực sự.

Còn ở đây, các bác sĩ y tá đều là người của chế độ cũ, được lưu dụng làm việc cho bệnh viện. Không biết họ đứng trên quan điểm nào, và lương tâm gì đối với bệnh nhân?

Thấy tôi cứ mãi đặt những vấn đề vớ vẩn, không thực tế chút nào, vợ nói: "Anh phải đứng ngoài. Bác sĩ mà nhìn thấy cái mặt nhăn

nhó của anh, thì con mình sẽ lâm nguy."

Tôi dặn:" Em phải cho ổng biết, thằng nhỏ bị sốt."

"Đừng xía vô chuyện này, để em lo."

Tới phiên, vợ tôi ẵm con vào gặp bác sĩ. Tôi đứng ngoài. Nhìn.

"Hôm nay thế nào?" Bác sĩ hỏi.

Vợ nói: "Dạ thưa. Nó lên cơn sốt trong đêm."

"Sao biết?"

"Dạ, sờ thấy nóng."

"Y tá sẽ đo nhiệt độ. Nếu nóng thật, phải truyền nước biển."

Ông liếc nhìn thằng nhỏ trước khi cúi xuống ghi những nốt nhạc.

Vợ ẵm con ra, trao mảnh giấy cho tôi, hỏi: "Anh coi thử, bác sĩ có thay đổi thuốc không?"

Tôi nói: "Có đọc được chữ gì đâu, mà biết hôm qua khác với hôm này?"

Gần trưa, cô y tá (không phải y tá trực trong đêm) vào phòng. Cô cho cái nhiệt lượng kế vô miệng con tôi, rồi đi kiểm soát từng giường bệnh. Cô vừa hướng dẫn cách săn sóc em bé, vừa la lối mọi người về sự ăn ở thiếu vệ sinh. Muốn thực hiện vệ sinh, phải có điều kiện tiện nghi. Nhưng chúng tôi thiếu thốn mọi bề. Chẳng hạn, trong nhà cầu chỉ có duy nhất một vòi nước giặt giũ, mà người giặt thì quá đông. Mỗi người đem đến một đống tã lót. Nhiều người chen nhau. Người trước, kê tấm tã vào sát vòi nước mà vò. Người sau, cũng đang vò một tấm tã phía dưới, hứng nước từ tấm tã phía trên đổ xuống. Con vi trùng ỉa được dịp luân lưu từ em này sang em khác qua những tấm tã.

Đi giáp một vòng thăm bệnh, cô y tá quay lại rút cái nhiệt lượng kế từ miệng thằng nhỏ, đưa lên ánh sáng.

"Nhiệt độ trung bình. Sao ông bảo bị sốt?" Cô trừng mắt nhìn tôi.

Tôi nói: "Hồi hôm, nó sốt. Bây giờ, hạ rồi."

"Hứ! Đừng có báo cáo ẩu nghen."

Tôi vớt vát: "Thật mà. Hồi hôm, nó sốt."

"Nói lung tung, làm rối điên cái đầu. Ai biết đường nào trị cho con ông? Nó có thế nào, lỗi cũng tại ông đấy!" Cô ngoe nguẩy bước ra khỏi phòng.

Trời ơi! Nếu không vì sự an nguy của đứa con, chắc tôi bóp cổ chết con y tá này.

Cho đến một ngày, tính mệnh thằng con tôi, hắt hiu như ngọn đèn trước gió. Dù không yêu cầu, nhưng bác sĩ cũng cho một cái toa

riêng mua thuốc ngoại. Lúc này, trước mặt ông, tôi không dám vọng ngoại, nhưng ông lại bày vẽ cho tôi thực hiện tinh thần vọng ngoại. Ông bảo phải mua thuốc ngoại ở hiệu thuốc này..., địa chỉ này..., để tránh mua lầm thuốc giả. Chao ôi! Thuốc trị bệnh mà cũng có kẻ dám làm giả mạo. Tội này, tương đương với tội sát nhân. Tôi cầm cái toa hớt hãi chạy ra đường. Nhiều con buôn thuốc dạo, chận lại thăm hỏi mời chào. Chẳng biết tôi còn tỉnh hay điên? Sao nhìn mặt người nào, tôi cũng thấy phảng phất cái vẻ tàn ác của quân bất lương cướp của giết người.

Con tôi được đưa vào phòng cấp cứu, có máy điều hòa không khí. Có lẽ vì muốn chứng tỏ đây là căn phòng đặc biệt, nên người ta điều chỉnh nhiệt độ ở mức khá thấp. Vào phòng, tôi có cảm tưởng vào một mùa đông lạnh giá.

Tôi nói: "Lạnh quá. Làm sao con nít chịu nổi?"

Cô y tá, chứng tỏ là người thành thị, từng quen sử dụng những tiện nghi tân tiến: "Điều hòa không khí là phải như vậy. Nếu không lạnh, thì gắn máy lạnh làm gì? Hứ!"

Hình như, khi muốn tỏ thái độ khinh bỉ chê bai, người đàn bà nào cũng dùng tiếng "hứ". Và tôi thấy tôi hiện nguyên hình một gã nhà quê chậm tiến.

Tóc trên đầu thằng con tôi, bị cạo một mảng, để đâm cây kim truyền nước biển. Lỗ mũi nó, thọt vào một cái ống tiếp dưỡng khí. Miệng nó, cũng thọt vào một cái ống để cho sửa và thuốc vô bao tử. Nhìn những trang bị trên người nó, tôi liên tưởng đến một đứa bé từ hành tinh khác lạc xuống địa cầu, phải ăn và thở bằng những dụng cụ đặc biệt, trong một phim dành cho nhi đồng. Trong phòng cấp cứu, đã có sẵn ba đứa khác, đang chờ giờ hiển linh về nước Chúa, hoặc theo Phật về chốn tiêu diêu miền Cực Lạc.

Tôi đuối sức, sau những ngày thay phiên cùng vợ, thức theo dõi thằng con. Tôi ra ngoài hành lang, nằm ngủ. Nhưng vừa chợp mắt lại thấy ác mộng. Tôi vùng ngồi dậy, lúc lắc cái đầu cho tỉnh.

Vợ bảo: "Ngủ đi."

Tôi nói: "Ở đây, vất vưởng nhiều oan hồn con trẻ. Nó phá tôi."

Vợ chắp tay: "Nam Mô A Di Đà Phật. Anh đừng nói những điều ghê khiếp."

"Thật đấy. Tôi nghe tiếng con trẻ cười đùa."

"Anh ơi. Anh ơi. Anh sắp điên rồi."

"Không đâu!"

Đầu tôi váng vất lùng bùng. Tôi thấy chung quanh toàn những gút mắc chông gai. Ác cảm nặng với bác sĩ y tá, vi vu ý tưởng giết

người.

Vợ nói: "Trông anh như người bệnh. Mắt lờ đờ nhướng hết lên. Ráng ngủ lấy sức. Anh ngã bệnh lúc này, mình em làm sao lo nổi cho anh, cho con?"

Buổi chiều. Phòng cấp cứu nhận thêm thằng bé mười hai tuổi, tên Cu Đen. Nghe hai tiếng Cu Đen, tự dưng tôi thấy êm đềm gần gũi. Tôi như sống lại một quãng đời tuổi nhỏ làng quê, với bạn bè có những cái tên hết sức thân yêu, Cu Nồi, Cu Lọ, Cu Đẹt, Cu Đực, Cu Tèo, Cu Tý... Lòng tôi dịu lại. Dựa lưng vào bức tường hành lang, tôi mơ màng quay về những mương rạch, bờ ao, con trâu, cái cày... thuở trước. Thiếp đi lúc nào không hay. Khi bừng dậy, tôi nghe tiếng khóc.

Thằng Cu Đen còn rất tỉnh táo, nhưng sau những thử nghiệm và chẩn đoán, bác sĩ cho biết nó sẽ chết trong vài ngày tới. Má nó gục đầu lên đứa con, nức nở. Nó ôm đầu má, kêu thảm thiết: "Má ơi, đem con về. Con muốn ở với má. Đừng bỏ con, má ơi."

Đang rầu vì con, nhìn qua giường bên, lại thấy cảnh mũi lòng, vợ tôi cũng khóc rống theo.

Y tá nạt: "Bà này lạ chưa? Mắc mớ gì đến bà mà khóc? Làm như đưa đám ma không bằng. Tôi yêu cầu, bà đi ra ngoài kia mà khóc, để yên cho tôi làm việc."

Má Cu Đen kể trong nước mắt. Rằng vợ chồng chị đi làm làm ngoài đồng xa. Cu Đen ở nhà giữ em. Vô ý để em té xuống ao. Người láng giềng vớt em nó lên, dọa: "Mày ham chơi, bỏ em té ao. Ba má mày về đánh chết." Nó sợ đòn, vào buồng lấy chai thuốc rầy, uống. Người láng giềng biết được, chạy ra đồng gọi vợ chồng chị về. Khi đưa nó vào bệnh viện, thì đã muộn.

Người ta nói "còn nước còn tát", cái câu châm ngôn ấy không áp dụng ở đây. Không ai bỏ công cứu chữa cho một sinh vật, mà người ta nghĩ rằng phí công vô ích. Cu Đen chỉ được truyền nước biển, như một biểu thị nó còn được sự tận tâm chiếu cố của người thầy thuốc. Nó đâu biết, người ta đã dành sẵn cho nó một mảnh giấy khai tử rồi, chỉ còn chờ giờ điền tên vào, là xong.

Thằng bé thao thức, khóc cả đêm. Nó nói nhớ em, và năn nỉ má nó đưa về nhà. Người mẹ cũng biết, ngoài cái chai nước biển, con chị không còn thêm được một ân huệ nào khác nữa. Mà cái chai nước biển, có tác dụng gì với thằng bé uống thuốc rầy? Sáng hôm sau, người mẹ xin cho con xuất viện.

Thương Cu Đen quá, tôi cầm tay nó: "Thôi, Cu Đen về nhà với em nhé."

Nó nói: "Dạ. Mai mốt em bé của chú khỏi bệnh, chú ẵm xuống

nhà con chơi."

Nó còn nói được một câu như thế, mà sắp chết thật sao? Nó đâu có hiện tượng của kẻ sắp lìa đời? Tôi đưa Cu Đen ra sân bệnh viện, nơi có chiếc xe Lam đang chờ sẵn. Má nó không còn khóc như lúc mới nghe tin dữ. Trong nỗi đau đớn đến cùng cực, lòng người sẽ trơ ra, mọi sự cảm xúc đều bị tắc nghẽn. Xe lam chuyển bánh. Tôi ngó theo. Vĩnh biệt Cu Đen.

Từ đó, cái tên thằng bé cứ ám ảnh tôi hoài. Hai tiếng Cu Đen êm đềm thân thiết biết bao, gợi cho tôi những ngày xưa cũ, cùng những kỷ niệm thời gian mất mát đớn đau. Tôi thầm nghĩ, nếu thằng Khang, con tôi tai qua nạn khỏi, tôi sẽ đặt cho nó một cái tên riêng, tên ngoài giấy tờ: Cu Đen.

Thằng con tôi lặng lẽ ra đi, rất êm. Từ lúc bác sĩ chấp nhận cái tinh thần vọng ngoại, chịu cho toa mua thuốc ngoại, và đưa nó vào phòng lạnh, tôi biết mọi sự thay đổi của bác sĩ đã trễ tràng. Vợ chồng tôi âm thầm nuốt nước mắt từ mấy ngày trước. Lúc nó ra đi, chúng tôi không còn nước mắt.

Trong đêm khuya. Bệnh viện im lặng đến rợn người. Tôi kề tai sát mũi thằng bé. Không nghe thấy gì.

Vợ thì thầm: "Nó còn thở không?"

Tôi nín thinh.

Vợ luồn tay vào chăn: "Ngực nó còn ấm."

Tôi ngoảnh mặt, ngó ra những ngọn đèn vàng hành lang.

Vợ hỏi: "Bây giờ làm sao?"

Tôi không trả lời.

Vợ rên nhỏ: "Trời ơi! Anh cứ trơ ra, dễ sợ quá." Chừng như vợ muốn khóc ré lên, nhưng ngại làm kinh động những người chung quanh.

Tôi uể oải đứng dậy. Lên phòng y tá trực.

Tôi báo: "Lâm Khang, giường số ba, không còn thở."

Y tá: "Vậy hả? Để tôi gọi bác sĩ."

"Không cần thiết nữa."

"Tại sao không? Chỉ có bác sĩ mới có đủ thẩm quyền xác nhận nó chết."

Thì ra tôi đã hiểu lầm. Gọi bác sĩ không phải để cứu chữa, mà là để chứng nhận một người đã chết thật sự.

Cô y tá cầm mảnh giấy, dẫn theo một bác sĩ trẻ vào phòng bệnh. Trên cổ bác sĩ có đeo cái ống nghe. Lần này thì cái ống nghe được sử dụng, chứ không phải chỉ làm một biểu tượng đặc trưng của người

thầy thuốc. Ông đặt cái chụp lên ngực thằng nhỏ. Nghe ngóng... Xong. Thu đồ nghề, và chìa tay ra. Cô ta tá trao cho ông mảnh giấy. Ông viết vội những gì đó, và ký tên. Từ lúc bước vào phòng, cho đến lúc đi ra, ông không hề mở miệng nói một tiếng gì. Cái câu "Im lặng là vàng", được ông thể hiện một cách triệt để.

Y tá nói: "Tôi điện thoại cho người đem xuống nhà xác."

Tôi ngăn: "Khoan! Chờ sáng mai."

"Không được. Quy định, sau khi bác sĩ xác nhận chết, phải đem đi ngay."

Nửa giờ sau. Một người đàn ông, lù lù xuất hiện trong bộ quần áo công nhân màu xanh đậm. Mặt sần sùi, xạm đen. Đôi mắt trơ tráo, không có hồn. Đôi mắt từ cõi âm phủ trở về. Ông ta lăn tròn cái xác thằng nhỏ, cuốn gọn gàng trong tấm nylon. Như loài kên kên quắp cái xác chết, ông nách thằng nhỏ ngang hông, đi ra cửa. Tôi thoáng thấy, miệng ông vừa ló ra hai cái nanh. Tôi có quáng mắt không? Nhìn kỹ lại, thì không thấy nữa. Vợ tôi ngồi bệt xuống sàn, ôm mặt rấm rức. Tôi lặng lẽ theo ông, đưa con tôi đi. Từ lầu ba, đi qua những hành lang, đèn vàng lạnh. Đi xuống những bậc cầu thang hun hút âm u, khuya vắng đến rợn người. Đi xuống, đi xuống, đi xuống hoài rồi cũng tới âm ty.

Người đàn ông mở cánh cửa sắt. Hơi lạnh và mùi tử khí phả ùa vào mặt. Cái mùi thum thủm chuột chết. Tôi dợm bước theo vào phòng chứa xác, nhưng ông ngăn lại. Ông vào, và quay ra thật nhanh. Tôi có cảm tưởng, ông vất thằng con tôi vào đống tử thi, chứ không phải đặt nhẹ nhàng. Rồi ông đưa tôi vào một gian phòng nhỏ, chìa mảnh giấy bảo ký tên. Tôi ký tên mà không biết trong ấy viết những gì. Giọng ông trầm trầm, ra giá với tôi về việc tống táng, sau khi tổng cộng những tiền hòm, tiền đất, tiền chuyên chở... Tôi còn lòng dạ nào mà tính tới tính lui. Bao nhiêu cũng được.

Bận đi lên, chỉ một mình tôi. Trong ánh sáng chập choạng, tôi nhìn thấy rất nhiều đứa bé bám theo hai bên vách thang lầu. Chúng di chuyển như những con thằn lằn hút sát vào tường. Tôi mơ hay tỉnh? Dừng lại, dụi mắt định thần. Hình ảnh ma quái biến mất, nhưng rồi nó dần dần hiện lại từ mờ đến tỏ. Tôi hoảng hồn, chạy ngược về phía nhà xác. Nơi đây chẳng còn ai. Người đàn ông nhà xác đâu rồi? Đành phải đi lên trở lại. Vừa đi, tôi vừa kêu lớn: "Ai ơi... Ai ơi... Ai ơi..." Tiếng kêu vang rền một khu bệnh viện. Âm thanh làm tôi đỡ sợ.

Một người đàn ông mặc blouse trắng, chạy ra đầu cầu thang: "Có chuyện gì vậy?"

Tôi hớt hãi: "Có ma."

Ông ta quay lưng, lầm bầm ném ra hai tiếng: "Thằng điên!"

Sáng hôm sau. Tôi lên phòng y tá xin giấy khai tử để hoàn tất thủ tục hồ sơ trước khi chôn cất. Trong giấy khai tử ghi, nguyên nhân chết: suy dinh dưỡng. Khốn nạn! Như thế, thằng con tôi chết vì bị tôi bỏ đói. Chứ đâu phải chết vì ỉa chảy. Cuối thế kỷ hai mươi, giữa trái tim Sài Gòn của đất nước, giữa cái nôi của lương tâm thời đại, bác sĩ nào dám xác nhận chết vì bệnh ỉa chảy, người ta sẽ cười thúi đầu!

Ai nói thời gian sẽ làm lành những vết thương? Bao nhiêu năm qua rồi, vết thương tôi vẫn còn nguyên đau nhức. Thời gian chỉ làm cho nỗi đau nhức sắc lại, như sắc thuốc Bắc, ba chén nấu còn tám phân. Ém xuống tận đáy lòng mà sống. Lâu lâu gợi nhớ, bỗng muốn cầm dao đi giữa bầy thú dữ.

Thua keo này, gầy keo khác.

Tôi nói với vợ: "Đẻ nữa em ơi."

Vợ cự: "Khổ lắm rồi. Không muốn đẻ."

Tôi lý luận: "Về nhà chồng. Không tạo con trai nối dõi cho dòng họ nhà chồng . Người xưa cho thế là lỗi đạo làm dâu."

"Em có đẻ con trai đấy chứ. Tại không giữ được thôi."

"Thì tiếp tục đẻ nữa."

Chìu chồng, vợ tôi lại đẻ. Nhưng đẻ con gái. Tôi để vợ toàn quyền đặt tên đứa con này. Vợ đặt: Sơn Ca. Có người hỏi móc tôi rằng, sao không áp dụng cái phương pháp sinh con trai, con gái theo ý muốn, như tôi đã từng bày vẽ cho nhiều người khác? Tôi chỉ cười trừ. Chứ biết nói sao?

Tôi sang Mỹ, không theo cái nghĩa bi quan của đời người trôi giạt. Tôi đi có định hướng. Năm lần bảy lượt vượt biên. Cuối cùng, tôi đã tới đích. Sống ở đây, tương đối dễ thở. Tiền bạc, có chính phủ cấp. Quần áo, có nhà thờ lo. Con nít được thương yêu chìu chuộng, cưng như trứng mỏng. Mỗi ngày, chịu khó bỏ vài giờ tới trường, học ú a ú ớ vài câu tiếng Mỹ. Thế là xong nhiệm vụ. Thì giờ còn lại, chẳng biết làm gì. Coi TV, không hiểu tiếng nói, nhìn hình hoài cũng chán. Không có bạn bè đấu láo, cũng buồn. Buồn chán dễ làm cho con người mau già cỗi, chết sớm. Những bạn lính của tôi ngày xưa, hay xâm mình cái câu "khi tôi chết, ai là người xây nấm mộ?". Tôi bây giờ, lẩn thẩn tự hỏi, khi tôi chết ai là người thờ phượng? Con gái lớn lên, theo chồng, nó thờ cha chồng của nó. Còn tôi, không ai khói nhang, linh hồn sẽ bơ vơ lạnh lẽo. Vì thế, tôi muốn có thằng con nối dõi.

Tôi tỏ ý cùng vợ: "Đẻ nữa. Kiếm thằng con trai, em ơi."

Lần này, vợ phản bác dữ dội: "Cái quan niệm con trai vốn quý, đã lỗi thời rồi. Đây là xứ trọng nữ khinh nam. Đàn bà là mẹ thiên hạ, chiếm đặc quyền ưu tiên. Nhập gia tùy tục, nhập giang tùy khúc. Anh cứ khư khư níu giữ cái quan niệm nối dõi tông đường, là bơi ngược dòng về nơi có bốn ngàn năm văn hiến."

Tôi đấu dịu: "Thôi, không đặt vấn đề nối dõi nữa. Tôi chỉ muốn nhà có đủ con trai con gái, để âm dương được cân bằng trong gia đình."

"Anh định áp dụng cái thuyết, thái cực sinh lưỡng nghi, lưỡng nghi sinh tứ tượng... gì ấy hả? Hãy thực tế một chút đi. Nhà nào âm thịnh là có phước."

Mới sang Mỹ, vợ tôi đã chụp bắt ngay được cái quan niệm cường quyền nữ phái của xứ này. Tôi bị lép vế. Khi người đàn ông không còn là rường cột gia đình, thì cũng mất luôn cái quyền chỉ huy. Tôi đành chắc lưỡi buông xuôi, mặc tình nữ kê tác quái.

Vợ tôi uống thuốc ngừa thai. Nhất định không chịu đẻ.

Một hôm, vợ thắc mắc: "Không biết tại sao, trễ kinh cả tháng rồi."

Tôi nói: "Có một trong hai vấn đề xảy ra. Em sắp biến thái thành đàn ông. Hoặc bước vào giai đoạn mãn kinh của tuổi già."

Cả hai vần đề, vợ tôi đều sợ.

Vợ dỗi: "Từ ngày sang Mỹ, anh nói lời gì nghe cũng mỉa mai cay đắng."

"Đó là tinh túy của ngôn ngữ, kết quả của trầm tư."

Chẳng thèm lời qua tiếng lại, vợ đi bác sĩ khám bệnh. Bác sĩ cho biết có thai.

Về nhà, tôi la lớn: "Tuyệt nhiên định phận tại thiên thư."

Vợ hỏi: "Nghĩa là sao?"

"Ông Đặng Dung nói rằng, sách trời đã định như thế rồi. Nó là thằng con trai."

"Sao biết con trai?"

"Náy nhé. Uống thuốc ngừa thai, cũng giống như người ta bật đèn đỏ, treo bảng "Stop", và đặt hàng rào chắn. Nhưng nó vượt đèn đỏ, bất chấp bảng "Stop", xô ngả hàng rào chắn, chui ra khỏi cửa mình, để góp mặt làm người với đời. Anh hùng gan dạ, "khó khăn nào cũng vượt qua" như thế, chỉ có thằng con trai mới làm được."

Tưởng lý luận bò càng cho vui, không ngờ vợ sinh con trai thật. Nó hấp tấp ra đời đến nỗi bất chấp cả định luật thiên nhiên chín tháng mười ngày. Chẳng biết ở trong bụng, nó chòi đạp thôi thúc thế nào, mà vợ tôi phải tống nó ra, trước mấy bữa. Một thằng con trai quá ngon lành!

Khi nó còn nằm trong đống tã lót, bà y tá hỏi tôi, có muốn cắt da qui đầu cho nó hay không?

Tôi lắc đầu, nói tiếng Mỹ: "No. No."

Bà giải thích rằng, theo phương pháp vệ sinh ở Mỹ, nên cắt da qui đầu, để con cu được sạch sẽ. Dĩ nhiên, những lời này phải qua cô thông dịch.

Tôi lại lắc đầu: "I don't like." Biết được tiếng nào, xổ ngay tiếng đó.

Dù đã "I don't like", nhưng tôi vẫn sợ người ta sẽ rình cắt mất da qui đầu con tôi. Tôi nói với cô thông dịch, nếu điều này xảy ra, tôi sẽ kiện. Dọa thế thôi. Mới qua Mỹ, ngôn ngữ không rành, biết gì mà kiện thưa ai chứ?

Trước khi quyết định cho con một cái tên chính thức trong giấy tờ, vợ hỏi: "Đặt tên gì?"

Tôi nói: "Lâm Khang."

Vợ giật mình: "Trời đất! Đó là tên thằng con đã chết, sao lại đem gán cho thằng này?"

"Tôi nghĩ, thằng Khang bị chết oan. Nó đầu thai lại."

"Thôi. em sợ có huông lắm. Đặt tên khác đi"

"Vậy thì đặt nó là Lâm Bình."

"Sống ở Mỹ, sao không đặt tên Mỹ?"

Điều gì tôi có thể nhượng bộ, nhưng đặt tên Mỹ cho con, tôi phản đối tới cùng.

Cái máu độc tài của người đàn ông Việt Nam nổi lên, tôi cảnh cáo vợ: "Đừng bao giờ đưa ra ý kiến đó với tôi lần nữa nhé!"

Nhắc lại thằng con bỏ mạng trong Khoa Ỉa, bệnh viện Nhi Đồng I, tôi liên tưởng đến thằng Cu Đen uống thuốc rầy năm nọ. Tôi thương thằng bé, cái tên của nó gợi lại cho tôi biết bao kỷ niệm êm đềm ngày cũ quê tôi. Tôi quyết định, đặt cho thằng út Lâm Bình, thêm một cái tên ngoài giấy tờ khai sinh: Cu Đen. Dĩ nhiên, vợ tôi không biết lý do thầm kín của cái tên này.

LÂM CHƯƠNG



VŨ DUNG TÂM MINH HẰNG

Hài cỏ treo trăng

lên non vốc nắm sỏi hồng
vất vào sông rộng vất quanh ta bà
vất trong cõi giới yêu ma
áo trần gian bỗng trổ tà trúc bâu

lên non ôm mộng ngủ quên
tháo hài cỏ, mặc hồng quần rong chơi
trăng độ lượng rũ môi cười
lòng mang mang khẽ nói lời yêu em

Đập tan cửa tử sinh

đốt trầm rót nguyệt nâng trăng
nghiêng non nước lại khẽ rằng: mời huynh
gõ trần gian tụng biến kinh
bước vào sinh tử đập tung hình hài

Dũ trăng kim cổ

vào ra một cõi cửu hoàn
mở trăng kim cổ thấy hàng biến thư
trăm năm tròn cuộc chân như
nhìn em mới biết thái hư vô thường

Hài cú

Xin em đừng giận ta bà
trời còn hẹp lượng nữa là nhân gian
cùng nhau khóc cuộc trăng tàn
nến khuya nhỏ lệ mộng vàng võ phai

VŨ DUNG TÂM MINH HẰNG



CAO XUÂN TỨ

Đầm Dơi

Rắc thêm cọng lá răm
Chưa đã thèm đuôi mắt
Gió trưa nào đi lạc
Vừa mát đôi cánh chuồn

Gánh sông Tiền sông Hậu
Tưới bùn tận Đầm Dơi
Vượt rừng tràm rừng đước
Đuôi tôm nhột lá dừa

Quyện vào trong mớ tóc
Quê hương là hoang tưởng
Nơi vạt áo bà ba
Đây miền mắm thăng hoa

Trên lưng người góa phụ
Năm mươi vẫn còn xuân
Nơi vừa bỏng gót chân
Miền chưa xanh trí nhớ

Nhú lên một tình cờ
Nóc giáo đường Tân Đức
Mang Tin Lành ơn Chúa
Thấm đất mỡ Cà Mau

Boong boong tiếng chuông ngân
Cựa mình rên chú dế
Vì sao đêm quì lễ
Rát tôi lời Thánh ca

CAO XUÂN TỨ



NGUYỄN NGHỊ

Chuyện phim



- Anh đưa em đi về... về quê hương yêu dấu... anh đưa em đi về... về quê hương mặn nồng...

Chiếc ống kính quay từ từ lên cổ, lên tóc Hạc. Cô ra vẻ tươi vui, vừa cầm cái nón lá đưa lên, đưa xuống, nhịp nhàng theo điệu nhạc phát ra từ cái máy cassete cầm tay để dưới mặt cỏ.

Hạc chạy lên cánh đồng xanh. Ống kính dõi theo thật chậm, thật chậm...

- Được lắm ! Cut !

Hạc cầm nón đi xuống đồi. Anh Phúc đạo diễn kiêm cameraman bỏ máy thu hình xuống rồi vươn vai ngáp một hơi thật dài. Anh móc ví lấy ra tờ một trăm đô đưa Hạc:

- Mai mốt xong anh gọi Hạc nhé !

- Dạ, xin phép anh em về. Cám ơn anh...

Hạc xách máy cassete đi về phía bãi đậu xe. Nắng chiều soi xuống bóng cô dài lêu nghêu. Hạc lên xe, mở máy. Chiếc xe rung lên từng chập như người ta bị cơn giá lạnh hành hạ. Hạc vừa lên số vừa suy tư cộng trừ lộn xộn về số tiền vừa có với số tiền đến hạn phải trả. Chiếc xe gầm gừ ra khỏi công viên Mac Arthur. Hạc chép miệng.

Hạc bước vào nhà. Ba đang ngồi trước cây đàn giấy, và miệng nắn nót ngâm những nốt nhạc nghe gần như tiếng dương cầm. Mỗi lần thấy ông chơi đàn, cô chùng lòng. Vì cây đàn của ba là miếng các tông dài. Trên đó, ông sơn hai mầu trắng đen hàng phím đàn dương cầm. Mỗi lần muốn đàn, tay ông vừa bấm nốt nào thì miệng ngân lên nốt đó. Ba thường đàn miệng những bản nhạc cổ điển thật hay mà Hạc không biết tên. Có lúc giọng ông lan man nghe như nước chảy lăn tăn, cũng có lúc tay ông bấm hợp âm, giọng ông ì ầm, hùng vĩ. Những lúc ấy, cô cười hồn nhiên theo bộ điệu ba. Khác với ngày đầu tiên thấy ông chơi đàn giấy, Hạc đã vào phòng tắm và âm thầm khóc.

Ba đàn nốt một câu rồi quay lại, cười:

- Ăn cơm chưa con ? Có canh măng chua ba để dưới bếp đấy.

- Dạ, để con lấy.

- Hồi chiều có ông Hiến quay phim nào đó gọi...

- Có chuyện gì vậy ba?

- Chắc nhờ con đóng video, ba gắn số bip của ông trên tủ lạnh đó.

- Dạ, để lát con gọi.

- Nhớ nói quay phim ban ngày thôi nghe con !

Hạc vừa dạ vừa mỉm cười, câu nhắn theo nghe như những câu nhắn của mẹ thời cô còn mẹ. Mẹ mất đã hơn mười năm. Mộ phần còn ở Việt Nam. Cha con Hạc mới xa mộ mẹ gần một năm vì qua Mỹ theo chương trình H.O. Hạc còn kém Anh văn nên mỗi vài ngày phải đi học sinh ngữ ở trường dành cho người lớn. Ở đó, Hạc quen Tâm Ý. Nó xuất thân trường kịch nghệ Hà Nội. Qua đây, nó làm diễn viên cho mấy nhóm quay video karaoke. Thấy Hạc mảnh khảnh và không có việc làm, nó rủ đi cùng. Từ đó, cô làm diễn viên bất đắc dĩ. Và số tiền kiếm được đã cứu thoát hai cha con vài lúc ngặt nghèo về kinh tế ở hải ngoại.

- Cô ký vào đây đi.

- Tôi... tôi không giỏi tiếng Anh, ông có bản sao bằng tiếng Việt không ?

- Không, nhưng đại khái văn bản này cũng giống như bản tiếng Việt thôi, nghĩa là tôi không quịt cô, cô không quịt tôi, tôi được toàn quyền phổ biến hình ảnh của cô mà không phải trả thù lao thêm một lần nào nữa, cũng giống như cô đã cam kết với mấy nhóm video khác thôi, cô sẽ giữ một copy. Cô dùng cây viết này cũng được.

- Nhưng tôi chỉ đồng ý thu hình ban ngày thôi nhé.

- Ha ha... Cô cứ viết tay là tôi chỉ đồng ý thu hình ban ngày, chữ

viết của cô cũng hiệu nghiệm như nhau dưới mắt ông tòa, cô cẩn thận thế, mai mốt có thành tài tử là nhờ cuốn phim đầu tay của tôi đấy. Biết đâu lại nổi tiếng thì sao.

Hạc đưa tờ giấy cho Jean-Paul Hiến. Hiến hí hoáy ký hai lần rồi đưa lại cho Hạc một bản sao và nhăn răng cười:

- Tôi và cô cùng họ, tôi không là tình nhân của cô được.

- Ha... thì là anh em cũng được vậy.

- Chưa thân mà vội thế. Là anh em mà như người dưng thì làm bạn hay hơn. Có điều, thành thật mà khen, cô có cái đẹp ngấm ngầm trăm họ khó kiếm ra được một cô đẹp ngang cái lông mày của cô.

- Ông lấy tên Tây mà nói tiếng Việt văn hoa quá.

- Để tôi ứng trước cho cô ba trăm.

- Ồ... thường thì...

- Coi như tôi cố ý khác người. Nói vậy chứ, cặp mắt cô không phải cặp mắt chạy làng, tôi tin cô mà.

- Nếu vậy... cám ơn ông...

- Lái xe cẩn thận nhé.

- Vâng, chào ông. Ngày mai tôi sẽ đến đó.

- Tám giờ sáng...

- Vâng.

Căn chung cư của cha con Hạc đã có tiếng đàn dương cầm từ chiếc đàn điện tử cô mua cho ba. Chiếc đàn mà Hạc đo đắn gần cả ngày trời vì so sánh đồ xài bền hay rẻ giá. Cuối cùng, cô bỏ bộ áo quần xuống và quyết định mua chiếc đàn loại xài bền. Quả nhiên, Hạc được nghe ông đàn những bản nhạc cổ điển và thấy qua tiếng đàn, là những hình ảnh đẹp đẽ hiện ra trước mắt. Đây là lần đầu tiên trong đời Hạc nghe ba đàn. Ông đi học tập cải tạo lúc cô còn bé, lúc ông về thì Hạc mới lên mười tám. Ông về ôm mộ mẹ khóc nhiều hôm. Ba cũng thường ngồi hát bên mộ mẹ, giọng trầm ngâm, xa xôi. Ngày xưa, ba là sĩ quan tâm lý chiến nên Hạc thường nghe ông hát những bài hát của một thời nào đó sáng đẹp lắm. Những bài hát mà Hạc lớn lên trong thời hậu chiến, chưa một lần nào nghe qua. Hạc thường ngồi bó gối nghe ba hát từ bài này qua bài khác, trí tưởng tượng bay bổng để thấy những màu nắng, áo lạ kỳ.

- Hạc.

- Vâng, ông gọi...

- Khách sáo là ác quỉ của sự làm việc. Vậy, ta không nên khách sáo. Hạc này, nhìn thẳng vào ống kính, đứng yên, nhìn xa thật xa, quên ống kính, không thấy ống kính. Chân không, hiểu không?

- Hiểu.

- Đứng yên ha.

Hạc đứng im hơn năm phút, cặp mắt bắt đầu khô sắp cay thì Jean-Paul-Hiến khoát tay:

- Cut! Dụi mắt này.

Quả nhiên, Hạc đưa tay dụi mắt và cười hích lên.

- Hôm nay xong phần diễn viên,tới phần ngoại cảnh. Hạc muốn về thì về, còn muốn đi theo góp ý hãy giúp vui thì tùy hỉ.

- Ủa, xong rồi à... Nếu vậy, đi theo cho vui, chớ tôi biết gì...

- Tui, Jean-Paul-Hiến, bỏ phiếu chống chữ tôi của Hạc. Con gái mà mở miệng là nói lời khách sáo, quân tử Tàu.

- Thì thôi, Hạc. Hạc. Miệng Hiến dẻo như cao su á.

- Ha, phải thân thích mới keo sơn mà quay phim được chớ.

- Mà sao Hiến lại lấy tên Tây vậy?

Jean-Paul-Hiến vén mái tóc dài ngang cổ áo, lộ ra cái tai vểnh rồi nghiêng đầu liếc Hạc:

- Bên Tây có anh họa sĩ thời trang tên Jean-Paul-Gaultier có cái tai vểnh giống vầy, nên bạn bè gán ngay cho cái tên Jean-Paul-Hiến. Còn không thì bị gọi Hiến tai vều. Nếu là Hạc thì Hạc tính sao cho tiện?

- Nghe tếu tếu.

- Thì đó là kiểu Elvis Đậu của Duyên Anh đó thôi.

- Eo-vít Đậu ?

Hạc theo Hiến đi bộ ra gần bờ vực, bên dưới là đá và biển. Hiến đặt chân chống, gác máy, quay từ từ ra xa. Lát sau, cậu bấm nút ngưng, rồi bấm thêm vài nút khác và vẫy Hạc:

- Coi xi-nê không?

Hạc ghé mắt nhìn vào ống kính đang chiếu lại đoạn phim vừa rồi.

Một con hải âu lượn vòng vòng. Nó chuyển cánh bay vút lên thật cao rồi phóng mạnh xuống nước. Bọt sóng chưa tan, nó đã bay tóe lên, mỏ ngậm con cá đang quẫy đuôi cấp bách. Con hải âu trân cổ nuốt con cá tuột vào bụng.

Hạc ngẩn người.

- Mình tới chỗ kia đi.

- Ly kỳ thật.

- Cái gì ly kỳ?

- Con hải âu.

- Mai mốt thu hình người ta đi đứng khó hơn nhiều. Được hay không là nhờ trí thông minh của Hạc thôi đó.

- Thì Hiến chỉ vẽ giùm Hạc. Hạc sẽ cố gắng, chịu không?
- Chịu.

Hạc bước vào nhà. Ba đang làm cơm để giỗ mẹ. Mùi thịt kho tiêu đưa Hạc về những ngày mưa rét mướt ở quê ngoại. Mẹ hay thắng đường màu kho thịt đặc quánh đầy tiêu, mùi thơm cũng nồng như mùi thịt kho chiều nay.

Ba nhờ Hạc pha trà.

Hạc đổ nước, bắt ấm lên lò rồi vòng tay chờ.

Hạc chạnh nhớ mẹ.

Đêm cuối trước khi mẹ mất, mẹ cũng nhờ Hạc pha trà. Hạc cũng vòng tay chờ nước sôi như bây giờ. Thuở ấy, Hạc vừa lên mười bốn tuổi. Hai mẹ con ngồi uống trà trên bộ trường kỷ nhà ngoại xem trăng tháng chín và ăn bánh đậu xanh. Mẹ nói mới nằm mơ thấy sáu nhà sư áo vàng đến để dẫn đường đi về nhà Phật. Rồi mẹ kéo Hạc vào lòng và ôm thật chặt. Đêm ấy, mẹ ngủ không dậy nữa.

Hạc đổ nước sôi vào bình trà, chớp chớp mắt.

- Bây giờ mình cúng được rồi.
- Ba, nhớ mẹ quá.

Ba khẽ gật đầu và đưa Hạc vài cây nhang. Hạc châm lửa rồi chắp tay khấn vái.

Hạc lui lại, ngồi xuống ghế, nhìn ba đang thì thầm trước hai ngọn nến cháy rưng rưng. Nỗi ám ảnh ngày nào đó mất ba ùa tới làm Hạc run tay.

Ba đến ngồi bên cạnh Hạc:

- Tuần tới mình làm giỗ cho thằng Bí.

Hạc nghe ba thở dài thật khẽ khi nhắc đến đứa em duy nhất của cô.

Thằng Bí mất lúc bốn tuổi và Hạc mới lên năm. Hạc nghe mẹ kể là dì phước Minh Tâm em họ hàng của ba, xin ba đem thằng Bí di tản qua Mỹ bằng cách điền tên nó vào danh sách trẻ mồ côi. Lúc ấy, ba đang tính gửi Hạc theo gia đình ông cậu qua Gia Nã Đại bằng đường hàng không, còn ba mẹ Hạc sẽ đi khỏi xứ bằng đường thủy, nên ba thuận cho dì Minh Tâm đem con đi. Vài ngày sau, báo đăng hung tin một chiếc máy bay chở trẻ mồ côi đi Mỹ bị rơi ở Tân Sơn Nhất. Trong số các nạn nhân, có tên dì phước Minh Tâm. Ba mẹ đang lăn lộn khóc em, khóc con thì biến cố ba mươi tháng tư ập đến thật nhanh. Ba trở tay không kịp, phải ra trình diện chế độ mới và Hạc không nhớ rõ mặt ba từ dạo ấy.

Đến khi trưởng thành, Hạc gặp lại ba già cỗi, ốm yếu, được thả

về từ núi rừng Việt Bắc.

- Ồ, thịt kho.
- Cay lắm đó.
- Càng ngon. Hạc kho à?
- Không , ba Hạc. Mới giỗ mẹ hôm qua.
- Mẹ mất... Mẹ... mẹ Hạc mất rồi à?
- Cũng hơn mười... A, sao vậy...
- Hiến lâu lâu hay bị váng vất nặng đầu vậy đó. Không sao đâu, vì Hiến cũng mất mẹ như Hạc đó mà.
- Ồ...
- Hồi... Hiến còn bé lận. Thịt kho ăn với bánh mì làm bằng cơm hả?
- Cái này là cơm nắm cắt thành lát.
- Chưa bao giờ ăn qua.
- Ở Việt Nam mà chưa ăn cơm nắm?
- Hiến có về... nhưng không biết gì về Việt Nam đâu. Hiến qua đây hồi mẫu giáo.
- Sao nói tiếng Việt giỏi vậy?
- Sống gần dân mình từ nhỏ đến lớn thì phải nói rành tiếng mẹ đẻ chứ. Hiến còn viết được chữ Việt nữa đó.
- Bên này không có trường Việt, làm sao Hiến học chữ?
- Ở chùa thì phải học chữ Việt từ bé chứ. Hiện giờ Hiến đang học Chinh phụ ngâm. Thầy Tuệ Nhiên bảo Hiến đang ở lớp mười một.
- Thì ra chùa có dạy chữ.
- Con nít đông lắm. Hạc nghe này, để bảo tồn và phát huy văn hóa nơi xứ người chúng tôi trân trọng thông báo bắt đầu ngày chấm chấm chấm chúng tôi sẽ khai giảng lớp dạy tiếng Việt miễn phí cho con em không phân biệt tôn giáo nhằm gìn giữ ngôn ngữ Việt Nam không bị suy thoái trên xứ người và bây giờ Hiến đại diện cho con em thuộc thế hệ thời đó để khoe khoang cớ sự và mai mốt Hạc vào chùa bảo thằng bé con viết coi cho thích.
- Cho Hiến đi làm xướng ngôn viên các đài được đấy.
- Hạc gắp trước đi.
- Không, Hạc ăn ở nhà rồi.

Nhìn Hiến cúi đầu ăn nhanh nhẹn, tự dưng Hạc nghĩ đến thằng Bí. Giá nó còn sống bây giờ cũng xấp xỉ tuổi Hạc, mà chắc chắn là không to lớn như cậu Hiến này đâu. Hạc liên tưởng đến tấm hình chụp thằng Bí lúc ba tuổi rưỡi đội mũ len ở Đà Lạt. Bí bé tí ti cười toe hàm răng sún thấy cả lưỡi ôm mẹ ngồi cạnh bờ hồ. Hai mẹ con đều cười

đầy môi đầy miệng. Tấm hình chỉ lưu lại cho Hạc một vài hình ảnh lờ mờ trong ký ức xa xôi về đứa em trai chết non.

Ăn xong, Hiến nằm dài ra bãi cỏ xanh, lim dim. Mái tóc dài xòe ra vạn phía để lộ hai vành tai vểnh. Hạc bất giác nói:

- Thằng Bí em Hạc cũng có vành tai vểnh giống Hiến.

Jean-Paul Hiến ngồi bật dậy.

- Hạc có thằng em? Ơ... nếu nó bé thì Hiến nhờ đóng phim đó mà.

- Nó mất lâu lắm rồi.

- Ô... nó mất rồi?

Hạc gật đầu. Hiến vòng tay ôm đầu gối, nhìn ra xa. Lát sau, cậu quay lại:

- Mẹ và em Hạc vì sao mất thế?

- Em Hạc mất trước vì máy bay rơi khi di tản khỏi Việt Nam, còn mẹ mất trong giấc ngủ đi luôn.

- Em Hạc mất lúc mấy tuổi?

- Bốn tuổi.

- Chuyện của Hạc cũng na ná như chuyện phim mai mốt Hiến tính quay. Này, Hạc giúp Hiến được không?

- Được chứ, nếu hợp khả năng.

- Dễ lắm, bây giờ Hạc kể hết chuyện gia đình Hạc từ lúc nào mà Hạc có thể nhớ được. Càng nhiều chi tiết càng tốt để Hiến xong chuyện phim sớm hơn.

- Hôm nay không quay phim à?

- Việc nào cũng là việc, không làm diễn viên thì làm người viết kịch bản, thế tiếng Việt mình mới có chữ kiêm.

Hạc sửa thế ngồi trong lúc Hiến mở cuốn sách ghi chú. Hạc bắt đầu kể chuyện đời mình. Jean-Paul Hiến vừa nghe vừa hí hoáy viết từ trang này qua trang khác.

- Này, chuyện của Hạc và của Hiến nhập lại thành chuyện phim được rồi đấy. Mai mốt xong kịch bản, sẽ gửi Hạc xem. Phim này sẽ là chuyện có thật trăm phần trăm từ cả hai phía.

- Hiến, tuần tới giỗ em Hạc, rãnh thì đến nhé.

- Mấy giờ thế?

- Ba giờ chiều.

- Hiến sẽ đến khoảng bốn giờ được không?

- Kịch bản sẽ có người mang đến lúc mười hai giờ hôm ấy. Nhận được, Hạc phải đọc ngay nhé.

- Gấp thế à?

- Thì chuyện phim có thật phải đọc ngay kẻo nguội chứ.

- Ừ, chịu...
- Về chưa? Sáu giờ rồi.

Hôm nay là ngày giỗ thằng Bí. Hạc dậy sớm lái xe ra siêu thị rồi về nhà phụ ba nấu giỗ. Ba tính nấu tám món khác nhau, vừa món tây vừa món ta. Hạc cũng không quên mua kẹo bánh sắp đầy một mâm.

Đang quét nhà thì có tiếng chuông. Hạc sực ngẩn người rồi đi nhanh ra mở cửa. Trước mặt cô, một nhân viên đưa thư hãng tư nhân đang nhanh nhẩu nói tiếng Anh. Chờ anh ta nói xong, Hạc cầm bút ký vào sổ nhận thư và khẽ gật đầu.

Hạc mở chiếc phong bì màu vàng khổ lớn và ngồi xuống ghế. Kịch bản của Jean-Paul Hiến chỉ vẫn tắt năm tờ giấy đánh máy. Hạc nhìn vào trang giấy.

LƯU LẠC

Scene 1:

Một bà sơ nắm tay đứa bé bước qua cổng nhà thờ. Sân nhà thờ đông đúc những người lớn và con nít. Đứa bé vừa cầm chiếc thẻ bài màu thép bạc đeo trên cổ vừa khóc. Bà sơ bồng đứa bé lên xe cam nhông. Đứa bé nhìn quanh. Trái, phải, trước, sau đầy con nít lớn có, nhỏ có. Nó mếu máo.

Scene 2:

Đứa bé ngơ ngác đứng giữa đám đông. Có tiếng ì ầm của chiếc phi cơ vận tải khổng lồ. Những người lớn nhớn nhác chạy tới chạy lui giữa đám con nít đang bịt tai hoảng hốt. Nhiều đứa ngoác miệng khóc lớn. Tiếng khóc bị át mất vì tiếng động cơ phản lực càng lúc càng mạnh đến nỗi khán giả sẽ có thể cảm thấy khó chịu trong hai giây đồng hồ.

Scene 3:

Hai chiếc phản lực cơ khổng lồ nối đuôi nhau đáp xuống phi trường. Gió đập mạnh làm bay nón, tốc áo đám trẻ co rúm, nhỏ nhoi trước hình ảnh vĩ đại của khối sắt sơn màu rằn ri.

Scene 4:

Cánh cửa há mở dưới bụng chiếc phi cơ vận tải. Xe tăng, thiết giáp, xe kéo súng đại bác chạy nhanh ra khỏi khối sắt. Đồng thời, hai quân nhân Mỹ đội nón phi hành nhảy xuống từ cánh cửa há miệng và nhắm hướng đám trẻ, băng băng chạy đến. Chiếc phản lực thứ hai cũng há miệng. Xe tăng, thiết giáp chạy ra gấp rút và hai quân nhân phi hành khác cũng gấp rút chạy về phía đám trẻ. Sau lưng các quân

nhân, thêm một đại đội lính tác chiến Mỹ chạy túa ra hai ngã và làm một hàng rào bảo vệ khoảng sân bay.

Scene 5:

Người lớn lùa đám trẻ chạy ào ra sân bay rộng lớn. Những người lớn mặc áo nhà dòng, áo nhà sư, cùng đám trẻ phân thành hai nhóm chạy song song về hướng hai chiếc vận tải cơ.

Scene 6:

Khung cảnh bắt đầu vô trật tự khi có mấy đứa bé bị sức gió thổi té ngã và đẩy những đứa chạy lạc hàng xuyên qua xuyên lại khỏi biên giới vô hình của hai nhóm trẻ có người lớn mặc áo trắng hoặc áo vàng.

Scene 7:

Một bà sơ đang vất vả chạy ngược giữa giòng người. Bà hoảng hốt chạy tới, chạy lui, vừa dáo dác tìm kiếm vừa la thảng thốt. Tiếng la bị át vì tiếng động cơ phản lực. Một trong hai người quân nhân Mỹ chạy gấp lại và kìm tay dìu bà chạy nhanh vào cánh cửa khổng lồ đang từ từ khép lại. (Đang lúc chạy, bà sơ không ngừng đưa một tay chới với...)

Scene 8:

Hai chiếc vận tải khổng lồ tuần tự nhau cất cánh.

Một trong hai chiếc bỗng phựt lửa và bốc cháy. Ống kính quay thật gần chiếc phản lực cơ khổng lồ ùn ùn rơi xuống. Một tiếng nổ khủng khiếp. Lửa cháy ầm ầm, tràn ngập một màu đỏ kinh hoàng trên màn ảnh. Khán giả sẽ nghe những tiếng khóc của âm ty vang thật lớn rồi bay biến đi...

Scene 9:

Đứa bé ngủ dậy trong lòng phi cơ đang bay ở độ cao. Nó nhìn quanh. Mấy nhà sư áo vàng say sưa ngủ lẫn lộn giữa đám con nít đủ hạng tuổi. Nó lần tay lên ngực, móc ra tấm thẻ bài màu thép bạc và tần ngần nghắm nghía...

Hạc bật nhổm dậy. Một giây bàng hoàng. Cô tung người la lớn:

- Ba ơi!!! Ba ơi!!! Thằng Bí còn sống! Thằng Bí còn sống!

Ba ngẩn ngơ chưa hiểu chuyện gì, Hạc đã buông rơi tập giấy và tiếp tục la lớn hơn:

- Thằng Bí!!! Jean-Paul!!! Thằng Bí!!! Jean-Paul!!!

NGUYỄN NGHỊ

11 tháng giêng, 1998



THẬN NHIÊN

Thơ không đặt tựa #1

Buổi chiều sũng nước
bài thơ đỏ như màu hoa
            như đốm lửa
cháy lặng lẽ dị thường

Tôi hoài thai nó trong một căn phòng không cửa sổ
cái chụp đèn tượng hình nấm độc
lãnh đạm soi tôi
tôi đấm ngực ba lần - làm dấu thánh
            tắt đèn - cố dỗ giấc ngủ
bài thơ dồn tôi tận cuối giấc mơ
trổ gai sầu riêng đâm tôi chảy máu

Tang lễ cử hành vào rạng sáng tinh mơ
tôi ném vào huyệt mình đóa hoa đỏ lửa
và khấn thầm :
" hãy tàn rữa
  như bụi tro" ...

Tôi khai sinh bài thơ mới trên đường về
những mũi nhọn đâm tôi chảy máu lúc gieo vần cuối

THẬN NHIÊN
1/99



PHẠM HẢI ANH

Ngọc bội



Đó là tiệm đồ cổ duy nhất trong vùng, nom có vẻ đáng tin vì sự sơ sài của nó. Chủ tiệm gầy nhỏ, ăn mặc quê mùa, quả quyết đây toàn là đồ thu gom lại từ các gia đình quanh vùng. Hai trăm năm trước, nơi đây từng là một đô thị sầm uất. Dấu vết một thời vàng son còn in lại trên vài ngôi nhà gỗ chạm khắc cầu kỳ, giờ rêu mọt, xiêu vẹo vì mưa nắng; con đường lát đá xanh tuyệt đẹp nằm cam phận dưới lớp bùn đất và phân gia súc ngập ngụa. Ngoài ra là những món đồ cũ kỹ, thượng vàng hạ cám, được trưng bầy trang trọng và lộn xộn ở tiệm đồ cổ kỳ lạ này. Người khách cùng đi với tôi tỏ ý thích chiếc bình gốm màu lam, nghe đâu có từ thời Tống. Anh ta trả một giá rẻ mạt, nhưng có lẽ đã quá hời ở nơi hẻo lánh này. Chủ tiệm, trong phút hào phóng, tặng tôi một món đồ lưu niệm, coi như trả công dẫn khách. Tôi chọn mảnh ngọc bội nằm lẫn giữa đống đồ trang sức cũ kỹ, tạp nham. Lại xin sợi dây nilông đen, xỏ miếng ngọc, đeo ngay lên cổ, cảm thấy như đang mang một món đồ gia bảo bí hiểm...

Khách sạn chúng tôi trọ vốn là dinh cơ của một bậc đại phú, sau

cách mạng bị sung công, biến thành nhà khách địa phương. Quầy lễ tân bằng phoóc-mi-ca, lừng lững ngự giữa toà đại sảnh, tương phản kỳ cục với những hoành phi, câu đối lộng lẫy còn treo trên tường. Tôi ở dãy nhà ngang có lẽ trước đây dành cho thê thiếp, trông thẳng ra vườn hoa. Cỏ mọc cao lút. Hoa thì độc một loại anh túc, thứ hoa thuốc phiện màu rực rỡ, nhưng lại mỏng mảnh, chóng tàn. Sau nhà là vườn chuối và hồ nước nhỏ, hoang phế, rong riềng mọc um tùm, hoa đỏ nhức mắt. Chính ở chỗ đó, vào lúc chiều muộn, tôi gặp con bé...

Nó chui ra từ khóm rong riềng, còm nhom, nhem nhuốc như một con thú hoang. Tôi mỉm cười với nó thân thiện. Con bé nhìn tôi dò xét. Bọn trẻ trong làng thường bám nhũng nhẵng theo khách lạ, hễ bị gọi đến thì ù té chạy, nấp vào các ngóc ngách nhòm ra, cười rúc rích. Con bé này không thế. Nó nghiêm trang, có vẻ khó gần, nhưng hoàn toàn không sợ sệt. Tôi lục túi, lấy cái kẹo chìa ra cho nó. Con bé lắc đầu từ chối, nhưng nó nhích lại gần hơn. Hình như có một cái gì đó làm nó quan tâm đến tôi. Từ đầu đến giờ, mắt nó cứ dán chặt vào tôi, đúng hơn là vào chỗ ngực áo. Tôi quờ tay, chạm phải miếng ngọc bội. Tôi hỏi nó: "Cháu thấy cái này đẹp không ?". Con bé không trả lời mà hỏi lại:

-Nó có phải là ngọc thật không ?

-Có lẽ, ờ... cô cũng không biết nữa.

-Cái này của nhà ông Cốc...

-Ông Cốc nào ?

Con bé không đếm xỉa đến vẻ ngạc nhiên của tôi, lẩm bẩm:

-Đúng rồi. Miếng này màu xanh hơn nhưng hơi bị vẹt...

Tôi săm soi miếng ngọc. Đúng là nó hơi vẹt một góc thật, phải tinh lắm mới nhận ra.

-Sao cháu biết ?

Thật khó nói chuyện với con bé này. Nó như không hề nghe thấy những câu hỏi của tôi. Lần này cũng vậy. Lưỡng lự một thoáng, nó nói, rất nhanh và khẽ:

-Cháu sờ một cái được không ?

Cặp mắt đen, dài và xếch của nó lảng tránh cái nhìn của tôi. Tôi kịp bắt gặp trong đó một ánh cầu xin khẩn thiết, không phải là sự hiếu kỳ trẻ con. Tôi tháo miếng ngọc bội, đưa cho nó. Con bé không cầm ngay, hình như nó không dám tin rằng có thể dễ dàng như thế. Tôi làm một cử chỉ khuyến khích. Con bé chùi tay vào áo rất kỹ, rụt rè đón lấy

miếng ngọc. Trái với dự đoán của tôi, nó không ngắm nghía sung sướng mà khép chặt tay, giữ khư khư miếng ngọc như một vật cứu mạng. Im lặng một lúc lâu, nghe rõ cả tiếng gió đập lạch phạch trên những tàu chuối. Cuối cùng, con bé thở phào một tiếng, đưa trả tôi miếng ngọc. Nó vẫn chẳng nói gì, nhưng vẻ mặt cởi mở, tươi tỉnh hơn. Tôi hỏi:

-Cháu thích ngọc lắm à ?

Bây giờ thì nó chịu bắt chuyện:

-Không. Cháu muốn trừ ma. Bà cháu bảo ngọc kỵ được ma quỉ đấy.

-Ma ở đâu ?

- Ở trong người cháu ấy. Đêm nào cháu cũng mê thấy nó. Toàn là tay trẻ con với cả những cái lưỡi cứ liếm khắp người cháu, bẩn lắm. Lại cả ma mèo và cáo nữa. Chúng cắn, cào cháu đau y như thật ấy, tỉnh dậy mà vẫn còn đau.

Con bé còm nhom trước mặt tôi. Nó bé quá, làm sao lại có những cơn ác mộng ma quỉ như thế ? Tôi thấy ái ngại:

-Cháu có nói với mẹ cháu không ?

-Mẹ cháu bảo cháu là con điên. Mẹ cháu bảo nếu còn nghe cháu kể thế một lần nữa thì sẽ tống cháu vào nhà thương điên. Với lại mẹ cháu cũng chả làm được gì. Cháu cứ tự chữa thôi.

-Cháu chữa thế nào ?

-Bà cháu bảo ma sợ thần phật, nước đái, sợ dao sắt với cả ngọc. Cháu thử đủ kiểu, nhưng ma của cháu chỉ sợ ngọc thôi. Cháu cứ đến cửa hàng ông Cốc, đứng nhìn mấy miếng ngọc ông ấy bầy ra, nhìn thật lâu, đến khi bọn ma phải sợ thì thôi. Nhưng ông Cốc ông ấy ác lắm, toàn đuổi cháu, bảo là đừng có ám. Cháu có làm gì đâu, chỉ đứng ngoài nhìn mà ông ấy cũng không cho. Bà cháu bảo ông ấy còn có họ với nhà cháu cơ đấy!

Con bé chợt ngừng bặt, dáo dác nhìn quanh. Rồi vội vã, nó bảo:

-Có người đến đấy. Cháu đi đây!

Nó chui tọt vào bụi rong riềng, biến mất nhanh như khi đến. Lúc đó tôi mới nghe tiếng giầy bước lạt sạt trên cỏ. Người khách tìm tôi, mời đi ăn tối mừng chiếc bình cổ. Anh ta bao giờ cũng có những lý do nghe lọt tai, còn tôi thì từ lâu đã mất ưu thế được từ chối. Tôi nhận lời, dù biết rằng sau những bữa tiệc kiểu này bao giờ cũng là một đêm ê chề.

...Người khách đã trở về phòng mình. Anh ta mắc bệnh dị ứng ngủ chung. Làm tình thì được, nhưng hễ ngủ cùng giường qua đêm là anh ta mẩn ngứa khắp người. Nếu không vì cái bệnh đó có lẽ anh ta đã

đóng trọn vai một người hoàn toàn lịch lãm. Tôi không sao quen được khi nhìn anh ta trần truồng vọt dậy lúc tiếng rên khoái lạc cuối cùng còn âm ư trong miệng, lao bổ tới vòi nước, toàn tâm toàn ý tẩy rửa vi trùng ngứa. Sau nghi lễ rửa tội ấy, anh ta trở về phòng mình, sạch sẽ tinh tươm, và không bao giờ quên chúc tôi ngủ ngon. Đêm đó, lời chúc của anh ta không hiệu nghiệm. Tôi bị trói chặt trên giường, những bàn tay trẻ em, cụt từ cổ, từ đâu hiện ra, quờ quạng. Chúng chới với níu vào tôi bất lực. Những cái lưỡi nhỏ, nhầy nhụa liếm láp khắp người. Và qua cửa sổ bật mở, đàn chồn cáo đen ngòm phóng tới, khoái trá cắm ngập móng vuốt vào da thịt tôi, cào xé. Tôi nghe mình gào lên tuyệt vọng. Choàng tỉnh. Căn phòng tối nhờ nhờ, màn cửa gió lùa phập phồng. Ngoài vườn, tiếng côn trùng rỉ rả buồn nẫu ruột. Khắp người nhớp nhúa mồ hôi, đau buốt như bị gai cào, tôi hốt hoảng lần tìm miếng ngọc bội, xiết chặt nó trong lòng tay.

-Cô cho cháu sờ nó lần nữa nhé ?

-Đêm qua cháu có mơ thấy gì không ?

-Cháu ngủ ngon lắm. Cháu đã bảo ngọc trị được ma mà. Nếu cháu được sờ đủ ba lần thì có khi khỏi hẳn nhỉ ? Quá tang ba bận mà!

Cơn ác mộng đêm qua làm tôi cảm thấy gần gũi với con bé hơn. Nó ấp miếng ngọc giữa hai bàn tay, trang nghiêm thành kính. Tôi thèm có được niềm tin của nó. Giá như anh ta đừng bật dậy khỏi giường nhanh như thế, có lẽ tôi còn le lói trông vào được một cái gì. Mẹ tôi đã mấy lần gợi ý xa xôi về đám cưới. Hộp trà sâm made in USA choáng lộn anh ta tặng mẹ tôi củng cố hy vọng của mẹ. Cả xóm khen anh ta lịch sự, đàng hoàng, còn tôi thật có phúc. "Cháu ơi lấy được chồng Việt kiều là cứu cả ba đời đấy!", bà hàng xóm tha thiết khuyên: "Trước nhất là đời mày một bước lên bà, xa hoa sung sướng. Rồi con mày đẻ ra cũng sướng, bố mẹ mày được nhờ êm ấm tuổi già. Người ta để mắt đến mình một thì mình phải để mắt đến người ta mười. Một đám như thế, chớ có để tuột cho đứa khác cháu ạ. Tao bảo thật...". Cái trách nhiệm cứu cả ba đời đối với tôi thật quá sức. Nhất là khi đêm đêm, tôi chỉ là một khối ngứa ngáy khổng lồ được anh ta chiếu cố trong vài mươi phút...

-Cô ở lại đây có lâu không ?

-Cô cũng không biết nữa, còn tùy. Cháu hay đến đây chơi lắm à ?

-Bà với mẹ cấm cháu ra đây. Bà cháu bảo ở đây nhiều ma lắm. Cháu cũng sợ thế, nhưng cháu cứ ra.

-Tại sao thế ?

-Cháu thăm mộ con chuồn chuồn của cháu. Cô có muốn xem không ?

Con bé dắt tôi chui vào bụi rong riềng. Nó trỏ cho tôi một ụ đất nhỏ phủ đầy hoa rong riềng đỏ chói:

-Đẹp không cô ? Cháu chọn toàn hoa đỏ cho nó, con chuồn chuồn của cháu hồi trước cũng màu y như thế. Cánh nó trong suốt, lấp lánh như kim cương. Cháu sợ nó bay mất nên buộc chỉ để giữ, thế là con mèo hàng xóm vồ chết nó. Cô ơi, có ma chuồn chuồn không hả cô ?

-Cô không biết.

-Cháu nghĩ nó thành tiên. Chỉ có xấu xí chết đi mới ra ma. Nếu nó thành tiên, nó có oán cháu đã buộc nó không nhỉ ?

-Chắc không đâu. Cháu làm cho nó cái mộ đẹp thế này cơ mà!

-Cháu cũng đoán là nó thích. Hồi trước cháu bắt được lúc nó đang đậu lên bông rong riềng. Cô ơi, nếu chết đi phải mất bao lâu sẽ thành tiên được ?

-Cô đã thành tiên bao giờ đâu mà biết.

-Cháu đoán phải đủ một trăm ngày. Hôm nay là ngày thứ chín chín đấy. Ngày mai cô có ra đây không ?

-Có thể, ừ, cô sẽ ra.

Con bé nhìn tôi nhoẻn cười. Lần đầu tiên tôi thấy nó cười. Mặt nó giãn ra trẻ thơ, chiếc răng cửa bị sún, mái tóc tơ xém nắng nom thương lạ. Tôi kịp hỏi tên nó trước lúc nó chui ra khỏi vườn.

-Tên cháu là Hỷ. Chiều mai cô nhớ ra đây nhé!

Lần đầu tiên tôi hứa với con bé. Và đã thất hẹn! Người khách phát hiện ra chiếc bình chỉ là đồ giả cổ. Anh ta muốn mang trả lại, nhưng chủ tiệm khăng khăng rằng mua đoạn bán rồi. Người khách giận dữ ra lệnh cho tôi thu xếp trả phòng ngay. Anh ta không muốn lưu lại cái nơi toàn quân lừa đảo. Tôi bảo anh chờ em vài phút được không. Tôi ra vườn sau, chỗ bụi rong riềng. Những bông hoa trên mộ con chuồn chuồn đọng sương long lanh. Hôm nay là ngày thứ một trăm. Con bé sẽ ra đây để xem phép màu nhiệm. Nó còn chưa kịp sờ



LUÂN HOÁN

Đổi trò

Làm thơ làm thẩn lâu ngày
Đâm ra đờ đẫn mặt mày khó coi
Bây giờ, tắm gội hẳn hoi
làm chành họa sĩ coi mòi bảnh hơn
Ít ra ngắm nghía chờn vờn
Đỡ cho thiên hạ đánh đòn tà ma
Nhìn hoa hẳn vẽ ra hoa
Nhìn hồng nhan chẳng lẽ ra sữa trời?
Thôi thì, trước hết vẽ tôi
Nhờ treo trang báo hù người khỏe tim
Đời vui nhờ những tiếng chim...

LUÂN HOÁN

miếng ngọc bội lần thứ ba để trừ hẳn ma. Tôi tháo sợi dây ni lông, đặt miếng ngọc bội lên mộ con chuồn chuồn, cẩn thận phủ hoa lại như cũ. Khi tôi ngước mặt lên, cả khu vườn ngập trong suối nắng. Gió lắc lư những cành rong riềng hoa đỏ. Đêm qua, anh ta khen tôi dễ chịu và biết điều. Tôi cầu mong anh ta khỏi bệnh dị ứng. Hôm nay là ngày thứ một trăm. Tôi ra đi, mang theo sợi dây ni lông đen. Đêm nay, con bé chắc sẽ không còn bị ám ảnh bởi cơn ác mộng ma quỉ. Có thể nó sẽ mơ thấy một trời rợp cánh chuồn chuồn. Chuồn chuồn tiên, mình đỏ thắm, cánh trong suốt lóng lánh như kim cương..../

PHẠM HẢI ANH
Amsterdam Xuân 1999



LÊ THÁNH THƯ

Blue trên cánh đồng

Người đàn ông trở về đứng hát trên thành cầu
nghe tiếng tù và tan trên cánh đồng nắng hạn
đôi mắt mầu tro
ứa ra những hồi niệm thị giác nhiều năm mê sảng

Tiếng tù và loang kín mặt sông con
người đàn ông ném đóm lửa chưa tàn
cánh đồng rạn vỡ chân chim
nơi này
          cỏ không xanh

Nơi đây, người thức bên kia sông
bao dáng hình củi mục tưởng trọn đời không thể sống
vẫn hom hem nụ cười góa bụa
vẫn hồn quê thanh khiết sáng cả sân nhà
vẫn cánh cò không bay nổi qua sông
bàn chân cắm xuống mặt đất nhếch nhác mùa màng
người mắt màu tro
lặng lẽ
tẩm mình trong nhang khói

Tiếng tù và cày xới hoàng hôn
trên cánh đồng ngập tràn mộ chí
đâu đây vẳng tiếng kêu
phải tiếng linh hồn gọi nhau từ làng dưới ngược lên
níu ngày chậm lại...
                              chậm lại trầm hương.

LÊ THÁNH THƯ



NGÔ THẾ VINH

Tây tạng trên biển đông

Gửi nhóm bạn Cửu Long

Everybody Lives Downstream
(World Water Day 03-22-99)



Khung cảnh nhân vật chỉ là hư cấu tiểu thuyết

Vẫn với mối quan tâm bấy lâu về con sông Mekong, không chỉ thuần khía cạnh môi sinh mà cả tính nhân văn của cư dân sống hai bên bờ con sông ấy, Cao đã quyết định mở một *"hồ sơ Tây Tạng"* cho riêng anh. Có lẽ vì phong cách làm việc ấy cộng thêm với mấy bài viết rất giá trị xuất hiện gần đây của Cao một ngòi bút không chuyên, khiến ông Khắc một ký giả lão thành đã đi tới nhận định lẽ ra Cao phải là một nhà báo thay vì kỹ sư môi sinh.

Khoảng ba trăm triệu năm trước, Tây Tạng còn nằm dưới đáy biển Tethys nguyên là một đại dương mênh mông bao trùm cả diện tích châu Á và Ấn độ; Địa Trung hải là phần còn sót lại của biển Tethys ngày trước. Khoảng một trăm triệu năm trước lúc đó thì chưa có khối đất Ấn độ tách rời ra khỏi *tiền lục địa Gondwanaland.* Do hành trình va chạm dữ dội của *hai khối tiền lục địa Gondwanaland và Laurasia* tạo nên cơn địa chấn với sức ép khổng lồ từ khối đất Ấn độ

dồn lên phía bắc tạo thành một địa hình mới nổi bật là sự hình thành dãy Hy Mã Lạp Sơn và cả vùng cao nguyên Trung Á.

Xứ tuyết Tây Tạng là vùng đất cao từ 3500 tới 5000m - được mệnh danh là *"nóc của trái đất"*, diện tích hơn một triệu km2 gần bằng Tây Âu nhưng cô lập với thế giới bên ngoài bởi ba bề núi non hiểm trở: phía nam bao bọc bởi dãy Hy Mã Lạp Sơn, phía tây bởi rặng Karakoram và phía bắc là các rặng Kunlun và Tangla. Riêng phía đông cũng bị cắt khoảng bởi các dãy núi không cao và lũng sâu nhưng thoải dần xuống tới biên giới Trung Hoa giáp hai tỉnh Tứ Xuyên và Vân Nam.

Các con sông lớn như *mạch sống cho toàn vùng châu Á* đều bắt nguồn từ cao nguyên Tây Tạng.

Phía tây, gần rặng núi Kailash là hai con sông Indus và Sutleji chảy về hướng tây nam và giao thoa với ba con sông khác để hình thành bình nguyên Punjab giữa hai nước Ấn và Hồi.

Phía nam là con sông Tsangpo hay *"nguồn tinh khiết"* với ghềnh thác ngoạn mục xuyên qua dãy Hy Mã Lạp Sơn trước khi đổ vào vịnh Bengal.

Phía đông là khởi nguồn của các con sông lớn khác: hai con sông Irrawaddy và Salween chảy xuống Miến Điện ở phía nam; con sông Dương Tử dài nhất Á châu với hơn 6500km chảy về hướng đông theo suốt chiều ngang lãnh thổ Trung quốc tới Thượng Hải, còn sông Hoàng thì chảy về hướng bắc rồi sang đông tới tận Thiên Tân (*Tianjin*), cả hai cùng đổ ra biển Đông Trung Hoa.

Riêng con sông Mekong hay Dza-Chu *"nguồn nước của đá"* thì chảy dài hơn 4000km về hướng nam băng qua những hẻm núi sâu và hoang dã của tỉnh Vân Nam với tên Trung Hoa là Lancang Jiang - Lan Thương giang *"con sông xanh cuộn sóng"*, qua biên giới Lào Thái mang một tên khác Mae Nam Khong *"con sông mẹ"*, xuống Cambốt lại mang một tên khác nữa Tonle Thom "con sông lớn" cuối cùng đổ qua Việt Nam mang tên Cửu Long *"chín con rồng"* với hai nhánh chính là sông Tiền và sông Hậu đổ ra Biển Đông bằng chín cửa sông thắm đỏ phù sa.

Phía tây bắc Tây Tạng là vùng đất hoang đông giá gần như không người no-man's-land trải dài hơn 1200km từ tây sang đông. Phía nam là vùng núi non với thảo nguyên, nơi sống của dân du mục với các đàn cừu dê và những con bò Yaks. Bò Yaks đúng là một giống vật kỳ lạ khiến đức Đạt Lai Lạt Ma phải gọi là *"một giống vật trời cho*

người dân Tây Tạng", không những to khỏe với bộ lông dài sống trên cao độ 3000m, có thể chở tải đồ nặng và là nguồn thịt của người dân Tây Tạng, riêng giống bò cái tên Dri thì cho rất nhiều sữa. Nếp sống của họ vẫn vậy như từ hai ngàn năm trước.

Phía đông là tỉnh Kham và đông bắc là Amdo (quê hương của đức Đạt Lai Lạt Ma thứ 14) là vùng trù phú và đông dân nhất. Thứ đến là những vùng đất phía nam nơi khí hậu bớt gay gắt, nơi có con sông Tsangpo như một mạch sống với phong phú những phụ lưu.

Người nông dân Tây Tạng chủ yếu trồng lúa mạch, khoai tây là hoa màu phụ. Khí hậu thay đổi bất thường như mưa đá, đông giá hay hạn hán nên mùa màng luôn luôn bị hư hại. Nguồn thực phẩm ổn định hơn là nuôi gia súc ngoài bò Yaks còn có trừu, dê và gà để lấy trứng. Tsampa bột lúa mạch sấy là món ăn thường nhật của người Tây Tạng cũng như gạo đối với người dân vùng đồng bằng sông Cửu Long.

Theo thống kê của Trung quốc (1982) có 3.87 triệu người Tây Tạng *"sống trong nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa"*.

Tây Tạng là hình ảnh mênh mông của thảo nguyên với núi cao và lũng sâu, bầu trời thường thì trong xanh như ngọc. Những người dân Tây Tạng thì đơn sơ và hiếu khách nhưng họ là một dân tộc đang phải sống trong nô lệ và chịu nỗi khổ đau vô hạn.

Đạo Phật du nhập vào Tây Tạng 12 thế kỷ sau khi Phật Thích Ca nhập niết bàn, khoảng thế kỷ thứ 4 sau Công nguyên. Khí Tông Cương Tán - *Songtsen Gampo* - một tù trưởng tài ba đã thống nhất được các bộ lạc rất hiếu chiến trên vùng băng tuyết tới chân Hy Mã Lạp Sơn, cưới công chúa Nepal xứ sở của Phật giáo làm hoàng hậu và chính nàng công chúa này đã du nhập đạo Phật vào Tây Tạng. Cũng vị vua Tây Tạng này đã đem quân sang đốt phá thành Lạc Dương khiến vua Trung Hoa đời nhà Đường phải nghị hòa và gả công chúa cho Khí Công Cương Tán, nàng công chúa dòng Hán này cũng đem đạo Phật vào Tây Tạng. Đạo Phật từ đó đã phát triển rất mạnh trên vùng đất mới hòa nhập với *tín ngưỡng Bon đa thần* để biến thể thành một thứ đạo Phật cao siêu và thần bí. Nguyên là dân du mục thuộc những bộ lạc rất hiếu chiến, dần dà thấm nhuần tư tưởng từ bi của đạo Phật qua nhiều thế kỷ họ trở nên hiếu hòa hơn trong giao tiếp với lân bang.

Tới thế kỷ 14 một vị chân tu tên Tống Cáp Ba - *Tsongkhapa* - sáng lập nên phái *Hoàng Mão Hoàng Y* của Phật giáo chính thống Tây Tạng. Người thừa kế sau khi ông mất cũng là một vị chân tu tên *Gendun Drup* được toàn thể giới tăng lữ suy tôn làm *Đại Lạt Ma* (Lama là một từ Tây Tạng có nghĩa là ông thầy), ông có công phát huy đạo

Phật đồng thời cũng xây dựng được một nền hành chánh kết hợp với giáo quyền trị vì quốc gia Tây Tạng. Vị đại sư mưu trí này đã *đặt ra quy luật tái sanh của Đại Lạt Ma* theo đó khi chết linh hồn vị Đại Lạt Ma sẽ nhập vào một trẻ sơ sinh như hiện thân của Bồ Tát Quán Thế Âm (*Bodhisatva Avalokitesara*). Bổn phận của toàn thể tín đồ là phải tìm cho ra đứa trẻ đó, nuôi dạy theo giáo lý để sau này tiếp tục điều khiển quốc gia Tây Tạng.

Cũng chính vị Đại Lạt Ma này đặt thêm ra chức vị *Ban Thiền Lạt Ma* (Panchen Lama) mà người Trung Hoa gọi là *Phó Hoạt Phật như* hiện thân của Phật A Di Đà đặc trách tế lễ.

Tới thế kỷ 16, do bị các giáo phái khác chống đối dẫn tới sự can thiệp của quân Mông Cổ, sau đó thì chính Đại Hãn Mông Cổ là *Altan Khan* cảm phục kiến thức cao sâu của vị đại sư nên cũng xin quy y, đồng thời phong tước cho vị Đại Lạt Ma là *Đạt Lai Đạt Ma* (Dalai là từ Mông Cổ có nghĩa biển cả, bao hàm kiến thức mênh mông).

Tiếp sau đó là thời kỳ cực thịnh của Phật giáo Tây Tạng ghi dấu bằng công trình xây cất *lâu đài mùa đông cung điện Potala* 1000 phòng của các Đạt Lai Lạt Ma, được coi như một kỳ quan kiến trúc của thế giới.

Nhưng *ngôi chùa Jokhang* mới chính là di tích cổ kính nhất, được xây dưới triều vua Khí Tông Cương Tán, nơi chứa tượng Phật do công chúa Nepal thỉnh về; *kỳ quan của chùa là tấm bia đá* trước chùa như di tích lịch sử về một quá khứ hùng mạnh của quốc gia Tây Tạng, đã từng gây khốn đốn cho vua Trung Hoa đời nhà Đường. Trên tấm bia là bản hiệp ước được phê chuẩn bởi *Đại Hoàng đế Tây Tạng và Đại Hoàng đế Trung Hoa* vào năm 821-822 khắc bằng hai thứ tiếng Tây Tạng và Trung Hoa với nội dung *"thỏa thuận cùng nhau về sự liên minh giữa hai quốc gia... tìm cách ngăn ngừa những nguyên nhân gây tàn hại cho hai xứ sở bây giờ và mai sau... để mang lại hòa bình lâu dài cho thần dân hai xứ. Thỏa ước được khắc trên bia này để cho các thế hệ tương lai được biết tới."* [sic]

Giữa thời kỳ hưng thịnh của quốc gia Tây Tạng (618-907) thì Việt Nam lại đang phải sống trong tối tăm nhục nhã dưới ách thống trị của người Tàu với cái tên *An Nam Đô Hộ Phủ*.

Nhưng rồi cũng không tránh được lẽ thịnh suy, những thế kỷ sau đó Tây Tạng bị Trung quốc xâm lấn, thủ đô Lhasa thường xuyên bị chiếm đóng. Đến đầu thế kỷ 20 khi triều đình Mãn Thanh bị cuộc cách mạng Tân Hợi lật đổ, nhân dân Tây Tạng đã vùng lên đuổi hết quân

xâm lăng và tuyên bố độc lập nhưng đã gặp phải sự thờ ơ đến tàn nhẫn của cả thế giới. Trung Hoa cho dù dưới thể chế chánh trị nào vẫn xem Tây Tạng như phần lãnh thổ của mình.

Năm 1933 khi đức Đạt Lai Lạt Ma 13 viên tịch, tương truyền rằng người ta thấy mặt ngài thay vì xoay về hướng nam thì lại ngoảnh sang *đông bắc*. Kết hợp với một số điềm báo triệu khác, các vị trong hội đồng giáo phẩm đã tới được ngôi làng Takster thuộc tỉnh Amdo miền *đông bắc* Tây Tạng và họ đã tìm ra đứa trẻ hai tuổi tên Lhamo Thondup nguyên là con thứ tư trong một gia đình nông dân nghèo khó, sau một chuỗi những trắc nghiệm thử thách, cậu bé được công nhận là hiện thân của Đức Đạt Lai Lạt Ma thứ 14 với tên hiệu Tenzin Gyatso.

Amdo lúc đó đang thuộc quyền kiểm soát của Trung Quốc nên phải trải qua hai năm thương thuyết khó khăn, cậu bé Tenzin Gyatso và đoàn tùy tùng mới được rời Amdo để lên thủ đô Lhasa và được đưa vào *cung điện mùa hè Norbulingka rồi cung điện mùa đông Potala* để được nuôi dưỡng và giáo dục đúng theo giáo lý bởi những vị cao tăng uyên bác. Trong thời gian đó, một quan nhiếp chính được chỉ định để lo việc nước.

Tình hình trở nên tệ hại khi Tưởng Giới Thạch bị thua phải chạy ra đảo Đài Loan, Hồng quân chiếm trọn Hoa lục đồng thời cũng xua quân vào cưỡng chiếm Tây Tạng với chiêu bài *"giải phóng nhân dân Tây Tạng đang bị giai cấp phong kiến áp bức."*

Cho dù có sự đồng thuận của dân Tây Tạng hay không thì cũng đã có ngay từng đợt hàng chục ngàn binh lính Trung Cộng tiến vào Tây Tạng, kéo theo sau là gia đình của họ. Khác xa với hứa hẹn ban đầu bảo đảm tự do tín ngưỡng và phong tục tập quán của dân Tây Tạng, họ mở ngay chiến dịch chống tôn giáo, đồng thời thi hành *"chánh sách tàm thực"* không ngừng di dân gốc Hán vào đất nước Tây Tạng.

Năm 1950, do nhu cầu cấp bách của thời cuộc, ở cái tuổi mới 16, Tenzin Gyatso đã phải rất sớm đứng ra đảm đương mọi trách nhiệm chánh trị điều hành quốc gia Tây Tạng. Năm 1954, Gyatso bị đưa sang Trung quốc gặp Mao Trạch Đông trong ý muốn thuyết phục vị Lạt Ma trẻ tuổi ấy chấp nhận một xứ sở Tây Tạng sát nhập vào trật tự nước Trung Hoa.

Trước nguy cơ diệt vong, năm 1959 nhân dân Tây Tạng lại nhất loạt nổi dậy, kéo quân về kinh đô Lhasa nhưng đã bị Hồng quân trấn áp và tàn sát không thương tiếc. Trong cuốn tự truyện *Tự Do Trong Lưu Đầy (Freedom in Exile)* Tenzin Gyatso viết:

"Trong gần một thập niên, ở cương vị người lãnh đạo chánh trị và tôn giáo cho dân tộc, tôi đã cố gắng tái tạo mối liên hệ hòa bình giữa hai quốc gia Tây Tạng và Trung Quốc, nhưng trách vụ không thể hoàn thành. Tôi đi tới kết luận là tôi sẽ phục vụ dân tộc tôi được nhiều hơn nếu tôi sống ở nước ngoài".

Đức Đạt Lai Lạt Ma thứ 14 đã dẫn hơn một trăm ngàn dân Tây Tạng vượt biên giới thoát sang Ấn độ. Bất chấp sự chống đối và cả hăm dọa của Bắc Kinh, chánh phủ Ấn vẫn giúp định cư số người Tây Tạng lưu vong này trong thị trấn Dharmasala dưới chân rặng Hy Mã Lạp sơn. Một chánh phủ lưu vong *Kashag* được hình thành như niềm hy vọng sống còn đối với người dân Tây Tạng trong nước.

Phía Trung Quốc bất kể nguyện vọng dân Tây Tạng ra sao, họ vẫn sát nhập quốc gia này vào *"Nước mẹ vĩ đại Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa"*. Tháng 9 năm 1965, Bắc Kinh tuyên bố lập *"Vùng tự trị Tây Tạng - Tibetan Autonomous Region"* trực thuộc nước Trung Hoa. Và giai đoạn thảm khốc nhất đã diễn ra trong suốt thập niên sau đó khi có cuộc *Cách mạng Văn hóa*. Cả một di sản văn hóa của dân tộc Tây Tạng bị tận diệt một cách công khai và có hệ thống bởi những đoàn *Vệ Binh Đỏ*. Các đền đài tu viện bị phá trụi tới tận nền, các tranh tượng tôn giáo bị hủy hoại. Hàng chục ngàn người Tây Tạng bị kết tội "phản động" vì không chịu lên án đức Đạt Lai Lạt Ma và từ bỏ đức tin của họ.

Hai mươi sáu năm sau - tháng 10 năm 1987, không còn kiên nhẫn hơn được nữa, dân Tây Tạng lại vùng dậy và cũng lại bị quân chiếm đóng Trung Cộng đàn áp tàn bạo.

Đã có khoảng 1.2 triệu người Tây Tạng bị giết do hậu quả Trung Cộng cưỡng chiếm đất nước Tây Tạng, một con số thật khủng khiếp nếu so với tổng số dân Tây Tạng chưa tới 4 triệu.

Để phối hợp với các cuộc đấu tranh ở trong nước, đức Đạt Lai Lạt Ma đã rời Dharmasala du hành nhiều quốc gia trên thế giới để nói lên nguyện vọng được sống trong độc lập và tự do của nhân dân Tây Tạng.

Đức Đạt Lai Lạt Ma không chỉ là vị lãnh đạo tinh thần của dân Tây Tạng, ông còn là tiếng nói của từ tâm đấu tranh cho nhân quyền và bảo vệ môi sinh cho toàn hành tinh này.

Cách đây ba năm trong một chuyến viếng thăm Úc châu, dưới áp lực hăm dọa của Trung Cộng, Úc đã phải nhượng bộ, chỉ có ngoại trưởng Úc tiếp đức Đạt Lai Lạt Ma một cách không chính thức.

Nhân chuyến viếng thăm đó, khi được hỏi về con sông Mekong

phát nguồn từ Tây Tạng - mà có nhà báo Tây Phương đã ví von là *"con sông Danube của Á châu"*, và kế hoạch khai thác của Trung Quốc thì đức Đạt Lai Lạt Ma đáp vì phúc lợi của mọi người, nhân dân Tây Tạng sẽ gìn giữ sự tinh khiết của những dòng sông.

Lưu vực sông Mekong chỉ trong vòng hơn hai thập niên gần đây thôi đã có tới *ba giải Nobel* nhằm mưu cầu hòa bình cho khu vực. Lê Đức Thọ và Kissinger (1973) được chọn do công lao đem lại hòa bình cho Việt nam - thực ra là cho nước Mỹ để họ được yên ổn rút quân để rồi *"Après moi, Le Deluge"* chưa đầy hai năm sau Bắc Việt xua quân thô bạo cưỡng chiếm toàn miền Nam. Giải thứ hai dành cho đức Đạt Lai Lạt Ma (1989) do kiên trì đấu tranh bất bạo động cho sự sống còn của quốc gia Tây Tạng đang bị thống trị bởi Trung Quốc và niềm hy vọng chỉ là chút ánh sáng le lói ngày càng xa hơn nơi cuối đường hầm. Và giải thứ ba dành cho người phụ nữ mảnh mai Aung San Suu Kyi (1991) cũng đang bền bỉ tranh đấu cho nền dân chủ đất nước Miến điện với vũ khí là thời gian cho tới khi các ông tướng quân phiệt bị vô hiệu vì lão hóa.

Rõ ràng những *"cành olive từ Stockholm"* chỉ để bày tỏ niềm ước mơ hòa bình nhưng đã không làm trùn được các tay súng và cũng chẳng thể biến được những con diều hâu thành bồ câu.

Tuy chưa từng gặp mặt nhưng là người mà bấy lâu Cao ngưỡng mộ, anh có ý định tìm cách tiếp xúc với đức Đạt Lai Lạt Ma, mời ông là thành viên danh dự của *Nhóm Bạn Cửu Long* do mối quan tâm của ông trong nỗ lực bảo vệ hệ sinh thái của con sông Mekong.

Trong buổi lễ trao *Giải thưởng Nhân quyền* 1998 tại đại học George Town, đức Đạt Lai Lạt Ma tỏ ý ao ước được viếng thăm Việt nam năm 2000. Chấp nhận hay không cuộc viếng thăm ấy là một thử thách can đảm đối với nhà cầm quyền Hà Nội. Đó cũng là thước đo mức tự chủ của Việt Nam đối với Trung Quốc.

Đức Đạt Lai Lạt Ma còn đề nghị các học giả Việt nam cung cấp cho các nhà sử học Tây Tạng những sử liệu liên quan tới quan hệ giữa Việt nam với Trung Quốc.

Bằng trực giác rất nghề nghiệp ông Khắc hiểu rằng đức Đạt Lai Lạt Ma muốn nhân dân Tây Tạng tìm đến bài học Việt Nam, làm thế nào dân tộc Việt vẫn lấy lại được nền tự chủ sau cả ngàn năm đã bị Trung Quốc quyết tâm đồng hóa và đô hộ. Đó như một sứ điệp hy vọng của những người dân Tây Tạng đang bị áp bức. Ông Khắc nói:

- Không phải Khổng Tử mà là Karl Max viết: *"Một dân tộc tìm cách nô lệ các dân tộc khác là tự rèn lấy xiềng xích cho chính mình"*

và Trung Quốc thì đang nô lệ hóa dân tộc Tây Tạng.

Không nhắc gì tới vụ *thảm sát Thiên An Môn*, ông Khắc tiếp giọng đượm vẻ hài hước:

- Nói một cách khác *một dân tộc có tự do thì không thể xích hóa các dân tộc khác*. Đây là phần luôn luôn đúng của chủ nghĩa Mác ngay cả khi nhân loại bước vào thiên niên kỷ thứ 3000.

Chỉ nhận mình là một nhà sư giản dị, không bao giờ tự huyền thoại hóa mình là Phật sống, chỉ nguyên điều ấy đã khiến Cao càng thêm ngưỡng mộ ông hơn.

Bất cứ ở đâu, bất cứ lúc nào, Tenzin Gyatso vẫn luôn luôn là một con người thông minh, nhu hòa không định kiến, vượt lên trên mọi khen chê. Ông là một con người giàu lòng từ bi, hơn thế nữa là con người của tự do. Với tinh thần bất bạo động linh hoạt (*active non-violence*) ông luôn luôn cố gắng tái tạo mối liên hệ tin cậy và hòa bình với phía thù nghịch cho dù Bắc Kinh không từ một thủ đoạn nào để gây tai tiếng và bôi nhọ ông. Kể cả cuộc tổng nổi dậy đòi độc lập của dân Tây Tạng cũng bị gán ghép cho như mưu đồ thất bại của CIA nhằm chống lại Trung Quốc.

Sự kiện sau khi vị Ban Thiền Lạt Ma hay Phó Hoạt Phật viên tịch, Bắc Kinh đã chọn ngay người thay thế đồng thời bắt giữ Gedhun Choekyi Nyima một cậu bé được đức Đạt Lai Lạt Ma tuyển chọn đúng theo đức tin của người dân Tây Tạng. *Gendun Choekyi Nyima* mới được tròn 9 tuổi, đối với thế giới thì đây là *"tù nhân chánh trị trẻ nhất"* của nhà cầm quyền Bắc Kinh.

Cho dù ngày nay thì Trung Cộng đang cho xây dựng lại một số chùa chiền ở Tây Tạng bề ngoài như một "sửa sai sau Cách mạng Văn hóa" nhưng là để thu hút thêm du khách; cùng một lúc họ cho gài công an chìm vào khắp các tu viện, đi xa hơn nữa Bắc Kinh còn cấm người trẻ đi tu và đồng thời cưỡng bách các vị sư già ngoài 60 tuổi phải về hưu trong khi vẫn không ngừng rêu rao *"Tự do tôn giáo là điều được ghi trong hiến pháp"*.

Nhân chuyến viếng thăm Tây Tạng *"như một khách du lịch"* ông Khắc đã tìm đến một ngôi chùa nhỏ bên ngoài thủ đô Lhasa. Ông Khắc hiểu rằng nếu chỉ theo đoàn du khách với cô hướng dẫn người Trung hoa thì mọi sự đều rất êm thấm, cũng như một số khách Tây phương - kể cả chánh trị gia lão thành Edward Heath cựu thủ tướng Anh, được Bắc Kinh tổ chức cho đi thăm Tây Tạng, khi trở về nói mọi chuyện ở đó đều tốt đẹp. Họ nói thật qua những điều dàn dựng và được phép

cho thấy. Và bao giờ cũng vậy, *những điều cho thấy ấy là một sự dối trá trắng trợn.* Ông Khắc trong suốt cuộc đời làm báo đã có quá nhiều kinh nghiệm về *"những sự thực dối trá ấy"* khi ông đặt chân tới đất nước Tây Tạng.

Ông được tiếp trong một nhà khách, cung kính đứng sau vị sư già là *một chú tiểu* mà ông biết là *"quốc doanh"* đứng hầu. Ông Khắc được mời ăn một thứ bánh làm bằng lúa mạch giống như bánh xếp và được cho uống chung trà nóng pha muối và bơ Dri hương vị lạ nhưng rất ngon. Sau đó thì vị sư già Tây Tạng 78 tuổi kiếu từ đi ra ngoài khu vườn. Hẹn ông Khắc mà làm như một gặp gỡ tình cờ, khi biết không còn bị công an theo dõi, nhà sư đã thố lộ:

- Như ông nhà báo biết đấy *"tôn giáo không có về hưu"*, tôi sẽ còn ở trong tu viện này cho tới chết để rồi tấm xác thân vô thường được *"thiên táng"* đem chặt ra từng khúc làm thức ăn cho bầy kên kên. Chứ bây giờ còn sống thêm ngày nào tôi chỉ có một ước nguyện sửa sang lại chùa chiền, dạy cho giới trẻ biết thế nào là tín ngưỡng văn hóa của dân tộc Tây Tạng và biết đức Đạt Lai Lạt Ma của họ đang làm gì ở đâu.

Vị sư già quay gót trở vào khi có bóng dáng vẫn chú tiểu hầu ấy thấp thoáng đi ra. Trên cao vẫn là bầu trời xanh với một chút nắng ấm. Chỉ bằng đôi mắt chim có ai mà thấy được là tấn thảm kịch Tây Tạng vẫn cứ đang âm thầm diễn ra trên vùng Đất Tuyết này.

Bây giờ là buổi trưa bên ngoài kinh đô Lhasa, là *8 giờ tối bên California.* Ở một nơi gần đỉnh trời này không hiểu sao ông Khắc lại nhớ tới Cao tới những người bạn trẻ mà ông biết chắc rằng mai mốt đây khi trở về bên đó ông sẽ bị họ "tấn công" bằng vô số những câu hỏi liên quan tới chuyến đi Tây Tạng của ông. Đã bước qua tuổi "cổ lai hy" mà xem ra ông Khắc chưa có dấu hiệu nhường bước cho lớp người đi tới ấy.

Cho dù đang có những mối lo âu về sự tồn vong của quê hương nhưng đức Đạt Lai Lạt Ma cũng rất quan tâm tới những vấn đề chung của nhân loại trên hành tinh này. Ông đã đề cập tới vấn đề môi sinh với một tầm nhìn xa và trong mối tương quan rộng lớn:

"Hòa bình và sự sống trên trái đất đang bị đe dọa bởi những hoạt động của con người thiếu quan tâm tới những giá trị nhân bản. Hủy hoại thiên nhiên và các nguồn tài nguyên thiên nhiên là do hậu quả của lòng tham lam và thiếu tôn kính đối với sự sống trên hành tinh

này...

Chúng ta dễ dàng tha thứ cho những gì đã xảy ra trong quá khứ do bởi u minh. Nhưng ngày nay do hiểu biết hơn, chúng ta phải duyệt xét lại theo tiêu chuẩn đạo đức phần gia tài nào mà chúng ta thừa hưởng, phần nào chúng ta có trách nhiệm sẽ truyền lại cho thế hệ mai sau.

Giống như khi vun xới mối tương quan dịu dàng và hòa bình với đồng loại, chúng ta cũng sẽ hành xử tương tự đối với môi trường thiên nhiên. Chúng ta nên quan tâm tới môi sinh như một toàn thể. Quyết định cứu lấy môi trường phải phát xuất từ trái tim căn cứ trên tình thương, mối quan tâm và sự minh triết."

Đức Đạt Lai Lạt Ma năm nay 64 tuổi rồi, vẫn sống lưu vong xa đất nước Tây Tạng. Diễn tiến tình hình trong nước thay đổi từng ngày, một thế hệ trẻ sinh ra và lớn lên bị tuyên truyền và tẩy não một cách tinh vi đang dần dà bị sói mòn cả đức tin.

Tình hình bên ngoài cũng không phải là lạc quan. Sau ngót 40 năm, những người Tây Tạng lưu vong vẫn chưa có khả năng tự túc về kinh tế. Trong khi quân đội chủ nhà Ấn Độ cũng đã mỏi mệt trong công việc bảo vệ khu tự trị và chánh phủ Ấn thì luôn luôn phải đối đầu với sự căng thẳng ngoại giao với Bắc Kinh.

Tuy nhiên, cũng sau 40 năm sống bên ngoài đất nước Tây Tạng, một *lớp người trẻ đã lớn lên*, được hấp thu nền văn hóa Tây phương, họ có trình độ và hướng về tương lai đất nước Tây Tạng với *những ý tưởng mới*. Chính lớp thanh niên có học này đã tổ chức những chuyến du hành của đức Đạt Lai Lạt Ma qua Âu châu, Úc và Mỹ châu và đã đạt được những thành quả ngoại giao ngoạn mục. Với Hoa Kỳ, không phải chỉ có chánh phủ mà cả giới làm phim Hollywood cũng đã sản xuất những tác phẩm điện ảnh giá trị hậu thuẫn cho công cuộc tranh đấu của dân Tây Tạng. *Kundun* phim của nhà đạo diễn lừng danh Martin Sorsese về tuổi thiếu thời của đức Đạt Lai Lạt Ma đã gây xúc động cho người xem và dĩ nhiên cả phẫn nộ cho nhà cầm quyền Bắc Kinh. Chánh phủ Mỹ từ những năm 1990, đã lập *Phân bộ Tỵ nạn* giúp định cư những người dân Tây Tạng bị đàn áp.

Trong nỗ lực phục đạo và phục quốc không phải luôn luôn có sự thống nhất giữa các cộng đồng Tây Tạng lưu vong. Điển hình là các vụ bạo động do nhóm trẻ có tên là *Ủy hội Thanh niên* gây ra. Họ theo một khuynh hướng cứng rắn tranh đấu cho một đất nước Tây Tạng *hoàn toàn độc lập tách biệt với Trung Hoa* vì theo họ trong suốt mấy

ngàn năm lịch sử cho tới khi Hồng quân cưỡng chiếm Tây Tạng, đất nước họ chưa bao giờ thuộc Trung Hoa và *"không ai có quyền thay đổi lịch sử"*. Không chỉ bằng lời nói họ cực đoan cả trong hành động: ngay trong khu tự trị Dhamarsala, họ đã đột nhập vào tư dinh của đức Đạt Lai Lạt Ma giết chết mấy cộng sự viên của ông với tội danh gán cho là đã nhượng bộ Trung Hoa. Bom cũng đã nổ ở Lhasa khi tổng thống Mỹ Clinton viếng Trung Quốc và đài *"Tây Tạng Tự Do"* đã lên tiếng nhận trách nhiệm và ra tuyên cáo tiếp tục chiến tranh du kích cho tới khi Trung Cộng rút hết quân. Ngoài hiệu quả gây tiếng vang, cứ sau mỗi vụ phá hoại của quân kháng chiến, dân Tây Tạng lại bị trả đũa bằng các đợt khủng bố và biện pháp an ninh bị siết chặt hơn.

Vượt lên trên những mối bất hòa ấy thì chỉ còn đức Đạt Lai Lạt Ma là mối giường của hòa giải và đoàn kết của toàn thể nhân dân Tây Tạng.

Do hiểu rõ tình thế lưỡng nan của xứ sở, Tenzin Gyatso đã phải hết sức cứng rắn ép buộc những người xung quanh chấp nhận đàm phán, ông tỏ ra rất thực tiễn: *"phải tồn tại cái đã"*, do đó thay vì lên tiếng đòi *độc lập* ông đã tự hạ mình chỉ yêu cầu nền tự trị cho Tây Tạng không tách khỏi nước Trung Hoa.

Trung Quốc thì vẫn cứ tiếp tục xâm lấn và không ngưng tìm mọi cách triệt hạ uy tín của đức Đạt Lai Lạt Ma, gọi ông là *"kẻ thù của nhân dân"*, *"con chó sói trong áo cà sa"* cả gieo tin đồn là đức Đạt Lai Lạt Ma đang lưu vong đã hủ hóa *"cả ăn nằm với bà Indira Gandhi"*.

Ai cũng biết yếu tố thời gian sẽ chỉ có lợi cho Bắc Kinh. Đức Đạt Lai Lạt Ma liệu còn sống thêm được bao lâu, đây là mối ưu tư hàng ngày của mỗi người dân Tây Tạng. Khi được các nhà báo vấn an, ông nói sức khỏe còn rất tốt có thể sống tới 100 tuổi; chắc cũng chỉ là một cách nói để trấn an mọi người.

Một mai khi đức Đạt Lai Lạt Ma viên tịch không người lãnh đạo thay thế, *đất nước Tây Tạng sẽ lặng lẽ trôi vào trật tự nước Trung Hoa - Pax Sinica.*

Một vấn đề cốt lõi nữa là trước trào lưu tiến hóa của toàn thế giới, hơn ai hết chính đức Đạt Lai Lạt Ma không thể không có những suy tư về triết lý của chế độ thần quyền (*theocracy*) trong bối cảnh của một đất nước Tây Tạng bước vào thế kỷ 21. Ông đã viết: *"Xứ Tây Tạng không phải là nơi hoàn thiện nhưng phải nói rằng cách sống của chúng tôi có nhiều điều đáng chú ý. Chắc chắn có nhiều thứ đáng giữ lại thì ngày nay chúng tôi đã mất đi vĩnh viễn"*.

Những điều đang bị mất đi đó là sắc thái chủng tộc, tôn giáo,

ngôn ngữ của người dân Tây Tạng bị hy sinh cho chiêu bài giải phóng và canh tân. Còn về phần không hoàn thiện là cấu trúc xã hội dựa trên thần quyền độc tôn tuy trong quá khứ đã từng là nền tảng sức mạnh đức tin nhưng cũng là phần nghịch lý khi xây dựng một đất nước Tây Tạng dân chủ. Chính đức Đạt Lai Lạt Ma và giới trẻ Tây Tạng ở hải ngoại hiểu rõ điều đó và đang suy tư hình thành một thể chế chánh trị sao cho phù hợp với khung cảnh một đất nước Tây Tạng độc lập vẫn giữ vững được đức tin và vẫn linh hoạt hướng về tương lai.

Rất sớm từ những năm 60, chính đức Đạt Lai Lạt Ma ngay khi lập chính phủ lưu vong đã cho cải tổ nền hành chánh và dân chủ hóa toàn diện. Ông cho lập Hội đồng Dân cử Tây Tạng, khuyến khích quyền phát biểu của mỗi người dân và từng bước mạnh bạo chuyển từ *"thần quyền"* sang *"dân chủ"* cho quốc hội quyền truất phế đức Đạt Lai Lạt Ma nếu 2/3 biểu quyết đồng ý với lý lẽ thuyết phục cho rằng *lý thuyết dân chủ rất gần với triết lý Phật giáo.* Ý kiến quá táo bạo đó khiến đa số người dân Tây Tạng phải sửng sốt nhưng Tenzin Gyatso vẫn cứng rắn bảo vệ quan điểm đó. Trong hoàn cảnh nào ông cũng đối đầu với khó khăn *"trong sự an lạc và quyết tâm."*

Trong chuyến viếng thăm Hoa Thịnh Đốn mới đây, đức Đạt Lai Lạt Ma đã phát biểu: *"Một phần thưởng quý giá cho tôi là được sống ở một đất nước dân chủ và được học hỏi về thế giới bằng cách mà người Tây Tạng chúng tôi chưa từng biết đến."* Là một bậc đại trí có tầm nhìn xa, trong mấy chục năm lưu vong ông đã và đang hướng tới sự hình thành tập quán sinh hoạt dân chủ cho các cộng đồng Tây Tạng hải ngoại. Đó sẽ là những ngọn đuốc sáng chuẩn bị cho bước canh tân một đất nước Tây Tạng độc lập trong tương lai.

Lại nói tới dân chủ và quyền đầu phiếu. Cách đây 20 năm đức Đạt Lai Lạt Ma đã từng thách đố một cuộc trưng cầu dân ý cho người Tây Tạng cơ hội lựa chọn thì ngày nay do chánh sách "tầm ăn dâu" và "Tàu hóa - Sinicization" với hàng triệu người gốc Hán liên tục đổ vào Tây Tạng lập nghiệp và định cư vĩnh viễn, như ngay tại thủ đô Lhasa đã có hơn 50% người gốc Hoa, nếu chấp nhận một cuộc đầu phiếu như vậy khi nhân dân Tây Tạng chỉ còn là thiểu số sẽ là một thảm họa tự sát.

Là kỹ sư môi sinh, Cao hiểu rất rõ rằng xa hơn cả tham vọng bành trướng, Trung Quốc bằng mọi giá phải chiếm cho được Tây Tạng không chỉ vì nhu cầu phát triển mà còn vì *giá trị chiến lược môi sinh.* Bởi vì nguồn nước từ *"cao nguyên xứ tuyết"* ấy trực tiếp ảnh hưởng trên 40% cư dân của địa cầu, cộng thêm với tiềm năng thủy điện lên

tới 1/4 triệu MW gấp 40 lần công suất con đập khổng lồ Hoover của Mỹ, gấp 10 lần con đập *Tam Giáp - Three Gorges* của Trung Quốc lớn nhất thế giới.

Tây Tạng không chỉ là đáp số cho tình trạng thiếu nước và cạn nguồn năng lượng *không thể tránh* của Hoa Lục khi bước vào thiên niên kỷ mới, hơn thế nữa *"sau Tây Tạng"* sẽ là bước *"Tây Tạng hóa Biển Đông"*, Trung Quốc nghiễm nhiên sẽ ở thế thượng phong với *"thứ vũ khí môi sinh"* ngàn lần khốc hại hơn súng đạn, giúp Bắc Kinh có toàn quyền định đoạt vận mệnh và cả sự sống còn của các nước Đông Nam Á trong những năm đầu của thế kỷ 21.

Với một Trung Quốc ngày càng hùng mạnh và cả hung hãn thì triển vọng một nước Tây Tạng độc lập chỉ còn là chút ánh sáng le lói đang tắt dần nơi cuối đường hầm, đức Đạt Lai Lạt Ma biết rất rõ điều đó nhưng bề *ngoài ông vẫn cố giữ vẻ lạc quan và nói với các phóng viên rằng: "Tôi thấy thế giới vẫn có nhiều điều tốt lành mặc dù tấn bi kịch Tây Tạng còn đang tiếp diễn"*, ông cũng nói tiếp là sau khi đạt được *giải pháp tự trị* - chứ không phải là *độc lập* cho Tây Tạng ông sẽ *"tìm về sự ẩn tu như một con vật bị thương"*. Nhưng đó vẫn chỉ thuần là nỗi ước mơ bởi vì trong bài kệ mà ông tụng niệm mỗi ngày thì: *"Khi còn thế giới, khi còn chúng sinh, tôi nguyện đời mình, giúp đời bớt khổ"*.

Và ông sẽ vẫn còn trong vòng luân hồi, còn phải cùng chúng sinh leo mãi trên dốc nhân sinh cho tới hết đời mình và để rồi lại hóa thân giúp đời bớt khổ cho đến những đời sau.

NGÔ THẾ VINH
04/99



TƯỜNG VŨ ANH THY

Gửi Người

tóc chưa bạc đã theo ngàn sóng bạc
đã toan cười bên những chạc thông reo
núi là núi của trời cao bỡ ngỡ
trăng là trăng của hoa-đốm-hư-không

mưa và nắng trông mong ngày mọc mộng
bọc hình hài trong lá chuối xanh xưa
ánh mắt lung linh . buổi trưa lấp lánh
con ngựa trời no bụng ngủ trên cây

nằm thơ mộng đếm mây từng khuôn mặt
từng cõi đời lớp lớp mở ra coi
ngồi soi lại trái tim từng ngây dại
chốn trần gian khép lại một lời thơ

một hôm nọ đi vào say giữa chợ
thở hơi người . ôi người đã rất xa
tóc chưa bạc đã theo ngàn cánh hạc
đã cười vang bên mép gấp trùng lai

TƯỜNG VŨ ANH THY



PHÙNG NGUYỄN

Cao điểm



Đạp thắng xe, chúi mũi! Dòm quanh quất, bực bội! Ngày nào cũng phải đi qua chỗ này mà cứ quên hoài. Không biết bao giờ đường mới sửa xong. Con đường hẹp lại, chỉ còn hai lối xe chạy. Phía bên phải là một đống rào cản, cờ xí, xe tải, xe hủ lô. Con đường bị đào bới, xới tung lên. Những thanh gỗ ghép lại làm thành một chiếc cầu vòng cung bắc chơi vơi trên cao, gie mình về phía con sông cạn khô. Những thanh sắt lớn bằng ngón tay cái nằm ngang dọc trên chiếc cầu gỗ tạm bợ đó, cọc sắt chỉa lên tua tủa trông rợn người.

Chiếc xe nhích lên được vài thước, rồi nằm ì ra đó. Hạ kiếng xe, châm một điếu thuốc. Chiếc xe ở lối bên trái cũng vừa nhích lên ngang tầm. Đứa con gái nhỏ tóc vàng chừng năm sáu tuổi nhìn qua rồi quay lại nói gì với người tài xế. Người đàn bà cũng đưa mắt nhìn qua, quay lại lắc đầu với đứa nhỏ. Cảm thấy nhồn nhột. Đứa nhỏ lại dòm qua! Bực bội dụi mạnh điếu thuốc hút dở vào cái gạt tàn trong xe, càu nhàu: Thì tắt thuốc rồi đó, vừa lòng chưa cô nhỏ? Ba cứ hứa hoài mà không chịu bỏ hút thuốc! Nhắm mắt, thở dài. Kiểu này cũng phải hai

mươi phút nữa mới ra khỏi chỗ này.

*

Cũng phải hai mươi phút mới được kêu đến tên. Con nhỏ phụ trách hồ sơ nhe răng cười máy móc. Ông mang đủ giấy tờ cần thiết? Bản khai thuế lợi tức ba năm vừa qua, cùi ngân phiếu tiền lương hàng tháng, giấy kê khai chi phí sinh hoạt hàng tháng, giấy đóng tiền bảo hiểm sức khỏe cho con... Thêm cái giấy này nữa! Sao tôi đóng tiền răng rắc hàng tháng mà còn bị vụ này nữa? À, tại cái hệ thống máy điện toán, tới ngày tới tháng nó chạy ra. Ngày đó giờ đó ông còn chưa đóng tiền cho tháng tới nên nó đòi ăn chặn tiền sở thuế trả lại cho ông. À, thì ra tại cái máy điện toán, làm như nó chạy mình ên! Con nhỏ cầm cái cùi ngân phiếu, quay lại bỏ mấy con số vào cái máy vi tính của nó, nhấn hai ba cái nút. Rồi, bắt đầu tháng này, đây là số tiền ông phải trả hàng tháng. Trời đất, sao nhiều vậy, lấy gì ăn đi làm? Lấy gì mua quà sinh nhựt, đồ chơi, quần áo mới cho con? Bộ cô không thấy cái tờ giấy tôi kê khai chi phí hàng tháng sao? Cái đó để tôi cất vào hồ sơ, đâu có chỗ nào trong máy để bỏ vào cho ông đâu. Chương trình người ta thảo sẵn ra vậy đó. Đụ mẹ chương trình điện toán! Con nhỏ gườm gườm nhìn lên, tay chỉ vào cái bảng nhỏ đầy lời lẽ hăm dọa trên vách, Ông coi chừng, tôi kêu bảo vệ vào bây giờ. Đụ mẹ bảo vệ, giật lấy tờ giấy có số tiền phải trả hàng tháng quay lưng bỏ đi.

*

Lại nhích thêm được mấy thước về phía trước. Mặt trời đã lên, những tia nắng xuyên qua kính xe làm mắt nổ đom đóm. Bữa hổm cũng vậy, mà lại là buổi chiều. Trong xe nóng nực, ngoài trời nóng nực. Đang lên cái dốc cao nghệu, không dám mở máy lạnh. Thèm thuốc thấy mẹ mà không dám hút. Hai đứa nhỏ ngồi ở băng sau, im thin thít. Con vợ cũ ngồi ở phía bên phải đàng trước, cặp môi mỏng không ngớt uốn éo, âm thanh the thé từ đó tuôn ra liên tục. Tự dưng làm mặt tử tế nhận đưa đón nó chi không biết! Nó nói luôn miệng. Nói đủ thứ. Xỉa xói, cay độc. Chuyện từ hồi tám hoánh, toàn chuyện làm mình khó chịu. Đã vậy lại còn oang oang trước mặt hai đứa nhỏ nữa chớ! Bây giờ mà kêu nó câm cái họng lại thì nó sẽ bù lu bù loa lên cho mà coi!

Xe bò lên gần hết con dốc. Có một miếng đất bằng phẳng bên vệ đường, kế bên cái hẻm núi sâu hoắm, dành cho thiên hạ ghé vào

coi lại nước nôi trong xe trước khi leo dốc tiếp. Bẻ tay lái quẹo vào, tiếng bánh xe trượt lên mặt đá sồn sột. Xe chỉ dừng lại khi mũi xe cách bờ vực chưa đầy một thước tây. Con vợ cũ im bằn bặt. Hai đứa nhỏ im bằn bặt. Chỉ có tiếng máy xe rì rì...

*

Thằng chó đẻ phía sau làm giật mình! Bấm còi eng éc như heo bị thiến. Mà mặt mày nó trông giống heo thực, ú na ú nần. Mày muốn nhanh tao cho mầy ở đó chơi, bật cái đèn báo khẩn cấp chớp chớp là xong ngay. Vậy cũng chưa nhằm gì, hay là cứ rồ ga phóng tới trước thực nhanh rồi đạp thắng lút cán cho mầy đâm vào đít tao, tha hồ mà phân trần. Hay là để tao đâm vào mày vậy. Gài số de, ngẩng lên nhìn con heo trong kính chiếu hậu. Mặt nó đần ra, miệng há hốc, hai tay quơ loạn xạ như muốn cản cái đít xe của mình đang lao ào ào vào cái mũi xe láng o của nó. Mà thôi, tha cho nó. Cũng tại cái đám làm cầu cống đường sá làm ăn chẳng ra gì, cái cầu vòng cung nối qua xa lộ bên kia cứ dậm chân tại chỗ, tua tủa những sắt thép cả mấy tháng nay rồi. Tại sao mình không phóng xe lên đó, tận cái đầu cầu dỡ dang đang soi chiếc bóng lởm chởm của nó xuống lòng sông cạn queo đầy cát xám? Kéo cần số xuống hết cỡ, đạp thắng, rồ ga, nhả thắng, bẻ hết tay lái về phía bên phải. Sắt thép cạ vào lườn xe ken két. Mặc kệ, bò lên tiếp. Xe nghiêng hẳn qua một bên, bánh xe sau nổ tung lên rồi bẹp dí. Thây kệ, ráng lên, còn một chút xíu nữa là tới nơi! Xe dốc ngược, đếch thấy lòng sông cạn đâu hết. Chỉ có nắng sớm, chói chang.

*

Tuần này mình làm gì? Con biết mình sẽ làm gì mà ba! Ba sẽ đưa tụi con đi xem phim đời con bọ. Sao lại con bọ? Con kiến mà. Thì kiến là bọ, ba này! Rồi, kiến là bọ. Rồi mình ghé Starbucks, ba uống cà phê còn tụi con đi chơi trò chơi điện tử, xong mình đi chợ về ba làm đồ ăn cho tụi con. mà ba nhớ làm cái món gì hôm trước ngon hết xẩy! Thì chỉ có một món đó thôi, cái gì cũng bỏ vào lò nướng là được khen ngon hết xẩy. Rồi mình làm gì nữa? Đi mua đồ. Con muốn đôi giầy. Con muốn cái CD N'Sync. Cái này... cái này... Với lại mấy đôi vớ cho ba. Vớ ba lủng hết trơn mà không chịu bỏ đi cho rồi... Ba này thiệt!

*

Ông có sao không? Viên cảnh sát công lộ nghiêng người trên



HUỲNH MẠNH TIÊN

Cá mè nước mắm me

Lửa bé le te chui lòn lỗ vỉ
pháo than hồng rỉ rả hội khói hun
thân cá nướng lè phè hành hẫng hẹ

đầu đũa tre tấn nhẹ
tôi nhoen nhoẻn" "ậy! ai đè!"
thanh tre nẹp   nẹp kẹp dẹp
em với tôi cá mè đồng bọc lũ
bơi ngược mùa thơ
tìm vú mẹ hút hun

nước mắm me nước mắm me
"cá mè đè cá chép"
ai hát bè   giá họa
mút mùa me

HUỲNH MẠNH TIÊN

chiếc xe máy dầu, khuôn mặt lộ vẻ quan tâm. Tôi không sao. Ông chắc là ông không sao chứ? Nhất định rồi, tôi không sao mà. Vậy thì đi tới đi! Liếc nhìn lên kính chiếu hậu, khuôn mặt ú na ú nần của con heo bây giờ trông có vẻ cam chịu. Nhả thắng, đạp chân ga nhẹ nhàng. Xe rùng lên, tiến về phía trước. Ông có một ngày tốt đẹp, tiếng viên cảnh sát đuổi theo. Tất nhiên rồi, mình sẽ có một ngày tốt đẹp. Hôm nay thứ Sáu mà. Tốt hơn ngày thứ Năm, ngày thứ Tư, ngày thứ Ba, ngày thứ Hai. Bởi vì ngày mai mình có công việc để làm. Ngày mai đưa tụi nhỏ đi xem phim đời con bọ. Với lại còn phải nhờ tụi nhỏ chọn mua mấy đôi vớ, vớ lủng hết rồi.

PHÙNG NGUYỄN
Tháng tư 1999



TRẦN MỘNG TÚ

Người câu ở sông nào

Tôi máng nỗi buồn nhẹ
Trên một sợi dây cung
chữ nhẹ có dấu nặng
Nên sợi dây cung chùng

Tôi gánh nỗi buồn nặng
Trèo lên một đỉnh đồi
Lưng chừng nỗi buồn ngã
Lăn xuống đáy hồn tôi

Tôi quấn nỗi buồn cong
Vào vòng tròn cuộc sống
Chữ cong không có dấu
Nỗi buồn như nỗi không

Buồn tôi như dấu sắc
Ngắt câu rất mơ hồ
đặt vào không đúng chỗ
Nên nỗi buồn làm thơ

Buồn tôi như chữ tình
Ai viết trên lưng gió
Dấu huyền sẽ bay đi
Căn lều tôi cửa ngỏ

Có người níu áo hỏi
Dấu nỗi buồn ở đâu?
Dấu hỏi như dấu móc
Buộc đầu sợi dây câu

Tôi là con cá nhỏ
Người câu ở sông nào?

TRẦN MỘNG TÚ (3/99)



MIÊNG

Ai thương



Bây giờ thì tôi thức dậy với cái đánh thức nhẹ nhàng của người đàn bà. Chị thường bảo nhìn tôi ngủ rất dễ thương nhưng chị thấy cô đơn. Chẳng như hồi xưa anh ấy thường đánh thức tôi vũ bã7o : Dậy. Giàu đâu đến kẻ ngủ trưa, sang đâu đến kẻ say sưa tối ngày. Dậy. Anh dậy sớm mà vẫn không giàu, không say sưa mà chẳng sang chút nào. Được cái bảnh trai, mắt ướt môi mọng. Bà chủ thì bảo mặt anh trông điếm.

Anh thức ngủ theo giờ giấc loài gà. Đêm nào muốn thức với nhau, anh phải uống hai ly cà phê đen. Sau mỗi đêm thức, anh thường đòi làm đám cưới, bảo là đã tìm ra người đàn bà đời mình. Nhưng thỉnh thoảng vẫn nhắc đến cô bồ cũ và câu ca dao chín con chưa gọi rằng chồng, rằng anh em như tay chân vợ chồng như quần áo... làm tôi khựng.

Chúng tôi sống với nhau như những cành tầm gửi, không đứa nào là thân cây chính. Nhưng xa nhau không nổi. Xứ này một năm thời tiết vui vẻ chỉ có ba bốn tháng. Tôi sợ một mình. Hôm tình cờ gặp nhau khu chợ Tàu, cô bồ cũ anh thản nhiên mời tôi vào tiệm ăn trưa. Thản nhiên tới nỗi tôi không dám từ chối. Tôi lúng túng với đôi đũa vì mang mặc cảm mình đang đầm ấm với người xưa của chị, trong khi chị lại thui thủi một mình. Chỉ khi xong bữa ăn, tôi mới hiểu là chị bỏ anh hay những vị đàn ông trước đó vì chán, lại bỏ thêm thằng bồ Tây sau

anh cũng vì chán. Như thể chị tìm kiếm hoài mà người đàn ông đời chị cứ trốn chui trốn nhủi xó xỉnh nào hoặc dám chưa ra đời. Tôi thấy chị may mắn sung sướng quá, tha hồ cứ lựa xong lại chán bỏ. Nếu chị không chán hẳn có người mang trầu tươi rượu ngon tới thỉnh về.

- Có hạnh phúc không ?

Tôi không biết trả lời sao. Có cũng không hẳn đúng mà không cũng chẳng sai.

- Đều đều hai ly cà phê đen không ? Và tìm ra người đàn bà lý tưởng ?

Tôi cho như vậy là ác miệng, là muốn phá thối niềm kiêu hãnh của mình, nhưng vẫn cười. Chị nhìn tôi cười thẳng thắn. Người đàn bà này có cái gì làm tôi rất thích. Chả trách anh vẫn còn lưu luyến.

Tôi không kể anh nghe buổi gặp gỡ ấy với cái nháy mắt chia tay lúc ra khỏi tiệm ăn. Có cái gì đồng loã ngầm giữa hai đứa quen hơi một thằng đàn ông mà không ghen tị. Sau đó chị thường điện thoại rủ nhau ăn trưa. Không có gì phải khai ra với ai, nhưng sao cứ như lén lút.

Rồi anh muốn về Việt Nam vì sở gửi đi. Anh nói là sống ở Việt Nam mà ăn lương Tây thì như vua. Em về với anh đi, khỏi phải làm công, mà làm bà. Chỉ cần ở nhà lo cơm nước cho anh. Không chừng cứ ngày ngày ra tiệm kéo ghế vì rẻ, lại ngon. Em vẫn thèm như vậy mà ? Tôi ngần ngại. Chín con chưa gọi rằng chồng mà ! Lại là thời buổi Việt kiều đang có giá, ông nào về cũng được các cô mơn mởn ve vãn. Bà nào cũng bị mất chồng mất bồ dễ hơn mất ví - rồi tôi sẽ ra sao ? Bà chủ khuyên không nên cho anh về. Mà tôi thì quyền hạn gì. Vẫn cứ phân vân. Chỉ có chị là khuyên nên để lủy đi đi, cho yên thân (cứ như thể lủy phiền hà tôi lắm vậy !).

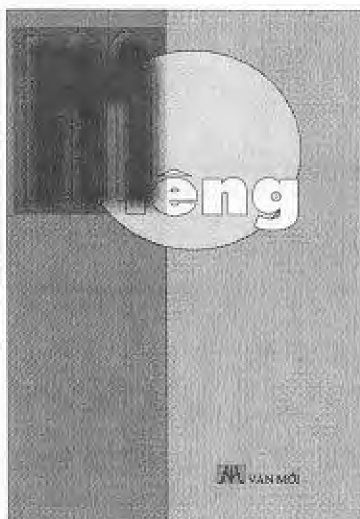
Buổi chia tay cũng bịn rịn như những cặp vợ chồng chân chính. Anh hứa khi nào thu xếp xong xuôi bên ấy thì tôi về, ta về ta tắm ao ta. Sở gửi đi chỉ hai năm chớ sau đó có thể gia hạn nếu muốn. Anh hứa thỉnh thoảng trở qua Pháp thăm tôi, người đàn bà đời anh. Tự nhiên tôi thấy có gì không ổn. Chắc chỉ vì mỏi mệt. Hay do những cái mà bà ngoại vẫn gọi là "linh tính" ? Cái thứ con hoang như mày ấy mà, chẳng hy vọng gì được ăn miếng trầu héo uống miếng rượu nhạt đâu. Lớn lên cứ đứa nào nói thương thì theo nó, đừng hòng ai mang trầu rượu. Tôi thường hỏi mẹ con hoang là gì. Mẹ làm thinh giây lâu, xong chỉ tay lên trời, bảo con hoang là con của trăng. Cha tôi thỉnh thoảng mới xuất hiện và chẳng bao giờ về nhà chơi với tôi như cha lũ bạn cùng xóm. Khi tôi giới thiệu cha, tụi nó trầm trồ cha mày sáng trưng, cha mày đẹp quá, mày sung sướng quá, mà sao cha mày ở chi tuốt trên cao vậy, sao không về. Người lớn thì cười. Rồi mẹ một hôm theo cha, cũng không

bao giờ về với tôi và ngoại. Tôi hỏi nếu cha là trăng, thì mẹ là cái gì, có ở cạnh cha không. Ngoại lặng người, không trả lời. Rồi ngoại cấm tôi khóc hỏi về mẹ. Và cho đến ngày mất, ngoại vẫn mang trong lòng nỗi thương khắc nghiệt và niềm hận tôi vì sự "dại dột" của mẹ. Lớn lên tôi mới hiểu là ngoại nát cả lòng.

Tôi đi theo người đàn ông thứ nhất vượt biên. Tới Pháp, anh bảo em triệt sản đi, anh không muốn có con nữa. Chẳng biết anh nói gì với bịnh viện. Người ta đưa tôi lên bàn mổ rồi hai tuần sau thì thả về. Ba năm sau anh bảo lãnh vợ con qua, may là tôi tìm được chân bán hàng. Rồi tôi gặp anh khách bảnh trai mắt ướt môi mọng. Bà ngoại vẫn bảo đứa nào nói thương thì cứ theo nó, anh nói anh thương, tôi theo...

Tháng đầu anh đi, chị và tôi gặp nhau tuần hai lần. Tháng thứ hai, chúng tôi gặp nhau tuần ba lần. Tháng thứ ba anh bắt đầu vắng tin tức, tôi vẫn còn khóc, (không, khóc nhiều hơn chứ, vì biết là đôi mắt ướt đã nhìn đôi mắt khác, cặp môi mọng đã hôn đôi môi khác), chị bắt đầu qua đêm trong căn phòng chật chội của tôi. Đêm đầu tôi nhường giường cho chị. Đêm hai chị bảo tôi cùng nằm, âu yếm vuốt tóc tôi. Đêm ba giữa đêm tôi thức giấc, mơ hồ cảm giác tay anh sờ soạng khắp người. Đêm tư tôi bẻn lẽn như cô dâu mới về với chồng. Đêm năm nhớ tới lời ngoại dặn: đứa nào nói thương thì theo nó đi, đừng hòng ai mang trầu rượu...

MIÊNG
Paris, 02 Janv., 1999.





HUỲNH LIỄU NGẠN

Hôm qua

đêm dài thở bóng trăng đưa
sầu tôi con nước xế mùa trôi xa
hôm qua bước xuống hiên nhà
thấy nguyên một nét nguyệt tà đầy sân.

Hôm nay

nghe chiều quạnh vắng bên hiên
em qua giỡn bóng ngày nghiêng xuống rồi
tôi ngồi với buổi chiều trôi
trăm năm hoài nỗi đơn côi lớn dần.

Mai sau

đêm mưa đợi một khung trời
biết về đâu một quãng đời quạnh hiu
chắt chiu cả một buổi chiều
buâng khuâng anh ngó rất nhiều mây bay
hỏi em sông nước vơi đầy
để ai đợi gió rung cây đổi mùa

mai sau thầm lặng bên chùa
anh nhìn dương thế cợt đùa mà vui.

HUỲNH LIỄU NGẠN



NGUYÊN HƯƠNG

Mẹ con Đậu Đũa



LTS: *Truyện ngắn dưới đây của tác giả Nguyên Hương (trong nước), không phải Nguyên Hương (Canada), hay nhà văn Nguyễn Hương (Mỹ)*

Hợp Lưu

Cuộc thi bé khỏe bé ngoan bắt đầu bằng việc xòe bàn tay. Một cậu bé nhất định giấu tay ra sau lưng.

- Cháu sao vậy? - Tôi hỏi.

-Thưa cô, sáng nay má cháu đang cắt móng tay cho cháu thì có người hỏi mua lúa, nên...

- Vậy còn mấy ngón chưa cắt? - Tôi hỏi thật nghiêm trang.

- Du hích vai tôi:

- - Vừa phải thôi, bộ mặt hình sự của mày làm các cháu chết ngất bây giờ.

- Đã gọi là thi thì phải tuyệt đối - Tôi trả lời Du bằng mắt và ra hiệu cho cậu bé xòe tay. À, chẳng những móng tay dài mà còn dính gì đó nâu nâu.

- Thưa cô không phải đất! - Mũi cậu bé đỏ lên.

- À, sôcôla... Vậy thì... tôi ra lệnh:

- Cháu há miệng ra.

- Một hàm răng sâu.

Tôi nguệch một điểm hai.

Du lắc đầu:

- Trời ơi, mày làm như khám tuyển tiếp viên hàng không vậy. Giám khảo nào cũng như mày thì cuộc thi bể mất.

- Phải có một tuyệt đối trên đời này, đó là sự công bằng trong thi cử - Tôi trả lời.

- Lý sự cùn! - Du cáu kỉnh.

- Sự trong trẻo trong tâm hồn các cháu có còn giữ được hay không là do chính cách cư xử của chúng ta.

- Cái con khỉ! - Du lườm lườm.

Tôi bật cười, Dư cũng cười theo dù hơi nhăn nhó. Đến phần khám tai, các cô bé nghiêng nghiêng đầu chìa ra những đôi bông toòng teng.

Một bà mẹ nói như rên:

- Trời ơi, sáng nay tôi quên ngoáy tai cho nó.

Một người khác:

- Mua cái áo đầm ren với đôi giày cho con hết mười ký đậu và tiền xe đi chợ phố mà không đoạt giải thì uổng quá.

- Cô ơi, cô có con chưa?

- Phớt tỉnh trước câu hỏi ấm ức, tôi ra lệnh cho các thí sinh cởi giày để khám vệ sinh chân.

- Thúy ơi! - Du la lên bên tai tôi - Sau các cháu còn đến phần các bà mẹ thi nữa. Mày làm họ sợ quá không dám thi bây giờ.

- Nếu không chuẩn bị tốt thì không thi cũng đúng thôi - Tôi cau mày, bắt đầu thực sự khó chịu. Nếu không vì nể Du, cô bạn phụ trách công tác phụ nữ, thì bây giờ tôi đang ở nhà. Một ngày chủ nhật nghỉ ngơi thư giãn, vừa nhấm nháp bánh qui vừa xem ti vi hoặc nghe nhạc. Chạy xe suốt tám mươi cây số đường nắng lại đến cái xã heo hút này không phải để làm giám khảo hờ cho vui.

- Ơ.... gì đây? Tôi ngẩn ngơ trước một cô bé đẹp như tranh nếu không kể bộ áo quần lòe loẹt và vô số đồ trang sức bằng nhựa lủng lẳng khắp người.

- Trên sân khấu bằng gỗ dựng vội vàng trong khoảng đất trống bên cạnh ủy ban, giữa những tấm phông màu sắc lì lì buồn buồn, giữa tiếng nhạc rè rè phát ra từ cái cassette cũ kỹ... cô bé mở to đôi mắt nâu trong trẻo nhìn tôi, sống mũi thanh tú và đôi môi hồng mịn như cánh sen. Tim tôi đập nhanh không duyên cớ.

- Cháu kính chào cô! - Giọng cô bé thanh thanh ngòn ngọt.

- Tôi cắn môi, thấy lòng chùng lại mà không hiểu vì sao.

- Cháu tên gì?

- Thưa cô, cháu tên Đậu Đũa.

Tôi phì cười.

Du lầm bầm:

- Hy vọng tên con bé này khiến mày rộng rãi được một chút.

- Ai đặt tên cho cháu? - Tôi buột miệng hỏi một câu không dính dáng gì đến cuộc thi.

- Dạ thưa cô... dạ, tôi... - Người đàn ông cao lêu khêu, bộ quần áo lao động lốm đốm dấu đất. Ông đi lên sân khấu, từng bước ngượng nghịu về phía cô bé, tay khum khum gỡ cái mũ lát rộng vành ra khỏi đầu. Rõ ràng ông rất lóng ngóng e dè, rõ ràng ông không muốn đứng cao hơn mọi người như thế này và nhất là đối mặt với một giám khảo lạ hoắc và khó tính như tôi, rõ ràng ông muốn ngay lập tức chạy biến đi về cầm cuốc còn dễ chịu hơn... Nhưng ông đã bước lên, tiến đến gần con gái, đứng sát cạnh và sẵn sàng che chở như một con gà xù cánh bảo vệ gà con.

- Ba lên đây làm gì? - Đậu Đũa phụng phịu. Vòng hoa tai màu đỏ to bản lúc la lúc lắc.

- Ba... ừ... ba... - Người cha vội vàng lùi lại một bước. Rồi ông nhìn tôi nhoẻn một nụ cười mộc mạc phân trần - Nó không biết trả lời câu hỏi của cô đâu. Dạ nó thích đi thi quá nên tôi chìu... Hồi đó, hồi mẹ nó mang bầu nó, nhà không có gạo ăn, toàn ăn đậu luộc chấm muối mà đẻ ra được nó đó cô.

- Ông nhìn con gái một cách tự hào.

- Ba xuống đi! - Đậu Đũa xua tay lia lịa, những vòng đủ màu trên tay khua lanh canh.

- Ờ... để ba xuống. Cô còn hỏi gì cháu nữa không cô?

Tôi im lặng. Du thì thầm:

- Làm ơn hỏi một câu thật dễ.

Một cách vô thức, tôi cầm một chữ cái bằng giấy cứng giơ lên.

- Thưa cô chữ O!

Du thở phào. Tôi hạ bút viết điểm sáu, điểm cao nhất trong các cô bé.

*

Phần thi của các bà mẹ thật sôi động. Các cháu nhấp nhỏm lo lắng và cùng bàn tán lào xào. Có cháu la to:

- Cái áo mới của mẹ tao đẹp nhất.

- Con đừng nói “áo mới” mà phải nói là “trang phục” mới đúng

- Người cha nhắc nhở.

- Người phụ nữ ửng hồng đôi má quay lại nhìn chồng con. Tôi nhìn quanh. Hầu như ai cũng mặc áo quần mới. Cuộc thi này đã khiến các bà mẹ bỏ công việc ruộng rẫy bao nhiêu ngày để đi ra chợ phố chọn vải may áo mới? Và như bao nhiêu phụ nữ bình dị khác, đã sắm cho mình thì chồng con ắt cũng phải có. Và thôi, đã đi phố thì mua về cho cho chồng con thức ăn ngon cho bõ những ngày khoai sắn quen thuộc. Vỏ thuốc lá ngoại, vỏ giấy gói bánh kẹo Thái Lan, Trung Quốc vứt đầợy sân bãi... Bao nhiêu đậu mè chắt chiu đã bán đi cho một cuộc thi như một lễ hội điểm xuyến cuộc sống bình lặng làng quê? Những ông chồng nửa tự hào nửa lúng túng đứng quanh đây chờ vợ con đi thi về ai sẽ là người hạnh phúc nhất sau cuộc thi này?

Tôi nhìn bảng điểm của Du, có khá nhiều điểm cao. Tôi chợt hiểu Du hơn.

Mẹ bước lên sân khấu hồi hộp hơn con, có người run đến nỗi mồ hôi ướt đẫm tóc nhỏ xuống trán. Có mẹ đỏm dáng hơn con, cái áo đỏ rực thêu rồng phượng lộng lẫy... Tôi lắng nghe, lòng tự nhủ sẽ cho điểm nới tay hơn cho dù câu trả lời có ra sao.

- Chị nghĩ thế nào là một gia đình hạnh phúc?

- Gia đình hạnh phúc là ông chồng không uống rượu!

- Nếu căn cứ vào đáp án để chấm điểm thì người phụ nữ này không được điểm nào cả. Tôi chờ đợi... cây bút trên tay Du ngần ngừ, tôi cũng ngần ngừ... Không giống đáp án, phải, nhưng hạnh phúc có khi chỉ giản dị thế thôi.

Áo xanh hoa trắng, áo tím hoa vàng, áo hồng, áo màu hoa cúc... Những phụ nữ xúng xính áo mới lần lượt bước lên sân khấu, biến những câu trả lời luân lý trong đáp án thành trang giấy trắng.

- Khi chồng chị nổi nóng, chị cư xử thế nào?

- Nhờ trời thương, chồng tôi hiền lắm. Lấy nhau mười năm nay chưa hề nói nặng với tôi một câu.

- Khi con chị với con hàng xóm gây gổ, chị cư xử thế nào?

- Dạ... thì để hàng xóm khỏi xích mích, đắt con mình về đánh một trận trước, phải trái tính sau.

- Nếu gia đình bên chồng gặp khó khăn cần giúp đỡ, chị cư xử thế nào? Tại sao?

- Dạ... thì mình phải giúp chứ sao không? Tại vì mình cũng có con trai...

- Mỗi câu trả lời đều nhận được những tràng vỗ tay và tiếng cười rung cả sân khấu. Toàn ban giám khảo cũng bật cười rộ. Tôi hỏi Du,

lòng thực sự bối rối:

- Chấm điểm sao đây?

- Cứ chấm đại đi - Du nguệch lia lịa những con số hào phóng.

- Ai là mẹ của bé Đậu Đũa? Tôi kín đáo quan sát. Cô bé không hề giống ba, nhưng cũng không bà mẹ nào có khuôn mặt hao hao cô bé cả. Ai? Bà mẹ nào đã chọn cho con một bộ váy áo kỳ khôi như vậy? Cái áo diêm dúa thùng thình lua tua ren, váy màu đỏ, giày màu cam. Màu sắc trên người cô bé là một sự phô trương chói mắt đến buồn cười.

- Ai? Tôi nhìn đến dãy ghế xa nhất. Chỉ còn hai bà mẹ đang hồi hộp đợi đến phiên mình. Một trong hai, ai là người sinh ra một đứa con xinh đẹp đến vậy? Tôi nhận ra mình đang sốt ruột một cách khó hiểu. Bỗng nhiên tôi muốn cả hai mẹ con Đậu Đũa đều đoạt giải, ít nhất là giải khuyến khích. Nhìn những tờ giấy gấp tư trên khay nhôm, tôi chợt hồi hộp.

- Kính mời mẹ của bé Đậu Đũa.

Không ai trong hai người phụ nữ nhúc nghích cả. Tôi ngạc nhiên chờ đợi.

- Và...

Du bấu vai tôi:

- Cho ông ta bốc thăm lại nghe Thúy?

- Tôi ngồi như pho tượng. Người cha ngượng ngùng xọc tay vào túi quần, lom khom tấm thân lêu khêu như muốn trốn. Tiếng rì rào phía dưới lắng dần rồi tất cả lặng im, tưởng như có thể nghe thấy tiếng bụi bay.

- Một đám bùng nhùng sặc sỡ chạy lên sân khấu, dải nơ to bảng ngang lưng bay phớt phơ như hai lá bùa, cái kẹp bướm màu lục rung rinh trên chùm tóc ngắn củn như đuôi gà con.

- Ba ơi, ba đừng sợ...

"Có con đây". Tôi chợt nghe Đậu Đũa nói nốt phần còn lại, nhưng đụng phải ánh mắt tôi, cô bé im bặt lè lưỡi bước lùi.

- Ờ... ba đâu có sợ! Thưa... hồi đó... mỗi khi cho cháu bú, tôi rửa bình sạch lắm. Dạ... thì cũng nhìn người ta rồi bắt chước. Tôi ngâm núm vú bằng nước sôi... rồi thì... pha đúng như bà bán sữa bày cho... Trong tháng là muỗng rưỡi sữa với chừng này nước - Ông đưa ngón tay ra dấu - Rồi ra ngoài tháng tăng dần dần. Đêm dậy buồn ngủ mấy tôi cũng vẫn nhớ súc bình... Tôi pha bao nhiêu cháu bú hết bấy nhiêu, không để cháu bú sữa nguội bao giờ. Dạ... hồi đó cháu đái dầm ghê lắm... thay tã hoài...

Người đàn ông bước từng bước, vẫn từng bước ngượng nhhịu

lóng ngóng, vừa sẵn sàng bỏ chạy vừa sẵn sàng đương đầu. Tiếng vỗ tay rào rào nổi lên. Tôi chưng hửng. Du nói khe khẽ:

- Xin mày hãy rộng lượng với người này.

- Ông ta là... đàn bà à?

- Không! - Du chợt sững sờ nhìn tôi - Nói năng gì lạ vậy?

-...

- Vợ chết vì kiệt sức sau khi sanh con, một mình ông ta, chỉ một mình ông ta nuôi con từ lúc còn oe oe.

- Vừa nhìn bàn tay thô kệch của người cha run run bốc thăm câu hỏi, Du vừa tiếp tục kể:

- Vợ ông ta đẹp lắm, cô ấy đã từ chối lời cầu hôn của Chủ tịch huyện để làm vợ người này.

- Phân vân thật lâu, cuối cùng người cha bốc một tờ giấy mở ra; giọng ông lạc đi đến nghèn nghẹn: “Trước khi cho con bú, người mẹ phải làm gì?”

- Nắng xiên qua tấm phông đổ trên sân khấu một vạt nắng lún phún bụi. Tôi nghe hơi thở Du nóng hổi bên tai. Người cha vò vò cái mũ, những sợi lác nhàu, gãy rơi xuống sân khấu như những khe hở trên một bức tường cũ.

- Thưa quí cô... cháu nó ham đi thi quá nên tôi... Du dằng bảng điểm trước mặt tôi viết thật nhanh điểm mười.

- Những gói phần thưởng bao giấy màu đặt trịnh trọng trên bàn, phần thưởng cao nhất là một xấp vải áo dài màu biển.

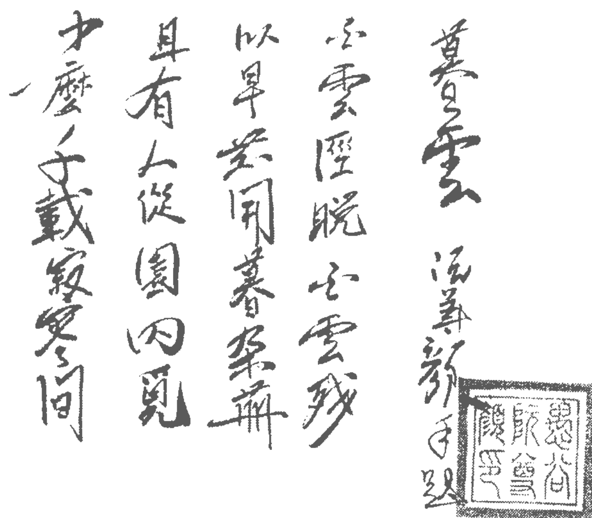
- Tôi nhìn Đậu Đũa đang nôn nao đợi ba, hình dung đến một ngày cô thiếu nữ thướt tha trong màu áo xanh.

NGUYÊN HƯƠNG



NGUYỄN TÔN NHAN *thủ đề*

Mộ vân



Bạch vân kính vãn bạch vân tàn
Tợ tảo hoa khai mộ đóa san
Thả hữu nhân tòng viên nội mích
Thiên ma thiên tải tịch liêu gian

Mây trắng đường quanh mây trắng tàn
Như hoa nở sớm, tối vội tàn
Chẳng ai tìm mãi trong vườn ấy
Cứ cho hoang vắng một ngàn năm

NGUYỄN TÔN NHAN
Saigon 4/1999



CHÂU GIANG

Chợ Tình



Hai bà cháu ở trong căn nhà nhỏ. Mái lợp gianh, tường đắp bằng đất, bốn bề trồng đầy rau và cỏ dại. Ngôi nhà nằm lặng lẽ trên đồi cao bốn mùa phủ sương và mưa gió. Từ ô cửa treo tấm màn màu cháo lòng nhìn ra một Sapa tỉnh lẻ buồn và lạnh giá, ngày ngày bà đứng chờ con gái về.

Cái ngày đó cách đây đã lâu lắm rồi. Trong ký ức của bà mọi thứ trở nên nhạt dần, nhưng riêng ngày đó thì bà nhớ mãi. Con gái bà sửa soạn quần áo cho vào cái vali màu nâu đã sờn hết góc, thỉnh thoảng lại ngơ ngẩn khóc. Bà ôm đứa cháu ngoại vào lòng hỏi khẽ: "Bây giờ con lại đi đâu?" Con gái gượng cười: "Mẹ nuôi cháu giúp con. Chừng nào tìm được chồng, con về." Bà âm thầm nhìn con, đau từng khúc ruột nhưng bà không biết nói gì, cũng không biết điều đó đúng hay sai. Đầu óc bà đặc lại. Bà chép miệng: "Con định đi đâu?" Chưa kịp trả lời, nó đã đi tới trước. Nó đi xuống đồi, lưng áo bộ đội bạc phếch, ba lô con cóc đeo lủng lẳng trên tấm lưng gầy. Nó trở nên lạc lõng giữa bốn bề phủ xanh và những vồng cải vàng rực. Bà gọi với theo: "Nhớ về con nhé" và chợt giật thót mình khi nhận ra lời nhắn như rơi lọt thỏm vào không khí, bị sương mù ùn lên lấp kín lưng.

Bà quay vào nhà nhìn cháu ngoại đang khóc ngằn ngặt đòi mẹ,

cay đắng. "À... ơi... Gió đưa cây cải về trời... à... à... rau răm ở lại chịu đời đắng cay..." Bà rơm rớm nước mắt: "Cha bố mày, mẹ mày bỏ đi theo giai rồi. Chỉ còn hai bà cháu mình với nhau thôi. Ngoan nhé, bà thương. Chứ làm thân con gái cực khổ trăm đường, con ơi." Bà lại tẩn mẩn nghĩ, không biết con gái bà định đi đến đâu. Thành phố biết bao nhiêu cám dỗ. Chiến tranh biết bao là đe dọa. Thằng bố của đứa bé này, nghĩ dại, có khi đã mồ yên mả đẹp ở nơi nào đó rồi. Biết đi đâu mà tìm.

Con gái bà biệt tăm. Thời gian vẫn đều đặn trôi qua trên tuổi già của bà, ngày một nhanh hơn. Dưới chân đồi người ta xây những ngôi biệt thự sang trọng, trồng thêm nhiều thông và hoa tầm xuân, đóng thêm nhiều cọc gỗ treo biển nhà cho thuê, quán ăn, khách sạn. Bà ít xuống chợ dần, chỉ ở nhà chăm bón bó rau cho con cháu xuống chợ bán.

Buổi chiều, cháu gái về, quẳng phịch chiếc gùi vào góc bếp, phụng phịu: "Sao người ta gọi cháu là con hoang?" Bà thót người, vội kéo cháu ngồi xuống bên bếp lửa vỗ về: "Bậy nào! Cháu có cha, có mẹ. Cháu mới gọi bà là bà được chứ." Cháu gái nghi ngờ: "Thế mẹ đâu? Bố đâu?" Bà đưa đôi mắt đục lờ nhìn xa xăm: "Họ xuống xuôi làm giầu rồi. Chừng nào giầu họ lên đón cháu về." Bà lại thầm nghĩ: "Nhưng mà bây giờ chúng nó ở đâu?" tay cầm que cời than run bần bật. Cháu gái xoa đôi má đỏ hồng, hít hà: "Ngoài trời lạnh quá bà ạ." Bà nghểnh tai nghe. Gió thổi rít từng hồi quanh mái gianh, qua những gốc đào. Một lúc mưa rơi lộp bộp nặng dần như ai ném đá ngoài sân. Cháu gái bảo: "Mưa đá. Mai trời nắng lắm đấy." "Ừ - Bà lo âu - Nhưng hỏng rau mới đào hết." Cháu gái nói: " Dưới phố thế nào hả bà?" Bà im lặng một lúc. Bà nhớ hồi con gái, ông chở bà đi khắp Hà Nội trên chiếc xe đạp cổ lỗ. Những phố nhỏ cũ kỹ và yên tĩnh. Sau này bà đưa con gái xuống xuôi, tiễn nó đi bộ đội. Bà lẩm bẩm: "Có gì đâu, chỉ toàn người với xe. Buồn lắm cháu ạ! Bà cháu mình ở thế này sướng nhất." Bà quay lại thấy cháu gái nghẹo đầu ngủ, mắt khép lại, hai khóe miệng nhếch lên nụ cười ngây thơ còn đọng đầy nước mắt. Bà lau mặt cho cháu, khe khẽ thở dài. Ngoài trời mưa đã tạnh. Tiếng côn trùng râm ran sau những luống cây buồn nẫu cả lòng.

Ông chủ tịch xã đi vòng quanh nhà, chỉ cái này bảo cái nọ rồi ngồi phịch xuống chiếc ghế đẩu kê trên cái bàn gỗ mục thấp lè tè, tợp một ngụm nước chè. "Chuyện thế này bà ạ - ông căng người, kín đáo quan sát nét mặt bà - Hừm nước chè của bà ngon quá. Tôi muốn nói cái gì nhỉ? À, thế này. Có vài đứa sinh viên ở xuôi lên thực tập để vẽ vời gì ấy mà. Tôi thấy nhà bà rộng lại neo người - Ông ề à, cố gắng làm ra

vẻ quan trọng. Cặp kính lão tụt lên tụt xuống trên chóp mũi - Nên tôi cứ bố trí trước. Không biết ý bà thế nào?" Bà thở phào. Gớm ông này cứ làm bà thon thót cả người. Tưởng chuyện gì, chứ cái chuyện ở nhờ của bọn trẻ càng làm bà vui thêm cứ sao. Cháu gái của bà có dịp quen biết người ta. Nhưng bà vẫn thấy hơi tưng tức. Vì ông chủ tịch đặt bà vào chuyện đã rồi, hệt như chồng bà ngày xưa và con gái bà, toàn chuyện đẩy bà vào chỗ yếm thế. Cả đời, hình như chẳng có gì là của bà, là do bà quyết định cả. Bà nói mát: "Sao không báo tôi trước - Rồi nhỏ nhẹ - Để tôi chuẩn bị." Ông cười hề hề, những mụn cá trên mặt từng lúc lại đỏ tấy lên vì lạnh.

Khoảng hai ba giờ chiều, sương mù vừa loãng ra đã ùn ùn đổ tới một lớp dày đặc khác. Cháu gái đi chợ về kéo theo hai đứa con trai và một đứa con gái rất xinh với lủng củng bao nhiêu túi xách. Ngôi nhà nhỏ bé căng nứt những tiếng ồn ào của gió lạnh từ ngoài tràn vào. Chúng nó vây lấy bà. Cậu bé đeo cặp kính cận sề sệ trên chóp mũi, bảo: "Bà cho chúng cháu ở nhờ nhà." Bà hiền lành: "Tôi chỉ sợ các cô các cậu chê nhà xấu." Chúng nó cười. Đứa con gái bảo: "Con là Linh kia là Hiền. Còn anh đeo kính trắng là Danh." Linh nhìn ngó một lúc, rồi bảo: "Bà ngồi ở chỗ này, tư thế này đẹp quá. Để chúng con vẽ chân dung bà." Chúng nó mở túi lấy giấy, lấy màu bày khắp ra nhà. Bà ngồi ngượng nghịu, tay đặt lên đùi run run. Cháu gái đi vòng quanh nhà, lâu lâu ghé mắt qua xuýt xoa: "Bà đẹp quá, giống quá." Bà nhìn chúng nó thấy tủi thân cho cháu gái. Lớn bằng này mà chưa ra khỏi Sapa, ngờ nghệch đến tội nghiệp. Lớn bằng này mà chưa biết tý gì về đời sống cả.

*

Cháu gái dắt mấy đứa nhỏ đi về suốt ngày. Một mình bà ra vào thui thủi. Buổi sớm bà vẫn đứng ở cửa nhìn xuống chân đồi đầy thông và cỏ dại, đợi cháu gái về. Bà nghĩ là mình đã không còn khóc được nữa.

Được khoảng hai tuần, chúng nó than nhớ nhà. Linh cầm một xấp thư ra đọc. Cháu gái mon men lại gần: Thư ai nhiều thế, chị Linh." Linh tự hào: "Đây là thư mẹ, đây là thư bố," mắt cháu gái thẫn ra. Nó bảo: "Em chưa bao giờ nhận được thư ai cả." Danh cười, không biết đùa hay thật: "Thế thì lúc nào về anh sẽ viết thư cho em. Muốn thế nào? Tuần một lá thư hay nhiều hơn?" Hiền tủm tỉm: "Đừng tin nó.

Thằng ngày xạo lắm." Cháu gái cười mơ màng. Tưởng tượng một ngày kia cũng cầm một xấp thư như Linh bây giờ.

Tối thứ bảy cuối, Danh đi chơi với cháu gái khuya mới về. Bà nằm ngủ lơ mơ trong buồng, nghe tiếng kẹt cửa đã tỉnh ngủ hẳn. Cháu gái chui vào chăn, áp khuôn mặt lạnh ngắt người bà. Bà khẽ giật mình: "Cha mày, đi đâu về khuya thế con?" Cháu gái mơ màng: "Trời đẹp lắm ạ! Đêm nay rằm, có trăng. Chúng con xuống chợ tình xem người Dao kéo nhau. Rồi đi dạo khắp nơi." Cháu gái thật thà: "Anh ấy hôn con và bảo yêu con. Liệu có tin được không bà?" Bà khẽ thở dài: "Coi chừng con ạ!" Bà định nói thêm mấy câu, đã nghe tiếng ngáy nhè nhẹ của cháu gái. Từng làn hơi phả vào gáy bà ấm sực. Bà lồm cồm bò dậy, vạch cửa nhìn ra ngoài. Trăng rọi mát lạnh, xanh như miếng thép bạc vào phòng, không ngủ được, bà ngồi nghĩ ngợi lung tung. Thấy tội thân bà, thân con gái bà, bây giờ đến lượt cháu gái. Cả đời khổ vì tình, lụy vì tình. Xa xôi cách trở thế, dần rồi cũng nhạt cả thôi. Xem cung cách của thằng Danh chẳng có gì ràng buộc nó được.

*

Hai ngày sau đám sinh viên về lại Hà Nội. Danh tặng lại cháu gái bức họa vẽ chân dung cô đầy vẻ đắm đuối bằng màu nước, ngồi bên con đường mòn phủ đầy cỏ dại, mắt môi rạng rỡ. Cháu gái lặng lẽ đóng khung treo trang trọng trên đầu giường. Ngày ngày xuống chợ bán rau cô lại ghé qua bưu điện, nhìn người nhân viên to béo soạn thư từ chiếc thùng màu vàng nhạt và chờ đợi ông ta gọi tên mình. Nhưng không có gì ngoài cái nhún vai thất vọng và nụ cười thương hại của người đàn ông đáng mến đó. Cháu gái lủi thủi về nhà, nhìn bức chân dung ngẩn ngơ khóc.

Cháu gái biếng ăn biếng ngủ. Đêm lại giật mình thon thót, mồ hôi vã đầm đìa. Trong người cô có gì cứ cuồn cuộn lên, rồi sôi chảy đầy êm ái. Ngọt ngào. Hệt như đêm nào cô nằm trong vòng tay Danh. Bà tội nghiệp: "Nó có hứa hẹn gì với cháu không?" Cháu gái trả lời: "Không. Nhưng anh ấy bảo cháu đã là vợ của anh ấy." Bà đổ sụp xuống, đầu óc quay cuồng. Linh tính nhắc nhở bà những chuyện đau lòng. Bà nói: Tháng này cháu có kinh chưa?" Cháu gái lắc đầu: "Chưa. Nhưng sao hả bà?" Bà lại rũ xuống, đau đớn nghĩ đấy là lỗi tại bà. Bà nuôi nó mà không dạy nó. Cũng như một lần kể về cha mẹ nó cho nó nghe. Những người lớn đã sinh ra nó rồi bỏ đi. Thật là quá khứ dù tồi

tệ đến mấy cũng là một bài học kinh nghiệm quý báu, nhưng bà đã không nghĩ ra điều ấy. Bà đã muộn trong mọi việc. Bà nức nở: "Tội nghiệp cháu tôi." Rồi đùng đùng bỏ vào phòng.

Bà ốm nặng. Đến ngày thứ ba bà mới giượng, húp được ít nước cháo. Cháu gái ngồi bên cạnh, bóp nhẹ tấm lưng gầy của bà: "Bà ạ, có lẽ con phải xuống xuôi tìm anh ấy." Bà thảng thốt: "Con biết đi đâu mà tìm. Mẹ con ngày xưa đã bỏ nhà đi như thế." Bà kể lể sự thật bà đã giấu giếm suốt mười tám năm trời, mong giữ chân cháu gái lại. Nhưng mọi thứ trôi tuột qua. Cháu gái vẫn nhất định im lặng. Cô nghĩ đến Hà Nội, đến Danh, đến đứa bé. Một gia đình nhỏ bé và hạnh phúc. Con cô cần có bố. Cô không thể bỏ rơi nó được. Và cô cần có Danh. Cô đứng dậy: "Chừng nào bà khỏi bệnh, con sẽ đi tìm anh ấy." Mặt cô tái xanh và cương quyết.

*

Hôm cô gái đi trời mưa tầm tã, trôi mất vài luống rau xà lách. Đường đi quệt thành bùn đặc quánh. Được một lúc mưa tạnh. Mây mù kèo lên dày đặc. Mới một vài bước đã không còn thấy cháu gái đâu nữa. Tất cả trắng xóa, mịt mùng.

Bà đứng tựa vào cánh cửa gỗ mốc xỉn và lạnh giá. Hai tay thu vào chiếc áo bông trấn thủ lỗ chỗ vệt gián nhấm. Bà nghĩ mình không thể nào khóc được nữa nhưng nước mắt chảy ra nhòe nhoẹt. Bà bấm đốt ngón tay, lẩm bẩm: "Chừng hai năm nữa, chúng nó sẽ về."

Một làn gió mạnh thổi qua. Trong mắt bà sương mù đang tan dần dưới chân đồi.

CHÂU GIANG



HOÀNG TUẤN DŨNG

Tôi hát

Bêu rốn dưới tán ngô đồng chột hoa nứt lá
Tôi hát ốc sên nhả rãi chẳng bầy nhầy
Hát sâu đo răng khểnh, hát chào mào ăn nấm độc
Hát nhện vàng dạng háng chăng dây
*
Chồng chuối nơi cầu ao sục sục khí mê tan
Tôi hát bùn tù nghễnh ngãng
Tôi hát miểng sành hăm dọa cứa chân thiên kỷ
Tôi hát nửa mồm, tôi hát nửa tai
*
Chôm hổm góc cổng ô chờ mụ hàng khoai
Tôi hát con tim phồng căng,
    con dạ óc ách,
        con mông dừ tê,
            con tay muốn bóp
Bóp quả quít ủng, bóp lá cờ hai màu
Tôi hát con lòng xù nợ bấy lâu
*
Đá chiếc choác* không dùng, cho rách toác
Tôi hát bé sữa chưa biết nghe lời nựng ngọng
                của đứa mẹ vị thành niên
Tôi hát bào thai vô tội chôn vội oán dội
Tôi hát vụ bức tình sực nhớ
Và quần bò man rợ cài khuy
*
Dứt búi cỏ lùn mọc bên đại lộ
Tôi hát không thiên thần tọc mạch
Tôi hát không các bác già ngáp vặt
Tôi hát không Trời, tôi hát không Em!

HOÀNG TUẤN DŨNG

Ghi chú: * "choác" - Condom (tiếng lóng)



TRẦN THỊ NGH.

Mộ chí



Mướn cái căn nhà được hai năm, một hôm vợ chồng chủ nhà đến thăm đột ngột giữa tháng không phải để mượn sớm tiền nhà.

- Tụi này đến thăm chị, sẵn tiện bàn qua cái vụ nhà. Đang bức thiết quá chắc phải tính chuyện bán nhà thôi, vậy chị tìm chỗ khác thuê. Tụi này sẽ trả lại chị 5 triệu tiền cọc chị gửi 2 năm trước, bồi thường thêm một triệu rưỡi tiền nhà tháng này.

- Ủa, hợp đồng mới có sáu tháng tới chưa ráo mực, sao lại có chuyện gì kỳ vậy?

- Chị thông cảm, tôi thất nghiệp từ hôm Tết đến nay; vợ tôi bàn mua một chiếc Cá Mập để tôi lái kiếm thêm thu nhập sẵn đang có người rao bán.

Biết nói qua nói lại cũng mệt, tôi gật đầu. Đi thì đi. Từ hôm đó hai ba ngày họ lại đưa người đến xem nhà một lần. Ngoài việc phải dẫn họ lên tầng trên chỉ trỏ phòng ngủ nhà tắm cầu tiêu, tôi còn phải ngồi chờ hai bên bàn bạc giá cả ngay trong cái nhà mình còn đang ở. Cũng nên dọn đi cho rồi. Mái nhà dột tí tách nhỏ giọt xuống trần nhà chảy tràn qua mép luồn xuống vách, xung quanh rần rần như giặc. Chỉ kẹt có mỗi một chuyện là tôi làm biếng quá. Tưởng tượng phải gom

góp các thứ lại cho vô thùng, thông báo các lớp học nhóm các em nơi mình đổi địa điểm vì cô bị chủ nhà đuổi. Rồi các lớp trôi theo cô giáo từng về như bèo như lục bình. Nghĩ từng đó đã thấy ngán.

Một mặt đọc báo Tuổi Trẻ mục rao vặt, một mặt la oải oải với các trò, chỉ trong vài ba ngày tôi đã tìm được một chỗ vừa ý, diện tích nhỏ hơn, tiền thuê nhà cũng vậy nhưng chủ nhà không có dáng vẻ của người đột ngột cần tiền để mua xe Cá Mập. Đó là nguyên tầng trên của một biệt thự nhỏ chỉ có hai mẹ con ở trọn tầng dưới, cầu thang lên lầu đâm thẳng từ dưới cái sân vuông trước nhà. Bà mẹ là bác sĩ đã về hưu, cậu con trai đã tốt nghiệp đại học đang là học viên của một nhóm Anh văn tôi đang dạy. Tôi hẹn sẽ dọn tới trong tuần. Họ tử tế làm sạch sẽ các phòng, dời đi những bàn ghế tôi không cần, điều chỉnh lại điện đóm. Viết thư gửi bạn bè người thân ở xa, tôi có địa chỉ và số điện thoại của chỗ ở mới.

Cũng nội trong tuần lễ đó vợ chồng chủ nhà gọi điện thoại tới phán:

- Thôi tụi này không bán nhà nữa vì đã lỡ dịp mua chiếc xe rồi. Chị cứ việc ở lại.

- Giỡn ông? Rồi tôi ăn nói sao với người ta đây?

- Chị xin lỗi họ một tiếng chứ gì.

- Đâu có đơn giản như vậy. Chỗ quen biết khó lật qua lật lại lắm. Hơn nữa tôi đã xếp đặt mọi thứ cả rồi.

- Chị làm ơn ở lại, tụi này sẽ trừ dần tiền nhà trong số năm triệu tiền cọc, chỉ chỉ cần đóng thêm bảy triệu tiền nhà cho đến khi chị trả nhà trong tám tháng nữa như chị đã định.

- Tôi định gì?

- Thì chị định ở đến tháng 5 năm sau.

- Ông này giễu vui ghê ta! Tôi đào đâu ra bảy triệu để trả một lần? Nhà của ông thuộc khu giải tỏa, bày đặt bán chi cho thêm rộn chuyện vậy?

- Chị thông cảm. Bây giờ không bán được, cũng không có tiền để hoàn lại chị. Đang cần tiền quá, cho người khác mướn đâu ra được người như chị?

- Người như tôi, sao? Dễ bùi tai ư?

Nói vậy chứ tôi cũng đào ra được số tiền cần thiết vì không còn cách chọn lựa nào khác. Đưa nhau ra tòa thì mệt quá vì hợp đồng làm giấy tay thỏa thuận giữa hai bên không có chứng thực của chính quyền địa phương. Dọn nhà cũng mệt. Tiền nhà bề nào cũng phải trả, một lần hay nhiều lần thì cũng vậy. Để đỡ ngượng, tôi nhờ một người quen mặt mày nghiêm nghị, có khiếu diễn xuất, rỗi việc, để đưa đến

gặp bà chủ nhà của nơi tôi định thuê.

- Thưa bác nhận giùm cháu hộp bánh Trung Thu và gói quà. Đây là Đức, chủ nhà cháu đang thuê.

Đức chào, không cười. Ba người ngồi xuống xong tôi bắt đầu trình bày.

- Như đã tính với bác, cháu định dọn vô hồi cuối tuần trước nhưng cái ông này...

Đức nói:

- Thưa bác, cháu chưa bán được căn nhà nên năn nỉ chị đây ở lại để trừ số tiền mà cháu còn nợ. Vợ chồng cháu đang kẹt...

Lập tức bà chủ nhà sa sầm nét mặt, quắc đôi mắt — mà mấy lần gặp trước không thấy nét dữ — phang một cái nhìn bốc lửa lên toàn thân diễn viên bất đắc dĩ. Cái nhìn cháy dọc xuống rồi đi ngược lên, phừng ngay trên mặt diễn viên.

- Ông nói sao? Ở đời tôi chỉ trọng chữ tín. Không có tiền thì làm sao cho có để trả người ta. Tôi đã dọn dẹp sạch sẽ 3 phòng trên lầu, thuê người ta khiêng đi ba cái đồ gỗ nặng muốn gãy xương sống, đã thông qua với Công An Phường, con trai tôi với bạn bè nói cũng mừng có cô đây về ở chung học hành thuận tiện...

- Thưa bác cháu tưởng bán được căn nhà...

- Tưởng sao được? Khu đó nằm trong kế hoạch giải tỏa ai cũng biết. Đời bây giờ đâu còn ai khờ nữa đâu mà gạt.

- Thưa bác...

- Còn thưa với gửi nữa? Chắc thấy cô giáo có một thân một mình định lừa người ta? Ăn ở thất nhơn thất đức. May mà tôi không đòi cô giáo đặt trước tiền cọc. Ở đời trọng nhau chữ tín...

Gần nửa giờ đồng hồ bà bác sĩ mắng té tát vào mặt tên chủ nhà giả hiệu. Liệu chừng rồi cũng chỉ trao qua trả lại mấy câu lẩn quẩn, chúng tôi chào cáo lui rút trong khi bà chủ nhà còn đang ngon trớn.

Xe chạy khuất ngỏ hẻm vài chục thước, Đức ngoái lại phía sau cười khẩy:

- Chị chơi cú này hơi ác.

Tôi dỗ:

- Thôi mình đi ăn tối rồi uống cà phê nghe nhạc.

Đức đổi ga băng xe phơi phới trong trời đêm mát mẻ. Chưa chắc cha chủ nhà thật diễn được pha này. Diễn viên hạng ba ngồi trên ghế thấp có lưng tựa, đầu gối nhô cao, hai tay nắm lại kẹp giữa hai vế, mặt cúi gằm, mắt ngó ngược lên lòi lòng trắng. Y như tử tội trên ghế điện. Trong bữa ăn tối Đức thú thật:

- Lúc đó tôi buồn ngủ muốn chết nhướng mắt không nổi. Đêm

trước chơi xì phé với mấy thằng bạn đến 4 giờ sáng. Chuyện của thiên hạ mình buồn ngủ là phải.

- Anh làm được cho tôi chuyện này tôi rất mang ơn. Một mình tôi không dám vác mặt đến xin lỗi bà bác sĩ vốn là phụ huynh của học trò mình. Còn cha chủ nhà thì không chịu diễn. Công nhận anh có tài năng tiềm ẩn, nhờ tôi tạo điều kiện cho nẩy nở kịp thời trước khi bị thui chột.

Tôi ký lại hợp đồng mới, trả hết tiền nhà cho 8 tháng. Do số tiền hơi lớn đối với một cô giáo nên có thêm chữ ký của hai nhân chứng, một phe ta và một phe địch. Phe ta là tổ trưởng dân phố khu tôi đang ở, lần đầu tiên ghé qua tệ xá. Đợi cho phe địch ra về, bà tổ trưởng bỏ giọng nhỏ to:

- Ở đây hai năm cô thấy sao?

- Dạ căn nhà cũng hơi rệu, còn xung quanh thì ồn quá. Nhà bên phải hình như mới sắp cái đồng hồ báo thức; đúng 5 giờ sáng có tiếng kèn tây thổi te te te tò te tí te, te tí te, tò tí tò, te te... rồi có giọng Mỹ mời thức dậy, chào buổi sáng.

- Ý tôi muốn nói cô có thấy gì lạ không?

- Dạ cháu cũng chưa hiểu ý bác lắm.

- Nhà này có ma. Ai cũng bị ông già trước đây là chủ đầu tiên hiện hồn về đòi lại nhà.

- Trời! Bác nói gì vậy? Sao bác để cho cháu giao cho người ta bảy triệu rồi bác mới nói?

- Thấy cô nặng vía tôi mới nói, chứ đàn ba thai nghén thì tôi ngại. Cách đây một căn cũng có ma về bóp cổ chủ nhà mới; cái ông Thịnh bị tai nạn xe dập ống quyển đó. Đã nằm một chỗ mà đêm nào cũng bị ma hành la hét rùm trời. Cô thật sự không thấy gì lạ sao?

- Dạ không! Lúc mới ở cháu có nghe cái tủ đứng trong phòng ngủ thỉnh thoảng chuyển răng rắc, nhưng nghĩ đồ gỗ co dãn theo thời tiết là chuyện thường. Trên gác nóng lắm.

Bà tổ trưởng về rồi, tôi gọi điện thoại cho một bà bạn kể chuyện nhà có ma. Bà bạn cười ặt ặt, xong buông giọng:

- Phải cúng.

Cha, chuyện này căng à. Từ trước đến giờ tôi chưa hề đi chùa chiền hay nhà thờ, cũng không thích việc giỗ chạp cúng kiến. Cha tôi chết cách đây không lâu mà nhớ mãi cũng không ra chính xác ngày tây ngày ta. Mấy năm đầu còn ghi trong sổ tay 5.1 âm lịch, sau lại lộn qua 1.5 là ngày quốc tế lao động, từ đó lơ luôn nhớ chi cho mệt. Hồi ông còn sống ngày nào mẹ tôi cũng mắng hư mắng thúi, vậy mà lúc ông qua đời bà khóc ti tỉ, lập bàn thờ cúng giỗ đều đều hằng năm nấu

toàn các món ba tôi thích ăn lúc sinh tiền: hủ tíu xào giá, canh rau thơm lòng gà, hẹ bông xào thịt ba rọi. Bà mắng lũ chúng tôi quân bất hiếu, nhân nào quả nấy, mai mốt con cái nó trả cho biết, quả báo nhãn tiền khỏi đợi kiếp sau.

Chưa kịp cúng ông chủ nhà thì tối đó cụ về. Tôi đang lơ mơ chưa ngủ hẳn, còn nằm ôn lại các cảnh trong phim *Hận Thù Sôi Sục:* một kỹ sư xây dựng cất nhà trên bãi đất trống trước bãi tha ma đã bị bang thành bình địa, chủ nhân các ngôi mộ ùa về báo oán bắt mấy đứa con gái nhỏ xíu của ông ta. Phim chỉ có vậy nhưng không khí lạnh lẽo miền núi Carphathian nước Nga và mưa bão ven biển Cornwall làm tôi bần thần. Ông cụ đứng ngay chân giường.

- Sao, bây giờ bà biết tôi đang ở ngay trong nhà này với bà, bà tính sao?

Tôi bật người dậy nhưng lưng và đầu như có cái gì níu chặt lại. Tôi quơ quơ hai chân ló ra tấm chăn, miệng ú ớ:

- Ai vậy? Ai vậy?

- Tôi chứ ai! Bà đừng làm bộ. Hồi sáng này mụ tổ trưởng nói với bà rồi. Bấy lâu nay thấy bà ở một mình tôi lơ cho bà yên ổn làm ăn. Biết chuyện rồi chẳng lẽ bà vẫn cứ tỉnh bơ? Tính phải quấy sao coi cho được.

Tôi tiếp tục quẫy hai chân như cá mắc cạn, cổ nghẹt cứng không phát ra được một âm nào ngoại trừ tiếng khè khè. Ông cụ nói xong đi khoan thai đến cửa phòng ngủ mở ra, khép lại. Tôi nghe tiếng chân bước từng nấc xuống cầu thang. Vậy là ông ta trụ tầng dưới, mình ngủ trên này, cũng tiện. Nói vậy chứ tôi thức luôn đến sáng nằm hình dung lại ông cụ: áo sơ mi nhăn nhíu bỏ trong quần tây rộng, đầu hói mặt xương, hai con mắt nheo nheo, kính lão trệ xuống mũi, cằm nhẵn thín. Trông giống một công chức già thời Pháp thuộc. Năm giờ kèn tây bên kia vách thổi:

Te te te tò te tí te
te tí te, tò tí tò
te te...

Tôi bắt đầu một ngày bình thường, pha cà phê ngồi uống tà tà tự hỏi ông cụ đâu, ban ngày cụ làm gì, rình tôi từ góc nào, sao không giỏi ngồi đối ẩm chơi, chờ chi đến ban đêm mới giở giọng ngầu. Tôi thay quần áo đi dạy, hơi mệt vì mất ngủ. Trước khi dẫn xe ra khỏi nhà tôi nhìn chầm chầm vào các góc trong phòng khách:

- Cho ông ở nhà một mình cho đã, coi chừng giùm cái nhà, tôi đi đến chiều mới về. Hẹn tái ngộ buổi tối.

Tối đó ông cụ trở lại thật. Bên nhà hàng xóm còn xem ti vi, có

tiếng trẻ con khóc, xe gắn máy vẫn còn xẹt qua xẹt lại trong xóm nhỏ, nắp cống gập ghềnh kêu đánh bụp mỗi khi có xe trườn qua. Tôi còn thức ngồi chờ trên giường hạ quyết tâm đêm nay bàn bạc cho ra lẽ. Ông cụ ngồi ghé trên cái ghế thấp cạnh cửa sổ.

- Bà muốn chơi tay đôi với tôi phải không?

Tôi khò khè một lát rồi tự nhiên bật ra được.

- Cụ muốn gì? Tôi ở đây giữ gìn nhà cửa sạch sẽ, làm ăn lương thiện, tiền bạc sòng phẳng, đạo đức tốt, có giấy công nhận danh hiệu 6 Chuẩn Mực Gia Đình Văn Hóa do đồng chí chủ tịch phường Lý Thanh Châu ký ngày 21 tháng 01 năm 1998, hồ sư lưu mang số 109/ GDVH...

- Thì tôi cũng thấy vậy. Chủ trước dẫn gái về ngủ ngay trên cái giường này, cụ giơ ngón trỏ phất lên phất xuống hai ba cái. Bà thấy cái chân giường trong góc đã được thay mới không? Bọn nó quậy rầm rầm cả đêm không nghỉ ngơi gì được.

May mà lúc mới thuê tôi đã yêu cầu hai vợ chồng ông chủ nhà khiêng tấm nệm Kymdan, không thôi thì quá mất vệ sinh. Tôi nhỏ nhẹ:

- Vậy cụ cứ yên tâm.

- Bà tưởng như vậy là bà tốt lắm rồi ư? Người sống luôn luôn nghĩ mình tốt lành khi đã chu toàn một số trách nhiệm gia đình và xã hội.

Chắc ông cụ muốn mắng quân bất hiếu là tôi, không nhớ nổi ngày giỗ của thân sinh. Tôi giải bày:

- Thưa cụ cha cháu lúc sống phá phách tưng bừng. Lúc mang thai cháu mẹ cháu suýt soát năm mươi còn ông ấy thì bị ma men nhập đã hơn 30 năm, vậy cháu là sản phẩm của tuổi già và hèm rượu chứ đâu phải trái ngọt cây lành. Các anh chị cháu không ai lãnh trọn nguyên băng đạn như vậy, họ khỏe mạnh tỉnh táo hơn nhiều. Cháu ra đời nhằm đêm có trăng, ông già say bí tỉ ra đứng ngó mông lên trời thấy mặt trăng đang vàng khè bổng trổ màu đỏ ké nên đặt tên cháu là Nguyệt Hồng. Rồi tuổi thơ èo uột, tuổi trẻ dật dờ. Thiết nghĩ lúc ông còn sinh tiền cháu không yêu kính được nếu không nói là hận thù, nay thờ cúng e rằng giả dối.

Ông cụ gầm lên:

- Cha chả! Nói vậy mà nghe được à? Bà có phải Tề Thiên Đại Thánh nứt đá chui ra đâu mà giở giọng bạc. Con nghịch hầu đó nó không có chỗ để xức dầu cù là, còn bà thì có lỗ rún. Tôi đây lừng lẫy một thời trong gia đình, cờ bạc ăn chơi rượu chè bất tận, đánh đập vợ con không run tay mà chết đi chúng nó còn nhớ Thanh Minh để đi rẩy

mả.

Đột nhiên ông già đứng dậy, vẫn cái áo sơ mi dài tay nhăn rúm nhét trong các lưng quần rộng rinh. Cụ quắc đôi mắt kèm nhèm nhìn tôi giật dữ.

- Thôi, đêm nay như vậy đủ rồi. Nghĩ lại xem bản thân mình còn thiếu sót với bao nhiêu người? Bà thu xếp hôm nào đi với tôi.

Khoan thai cụ tiến đến cánh cửa trổ ra ban công. Tôi định nói ngoài đó có rào lưới B.40 nhưng sực nhớ không cần thiết. Cụ mở cửa, khép he hé, quẹo trái rồi khuất sau góc tường. Tối nay ông lão đi chơi không thèm ngủ nhà. Như ông ta thì đi chơi đâu có vui? Bất quá ra nghĩa địa họp tổ, hoặc đi rình mấy chỗ khác để hù mấy người yếu bóng vía. Tôi vững hơn đêm trước nhiều, nhất định không bước ra gài cửa để coi sáng hôm sau sự thể ra sao. Nếu giọng Mỹ chào buổi sáng bên kia vách cất lên mà nhìn ra thấy cửa vẫn còn mở là đích thị nhà có ma. Thường thì dù trời nóng đến mấy tôi vẫn không bao giờ dám để cửa ban đêm. Lại còn rủ *hôm nào bà đi với tôi.* Xuất hồn theo ông cụ lỡ ham vui như Lưu Nguyễn, lúc về trần, nhà thuê biến thành bể dâu uổng toi bảy triệu bạc.

Như đêm trước tôi cố gắng không ngủ, để theo dõi chính mình thì đúng hơn. Không đủ kiên nhẫn chờ kèn tây, khoảng 4 giờ sáng tôi lò dò bước đến cái cửa trổ ban công đẩy nhẹ. Chốt không cài. Bỏ mạng. Sẽ không ai tin câu chuyện tôi kể, trừ bà tổ trưởng. Nhưng tôi sẽ không hé răng; nói ra một hồi sẽ lộ tẩy cái quân bất hiếu là tôi. Bấy giờ tính sao đây, hay là chờ thêm vài hôm để thu thập thêm dữ kiện. Những buổi đứng lớp đã có dấu hiệu sật sừ, các trò thắc mắc:

- Cô bệnh hả?

- Đâu có, tôi vẫn khỏe như thần.

Vừa nói tôi vừa lảo đảo đẩy cái xe ra khỏi bãi đậu xe giữa sân trường. Mới thức có hai đêm mà đã muốn cảm. Tôi quanh xe về Tân Định ghé dịch vụ Photocopy của bà bạn để chụp bài cho các lớp ngày hôm sau. Thấy mặt, bà bạn kêu:

- Trời! Sao xanh dờn vậy? Bệnh hả?

- Y như muốn cảm.

- Không phải cảm đâu. Âm khí vần vũ lên cả hai chân mày đè cái mặt bà tối hù. Bà bị rồi! Cúng chưa?

- Chưa.

- Tôi đã nói cúng đi, để lâu thần sắc càng suy nhược, có khi quá trễ phải nhờ đến thầy mà chưa chắc gỡ được.

- Thầy gì?

- Thì thầy pháp, thầy bùa. Hỏi ngớ ngẩn.

Nhớ lúc còn đi học, có lần tôi lần mò chen đám đông vô xem một đám cúng. Một ông thanh niên mặt mũi sáng sủa trùm vuông khăn đỏ đảo xoay lia lịa, mồm lâm râm ư ử một thứ tiếng lạ. Đang xoay, đồng bỗng hước lên một tiếng như nấc cục đoạn lừ mắt nhìn đám đông; chợt đồng chỉ thẳng ngón tay vô mặt tôi, hét giọng mái:

- Con tiểu yêu kia đi chỗ khác chơi!

Hét xong đồng thăng, còn lại ông thanh niên sùm sụp khuôn vải đỏ ngồi xếp bằng rũ mềm như gà rút xương. Đám đông lao xao hướng về phía tôi. Một bà phốp pháp dậm chân thình thịch dọa:

- Mày phải không? Mầy nặng vía đi khuất mắt Cô Ba đi, bả giận rồi đó! Khôn hồn thì chạy.

Tôi buộc hai vạt áo dài xách guốc chạy vắt giò lên cổ mặc dù chẳng có ai rượt. Bà tổ trưởng mới đây cũng nói tôi nặng vía vậy thì âm khí vẩn vũ ngả nào? Tuy vậy tôi không dám kể cho bà bạn nghe cuộc gặp gỡ ông cụ trong hai đêm qua. Có cái gì mê hoặc dữ dội trong chuyện này khiến tôi tò mò muốn đi xa hơn. Tôi về nhà uống hai viên thuốc cảm rồi đi nằm.

Không thấy ông cụ đâu. Tôi nghỉ dạy ở trường lẫn các lớp nằm vùi run cầm cập ba ngày vừa lạnh vừa sốt. Mấy lúc như vậy sao không hiện hồn về bầu bạn với kẻ cô đơn. Chắc có chỗ khác vui hơn. Có lúc tôi thiếp ngất mê thấy có cái huyệt thật lớn đào sẵn bị ngập mưa, bàn ghế nhô lên từ dưới nước, các trò — trong đó có cậu con trai bà bác sĩ — bì bõm quây quần quanh bàn, cô giáo ngồi dạy học như thường. Xung quanh cây xanh gió mát, cảnh trí thật thơ mộng hữu tình. Thỉnh thoảng tôi choàng mắt dậy bò dậy pha sữa uống thuốc rồi lại nằm vật ra chờ. Đến ngày thứ tư thì ông ta về, quần áo nhàu nhượi:

- Bà sẵn sàng chưa?

- Tôi đang bệnh muốn chết đây cụ.

- Cũng phải đi thôi vì tôi xếp đặt hết cả rồi.

- Mà đi đâu mới được chứ?

Ông ta không trả lời nắm chân tôi kéo ra khỏi giường. Một luồng khí lạnh chạy dọc xương sống làm tôi rùng mình. Quơ chân tìm không thấy đôi dép, tôi để chân đất lẻo đẻo theo ông ta ra cái cửa trổ ra ban công, trên người mặc bộ đồ ngủ chua è, đầu tóc bù xù, bụng lép kẹp. Chợt cuồng phong nổi lên rồi gió thổi ù ù hai bên mang tai. Tôi cong hai cánh tay lên che mặt đỡ gió. Đèn đóm phố phường tất cả đều biến thành những vật dài trôi xoèn xoẹt ngang mặt. Như vậy lâu lắm rồi bỗng im vắng tứ bề, đêm đen đặc như mực tàu. Ông cụ vẫn một tay níu chặt vạt áo tôi lôi đi, một tay bơi bơi trong không khí như lái đò mất chèo. Xa tít đằng kia có một đốm lửa lập lòe, liền sau đó tôi thấy mình

đứng trong một ngôi nhà đá, hơi lạnh phả ra từ sàn nhà ẩm ướt. Mùa ẩm mốc trộn lẫn với mùi gì như cơm thiu xộc lên tới óc.

Khi mắt đã quen với bóng tối, tôi giật bắn toàn thân thấy một nhóm người lố nhố già trẻ đang ngồi nghiêm nghị, trân trân hướng về phía tôi và ông cụ. Trông họ buồn như có ai chết, mắt trõm lơ lạc thần. Có vẻ như họ đã ngồi trên bệ đã có lâu lắm rồi để chờ đợi một cuộc hạnh ngộ được xếp đặt trước. Tôi nheo hai mắt cận thị nhìn từng người. Cha tôi kia. Ông ngồi tựa lưng vô vách đá thở khò khè, bụng trương to, hai chân sưng vù; đúng hình ảnh lúc ông trút hơi thở cuối cùng. Ông lờ đờ nhìn tôi như người ta nhìn vu vơ vào khoảng trống.

Kế bên là một thiếu phụ tôi không quen, rồi tôi thấy Tấn. Tấn là người bạn lớn của tôi khi tôi mới 16 tuổi. Gặp tôi trong tiệc sinh nhật của Hoàng Chi, Tấn đến cạnh ngồi nói chuyện, xin phép mai mốt đến nhà tôi chơi. Anh tặng tôi những quyển sách tiếng Pháp loại bỏ túi trang đầu bao giờ cũng ký tắt NgHt, Nguyễn Hữu Tấn. Anh giải thích thêm đó cũng là tên ghép của tôi và anh. Tấn làm thông dịch viên chiến trường, tử nạn ở Lộc Ninh; ngực anh thủng một lỗ to, áo trây-di còn vết cháy sém bê bết những bệt đất đỏ. Tôi không biết Tấn yêu tôi cho đến khi người nhà của anh trao cho tôi một gói nhỏ trong đó có cái thư viết dở và hai quyển sách mà trước đó anh có hứa là sẽ gửi cho. Lúc chết anh mới 25 tuổi còn tôi bây giờ là một mụ già 50, mặc đồ ngủ đi chân đất. Đôi mắt sâu của anh như thụt hẳn vô trong hốc sọ.

Bỏ hai người nữa là Phương, anh rể tôi, Phương theo đuổi chị tôi mười năm mới được chị tôi đồng ý cho cưới. Sau khi sống cũng chưa đầy một năm chị tôi vì công việc phải đi xa, anh ở nhà ngoại tình lung tung với nhiều người trong đó có tôi. Anh thắt cổ chết bỏ lại chị tôi biết bao điều thị phi và đứa con trai 4 tuổi. Anh ngồi lặng lờ, trên cổ còn vết xiết của dây dù. Trông anh lỏng le trong bộ pyjama màu hột gà có viền nâu, đôi mắt dại bất động sau chiếc kính gọng vàng. Lúc cắt dây đưa anh xuống đất, nhiều người thắc mắc sao ông này thắt cổ mà còn mang kính. Lúc ấy anh 43 tuổi.

Sau lưng là anh Từ, sĩ quan Hải quân, người phồng to như bị trương sình. Anh biết tôi khi tôi nhỏ xíu còn ngửa tay xin tiền mẹ mua xí muội. Còn nhớ những bức thư anh viết về từ Nha Trang, Đồng Đế kể chuyện huấn nhục thời gian anh mới vào binh chủng. Anh hay nói đùa xin phép mẹ tôi cho gửi mấy bao gạo nuôi tôi lớn để cưới làm vợ. Tôi không biết là Từ đã chết, tưởng anh lưu lạc đâu đó sau biến cố bảy lăm.

Gần đó là Tô Châu và Albert, cả hai thân thể móp méo siêu vẹo sau tai nạn xe hơi ở Nice. Tô Châu là cháu gọi tôi bằng cô Út, con ông

anh cả. Tuy cô cháu nhưng tuổi tác ngang nhau thường chơi chung như bạn, còn vị hôn phu của nó bây giờ tôi mới thấy mặt: bộ râu quai nón rậm rịt như xiết chặt quai hàm vô phương nhúc nhích. Hai người ngồi im như tượng, kiểu những pho tượng bằng đá nhưng chưa được đẽo gọt kỹ còn lam nham thô ráp theo cố ý của nhà điêu khắc.

Ông già lên tiếng:

- Tất cả đây là người thân của bà.

Tôi nói, nghe giọng mình tỉnh rụi.

- Tôi không biết một số người ở đây. Có tất cả 12 người nhưng tôi chỉ nhận ra phân nửa.

- Đó là tại vì bà vẫn vô tâm như lúc còn...

- Còn sống chứ gì! Tôi đâu có hồn lìa khỏi xác. Cụ lôi tôi đến đây làm chi vậy? Cụ nhìn xem, bọn họ giống như bồi thẩm đoàn ngồi quan sát bị cáo là tôi, với cụ là người buộc tội, còn thẩm phán đâu? Lố bịch quá. Trừ cha tôi ra, những người này có liên quan đến tôi nay vẫn còn trẻ măng so với mụ già này — tôi hung hăng đấm thùm thùm vào ngực, đổi giọng quạu — Ông muốn gì mới được chứ? Tôi không ăn nhậu gì đến những cái chết. Chính họ tự xông pha vào cõi bên kia. Ông nhìn xem ai sướng hơn ai? Trong khi tất cả mưu sinh, họ ngồi lờ đờ chơi đâu có vướng bận gì.

- Họ sẽ không thốt ra một lời nào nếu bà không tỏ ra phục thiện một chút. Ngó bộ bà chẳng mảy may xúc động khi gặp lại người thân, lại còn quên bẵng đi những người còn lại.

- Mọi biểu tỏ bây giờ có ích gì? Cho rằng ít nhiều tôi là động lực đẩy họ đến chỗ chết — tôi chặc lưỡi — mà điều này thì vô lý quá, ông tính họ sẽ làm gì tôi đây? Cho rằng tôi cũng là một phường ma đói như họ như ông thì rồi cũng đi lang bang hù nhát người này người kia, ngon lắm thì bắt hồn người kia người nọ rủ rê cho đông đảo thêm cái cộng đồng vô tích sự...

- Im ngay, nghịch tử! Ông cụ quát lên - Ngậm máu phun người trước dơ miệng mình. Bà nhìn kỹ lại họ đi. Đó là những người đã từng yêu thương bà. Cuộc sống yên ổn của bà bấy lâu nay đâu phải dưng không mà có. Đã bao lần hoạn nạn xẩy ra trong đời, bà kêu réo cầu khẩn ai trong lúc tuyệt vọng? Con gái bà sốt xuất huyết thập tử nhất sinh bà van vỉ các oan hồn xin được chết thế mạng con. Lần hụt giò ở biển Vũng Tàu ai kéo hai mẹ con lên? Ai chận lại chiếc xe đò bị hỏng hộp số khi đang buông dốc? Ai ghìm lại ngọn lửa đang cháy sém sau lưng nhà bà? Có phải mùa thu năm ngoái bà đã ra nghĩa địa Place de L'Eglise đứng trước mộ của hai vợ chồng Tô Châu xin họ che chở cho con gái bà đang bơ vơ xứ người? Còn ai vô đây tìm cách ngăn cản

không để cho bà thuê cái căn nhà của con mẹ chằn ăn trăn quấn? Còn nữa và còn nữa. Chậc, cái kẻ vô lương tâm như bà có kể lắm cũng vậy thôi. Đã đành sống chết là lẽ thường tình nhưng bà không được coi thường cái lẽ của trời đất. Tôi ân hận đã đưa bà đến đây. Họ từ nghìn trùng quay về...

Phiên tòa không có luật sư, Thẩm phán. Tôi tự đối chất với một mình ông lão công tố viên. Bọn họ ngồi bất động, ánh mắt lúc níu lúc buông. Có lẽ tôi hơi đuối lý bởi những điều ông cụ nhắc nhở đều có thật và làm tôi sởn tóc gáy. Thật tình tôi không biết họ đã đuổi riết sau lưng qua từng ấy năm tháng mà rồi cuộc hạnh ngộ đã làm họ ngỡ ngàng. Tôi xấu hổ quay ngang. Ngoài cha tôi, Tấn, Từ, Phương, Tô Châu và Albert còn những người kia là ai? Sao tôi không moi ra được trong trí nhớ một chút gì quen thuộc. Lão già, phải rồi chỉ có lão già mới đẩy tôi về được khá khứ và giữ tôi lại. Ông ta ăn chịu sao với những người này? Tôi liên quan gì đến những cái chết kia, hay họ toa rập nhau chỉ để trêu chọc tôi? Gió bỗng bật thổi ào ào rồi tôi thấy mình như bị tống ngược ra ngoài, còn kịp thấy hun hút trước mặt là các hốc đen mờ mờ những bóng người ngồi trên bệ đá.

Có người cạy cửa vào được nhà đang hấp tấp bước hụt trên cầu thang. Lúc đầu nghe tiếng động tôi tưởng ông cụ nhưng khi hé mắt nhìn ra cửa sổ thấy có ánh sáng biết là ban ngày. Ma không đi chơi ban ngày. Nắng lọc qua tấm màn cửa màu vàng đất, dịu lại loang nhòe trong phòng. Bà bạn đứng ngay bên giường cúi nghiêng người lắc vai tôi, vẻ hốt hoảng.

- Trời ơi bà bệnh sao vậy? Tôi gọi điện thoại mấy ngày nay không thấy trả lời.

Bà này tôi quen mà. Tôi lặp bặp môi thều thào nhưng không phát được âm nào. Sau đó hình như có thêm vài người nữa nhưng tôi đuối hơi nhắm tịt mắt lại, chỉ có tiếng lao xao. Họ lại kéo hai chân tôi ra khỏi giường, không nghe gió thổi ù ù như lần trước. Hai nách tôi bị xốc ngược trong khi đầu gối gập lại, người khuỵu xuống. Tôi nghĩ, lần này tiêu rồi. Bây giờ mình cô đơn, bởi sau lưng đâu còn ai.

TRẦN THỊ NGH.
Sài gòn, tháng 10, 1998



ĐỖ QUYÊN

Gửi tất cả những người yêu cũ

"Vĩnh biệt!" - "Vĩnh biệt!" - Rồi "Vĩnh biệt!"
Thời tiết ngoài trời gấp khúc quá chừng
Hôm nay
phòng tôi nhiệt độ bình thường,
người tôi đang yêu vẫn đang yêu tôi quá đỗi...
Như những ngày yêu cũ
cơ thể tôi
vẫn vậy.

Tôi vẫn đập mình bằng trái tim mẹ,
xoa mình bằng dòng máu cha...
Vẫn không hề nhiễm khuẩn
trong bầu khí nhân loại thải ra
Và vẫn sụt sùi cùng biến thiên vũ trụ...

Người người biết đó
Cơ thể tôi tráng kiện trước nhân loại
và quặt quẹo với thiên nhiên
Từ lâu
- từ những ngày thả lời tạm biệt, rồi từ biệt với mỗi người xưa
Tôi đã
thủ lời vĩnh biệt.

Hiểu rằng,
Nụ hôn nào cũng ngỏ ở con đường riêng nó,

Mỗi đêm yêu chỉ dưới một căn phòng...
Như chính mỗi người từng xác quyết cùng tôi
hoặc trước ánh sáng mặt trăng hay mặt trời,
hoặc bằng hiền dịu nửa lời,
hoặc được pháp luật, chứng nhân hợp tác.

Tôi biết,
(vì tôi từng yêu mỗi người lắm lắm!)
tất cả
cũng sẵn
                    những lời vĩnh biệt
từ lâu.

Thì vĩnh biệt thôi,
Chuyện nhỏ nhỏ xưa xưa của mỗi chúng mình
đang bị lấp trước kỷ nguyên thông tin hào hùng, ngồn ngộn.
Vĩnh biệt đi! Vĩnh biệt nhé! Vĩnh biệt thôi!

Nhưng...
Đang còn biến thiên lắm
                                        khí hậu ngoài trời,

Ơi mỗi người yêu cũ của tôi!

ĐỖ QUYÊN
Montréal, 04-05-1996



HỒ MINH DŨNG

Mạn thuyền



Trong thế giới mà cảnh vật thiên nhiên, hình thể địa lý được tôn sùng và uy quyền của thần linh đặt lên hàng tối thượng, lòng dục của bọn vô lại vẫn khuấy lên, trà trộn, luồn lách khôn ngoan. Họ thực hiện hành động ti tiện bất cứ ở đâu khi thời cơ thuận tiện, kể cả những nơi linh thiêng như am miếu, đền đài, lăng tẩm, văn miếu, võ miếu, bên những ụ mối lâu đời trong vườn Lục Bộ, sau chái nhà dột nát của Tàng Thơ, dưới mái ngói hoàng lưu ly mốc meo cũ càng của Nam Huân Các trong đảo Phương Trượng của hồ Tĩnh Tâm...

Theo bảng thống kê của phòng nghiên cứu tội ác xã hội thành phố ghi nhận, chỉ trong vòng vài năm, có hàng chục lần kẻ lạ đã đột nhập vào Tả Hữu Phối Đường trong lăng Dục Đức ở rừng liễu An Lăng, nơi ngày trước dành cho bảy thứ phi của vua Thành Thái ở để lo hương khói, sau nầy là các bà, các cô tôn nữ góa chồng đến phụng thờ ông vua bị *bỏ chết đói trong ngục và xác bó chiếu gánh qua đồi lau.* Chuyện bọn họ có xúc phạm gì đến thân thể vàng ngọc của những người nữ hoàng phái hay không, tài liệu không nói đến.

Từ thời "tứ nguyệt tam vương" chuyện ấy cũng đã xẩy ra rồi. Khi thân xác vua Tự Đức chưa rệu rã trong tử cung còn đặt ở Đại Nội, đám con cháu của những người tham gia "Giặc Chày Vôi" năm nào đã đột nhập vào Trì Khiêm Viện của Vạn Niên Lăng để bày chuyện lôi thôi với các nàng cung phi lên chuẩn bị lo việc hương khói cho vua

vừa băng hà, như một cách trả mối cựu thù cho ông cha họ.

Kẻ chơi trò liều mạng nhất trước đó nhiều năm, được người ta nhắc đến như một tiêu biểu là Văn Xưa, con của thống chế Văn X., chỉ huy công trình xây Vạn Niên Lăng vì *không khéo vỗ về điều khiển* làm quân dân nổi loạn, bị vua Tự Đức xỉ vả, cách chức, nên Xưa làm việc nầy cốt để an ủi hồn cha nơi chín suối.

Cung nữ mà Xưa đột nhập vào Trì Khiêm Viện bắt cóc ra phía đồi thông sau Chấp Khiêm Điện tên cúng cơm là Trần Thị Bạch. Khi tuyển về cung làm tân giai nhân được mang tên Bạch Thiên Hương.

Thiên Hương quê ở làng Nong, huyện Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên, sinh ra trong một gia đình làm nghề nông, tổ tiên đã nhiều đời chân lấm tay bùn, mở mắt đã thấy cánh đồng cằn cỗi, chim cà lơi chạy bày đầu.

Chuyện kể rằng, khi nghe tin các ngòi lạch ở làng Nong mới xuất hiện một loài ngỗng trời, ăn tim chim ấy vào thì bớt thấp thỏm âu lo, sợ chết, lại thêm phần phấn chấn, dám mạo hiểm, đương đầu, vua Tự Đức mừng lắm, liền huy động một phái đoàn hùng hậu về xem sự thể.

Một người trong phái đoàn đó có con mắt "nhà nghề", nhờ dưới triều Thiệu Trị đã sung vào đoàn đi lục tìm gái đẹp ở nông thôn đem vô Nội. Ông nầy phát hiện ra một cô gái đang xăn cao quần bắt ốc, mò cua ở ruộng nước, có ý định tuyển cô về cung dâng vua.

Một vị quan trong viện Tập Hiền cùng đi biết chuyện, ngăn:

"Không nên, hoàng thượng ta cơ thể yếu đuối, không có năng lực phòng the. Trong cung đã có trên trăm, chỉ nhìn. Sao không nghĩ đến cái họa lực bất tòng tâm. Vả lại, thân thiên tử vạn thặng, không nên cho bùn rong dính vào?"

Người ấy cự nự:

"Ông nói thế là nói một vị vua có bản tánh thường, còn hoàng đế đương triều ta ở trong cung môn mà lòng thì tơ tưởng ngoài ngàn dặm. Tôi đem một cành hoa dại nơi điền dã về tô điểm ổ rồng phụng nằm, há không phải là sở nguyện của đấng trượng phu dưới gầm trời nầy hay sao? Còn cho cô gái là rong bùn ư? Mắt ông, suốt ngày kèm nhèm trên những trang kinh sử, xét hình thể người nữ không bằng tôi đâu. Dưới lớp đen đúa kia, là cả khối ngà ngọc chủng lam điền đấy."

Cả phái đoàn im. Không ai dám bàn đến nữa.

Ba ngày sau, xe ngựa, võng lọng đến đón cô gái lên Kinh. Thay vì đi đường bộ, họ tổ chức đi đò. Những con đò được quan chức địa phương trang hoàng cờ xí và hoa lá, toàn là hoa lá mang từ vườn

thượng uyển về.

Thiên hạ đổ ra bờ sông xem đông vui hơn ngày hội đua thuyền. Hai con ngựa bạch (một đực, một cái) chở trên một con đò lộ thiên, được đám trẻ con chú ý hơn cả. Trên lưng ngựa đực, có cột chặt một hòn non bộ nhỏ, là mô hình mơ ước tối thượng của một triều đại loanh quanh dưới những mấp mô bên nầy *Hoành Sơn nhất đái*...

Hàng chục chú mõ trong tổng chạy ngược xuôi, vừa la câu "vạn tuế", vừa thúc mõ náo động. Đò ngược lên thượng nguồn, qua vùng cận sơn Dạ Lê, lên đồi Vọng Cảnh, rồi xuôi về bến Phu Văn Lâu.

Thiên Hương vô nội được tấm nước nấu hạt vông vang và rễ thạch xương bồ đúng một tuần trăng. Nhưng suốt ngày buồn bã chỉ đòi ăn gạo lứt, tép riu, cá bống, cá rô, mướp cà, bầu bí làng Nong. Vua cho một đội cung nữ, có cấm binh đi theo hộ vệ, về làng Nong lấy những thứ ấy.

Từng buổi chiều, Thiên Hương ra đứng trên bờ hồ quanh vườn Cơ Hạ nhìn xuống ao đào, hỏi thái giám xem ở dưới đó có ốc, rạm không? Vua nghe được lại cho người về Nong, Truồi, sức dân bắt những thứ ấy cống nạp, nhưng thả xuống ao đều chết, nổi trắng phếch trên mặt nước, chẳng những làm cho hoa sen trong hồ mất hết hương thơm, mà mùi hôi bay xa đến cung Diên Thọ, khiến đám két nuôi trong lồng, nhất loạt quay đầu về phía có Từ Dũ thái hậu ngồi bên đống sắc phong mà hót báo động inh ỏi.

Một hôm vua gọi Thiên Hương vào hậu cung, hỏi:

"Ái khanh nhớ quê nhà da diết lắm thì phải?"

"Bẩm hoàng thượng, phải. Da diết lắm."

"Quên đi được không?"

"Bẩm, chim bay ra khỏi tổ buổi sáng, chiều hôm đã quay quắc lo về, huống chi người."

"Vậy thì trẫm phải làm sao để thỏa ý ái khanh đây?"

"Bẩm, cho thần thiếp về."

"Ái khanh không chịu ăn nằm với trẫm vài lần, hay một lần à?"

Cô gái thôn dã thật lòng:

"Tâu, nếu ngài trẻ lại khoảng hai mươi tuổi, thì mọi chuyện êm thấm hết."

"Còn bây giờ, ta vẫn đường đường là vua?"

"Nhưng hoàng thượng đã già, đáng tuổi cha thần thiếp rồi."

"Ái khanh không biết đám cung nga thể nữ nhà ta, từ thượng đến hạ đẳng, không thiếu chi người tuổi bằng con cháu ta, đêm ngày sốt ruột chờ ban ơn mưa móc sao?"

Thiên Hương nhìn thẳng vào mặt vua, không chút sợ hãi:

"Xin cho thần thiếp đứng ngoài hạng người đó."

"Về! Mối sỉ nhục, không chỉ riêng ta, mà cả giang sơn nầy, xã tắc, tôn miếu nầy. Đang ở trên ngai vàng, ta không thể là không vua."

"Nhưng ngài sẽ được nhiều thứ khác... quý hơn tấm thân nầy."

Lòng tê tái, mồ hôi vua vã ra như tắm, vô số hố rỗ lâu năm trên da mặt vua bỗng xám lại màu vỏ sim chín. Vốn tính nhu mì lại lo vận nước đang hồi nghiêng ngửa. Nhà vua ôm đầu suy nghĩ một hồi lâu, rồi hạ giọng:

"Phải, ái khanh nói phải lắm, nay tóc đen trên đầu trẫm chỉ đếm đầu ngón tay. Nhưng ái khanh, danh phận đã là vợ vua, không thể về quê làm dân hay lấy chồng dân ngu được. Vậy thì lên Khiêm Lăng mà nương thân cho hết đời. Ở đó, ái khanh có thể gặp thăm cha mẹ, anh chị em lúc nào cũng được mà không cần vải dày che mặt. Biết đâu Lưu Khiêm Trì của ta sẽ dung được tôm cá, ốc đam làng Nong, để cho ái khanh khuây khỏa nỗi nhớ phần nào. Ta sẽ cho các vị tiến sĩ thay nhau lên dạy thêm cho ái khanh biết thêm chữ nghĩa thánh hiền."

Nói xong, truyền lệnh cho quan Bộ Lễ gấp rút sắm sửa vật dụng, xe cộ đưa Thiên Hương đi.

Khi nằm trong vòng tay Văn Xưa, Thiên Hương còn trẻ lắm. Nàng tỉnh táo biết trước việc gì sẽ xẩy đến, hỏi:

"Ngươi là ai, quân tử hay tiểu nhân?"

Xưa nói:

"Ta lẫn lộn giữa hai thứ đó."

"Muốn đoạt vàng bạc trang sức hay trinh tiết ta?"

"Cả hai thứ ấy ta đều không cần, điều cần là làm yên lòng cha ta. Ta muốn làm cho hồn vua nhục nhằn, bối rối mà bỏ chốn lăng tẩm ăm áp máu người nầy, để phiêu dạt lung tung như cha ta trong cõi hư vô."

Đến đây, Xưa lột mặt nạ ra. Dưới ánh trăng, Thiên Hương nhìn thấy mặt chàng trai thư sinh, thở dài:

"Chao ôi! Ngươi còn trẻ thế sao?"

"Có hề gì điều đó. Ta đã nói, việc ta làm, không mong chi hơn, là vì người sinh ra ta."

Thiên Hương than vãn dưới ánh trăng:

"Khi xưa, ta giữ thân, vì kẻ đòi lấy ta bằng tuổi cha, nay ta không thể buông xuôi với người bằng tuổi em. Ngươi không giúp ta giữ được sở nguyện chăng?"

"Sở nguyện thì ai cũng có. Ta giúp nàng, thì ai giúp ta?"

"Vậy thì ngươi cùng ta tìm một chỗ tương xứng với đế vương để

cùng nhau hòa hợp. Thân ta đã là tân giai nhân, thể nào chung chạ giữa màn trời chiếu đất? Trời khuya lắm rồi, không còn ai đây nữa, hay là chúng ta vào Dũ Khiêm Tạ, vừa nhìn liên hoa nở, vừa... Như vậy có hợp với thân cành vàng lá ngọc không?"

Xưa đồng ý. Hai người sánh bước trên đường lót đá xanh chạy men theo dòng suối nhân tạo xuống hồ Lưu Khiêm.

Họ an tọa giữa tấm thảm màu ngọc bích trải trên sàn gỗ nghiến.

Xưa nói:

"Ta làm vua chốn nầy."

Thiên Hương hỏi:

"Làm vua có gì mà ai cũng thích?"

"Vì không ai được dòm ngó đến mình."

"Bị dòm ngó cũng khổ như bị bỏ rơi à?"

"Khổ hơn."

"Trên đời có nhiều cách để cho con người bớt khổ, đâu chỉ có làm vua?"

"Nhưng cái bớt khổ ấy bị dòm ngó. Lúc nầy nhờ không ai dòm ngó, ta là vua."

Thiên Hương nũng nịu:

"Có tấn phong hoàng hậu cho em không?"

"Có."

"Bao giờ?"

"Ngay từ phút đầu nàng trao thân cho ta. Bắt đầu nhé..."

"Khoan đã hoàng thượng ơi, hoa mới nở chỉ vài mống, hãy chờ cho nở đầy hồ đã."

"Hồ mênh mông, sen vô số, biết chờ đến bao giờ?"

"Hợp lòng trời, có vận may, thì chỉ khoảnh khắc thôi. Hoàng thượng nhìn kìa, những sen trong tầm mắt ta đã bắt đầu khai hoa."

Bỗng một tiếng "ầm" vang ra. Trong chớp mắt, bất ngờ Thiên Hương lao xuống hồ và chìm xuống đáy nước.

Hồ không sâu, nước không đục, mà chẳng thấy xác nàng ở đâu.

Dưới ánh trăng thượng tuần, Xưa chỉ thấy những bọt tăm sủi lên làm xao động những búp sen sắp nở. Còn những đóa sen đã nở rồi, bỗng tả tơi rụng trên mặt nước, cũng trắng hếu như xác loài động vật thủy sinh ở ao đào quanh vườn Cơ Hạ ngày nào.

Bên kia cồn Tịnh Khiêm đom đóm bay tứ tán.

Đàn quạ ở Bái Bình hoảng hốt cất cánh bay rần rật.

HỒ MINH DŨNG
Atlanta, 5.1999



THẾ DŨNG

Nghĩ quẩn trong ngày tai nạn

1
Thế thái dâng đầy ám ngữ!
Suýt nữa:
Tâm đã dở dang,
Thân lại què quặt thình lình!
Lòng sấp ngửa ơn chín phương Phúc Đức...
Vì tôi mải cân đo xương cốt nhân tình?

2
Phương ơi,
Có thể chết vì rượu tình hay mưu độc,
Có thể chết bởi tai ương ngẫu nhiên
Có thể chết vì mùi hương của một nửa nụ cười
Chỉ cần: dẫu có vỡ, văng, tung, lăn vì mang nạn
Thì bánh xe ta vẫn lao về phía trước như Thơ!
(miễn không làm ai uổng mạng?)

Dâng

Điện tâm bung nở giọng, tiếng...
Sóng lòng nồng nã hương, âm...
Dâng Em cơn buồn cấm khẩu?
Dâng Em nỗi lệ cháy thầm?

THẾ DŨNG



TRẦN THANH HÀ

Tàu lớn



Mẹ bảo, con gái tuổi Hợi, sướng lắm nhé, mà cái lòng bày tay dày thế kia. Thì người ta chả bảo người có lòng bày tay dày là dày phúc. Anh Tân thì bảo, nhìn chữ biết người trọn vẹn. Anh Tân là anh Hiệp, sinh viên khoa sử, kèm hai đứa tôi học thi đại học. Mẹ lại bảo: "Lập cái lá tử vi." Bà thầy ghếch kính: "Số đẹp!" Mẹ hỏi: "Thế cháu phải duyên năm nào?" Bà thầy khoanh ngón tay trên lá số: "Thứ nhất: Ất Dậu, cuối năm. Thứ hai Bính tý. Cứ trúng hai năm đó là đại học... " Rõ ràng, mạch lạc đến thế ư? Tôi cầm lá số, thở nhẹ.

Tôi vào đại học, cả bố và mẹ đều yên tâm lắm. Từ nhỏ tôi vốn là đứa ngoan, ai nói gì cũng dạ. Bốn năm trời, tôi chúi mũi trên sách vở, năm nào cũng sinh viên tiên tiến, xuất sắc. Bọn bạn cùng phòng cười "Mày định chết già trên sách vở à?" Kệ, đến chạnh lòng tôi cũng không. Mãi sắp ra trường tôi mới kịp quen Bình. Bình học giỏi, hát hay, chừng mực. Lý tưởng theo kiểu tôi. Tôi sắp lịch, thì giờ học, thì giờ yêu, ngăn nắp đâu ra đấy. Tuần một buổi gặp nhau, đúng thứ bảy,

đẹp quá còn gì. Đi chơi, chỉ chạm tay đã xốn xang cả lên. Thiêng liêng như sách, như mơ. Bình đòi hôn, tôi lắc đầu, quyết không. Một lần, đến ba lần, Bình bảo: "Nhảm!" rồi khuya ấy về không thấy tới nữa. Tôi mở sách, chữ nghĩa mù mờ, mắt ướt mèm. Còn tin chỉ giận dỗi vu vơ, cái cốt ở trái tim. Nhưng Bình ra trường đi tuốt vào Nam, không cả chào từ biệt. Chị Thương cùng phòng dài môi: "Mày tưởng ghê gớm lắm sao? Mở mắt nhìn bọn đàn ông xếp hàng ngoài cửa phòng kìa!" Tôi tự ái, nhưng ích gì, thế nào thì Bình cũng ra đi. Mỗi tối chị Thương đi cùng một người, khuya về thở dài: "Chán chết được." Rồi tối sau lại đánh mắt kẻ môi, đi. Đàn bà kiểu đó không xứng nhìn nửa con mắt. Rởm đời! Tôi tự nhủ, quay mặt không muốn nghĩ.

Tôi về một mình. Mẹ hỏi: "Thằng Bình đâu?" "Đi rồi" - tôi uể oải. "Ừ thằng đó không xứng đáng" - mẹ nói. Không xứng thật - tôi nghĩ, rồi ngủ vùi, quên mất.

Tôi đi làm, trước bọn bạn ra trường cùng khóa. Lợi thế của cái bằng tốt nghiệp, một cớ để hãnh diện. Công việc không đúng chuyên môn, thu nhập chẳng cao lắm, chỉ đủ tiêu tiệm tùng nhưng bù lại là nhàn hạ, và quan trọng hơn là được ở thị xã, trung tâm tỉnh. "Nhất mày, mai mốt tha hồ vệ tinh quay chung quanh, đến rối mắt chọn..." - bọn bạn bảo. Mẹ bảo: "Đã bảo cái số mày tốt mà!" Tôi cười, chẳng biết có nên dạ không.

Tiếp tục cuộc sống ngăn nắp, đến công sở, về nhà, học thêm ngoại ngữ, tin học. Bố bảo: "Nghe dư luận cơ quan đánh giá rất tốt về con." Tôi lại dạ, nhưng mà buồn. Cái Minh nhà tôi vắng nhà suốt ngày suốt đêm. Bao nhiêu khách khứa đến nhà xoắn xuýt hỏi nó, như chỉ có nó trên đời, còn tôi không tồn tại. Bọn bạn gái hối hả lên xe hoa, hối hả sinh con đẻ cái, hối hả cơm nước giặt giũ, chúng chẳng có thì giờ đứng chuyện gẫu với tôi năm phút nếu lỡ gặp ngoài đường. Vậy là lúc rảnh rang tôi chỉ nghĩ đến Bình, coi như một ký ức thiêng liêng, thiêng cả cái cười trầm.

Hơn hai con giáp. Mẹ bắt đầu lo lắng. Mẹ đon đả chào anh kĩ sư hóa cùng xí nghiệp với bố, nhưng anh kĩ sư mãi tranh luận với bố về tình hình Bôxnia và khả năng con người thế kỉ hai mốt. Mẹ giở lá số, dò ngón trỏ: "Rõ năm nay, tuổi mụ hăm sáu..." tôi cười mẹ lẩn thẩn, nhưng giật mình. Năm nay, có thể. Đầu năm Quang bảo: "Cưới nhau, nhất định!" Tôi giấu nhẹm cả nhà, vì Quang bé hơn tôi, sinh viên mới

ra trường, đi chơi bằng xe của tôi, uống cà phê cũng bằng lương của tôi nốt. Quang dẫn tôi về phòng, giới thiệu rõ kêu. Chú Tấn trưởng phòng Quang bắt tay chúc mừng. Thế thì tin quá đi chứ, sao lại phải lo. Tôi đợi Quang đi phép, đúng mười lăm ngày. Quang trở lại, vừa cười về kể: "Bố bảo vui chơi thì được, nhưng lấy vợ thì chưa phải lúc." Tôi tự ái định hỏi, thế thu xếp ra sao, nhưng chưa mở miệng Quang đã áp môi hôn, mãi lâu sau mới bảo: "Mặc kệ, chả cần nghĩ."

Quang hẹn ở công viên. "Ở đây nhé, đừng về!" Tôi gật. Tôi đâu phải trẻ con, dù tin hay không.

Mẹ vò đầu bứt tai: "Con ơi là con! Cho ăn học, lắm chữ lắm nghĩa vào mà dại dột lắm thế!" Bố ngồi yên rít thuốc, ra chiều suy nghĩ. Hôm sau hết giờ làm bố về ngay, không nán lại như mọi bận: "Bố đã xin cho con nghỉ phép. Một tháng. Con ra bác Thuấn. Bố đã gọi điện cho chị Hồng đi đón."

Tôi đến cơ quan, cả phòng rối rít hỏi thăm. "Ghép thận, hả? Hèn gì lâu nay trông mày gầy gò. Ừ, đi đi, nghỉ cho khỏe." "Xuống tài vụ ứng lương. Bác bảo tài vụ rồi" - ông giám đốc bảo. "Có gì mà phải bàn giao, hồi mày chưa về tao vẫn làm một mình, chết ai!" - chị Thắm cùng tua kế hoạch bảo. Tôi chắc lưỡi, xếp mấy cuốn tài liệu vào hộc bàn, tính sau.

Mẹ xếp hành lí vào ba lô, mấy cái váy mặc mùa hè, hai bộ áo tắm, cặp bánh, trái cây để ăn vặt trên tàu. "Gắng ăn gắng ngủ kẻo xuống sức" - mẹ dặn. Bố đèo ra ga, dặn lui dặn tới: "Yên tâm tĩnh dưỡng, con ạ, đừng lo công việc, về lại làm thôi." Tôi quay mặt, không dám nhìn lâu dáng bố bồn chồn dưới sân ga. Tàu kéo còi tu tu rồi lao đi trên hai vệt ray kẻ sẵn phía trước, dưới bánh sắt. Phố xá, làng mạc hun hút chạy qua ngoài cửa sổ tàu. Một sự xê dịch về mặt không gian, hiển nhiên đi khỏi một thị xã ừng ực gió lào. Xếp lại việc làm để đến một nơi yên tĩnh hơn, ăn ngủ, làm gì tùy thích. Quan trọng là khỏi gặp Quang, chỉ thế. Nhưng có thay đổi được gì, cuộc sống này, tình yêu kiểu kia, cấu trúc đầu óc và tâm hồn, cả lá số tử vi lập năm nảo năm nào mẹ vẫn hay giở ra mỗi lần lo lắng.

*

Chị Hồng dẫn tôi đến bệnh viện, giới thiệu: "Chị Nhâm, bạn

chị, bác sĩ?" Tôi gật đầu chào, kèm một nụ cười xã giao. Hai người dẫn tôi dọc theo một hành làng dài hun hút. Một căn phòng với những bức rèm màu trắng phủ kín, những hộp dụng dụ, những chiếc khay, một cái bàn kì lạ, tất cả đều sạch sẽ tinh tươi, sự tinh tươm đến không sinh khí. Chị bác sĩ cho tay vào một thứ găng mỏng màu da. "Em nằm lên đây, thế! Kéo váy lên! Đặt hai chân vào đây!" - chị bác sĩ mỉm cười, nhỏ nhẹ. Thật ngốc, tại sao tôi không thể hiểu chuyện này ngay từ đầu. Tồi tệ hơn nữa là giờ đây chẳng biết mở miệng ra để nói một điều gì. Tôi nghĩ đến cái quần trinh tiết của Bà Mẹ Vĩ Đại của ông Mackêt. Lẽ ra sáng nay không nên mặc váy mà phải mặc quần bò, đấy cũng là một thứ trinh tiết thời thượng được bày bán đầy rẫy trên tất cả các hàng phố ngày nay.

Có tiếng xịch cửa. Hình như chị Hồng ló đầu vào: "Thế nào?" "Chóng thôi. Mày đợi một lúc." "Sao, em sợ à? Nhẹ nhàng thôi. Em sẽ thoải mái ngay tức thì" - vẫn giọng chị bác sĩ ân cần. Im lặng "Em tin chị đi!" - chị lại nói và vuốt vai tôi. Một khối băng lạnh trườn dọc theo cái vuốt vai hiện thân của sự thông cảm. Tôi nhắm mắt, nước mắt trào ra, nóng hổi. "Nín đi em. Mà thôi. Hay để mai vậy, chừng nào em bình tĩnh lại." Tôi cắn môi, lưỡi chạm vào thứ chất lỏng nhòe trên mặt, mặn đắng. Cửa lại mở. Lần này chị Hồng bước vào thật. "Thôi, để tao ở đây với nó. Thế nó đỡ sợ hơn" - nói với chị bác sĩ. Với tôi: "Nghe chị, cưng, chỉ một lúc!" Thêm một cái nắm tay, thật chặt.

Một con gián hôi thì đúng hơn, đang thò râu ngửi, và bắt đầu gặm nhấm. Khi cái khối gặm từ từ nham nhở sứt mẻ đi, phía sau bụng nó để lại những vệt nhãi nhớt nhờn nhợt. Bây giờ nó đang gặm tôi, gặm một cách khoái chí, chậm chạp, vừa gặm vừa cười, vừa lách cách răng. Bây giờ, đến không một gờ ram sợ hãi, không chút đau khổ hay ghê tởm. Mọi cảm giác đã đông cứng, lì trơn...

Tiếng một thứ gì đó rơi xoảng. Chị Hồng hốt hoảng: "Sao?" Rồi yên lặng. Một lúc chị bác sĩ cất giọng khàn đặc: "Nó còn trinh!" "Hả?" - chị Hồng bật dậy. Tôi cựa mình, úp mặt xuống, lại khóc. Không phải đau đớn, không phải vì vui sướng, tôi khóc cho niềm tin của mọi người.

*

"Thế là tốt rồi" - chị Hồng nói và cụp mắt xuống. "Dạ!" - tôi

đáp, cố nở một nụ cười hàm nghĩa. Như thế dễ an lòng hơn. "Cháu nhớ lấy trái cây trong tủ lạnh mà ăn nhé! Chiều bác lại mua" - bác Thuấn gái dặn trước lúc ra khỏi nhà. "Báo đây, bác để trên đầu bàn" - bác Thuấn trai chỉ đống báo đủ các loại. "Hay chị nhờ bạn chị đưa em đi chơi..." chị Hồng gợi ý. Tôi chớp mắt, ra vẻ cảm động. Vậy là tương đối đầy đủ, vậy là để khỏi áy náy cho chuyến đi của tôi, cả để khỏi bẽ bàng về chuyện hôm nọ. Tất phải thế thôi. Tôi không có quyền trách.

Vùng biển phía trước mặt vẫn từng giờ lặng lờ, không có sóng, nước đục ngầu khẽ khàng vỗ óc ách, tấp vào vô số rác rều, xác cá. Thông trên đồi im phắc, uể oải sống, uể oải xanh. Những con thuyền về bến vào lúc sáng sớm, tấp nập giao cá, rồi ngày ngủ yên dưới nắng, chiều hối hả ra đi, để sáng sớm mai lại về. Xa hơn một chút, phía mỏm đá nhô ra khỏi vịnh, thường có một người đàn ông ra câu cá. Việc anh ta cứ loi choi hết tảng đá này sang tảng đá khác dăm bữa đầu làm tôi thích thú về sau chẳng có gì để nhìn nữa. Ngay bản thân cuộc sống từng ngày diễn ra đến lúc cũng tưởng như nó không hề tồn tại.

"Cháu không ra bờ biển à?" - Đấy là bà cụ thân sinh bác Thuấn. Bà ngồi trên xe lăn, sát cửa sổ, mải mê nhìn ra phía xa. Bác Thuấn kể, bà yếu đã mấy năm nay, không đi lại được, chỉ ngồi thế... "Cháu có nhìn ra biển không?" - bà cụ hỏi. "Dạ có! Phía ấy biển rộng và xanh" - tôi đáp khẽ. "Cháu có thấy con tàu lớn có cột buồm trắng không?" - bà lại hỏi. Tôi giật mình nhìn mắt bà cụ. Mắt bà phủ dày một thứ màng trắng đục, vô cảm. "Dạ có!" - tôi nói. "Bà biết mà! Cháu có thấy nó quay mũi vào đây không? Nó chuẩn bị cập bến đấy, bến trước mặt nhà ta, cháu ạ!" - bà nói trên nét mặt dường như da kéo lại, biểu thị một nụ cười. "Cánh buồm lớn lắm, phải không cháu?" "Dạ!" - tôi lặp lại. Nhưng phía ngoài xa không phải chỉ có một con tàu mà có rất nhiều tàu, những con tàu lớn, tất cả đều có cột buồm màu trắng, tất cả những cánh buồm đều lớn và tất cả chúng, chỉ đi ngang qua trước tầm mắt để cập cảng Hải Phòng, ở phía kia...

"Cháu đã bao giờ ra đi chưa?" - bà cụ chỉ tay về phía biển - Nơi chỉ trời và nước?" "Chưa ạ!" - tôi nói và trên khóe mắt bất chợt ứa ra một giọt nước mắt, chỉ một giọt, lăn dài xuống gò má. "Bà thì đã từng, thời bà còn trẻ, bà đã biết thế nào là sóng lớn, đã biết say..." "Dạ, ngoài kia sóng lớn..." - tôi đáp, như một phản xạ tự nhiên, nghe lòng quặn lên một thứ cảm giác xốn xang, thổn thức.

TRẦN THANH HÀ



LÊ TRỌNG PHƯƠNG

Khất mưa

tỉnh lẻ
　tầng hai rưỡi
ngây ngực em chấp bờ dần dật
khất mưa lần lữa bữa.

Đọt mây

đọt mây
dùn sợi nhỏ
giấc em đòng
tóc mềm cửa sổ
mùa day mí cặp bờ.

Trắng dòng

mảnh giấy
chín hơi em
trăng trắng trăng chệch trắng dòng
chìm
kẻ hờ thở lưng đêm.

Đàn bà

đàn bà
mùa nhức nhối
hai mươi bảy
lần nấc dấu đơn
trơ bãi mìn
lật ngửa.

LÊ TRỌNG PHƯƠNG



CATHERINE ARGAND
cho tạp chí LIRE - tháng tư 99.

Linda Lê
khúc điếu ca: Thư Chết (*)



LTS: *Linda Lê sinh ngày 3 tháng 7 năm 1963 ở Đà-Lạt. Cha cô là kỹ sư, và mẹ, người sống phiêu bạt, họ sinh được bốn cô con gái. Gia đình này dọn về Sàigòn khi Linda được sáu tuổi. Năm cô mười bốn, mẹ và các con gái hồi hương về Pháp, bỏ bố cô ở lại Việt Nam. Ông không được gặp lại Linda cho đến lúc qua đời.*

Cô ra cuốn truyện đầu tay năm hai mươi mốt tuổi, làm việc cho nhà xuất bản Hachette của Pháp. Từ hai năm nay, cô sống bằng tác quyền. Linda thường viết văn vào buổi sáng, chiều đi xem phim, và đọc sách buổi tối.

Với Catherine Argand, người phỏng vấn, Linda đã đi bên bờ vực thẳm trong tâm trạng lưu vong hẳn dấu, như một người ngoại quốc mãi xa lạ. Sự điên loạn cũng như hình ảnh người cha đã chết đơn độc ở Việt Nam ám ảnh cô triền miên. Cô đã sáng tác một khúc tưởng niệm, một bản điếu tang cho cha mình, đó là tác phẩm gần nhất: ''Lettre morte, Thư chết''.

Thư Chết của Linda Lê nói lên hai sự phản bội: của người tình, Morgue, tên dụ dỗ thô tục, và của chính người kể chuyện, cô ta đã từ chối không đi tìm gặp ông bố đang gọi kêu con lúc gần chết. U uẩn và độc hại, truyện kể của Linda Lê vọng cao tiếng kêu dằng xé của một sự mất mát, dù cuối cùng nó đã được chấp nhận.

C.A. (Catherine Argand): *Morgue, người tình trong truyện của cô là một thứ rác bẩn. Cô yêu thích những gặp gỡ xấu xa ấy sao ?*

L.L. (Linda Lê) : Tôi bị lôi cuốn bởi những thực thể bi thảm, như ham muốn trẻ con được gặp chó sói, được sợ. Khi còn bé, tôi thích đọc '' Cô bé bán diêm'' hơn là ''Cô bé quàng khăn đỏ''. Trong ''Thư Chết '', mối quan hệ giữa Morgue và người kể chuyện tựa như giữa người tra tấn và kẻ bị nhục hình. Nó gần với điều mà nhà văn nữ người Áo, Ingeborg Bachmann, gọi là vi-rút của trọng tội, và là điều người ta bắt gặp trong mọi cặp tình nhân.

C.A. : *I. Bachmann là đàn chị của cô?*

L.L. : Bà ta ám ảnh tôi. Vả lại, để viết truyện này, tôi đã tìm hứng từ ''Malina''. Tôi thích tính yêu sách trong suốt tác phẩm của bà, cách bà ta nói rằng ''Ta có thể đòi hỏi được sự thật ở một người. Những con mắt phải mở sáng''. Bà đã diễn tả nỗi đau là người dân của một xứ sở mình căm ghét. Bà đã biết nói về tình yêu của mình với những người đàn ông, lật tẩy họ toàn diện với vẻ mỉa mai hầu như tình tứ. Đấy cũng là một ý thức: bà rất thông minh không viết ra những bài bó buộc nhưng đã có nghệ thuật để nói về những điều khủng khiếp của thế kỷ.

C.A. : *Truyện này của cô (Thư Chết) xem như là cuốn cuối của một thiên truyện ba cuốn. Chấm dứt một vòng?*

L.L. : Vâng, và tôi mở một vòng khác. Đây là một cuốn truyện móc nối, nó khép lại những điều mà tôi xem như một bộ ba dành riêng cho cái chết của người cha, và về bệnh điên nảy sinh từ cái chết đó cho người kể. Truyện ''Les trois Parques (**)'' tham sát từ xa đề tài này, dựa vào nhiều dẫn giải văn hóa và văn chương. Ngược lại ''Voix, Tiếng nói''là một vật liệu thô, phân đoạn vỡ vụn, tức thời. Còn truyện này là một độc thoại.

C.A. : *Cô muốn đi đến điều gì ?*

L.L. : Với ba cái nhìn này tôi đã làm một thử nghiệm mà ban đầu

ngỡ rằng bất khả : đạt được một tầm vóc gần như phổ biến; không nằm trong vòng một tự truyện; biến cái chết của người cha thành một cái chết biểu tượng. Vì thế, ''Les trois Parques'' thuộc về thần thoại, ''Voix'' là của giấc mơ, và ''Lettre morte'' là lạm dụng ảo tưởng, để cho cái tang không còn là một cái tang riêng tư.

C. A : *Cô bảo rằng tác phẩm này mở ra một vòng mới, vậy vòng ấy chứa đựng những gì ?*

L.L. : Tất cả những truyện trước của tôi đều là những tác phẩm của nguyền rủa, của tức giận. Trong mỗi cuốn, tôi kêu ca, tôi dựng lên một bản buộc tội thế gian. Với ''Voix'' và cơn khủng hoảng mà tôi đã trải qua, sự nóng giận đã tắt ngấm, nhường chỗ cho sự bình thản, nó đã cho phép tôi đi tìm một văn phong khác. Có thể tôi sẽ viết những tác phẩm sáng láng hơn tuy vẫn nghiêng xuống những hố thẳm mà tôi luôn luôn thám hiểm nhưng, có thể, với nhiều sắc thái hơn, dịu dàng hơn trong nỗi buồn.

C.A : *Nỗi tuyệt vọng có mùi vị gì ?*

L.L. : Nếu trong thời gian trước đây thì tôi đã trả lời : nó có vị máu. Bây giờ, tôi bảo rằng đó là mùi của sự tàn nhẫn, theo nghĩa mà Artaud đã dùng để nói đến kịch trường của sự độc ác. Trong nghĩa của một vẻ đẹp rúng động chứ không phải của tính bạo tàn.

C.A. : *Sẽ là giờ của hòa giải sau giờ nguyền rủa ?*

L.L. : Gần đúng với chữ then chốt của điều tôi đang viết. Ít nhất ở thời điểm này, tôi có cảm giác tự hòa giải với chính mình.

C.A. : *Trong ''Voix'' và ''Lettre morte'' cô đã nêu ra cơn khủng hoảng đẩy cô đến gần bờ điên loạn và ý muốn tự vẫn. Sự khủng hoảng đó xảy ra như thế nào ?*

L.L. : Khi bố tôi mất ở Việt Nam năm 95, tôi đã thai nghén một nỗi đau vô bờ trong hai năm. Và bào thai chỉ ra đời cùng với sự kết thúc ''Les trois Parques''. Những ảo giác, tư tưởng tự vẫn, những tính nết cuồng si kiêu hãnh đã hành tôi đau đớn. Khi mà bố tôi còn sống, tất cả tác phẩm của tôi đều dành cho ông. Ông là độc giả lý tưởng, người đọc tưởng tượng của tôi. Lúc ông đã qua đời, tôi cũng mất đi người đọc của mình, cả bầu trời trở thành hoang vu, thế gian không còn Thượng Đế. Tất cả không có tiếng nói, chẳng còn tiếng vọng cho những gì tôi có thể viết ra. Tôi đã viết ''Les trois Parques'' trong tâm trạng cô đơn tuyệt đối và tự nguyện. Vì thế, trong truyện này đã có

một sự phóng túng ngôn từ, bởi vì tôi tự giam cầm mình. Những ăn mày, say rượu là loại người duy nhất hiện hữu với tôi, tôi đánh giá thanh cao những lời loạn ngôn của họ. Những thứ còn lại đều đáng nghi ngờ, giả tạo. Nhiều tuần lễ nguyên tôi đã ngậm tăm, không nói một lời.

C.A. : *Điều gì xảy ra khi nỗi đau bung vỡ ?*

l.L. : Tôi đã cảm nhận một sự khủng hoảng hầu như huyền bí, một cơn dữ dội làm tôi không còn tin vào quyền lực của văn chương, vào khả năng cứu rỗi những kẻ đến gần nó. Tôi tưởng mình sống những cơn ác mộng, trong đó ta gào kêu mà không tiếng nói nào bật ra nổi, như bị bóp cổ, chết ngạt. Lần đầu tiên tôi thấy rằng chữ nghĩa chẳng cứu vớt mình được nữa.

C.A.: *Thế thì từ đâu văn chương đã cứu thoát cô cho tới lúc đó?*

L.L.: Từ cảm giác tôi vẫn có, là cái chết rất gần kề, cảm giác về sự chết trước cái chết, cảm giác của thối nát, tan rã. Thế nhưng, khi tôi ở trong tình trạng khủng hoảng này, tôi đã sống đối diện với hình ảnh một xác ướp khô đét. Tôi có cảm tưởng nếu mình cứ khăng khăng bài kích, chắc chắn mình sẽ trở thành một xác người còn sống trong những gì tôi viết.

C.A.: *Chữ nghĩa đã trở lại với cô như thế nào?*

L.L.: Bằng những sự việc, sau một thời gian nằm bệnh viện mà tôi trở thành khán giả trước cơn điên của những người khác. Một cơn điên nói lên được bao điều, bởi vì những người đàn bà ở đó, với tôi, đã phát biểu rất nhiều. Thật lạ lùng, lời và tiếng nói đã trở về khi tôi nghe những câu nói loạn đảo của kẻ khác. Chính sự mất trí đó đã giúp tôi tìm lại trí óc của mình, tìm được một ngôn ngữ tiếp nối cho lúc mà tôi đã không còn nghe ra được nữa những ánh vang của tiếng nói. Cơn khủng hoảng tôi trải qua đã phá vỡ những rào chắn mà tôi tự dựng lên cho đến bấy giờ. Tôi khám phá ra một khái niệm rất quan trọng, đó là bi ca, ta thán. Tôi bắt đầu thăm dò phần đất của sự hoài nhớ như một luyến tiếc quá khứ. Cảm nhận quá khứ trong những gì thiêng liêng nhất, chứ không phải là thứ màu mè hay đa cảm.

C.A.: *Như thế, đó là cơn khủng hoảng bổ ích?*

L.L.: Rất bổ ích. Mãi về sau, chú ý tới tất cả những điểm khác biệt, tôi đã nghĩ đến cơn khủng hoảng của Tolstoi. Sau biến cố này ông đã từ bỏ Anna Karenia và quay về với những sáng tác khác, những

tác phẩm của cuối đời ông, chúng hay hơn tất cả. Cơn dao động như thế thật sự là địa chấn. Nếu văn chương cho phép ta thoát khỏi điều đó thì nó còn hơn là sinh tử.

C.A.: *Cô nghĩ gì về sự điên loạn?*
L.L.: Những nhà văn điên hay sống trong nỗi lo sợ sẽ trở thành điên như Hölderlin, Nerval, Artaud, Byron...ám ảnh tôi. Ngay từ thuở vị thành niên tôi đã có cùng nỗi sợ hãi trở thành loạn trí ấy. Giống như họ, tôi nghĩ rằng, chỉ khi nào thấu hiểu vực thẳm người ta mới đụng tới được sự thật. Và chỉ nhờ vào sự thăm dò những bờ lề và những đêm tối người ta mới bắt gặp được huyền thoại. Điều quyến rũ tôi trong sự điên loạn là những tia chớp bất ngờ của sự sáng suốt, của kinh hãi hay phấn khích mà con người phải cảm thấy trong lúc ấy.

C.A.: *Khuôn mặt người điên ám ảnh sâu đậm tất cả các truyện của cô...*
L.L.: Đó là gia truyền. Một trong những tác phẩm đầu tiên in dấu trong tôi là chuyện một người đàn ông nghiện ma tuý và sợ trở thành điên như bà mẹ ông ta đã bị nhốt giam. Khi khám phá cuốn truyện này, tôi tưởng chừng như đọc chính câu chuyện của đời tôi và đấy là hình ảnh dự báo điều sẽ xảy ra.

C.A.: *Cô đã có ý tự tử, đã đốt hết các bản thảo mà cô viết sau ''Les trois Parques'', nhưng cô muốn giết ai như thế?*
L.L.: Tôi nghĩ rằng người ta chẳng thể viết khi không tự căm ghét mình, không chủ tâm đặt câu hỏi về phần kia trong mình, theo nghĩa dùng thời Trung cổ, phần mà mình muốn nó trở thành, và cũng là thứ mà ta mang theo như một xác người. Chính cảm giác này đã sống sót trong nỗi sợ hãi là đã sinh ra đời, đã lạc đường, đã giết chết người anh em sinh đôi và chưa thanh toán được nợ nần với hắn.

C.A.: *Ai là người sinh đôi mà cô đã giết hay cô còn thương tiếc?*
L.L.: Tôi thấy mình còn mang nặng một xác người. Chắc chắn đó là nước Việt Nam mà tôi đeo mang trên mình như một đứa bé đã chết.

C.A.: *Làm sao cô có thể xem xứ sở, đất nước, tiếng nói của cô như một xác chết?*
L.L.: Tất cả đã được giải quyết. Và nhà văn Conrad, người đã bội phản tiếng nói, gia đình, quê hương là một kiểu mẫu cho tôi. Đối với ông ta, trở về nhà giống như về thanh minh giải thích. Tôi thấy mình

như một người ngoại quốc viết tiếng Pháp. Tôi dùng chữ ''ngoại quốc'' với niềm kiêu hãnh. Tôi là kẻ xa lạ với cuộc đời, với thực tại, với đời sống và xứ sở mà tôi đang ở, và với quê hương.

C.A.: *Cô khước từ mọi tình cảm lệ thuộc?*
L.L.: Vâng.

C.A.: *Ngay cả lệ thuộc vào một thời đại?*
L.L.: Càng hơn nữa, tôi rất ít khi đọc những người đồng thời.

C.A.: *Như vậy, phụ thuộc có nghĩa là chết?*
L.L.: Vâng, đại khái như thế.

C.A.: *Chỉ có văn chương là thứ tổ quốc mà cô nhìn nhận?*
L.L.: Vâng, như một chỗ ở mà tôi chưa thăm thú hết những căn phòng của nó.

C.A.: *Cô giữ mối liên hệ ra sao với tiếng Pháp, ngôn ngữ cô thừa nhận?*
L.L. : Trước hết, tôi đã làm những thử nghiệm ngôn ngữ. Trong hai tác phẩm đầu - mà tôi đã gạt ra khỏi thư mục, cũng vì lý do ấy - tôi đã dùng một bút pháp rất cứng cõi và ứng dụng. Đấy là một cách để đứng ngang hàng với người bản xứ. Từ dạo ấy, vì ngôn ngữ đó không phải là của tôi, vì tôi không gắn bó vào một lề lối nào, cho nên tôi có thể đối xử với nó như một tín đồ tà giáo trước tượng thần, phục sinh, sáng tạo nó, là người nâng cao nó.

C.A. : *Chống đối đã trở thành bản chất thứ nhì nơi cô ?*
L.L. : Tôi luôn sẵn sàng ứng phó, tôi muốn mãi mãi được sống lưu vong. Hiện thời tôi mơ ước được đi nơi khác, để thêm một lần vong mệnh, không sống trong xứ sở mà tôi nói tiếng nói của nó nữa.

C.A. : *Cô thích đi đâu ?*
L.L. : Có thể là Bồ Đào Nha. Đó là giấc mơ tôi chia sẻ với một người bạn thân quí. Tôi nghĩ rằng người ta cần biết bôi xoá những điểm mốc, dè chừng những nền tảng gắn bó.

C.A. : Nếu không rời quê hương ở tuổi mười bốn, liệu cô viết văn không ?
L.L. : *Có chứ, nhưng viết những sách khác. Viết tức là tự lưu đày.*

Khi viết ta không còn mái nhà, chỉ có bầu trời là nơi ẩn trú, và ta yêu cái trơ trụi trước sự vật ấy. Một nhà văn chỉ có thể viết khi cảm thấy mình là một đứa trẻ được lượm nhặt về, một đứa con hoang. Đối với tôi, không là con của một ai, của một tổ quốc nào là thái độ duy nhất khả thể. Tôi nghĩ rằng, ta chỉ có thể sống ở đời nếu ta có một ý hướng chống đối lại tất cả, đã ăn sâu vào con người mình. Kháng cự với tất cả những gì mà ta thấy rằng chúng không xuất phát từ cái đẹp và từ sự thật. Tôi từ chối chuyện đi theo đường lối, như Thomas Bernhard.

C.A. : *Cô ghét bỏ nước Việt Nam không ?*
L.L. : Tôi không biết rõ về Việt Nam để mà ghét bỏ.

C.A. : *Cô có muốn hiểu biết về đất nước này ?*
L.L. : Tôi xem Việt Nam như một đất nước trinh nguyên mà tôi đã biết những nỗi đau và ước mong một ngày, tôi có thể dùng sự phản bội để ngợi ca nó, nghĩa là phải dùng đến một ngôn ngữ khác.

C.A. : *Việt Nam đã gợi hứng gì cho cô ?*
L.L. : Nguồn cảm hứng Việt Nam cho tôi là thứ mà người ta có thể nhận được khi đã quên mất đường về.

C.A. : *Ngày nay, cô cảm thấy thế nào đối với cha cô ?*
L.L. : Một sự sùng kính. Khi tôi còn nhỏ, mẹ tôi đau nặng, bố tôi đã săn sóc tôi nhiều lắm. Tôi còn nhớ những ngày chủ nhật ở Đà-Lạt, ở phía Bắc Sàigòn, những buổi picnic, những cuộc dạo thuyền...Tất cả chao đảo hết khi chúng tôi dọn về Sàigòn. Tôi rơi từ thiên đường tuổi thơ xuống địa ngục. Hồi ấy tôi lên sáu, thành phố là một cái lò lớn và mối quan hệ giữa bố mẹ tôi đã bị thoái hóa nặng nề. Bắt đầu từ đó là sự sụp đổ, là cảm tưởng bị đọa đày. Từ đấy, bừng lên trong tôi cái nhìn rất đen tối về cuộc đời. Tôi đã nhìn thấy sự điên loạn, cái chết. Lúc đó, tôi khám phá ra rằng, quan hệ vợ chồng là quan hệ chiến tranh. Trong bốn đứa con gái của cha tôi thì tôi là đứa sùng kính ông một cách quái đản nhất. Trong khi ông biểu hiện sự thất thế, một người đàn ông bị mất thể diện trong gia đình mình, thì đối với tôi, ông là một anh hùng.

C.A.: *Cô không cảm thấy rằng cơn khủng hoảng của cô thể hiện ý muốn hóa thân thành người cha, muốn sống cuộc đời của ông ấy?*
L.L.: Một bác sĩ tâm thần đã giải thích như vậy. Rằng sự lang thang ám ảnh tôi hay ý nghĩ nhốt mình trong một tu viện vào thời điểm ấy là một cách bất tử hoá cha tôi đang bị giữ lại trong xứ sở ông như

trong nhà tù và ông chẳng có chỗ nào để đi một khi được ra khỏi nơi ấy. Vì mẹ tôi không muốn đón nhận ông nữa. Ngày hôm nay, tôi đã chôn cất ông.

C.A.: *Liệu ông sẽ còn xuất hiện trong tác phẩm của cô?*

L.L.: Truyện ''Calomnies, Lời vu khống'' gợi chuyện đi tìm người cha, ''Les trois Parques''nói về ông bố mà ta muốn từ bỏ. ''Voix'' là sự tìm kiếm người cha thần thoại đã ám ảnh những đứa con gái của ông ta với một thứ gì rất loạn luân. Trong ''Lettre morte'', ông ta đã hoá đôi thành người cha và ông chú điên, thành ông bố và người tình, một ông bố bị thất thế và một người tình chiến thắng. Trong truyện mà tôi đang viết, ông sẽ khác hẳn.

C.A.: *Tại sao cô không về gặp lại ông ở Việt Nam?*

L.L.: Người ta luôn luôn phản bội điều người ta yêu quí. Nếu không, ta sẽ giết chúng. Bố tôi là người công giáo, tôi rành thánh kinh nhiều hơn những giáo điều của đạo Khổng. Tôi luôn nghiêng về Thiên chúa giáo. Vị thành niên, tôi thích đọc về các vị thánh, rồi Dostoevski và Kierkegaard đã thẫm nhập vũ trụ của tôi, nuôi nấng nó bằng sự phạm tội và hành xác. Tôi luôn bị thu hút bởi những nhân vật thần bí, bởi lời nói của họ vừa phát sinh từ sự qui phục Thượng Đế lẫn dấy loạn tuyệt đối, và bởi sự chú tâm của họ trước điều hèn hạ. Đặc biệt tôi thích thánh Thŕse d'Avila với hành động và đời sống của bà và ''Therese Chateau interieur''. Saint Jean de la Croix đã mê hoặc tôi qua kiểu cách của người. Ngày nay vẫn thế, tôi thường vào nhà thờ khi dạo chơi. Và nữa, tôi nghe rất nhiều nhạc đạo, nhất là Buxtehude.

C.A.: *Sự thu hút bởi những thần thánh này đã nuôi dưỡng việc làm của cô tới chừng mực nào?*

L.L.: Nó nuôi sống trí tưởng tượng lẫn văn phong của tôi. Những bài xích, nguyền rủa trong ''Les trois Parques'' là một cách nhắm vào Thượng Đế. Với ''Thư Chết'', tôi muốn viết một bài ca tang chế, sáng tác nó như một khúc kinh cầu, câu thần chú khắc nghiệt này. Trước đây cái nhìn thần bí thấm đẫm văn phong tôi, bây giờ, trong tác phẩm này, thì chính hình thức đã được mô phỏng theo.

C.A.: *Cô tin vào Thượng Đế hay đó chỉ là cái cớ?*

L.L.: Là một cái cớ. Tôi không tin Thượng Đế. Thuyết thần bí là một cách để phục hồi, lật ngược, vặn bẻ một điều gì với ý thức phạm tội.

C.A.: *Vậy cô muốn gì?*

L.L.: Chẳng muốn gì cả. Chắc chắn là viết mãi, tìm ra chữ cuối cùng, chữ đã thiếu sót, chữ của tình yêu chúng ta, của niềm kiêu hãnh, sự sợ hãi trong ta, của cái vô nghĩa của cuộc đời. Có thể khi tìm thấy nó thì đã quá muộn, lúc ta không còn viết nữa. Hölderlin đã tìm ra nó trong ngọn tháp, Nerval lúc ông treo cổ. Chính vì thế mà tôi bị quyến rũ bởi những lời nói sau cùng của người hấp hối. Một trong những nhân vật của Henry James đã kêu lên:''Cuối cùng, đây rồi, đóa hoa ưu nhã''. Còn bố tôi, ông đã hỏi mấy giờ.

C.A.: *Cô thích được chết như thế nào?*

L.L.: Trong một rạp xi-nê, lúc đang xem cuộn phim ''Les contrebandiers de Moonfleet'' của Fritz Lang. Phòng chiếu bóng là nơi tôi cảm nhận mạnh mẽ hơn cả về sự mầu nhiệm của thiên đường đã mất.

MAI NINH *chuyển ngữ.*

(*) : tựa đề của *Hợp Lưu*

(**) *Les trois Parques :* biểu tượng những người đàn bà già.

Các tác phẩm đã xuất bản của Linda Lê (nhà xuất bản Christian Bourgois, Pháp) : *Calomnies* (1993), *Les Dits d'un Idiot* (1995)., *Les trois Parques* (1997), *Voix* (1998), *Lettre morte* (mới nhất) và *Tu ecriras sur le Bonheur* (tác phẩm mới, nhà xuất bản PUF, Pháp).



THIÊN YÊN

Chuyện , những lớp mặt người

sẽ không có những lớp mặt
để người bóc gỡ
người phải tự nặn ra
từng lớp nọ
tới
lớp kia
cho dịu bớt cơn đau
ập đến và lẻn đi
nhanh như một thằng ăn trộm

sẽ không có gì làm khôn
hơn bi kịch của tôi
đợi mong
rơi
ngã xuống vòng tay
lọt lướt qua những :" vậy là tại sao ? "
thấm rỉ vào dấu chấm
của một đời

sẽ không có ai để nói
con đường nào dẫn ...
sự thật hay giấc mơ
mà răng người ung thối
cứ từ chối tôi là
mở đầu câu chuyện

THIÊN YÊN



PHAN THỊ TRỌNG TUYẾN

Đọc “ Người Trung Quốc xấu xí “



Người Trung Quốc xấu xí ra mắt bạn đọc đầu hè 98 tại Paris.

Thi sĩ Nguyễn Hồi Thủ[1] (khổ) dịch[2] từ một bản in ở Trung Quốc[3] (TQ) của tác giả Bá Dương (Bo Yang) sau một chuyến đi TQ cách đây năm năm.

Người Trung Quốc xấu xí (Chõu lòu de Zhong Guó rén) tập họp những bài viết và nói chuyện từ năm 1977.

Bá Dương sinh năm 1920 ở Trung Hoa lục địa, chạy sang Đài Loan từ 1949: *Tôi sống ở Đài Loan hơn 30 năm, mười năm viết tiểu thuyết, mười năm viết tạp văn, mười năm ngồi tù, còn mười năm tới sẽ viết lịch sử* (tr. 23) theo bài tựa “Người Trung Quốc xấu xí “ đọc tại đại học Iowa năm 1984, Và ông cho biết lý do ngồi tù: *vì tôi đã nói lên vài sự thật.*

Cách đây hai tuần[4]. khi vừa đọc xong, tôi cố tìm Nguyễn Hồi Thủ, mong được phép chất vấn ông. Bởi tôi đinh ninh ông dùng tựa sách này để nói về người mình, như mấy ông Mỹ, Nhật và cả Việt nữa trong quá khứ: *Người Mỹ ưu tư, người Mỹ trầm lặng, người Nhật xấu xí, người Việt cao quí*[5]. chính ông nói đến quyển sau này trong “lời người dịch” Quá nhiều bóng dáng (người) mình trong đó. Tôi nghi rằng NHT sợ đi chợ khu 13 bị “anh em” chận đường... hỏi tội, nếu ông dám giữ tựa đề Người Việt xấu xí.

Nhưng nghĩ đi nghĩ lại, tôi biết đã nghi oan cho người ta. Thêm

nữa, cách đây vài tháng (lúc đó tôi chỉ mới đọc lời giới thiệu NTQXX ở báo Thông Luận, chỉ nhớ tên Nguyễn Hồi Thủ, vì đã có dịp đọc thơ ông) nhân trò chuyện với một sinh viên người Tàu của đại học Phục Đán, Thượng Hải , tôi có hỏi về quyển này -dịch bừa là the ugly chinese- May sao tôi gặp được chú bé, học khoa học nhưng ưa đọc sách văn chương đông tây kim cổ, trong và ngoài nước Tàu lục địa, đúng là học trò giỏi của đại học nổi tiếng nhất nhì ở TQ, chú ấy bảo có đọc và biết tác giả là người Tàu Đài Loan[6].

Vậy thì còn nghi ngờ chi nữa. Nhưng tôi vẫn thấy cứ như ông Bá Dương nói về người Việt chứ không phải người Tàu. Nhìn ra mình trong bức họa người, chắc là chuyện giống nhau lông cánh gì đó chăng?

Theo cổ sử Trung Hoa, phía bắc sông Dương Tử, khi dân Trung Hoa đã văn minh, có đất nước thiên tử , phía nam chỉ là những bộ lạc, người Hoa gọi chung là Bách Việt (BV). Chúng ta ngày nay là hậu duệ của một trong các nhóm người nam man ấy. Coi bộ dân tộc "văn minh" này (người TQ) nói rõ chúng ta chả có họ hàng chi với họ , nhưng xưa nay bên ta vẫn có người cứ muốn bắt quàng làm "con cháu" người sang.

Theo sử Việt Nam, Đế Minh cháu ba đời Thần Nông (**thần của người Tàu**) đi tuần thú phương nam, lấy con gái Vụ Tiên, sinh ra Lộc Tục.

Lộc Tục được Đế Minh cho làm vua phương Nam tức Kinh Dương Vương, Đế Nghi làm vua phương Bắc (con bà cả, gốc ở phương bắc, giỏi nặn bánh bao?)

Kinh Dương Vương lấy con gái của Thần Long Động Đình Quân (gốc Nam hay Bắc?)

Thí dụ rằng bà tổ này là con gái Bách Việt, phần lai Tàu của chúng ta từ đây giảm bớt (?!) Con trai của Kinh Dương Vương, Sùng Lãm Lạc Long Quân lấy con Đế Lai là bà (tiên) Âu Cơ (biết hò giả gạo và nấu cơm?)

Xin nhắc Đế Lai là con Đế Nghi, vua phương bắc. Vậy bà tiên Âu cơ của chúng ta có lai Tàu không?

Nếu xem Lạc Long Quân với Âu Cơ chỉ là biểu tượng hay người cầm đầu, đám dân Bách Việt còn lại, cho đến nay, đã lai Tàu đến mức nào? Sử sách Tàu không lẽ lại quên vết tích một (vài) hoàng thân lưu lạc phương nam? Hay ta chỉ nên biết đến mức vua Hùng để khỏi nhắc đến mối dây nhợ lòng thòng khi thì máu huyết *anh em, tay chân môi răng , khi thì bè lũ bá quyền, bành trướng*?

Người Tàu xưa nay (sinh đẻ/sinh cơ/ sinh sống) ở đâu, vẫn luôn

quay về Tàu và sẵn sàng nhìn anh em với bất cứ người Tàu nào gặp gỡ ở bất cứ nơi nào trên thế giới[8]. Người Việt xưa nay (Mường / Kinh... .) thà trốn biệt trên núi hoặc chịu khổ nhục trong một thời gian (lệ thuộc, mất bớt lãnh thổ, xin lệ cống v..v..) rồi vẫn "ngoan cố" không chịu làm dân Trung Hoa[9].

Tiếng Việt, nghe rằng vay mượn đến sáu mươi phần trăm tiếng Tàu, nhưng đố ai chỉ học trường Việt, tiếng Việt , đi chơi Cấm Thành mua hàng (trả giá) mà không dùng tay chân.

Nếu xưa là anh em (chú bác?), nếu xưa là một (?), tại sao đa số chúng ta vẫn dài lâu cương quyết chối từ sự..tái hợp *một* nhà này?

Rồi đến nay, với những khai quật ở Đông Sơn, Sa Huỳnh... những công trình khảo cổ ở Việt Nam, tôi càng tin tưởng ở sự khác biệt đôi bên, từ những chỉ số sọ, màu da, nước tóc, đường nét môi răng, chiều cao lẫn bề dầy các thức trên người hay đồ vật... (nhân chủng), cho đến ngôn ngữ, phong tục, tập quán, truyền thống.. (văn hoá). Tin tưởng hầu tiếp tục cưỡng chống ý muốn châu (như Tây Tạng) về hiệp phố (Bắc Kinh) này, mong còn mãi cái biên giới rạch ròi hiện tại (cho dù rằng nó đã lùi khá nhiều từ thời Bắc thuộc, cả từ thời Pháp thuộc, nói chi đến thời hai Bà Trưng?! Nhưng đọc sách NTQXX xong lại đâm sợ: con cháu... Thần Nông không giống lông cũng giống cánh!

Xin giới thiệu cùng các bạn. Đọc xong, mong rằng bạn vẫn đủ lý lẽ khuyên tôi rằng "tôi ơi, đừng tuyệt vọng".

*

Quyển NTQXX gồm 3 phần: Thứ nhất: N*hững bài nói chuyện*. Thứ hai: *Những bài viết* và phần thứ ba là N*hững bài phê bình* (của người khác) về hai phần đầu.

Trong bài đầu tiên (Iowa 1984) khi nói đến "nỗi khổ nhục và gian nan làm người Hoa "bắt đầu từ những người Hoa ở trại tị nạn Khao Y Đăng, bị Việt Nam đuổi đi (bằng ghe thuyền sau khi trả tiền cho nhà cầm quyền - địa phương-và trung ương?-) Ông đặt câu hỏi *Người TQ đã làm điều gì ác...* (tr 18)

Ác với nhau:

Ngay cả đối với những người Hoa sống tại Mỹ cũng vậy, nào cánh tả,cánh hữu, trung lập, độc lập, thiên tả trung, trung thiên hữu, hữu thiên trung, vân vân và vân vân, chẳng biết đường nào mà mò. Người này đối với kẻ nọ đều mang mối cừu thù như nó giết bố mình. Thật không hiểu là thứ dân tộc gì?

Trên thế giới không có nước nào có lịch sử lâu đời như TQ,

không có nước nào có một nền văn hoá không đứt đoạn như TQ, mà cái văn hoá đó lại đã từng đạt đến một nền văn minh cao độ. Người Hy Lạp, thời nay với người Hy Lạp ngay xưa chẳng liên quan gì với nhau. Người Ai Cập cũng vậy. Nhưng người TQ hôm nay thì đúng là hậu duệ của người TQ cổ đại. Tại sao một nước khổng lồ như vậy, một dân tộc to lớn như vậy, ngày nay lại ra nông nỗi xấu xa ấy? Chẳng những bị người nước ngoài ức hiếp mà còn bị ngay dân mình ức hiếp. Nào vua bạo ngược, quan bạo ngược, mà cả dân (quần chúng) cũng bạo ngược.(tr. 22)

(...) *người TQ sở dĩ trở thành xấu xí như ngày nay bởi chính vì họ không hề biết mình xấu xí* (tr25)

Cái văn hoá truyền thống kiểu nào mới sinh ra cái hiện tượng này, nó đã khiến (...) chúng ta mang sẵn trong mình những đặc tính rất đáng sợ! Một trong những đặc tính rõ nhất là dơ bẩn, hỗn loạn , ồn ào. Đài Loan đã từng có một dạo phải chống bẩn và chống hỗn loạn , nhưng chỉ được mấy ngày. Cái bếp của chúng ta vừa bẩn vừa lộn xộn,. Nhà cửa chúng ta cũng vậy. (tr. 28)

(...) *Cho nên có thể nói , mỗi người Trung Hoa đều là một con rồng, nói năng vanh vách, cứ như là ở bên trên thì chỉ cần thổi một cái là tắt được mặt trời, ở bên dưới thì tài trị quốc bình thiên hạ có dư. Người Trung Hoa ở một vị trí đơn độc như trong phòng nghiên cứu, trong trường thi- nơi không cần quan hệ với người khác- thì có thể phát triển tốt. Nhưng nếu ba người TH hợp lại với nhau, ba con rồng này lại biến thành một con heo, một con giòi, hoặc thậm chí không bằng một con giòi nữa. Bởi vì người TH có biệt tài đấu đá lẫn nhau. Chỗ nào có người TH là có đấu đá, người TH vĩnh viễn không đoàn kết được....*(tr.30)

Nghe ghê chưa? Đã hết đâu:

... đường đường là một nước lớn. Thế mà thay vì có một tấm lòng bao la, người TQ lại có một tâm địa thật hẹp hòi (tr. 40)... đưa đến Một đằng tuyệt đối tự ty, một đằng tuyệt đối tự kiêu. Lúc tự ty thì thành ra tôi tớ, nghĩ mình không bằng đống phân chó. Lúc tự kiêu thì thành ông chủ, xem mọi người đều là cứt chó hết (...)

Viết được dăm ba bài văn là đã thành văn hào. Đóng được hai bộ phim đã là ngôi sao sáng của nền điện ảnh. Hai năm có được ít chức quyền nghiễm nhiên có thể cho mình là cứu tinh của nhân dân. Qua Mỹ học được hai năm đã trở thành một học giả chuyên gia.(tr. 41)

Theo tác giả, ấy do tội lỗi của đám nhà Nho đã bóp chết khả năng suy xét, tưởng tượng chẳng khác nào lấy cái túi nhựa bịt kín bộ não lại. Ông gọi là *hũ tương văn hoá Trung Quốc (dẫu có vứt mứt đào*

vào rồi cũng sẽ biến thành cứt khô).(tr.48)

Nếu người dân không tự nuôi dưỡng được cho mình cái trình độ phán đoán đánh giá những lãnh đạo của mình thì chẳng có lý do gì để trách ai cả. Đi tôn thờ một kẻ không tôn thờ được thì còn trách ai một khi kẻ đó cưỡi lên đầu lên cổ mình?(...) Dân chủ là một cái gì phải tự mình giành giật được, chẳng ai ban phát cho cả. (tr 49)[10]

Kết luận của bài nói: *Nếu mỗi người đều trở thành kẻ biết thưởng thức*[11]*, chúng ta sẽ có thể đánh giá chúng ta, hiểu rõ giá trị bạn bè, thấy rõ được mặt thật của những nhân vật lãnh đạo nước nhà. Đó là con đường trước mặt chúng ta phải đi, mà cũng chẳng còn con đường nào khác nữa.*

Trong bài *Người TQ và cái vại tương*, Bá Dương chê người TQ ưa làm quan, phong kiến, khi phán xét, suy luận, không dùng lý trí mà nặng về cảm tính; xã hội dựa trên tiêu chuẩn chính trị đạo đức thời phong kiến hủ Nho, đặt lợi ích của người làm quan lên trên. Lâu ngày, những thói tục xấu xa ăn sâu vào *"nhiễm thể"*, kết quả là *"quả báo nhãn tiền"*. Cuộc chiến tranh nha phiến là một thí dụ.

Dân vi quí, quân vi khinh (dân là quí, vua là thường) Đấy chỉ là một thứ lý tưởng mà TQ chưa bao giờ thực hiện (tr. 62) *Người TQ xưa nay có bao giờ biết dân chủ, tự do, pháp trị là gì. Tuy có người bảo chúng ta cũng có tự do, có thể chửi cả hoàng đế, song thật ra quyền tự do của chúng ta rất có hạn, bị kẻ thống trị khống chế trong phạm vi cho phép (... .) Phạm vi của tự do rất hẹp hòi. Đương nhiên có thể có cái tư do suy nghĩ vớ vẩn chứ các khái niệm dân chủ, pháp trị thì hoàn toàn chẳng có.* (tr.65)

Trong bài *Đời sống, văn học và lịch sử* , diễn văn đọc ở trường đại học Stanford (S. Francisco) năm 1981, đây là một trong những bài đầu tiên, chúng ta gặp trong đó các ý đã được khai thác ở những bài sau năm này.

Bá Dương liệt kê năm khuyết điểm:

thứ nhất: *vì nhân quyền, nhân tính, phẩm giá con người bị chế độ và xã hội phong kiến chà đạp trong suốt 5000 năm, khiến dân không còn lòng tự trọng (?) cái tự trọng còn lại chẳng qua cũng chỉ là cái tinh thần tự dối mình như A Q trong truyện của Lỗ Tấn (...). Ví dụ tôi đến thăm anh, thấy anh nhà cao cửa rộng (...) lúc ra khỏi nhà anh lại bảo "Ở nhà đẹp thế! Không biết ăn cắp hay ăn cướp ở đâu ra lắm tiền! Cầu trời cho ngày mai có đám cháy thiêu trụi cái nhà nó đi cho rồi!" Tâm lý (...) bị ức chế lâu ngày chỉ biết dùng cái tinh thần đó để tự thoả mãn.* (tr. 80). Đến nỗi, theo tiên sinh, hai lần thắng lợi lớn nhất của văn hoá TQ là khi TQ bị nhà (Bắc) Ngụy của Hiếu Văn Đế Thác Bạt

Hoành và nhà Mãn Thanh chiếm, lại chẳng đem kết quả tốt , bởi vì *Những kẻ xâm lược cố nhiên đều hấp thụ và kế thừa văn hoá TQ, nhưng lại tiếp thu cái phần kém nhất của văn hoá TQ, nên kết cục cũng chẳng ra gì. Thay vì trở nên hùng mạnh thì cả dân tộc họ lẫn dân tộc Trung Hoa lại càng suy thoái* (tr 78)

Khuyết điểm thứ hai là *4000 năm chiến tranh liên miên chỉ vì bần cùng, giết chóc, đố kỵ một cách lâu dài thành ra lòng dạ chúng ta thành hẹp hòi* (tr.82)

Khuyết điểm thứ ba là chế độ khoa cử, quan trường, tạo ra một tầng lớp *Quan liêu chẳng trung thành với quốc gia lãnh tụ gì cả, chỉ tận tâm tận lực với kẻ cất nhắc nó lên làm quan* (tr 85) (...) *Cái xã hội ăn chơi, phù hoa là nơi các quan ra oai, tự nhiên hình thành một hệ thống tương hỗ bao che giữa các quan với nhau - một quan hệ vô cùng phức tạp.* (tr 86) (...) *phức tạp đến độ một người lành mạnh không thể nào chịu nổi* (tr.89).[12]

Tinh thần Nho giáo bảo thủ, là khuyết điểm thứ tư, *khiến xã hội mất hết sức sáng tạo, mất tập quán tự tìm hiểu, tự phê phán* (tr 93)

Và nạn nhân mãn là khuyết điểm (cuối cùng) *TQ quá đông, nghèo khổ quá lớn, quan trường quá mạnh, cạnh tranh quá khắc nghiệt, những lý do này sinh ra nơi người TQ cái hiện tượng bẩn, loạn, ồn, xâu xé lẫn nhau (...) Tôi cho là TQ là một nước tuyệt đối không trọng lễ nghĩa. Người TQ thật thô lỗ...* (tr 96) *Người TQ thông minh* (...) *đến độ khi bị đem đến lò sát sinh, còn cố cò kè về giá cả của mình, nếu kiếm thêm được vài đồng thì chết rất hả hê. Cái kiểu thông minh quá cỡ này nhất định sẽ thành kiểu ích kỷ quá cỡ.* (...) *người nào mà không suy nghĩ một cách ích kỷ, cư xử một cách ích kỷ đều bị chế diễu là ngu ngốc* (tr.99)

Trong phần những bài viết, trích từ các tập *Đập tan hũ tương, Dẫm lên đuôi chó* và *Những con trùng dậy sớm* và *Quảng trường thông giám* với những chi tiết, thí dụ hay dẫn chứng lấy ra từ lịch sử hay từ đời sống hiện tại ở tại Trung Quốc, Đài Loan và cả nước Mỹ, ông khai triển các ý đã nói trong phần đầu

(...) *Nhân là phe nắm quyền, đối với thứ dân (...) bố thí , ban phát cho để tỏ ra mình đại lượng, khẳng khái. Sự thực là giữa người và người đầy những "cung kính" và "sợ sệt". Có nhiều người vì kính mà thành sợ, chẳng khác nào con đối với cha. Có nhiều người vì sợ thành ra kính, giống gái đĩ đối với khách làng chơi, như đại thần đối với hoàng đế, tiện dân đối với quan lại, tù nhân đối với cai ngục.*[13](tr.115)

Tính ích kỷ quá mức nói ở phần trước được thể hiện ở chỗ không tuân thủ kỷ luật chung và lúc nào cũng mưu lợi riêng

Ôi! Một kế hoạch, một phương pháp, một hội nghị, một quyết sách, thậm chí một vụ kiện cũng chỉ đều là cái cớ để (...) nghĩ ngay rằng trong việc này mình có lợi gì không? hoặc ta sẽ kiếm chác (...) được hưởng quyền hành gì (...) được trách nhiệm lớn hay nhỏ? (...) đều lòng vòng trên những thứ đó. Bề trên cũng vậy, cấp dưới cũng thế. Cả anh cả tôi cũng rứa, mọi người đều ôm lấy chúng đến chết cũng không buông (tr. 119) *Cái kiểu nhà Nho, mồm không nói đến lợi, đến tiền nhưng lòng dạ lại đầy ứ những quan niệm què quặt về lợi tiền* (tr.121) *Miệng lưỡi thì không ai bằng, thông minh tài trí, khả năng phán đoán tưởng chừng như nhất thiên hạ. Nhưng (...) trong muôn vạn người chẳng gặp được ở lòng ai có chất chứa những thứ đó* (tr. 122)

Mỉa mai Khổng Tử:

Những điều dạy bảo này của thánh nhân thật là thông minh rành mạch: Con người phải sống theo chiều gió(...) chờ cho người khác bình thiên hạ xong rồi thì ta nhảy ra tìm một chức quan. ***Lúc đầu sôi lửa bỏng thì ta ở nhà đánh giày cho thật trơn, và gởi vợ con đến những nơi an toàn nhất. (...) tấm thân nghìn vàng không ngồi trong căn nhà sắp đổ (...) không bao giờ nên đến gần một nơi mà một viên ngói có thể rơi vào đầu. Đối với những thối nát chính trị, những đau khổ của dân lành, mình chẳng dính vào làm gì cho mệt thân*** *(...)Vì nhìn thấy thường khó tránh khỏi tức giận, tức giận thường* ***khó tránh khỏi nói toáng lên, nói toáng lên thường khó tránh khỏi bị tai vạ.***[14] (tr. 124)

Tại sao Khổng tử ít khen ai khác ngoài Nhan Hồi cái anh chàng học trò nghèo rớt mồng tơi đó (...) *bởi nhà Nho ca ngợi chỉ vì nghĩa mà không vì lợi* và dạy đời rằng *Nghèo cũng hạnh phúc được. Nếu mỗi người TQ đều hạnh phúc kiểu đó, quốc gia dân tộc phải quay về thời đồ đá mà thôi* (tr.125)

Con người là một loại động vật biết cười. Nhưng những cô y tá, những cô bán vé xe người TQ lại là một ngoại lệ.(...) trừ phi vứt tiền vào mặt họ, thì ngay cả ông trời cũng chẳng có thể cậy mồm họ ra cho họ cười được

So sánh với nước Mỹ, dân Mỹ, Bá Dương tiên sinh chê dân mình trong chuyện tiếp xúc, giao tế, không trọng khách hàng, thiếu lễ nghĩa, không biết nói cám ơn, xin lỗi, không biết xếp hàng trật tự.

Nước quân tử (...) là nơi trẻ con và người già có bị lừa khi đi mua bán không (tr. 126)

Ông kể về kinh nghiệm của mình sau những chuyến viếng thăm nước Mỹ:

Trời ơi! Thì ra người Tây phương mỗi khi đi ra cửa đều dừng chân giữ cửa cho người đi sau... hay (...) giữ cửa cho người đi sau tiếp

được cửa rồi mới từ từ bỏ tay ra.

Đúng là đi một ngày đàng học một sàng khôn,. Bây giờ cái việc giữ cửa này, tôi đã thuộc như cháo. Và từ đấy trở đi tôi liên tục được nghe từ cửa miệng những ông già, bà già Mỹ cái câu "cám ơn ông" nghe sướng cả lỗ tai. Lúc quay lại Đài Loan, tội vẫn quen thói "tôn sùng" Tây phương này. Nhưng chỉ được ba hôm thì lại vẫn chứng nào tật ấy. Mà cái đó không phải vì ý chí của tôi yếu đuối, nhưng vì mỗi lần dừng lại cung kính giữ cửa, thì cái ông bạn da vàng ở đàng sau nhìn tôi như thể mồm anh ta đang ngậm cục cứt khô, không thể nào nghe được một thanh âm gì giống như tiếng cám ơn phát ra từ nó cả. Tôi bèn cứ thả cho cửa nó tung ra như cũ, mặc kệ mẹ cho nó đập vào mặt ai thì vào, có đập chết cũng được! Tôi nghi rằng để có thể móc trong mồm một người TQ ra cái câu "cám ơn ông" e rằng nếu không dùng đến cái cào cỏ năm răng của ông bạn Trư Bát Giới của chúng ta thì không thể được.

Bằng chứng của ông về một đất nước *thiếu lễ nghĩa*, là những nhận xét về cung cách ứng xử của người TQ trong các buổi đình đám vui chơi hay tang ma.

Trong đám cưới chẳng hạn, những nghi thức trang nghiêm, dù là truyền thống xưa hay du nhập của Tây phương hiện đại

Hôn lễ không ra hôn lễ mà biến thành một loại phường chèo. Lễ đường (...) trở nên một thứ miếu đền ồn ào náo nhiệt. Mọi người đến không phải để chúc mừng đám cưới , mà để tìm gặp bạn bè, trao đổi xã giao với những người sống trong cùng một thành phố mà hai, ba bốn năm rồi chưa gặp mặt nhau. Phòng cưới thành ra một loại trà đình tửu điếm.Độ chừng nghi lễ đã xong, (...) bày mà chược(...) tụ tập hàn huyên,thăm hỏi tin tức, bàn luận thời cuộc, ngay cả chửi rủa người này, người nọ. (tr.149)

Và cũng vậy, *tang lễ (...) trở thành một bản sao của cái loại 'đám cưới văn minh" đã nói trên (...) sự thực, ngay ở nơi quàn xác chết hiển nhiên cũng đã thành chỗ kết bè kết đảng, lại đương nhiên thành chỗ " xa nhà gặp người quen" thì nét mặt phải tươi cười rạng rỡ.* (tr.152)

Nói về các phố Tàu (trên thế giới Tây phương): từ những băng đảng mafia cho đến giới trí thức

Đa số người TQ đều cố gắng "không mất gốc" nghĩa là tích cực chia rẽ, xâu xé nhau. Bất kỳ ở góc biển chân trời nào hễ có người TQ là có cấu xé lẫn nhau (tr 156)

Ví dụ: *giáo sư A mời tôi đi quán nhưng nhất định không mời giáo sư B tham gia. Ông giáo sư C nghe nói tôi ngủ nhà ông giáo sư D*

tức khắc thanh minh không muốn kết bạn với cái loại người trục lợi như tôi. Tôi rời nhà ông E, định nhờ ông ấy chở đến nhà ông F, thì ông E nói "Anh bảo thế nào? Gặp thằng đó à? Thôi, anh đi bộ cho nó khoẻ nhé

Các phố Tàu đã trở thành những động quỉ nuốt tươi người TQ, thành nơi chứa chấp vô số người ở chui không giấy tờ. Ở đó trẻ con hoặc các bà già nhiều khi không có cách nào khác hơn cách làm việc trong các xưởng quần áo lậu với đồng lương không đủ húp cháo cầm hơi, chẳng khác gì những nô lệ da đen thuở nào (tr 157)

Và tác giả trở lại cái nỗi sợ ông nói đến ở phần trước (tr 115): một phụ nữ Tàu kể chuyện bị đồng bào lừa, ông đề nghị đem lên báo thì bà ta thất sắc *"Ông ơi, ông ở tận bên Đài Bắc, đối với bọn chó săn đó thì không có gì phải lo. Nhưng em tôi đang ở Xăng Phrăng-xítx-cô. Ông hại nó mất. Ông đúng là cái thằng chuyên gây ra tai họa thôi!"* Nói xong bà chùi nước mắt nước mũi lên người tôi và bắt tôi thề nếu viết gì về bà thì tôi sẽ chết đuối ngay trong cốc nước trà.

Than ôi! Trong thế giới này chỉ có cái thiên tính nhu nhược của người TQ ***mới không dám căn cứ trên lý lẽ để đấu tranh. Nếu có vài người dám làm như vậy thì những con giòi trong hũ tương cho rằng đấy là những phần tử cực đoan không an phận. Mọi người đều sống theo cái kiểu " Thôi! Bỏ qua! Bỏ qua đi! Cái gì nó qua thì để cho nó qua, quá khứ thì hãy để cho nó là quá khứ*** [15](tr. 158)

Trong phần trả lời bạn đọc, cho rằng dưới sự hun đúc của văn hoá TQ, người TQ mang một tâm địa cực kỳ mù mờ tăm tối, kỳ thị địa phương, lấy hổ thẹn làm vinh dự, không dám yêu, ghét, không dám biết ơn và hy sinh, ông viết

Đại Hán thiên thanh (...) đó là tiếng nói của người TQ khi tụ tập lại với nhau để công kích, bới móc đến không còn một cái gì về đời tư của kẻ khác (tr.164) *Yêu thì sợ chúng cười, ghét thì sợ chúng thù. Thế là yêu và ghét quện với nhau thành một thứ lực lượng gian ác* (...) *đã nổ bùng* (...) *tại lục địa qua cái gọi là Cách Mạng văn hoá. Tất cả những dã man, hung bạo, xảo trá, đố kỵ, tàn nhẫn tiềm tàng trong nội tâm sâu thẳm, thâm nhập vào xương cốt người TQ đều đã được biểu hiện qua nó. (...)* ***Một quốc dân hạng ba không thể nào sinh ra được một chính phủ hạng nhất, cũng như một chánh phủ hạng ba không thể nào có được một quốc dân hạng nhất cả. Chúng ta, (...) phải bắt đầu việc ấy (...) Chúng ta không thể nào chỉ trong chốc lát mà thay xương đổi thịt. Nhưng nếu thay đổi được- dù chỉ một tế bào-thì chúng ta cũng phải làm ngay*** [16](tr 165).

Muốn thay đổi, phải học của người khác những điều hay tốt ở

các nước tiên tiến, bởi vì cái *anh TQ, bị lao phổi đến thời kỳ thứ ba kia, nhất thời đứng trên vũ đài thế giới dương dương tự đắc, nhưng rồi một cơn gió lạnh thổi tới lập tức hắt hơi ba bốn cái thật to, mũi dãi lòng thòng (...) nếu như cứ một mực kiêu ngạo hão, giống như một bà lão già lúc nào cũng giơ cái chân bị bó vừa kinh vừa thối của mình lên khoe nào là bó khéo, bó đẹp thì không tránh khỏi sẽ đi vào cái ngõ của sự diệt vong.*(tr169)

Sự học hỏi này bị xem là "sùng dương, mị ngoại", tác giả xem như mình bị (một kiểu chụp mũ) Phiên Thiên Ấn ngàn cân chụp xuống đầu mình chỉ vì những so sánh và lời kêu gọi học hỏi bắt chước những cái tốt đẹp của Tây phương này. *Nếu chúng ta muốn người TQ có thể mở rộng cái tấm lòng nhỏ hẹp ra, chúng ta phải học tập của người phương Tây sự vui vẻ phóng khoáng, tấm lòng thích giúp người (... .) Đứng trước người Tây phương lễ độ, lịch sự, có thật là chúng ta không cảm thấy thẹn vì mình thấp hèn không?* (tr 179)

Từ đây trở về sau, khoảng hơn 100 trang, là phần thứ ba gồm những bài phê bình của độc giả, các bài xã luận của báo chí TQ ở Hồng Kông, New York, Los Angeles... kể cả những bài bênh vực hoan hô chỉ trích những người đã phê bình tác giả.

Có người khen Bá Dương, so sánh ông như Lỗ Tấn với AQ , cùng Lý Tông Ngô tiên sinh với cái "Hậu sắc", sáng tạo ra *cái hũ tương như ba chân của một cái đỉnh* (tr. 198) *phán đoán sâu sắc* (tr.206) và rút tỉa kết luận (...) *nếu hỏi TQ cần gì, cầu gì thì chỉ có một thứ duy nhất mà thôi, đó là dân chủ* (tr.210) và thêm rằng: ***chúng ta không nên hy vọng vào sự "tự mình tỉnh ngộ" (... .) Đó là chuyện nằm mơ giữa ban ngày (...) Chúng ta chỉ có thể sửa đổi chế độ chính trị, dùng áp lực của chế độ bắt những người không tự nguyện sửa đổi lỗi lầm không còn đường tránh né (...)Những chế độ không dân chủ, tức không có chân lý, tức không thể sửa đổi lỗi lầm (...) Thế mà (...) vẫn còn nhiều người (... .) tin rằng những kẻ thống trị sẽ tự động biến thành Nghiêu Thuấn, không cần quyền lực khác để chế ngự và xét đoán, không cần có dân chủ để giám sát, lại cũng không cần có cả tự do ngôn luận để tố cáo***[17]. (tr.214)

Trái lại, một người khác mai mỉa:

-ở cái nước Mỹ tốt đẹp của ông đấy , *những đen tối và tàn khốc đều bị xoá bỏ* trong chuyện khai phá miền viễn tây của Mỹ,

-người Nhật thì đối với nền văn hoá TQ *lúc nào cũng phục sát đất* (tr 220), *người Tây phương cũng đang nghiên cứu học tập nó, đừng để người Nhật Bản nói rằng chỉ có họ mới là con cháu thừa kế chính thức của nền văn hoá TQ* (tr 222)

Có kẻ cũng rầy rà:

... mấy người TQ cố ý chửi đổng đó là những người TQ không bình thường (...) Ngày hôm nay lại chui ra cái ông Bá Dương, tự xưng là một nhà văn yêu quần chúng một cách phi thường để giương cao thêm cái truyền thống " ngũ tứ".Trước hết y gào to "Văn hoá hũ tương" sau đó là bôi nhọ cái anh chàng TQ xấu xí

Và hỏi ông có ý định gì (dịch theo tiếng Việt hiện đại: ý đồ gì) *anh là thằng thối tha không ngửi được đến mức vô phương cứu chữa*

Có người phản bác nhẹ nhàng hơn, đưa ra dẫn chứng cụ thể về những công trình xưa nay của nền văn minh và văn hoá TQ (Khổng Tử Mạnh tử), hay rất trừu tượng : (...) *khi tôi đi trên mảnh đất lớn của TQ, bất kỳ ở xó xỉnh nào, đối diện với đám đông người, nơi tâm linh tôi thường rạo rực cảm thấy một thứ trí tuệ mênh mông không bờ bến...* .

Và một phần trí tuệ mênh mông này dẫn giải: *thật đó người Ấn Độ... dơ hơn chúng ta* -vì hình ảnh cái vỉ đập ruồi Ấn Độ sau lưng tổng thống Mỹ Carter trong một lần viếng thăm chính thức xứ sở của Gandhi; *còn chúng ta bẩn ở trung tâm Los Angeles nhưng ở Monterey park, phố Tàu ta sạch hơn chứ (vì ở đây người TQ ta giàu hơn) còn sở dĩ ta ồn ào là bởi cái thứ tiếng TQ ta vốn độc âm, nhiều đồng âm và nhiều âm tiết, người TQ phải nói to và hoa chân múa tay để giúp mồm miệng lên bổng xuống trầm cho ý tưởng diễn đạt (...) rõ ràng hơn* (tr. 253)

*

Suốt mấy trăm trang một giọng lỗ mãng, tuy có hài hước tí chút nhưng vẫn thô bạo. Một bức tranh (naif) toàn những mặt trái, trắng đen hai màu, không bề sâu, đôi lúc mâu thuẫn, nhưng khiến tôi liên tưởng đến bức họa *Guernica Marie sến* của Phạm Thị Hoài. Dĩ nhiên, xin thưa ngay để khỏi bị (đồng bào, fans của PTH) mắng mỏ, bằng lời của tác giả BD: *không thể so sánh tranh của BD tôi với tranh Van Gogh Phạm Thị Hoài*[18].

Tranh vẽ người xấu xí hay tranh vẽ quần tiên mà chúng ta nhìn vào như gương soi hay như ác mộng, do "lỗi" chúng ta hay do tài ba (ý đồ?) của tác giả?

Chỉ mới nhìn bà con xa thôi , dù cho rằng có *mọi trùng hợp ngoài ý muốn của tác giả này* (?), mà tôi còn nghe chao đảo, huống hồ là kẻ trong gia đình cật ruột: Ông Bá Dương bị đánh mắng hay bị bỏ tù hẳn là điều... tự nhiên, *Nhưng cho dù có thật sự thiếu trình độ uyên bác và cái chặt chẽ của lý luận*, như nhận xét của dịch giả, khi bình tĩnh lại,tôi tự hỏi vì sao mà chao đảo, bàng hoàng.

Xin trích sau đây một phần *lời người dịch*, để hiểu mục đích và chia sẻ nỗi niềm, tâm tình, hoài bão của thi sĩ Nguyễn Hồi Thủ khi ông thực hiện công trình này. Bởi tôi tin chắc ông đã cực kỳ xúc động, nên vội vàng vác gương mang về nhà cho chúng ta cùng soi:

"Bản thân tôi trước kia mỗi lần đọc phải những quyển sách kiểu "Người Việt cao quí" "Người Việt đáng yêu" là một lần không những không cảm thấy mình được dự phần vào cái cao quí, đáng yêu ấy một tý nào, mà càng thấy mình thấp hèn và đáng ghét. (...) may thay tôi gặp được quyển sách của Bá Dương.

(...) Người Việt Nam vừa thoát ra được cuộc nồi da xáo thịt, còn phải mất hơn 20 năm để chì chiết lẫn nhau, bỗng một hôm tự thấy mình đang đứng bên lề đường phát triển; đói rách, nghèo nàn, lạc hậu, bối rối không biết đi về đâu. Vì cục diện thế giới đã thay đổi quá nhanh, các phe phái, chiêu bài mà mình vì nó mất bao xương máu và cả một thời son trẻ đã chỉ còn là một dấu vết mờ nhạt.

Trí thức Việt Nam, hoặc những người còn chút suy tư, nhìn sang các nước láng giềng, nhìn ra thế giới cũng hoang mang, lúng túng không kém các cụ nhà Nho cách đây một thế kỷ khi tỉnh dậy vì những tiếng cà nông phương Tây bắn vào các cửa biển.

Trong thời kỳ gọi là "đổi mới" gần đây, các nhà lãnh đạo Việt Nam hay những người tự cho mình có sứ mạng lãnh đạo, lại phát động phong trào đi tìm kiểu mẫu phát triển, giống phong trào "canh tân" của các cụ đồ ngày xưa. Nhưng (...) ngoài các mô-đen Mỹ Pháp Nhật, ngày nay còn có một lô các mô-đen mới nữa, trong đó phải kể mấy con rồng, con cọp châu Á ngay sát nách mà ở thời các cụ họ cũng chẳng khác gì mình.

Người có đầu óc một lần nữa phải thắc mắc tại sao bây giờ lại có sự khác biệt đó? Dân tộc Việt Nam cơ bản khác gì với các dân tộc khác để ra nông nỗi này?

(...) ***tôi vẫn tin rằng mỗi dân tộc phải có một phương thức, một giải pháp riêng đối với cái vận mệnh riêng của mình***[19]*. Cho nên, trước khi đi cóp nhặt các mô-đen, cần nhất phải biết mình là cái thứ gì và có thể làm được gì ngay trước mắt. (...) không thể chỉ cứ tinh tướng, huyễn hoặc để tiếp tục tự kỷ ám thị hoặc lừa dối nhau, tiếp tục dùng cái lưỡi gỗ để nói những điều cường điệu, hãnh tiến.*

Thường trong lịch sử Việt Nam vốn đã rất ít người thật tình có can đảm và trung thực để tìm hiểu, phê bình, những cái xấu cái dở của dân tộc mình. (...) chỉ toàn thấy ca tụng đất nước rừng vàng biển bạc, con người cần cù, thông minh, cao cả, đẹp đẽ, kiên cường, anh hùng trong sáng..Thậm chí lại có cả người lãnh đạo lấy tên giả viết sách để

ca ngợi cá nhân, có cả nhà văn bịa tên một người nước ngoài để ca ngợi dân tộc mình. (...)

Trung Quốc đã là một mô-đen lớn cho Việt Nam (....) hiện nay (...) vẫn còn là mô-đen phát triển cho một nước theo chế độ ***đảng chủ****, lại thuộc về thế giới Hán hoá như Việt Nam.*

Quyển sách này soi sáng thêm một bề mặt, có thể là mặt trái của văn hoá Trung Hoa, của dân tộc Trung Hoa.Theo tôi nghĩ nếu lấy cái bề mặt này đem tham chiếu để phản tỉnh, không những chỉ là việc ích lợi cho những người Hoa mà còn cho tất cả các cộng đồng có liên quan ít nhiều đến văn hoá Trung Quốc. " (tr.4-5)

*

Xin quí vị thử thay chữ *Trung Quốc* bằng *Việt Nam* và thay *Đài Loan, Đài Bắc, lục địa* bằng *Bolsa, Paris* hay *Sài gòn, Hà Nội, hũ tương bằng tĩn nước mắm, Phiên Thiên Ấn* bằng *chụp mũ, mũ cối*, thay chữ *chế độ khoa cử, quan trường, bằng đảng, đảng tịch,* thay thế *Đại Hán thiên thanh* bằng *anh hùng bách chiến,*

.bách thắng, cuộc chiến long trời lở đất , thu *5000 năm văn hiến* lại còn *4000 năm* giữ nguyên *những cách mạng văn hoá, cải cách ruộng đất , quan liêu..*v..v và v... v...

Chẳng là ta trong gương đó hay sao? Bạn chưa bằng lòng ư?

Xem lại năm khuyết điểm người TQ của tác giả để so sánh với ta:

- Về hai khuyết điểm đầu: *Vì nhân tính, phẩm giá bị chà đạp... ... chiến tranh liên miên vì bần cùng , giết chóc đố kỵ...*

Thử đưa vài thí dụ: những chuyện nhỏ:

* như vô (kỷ) luật (vì không biết hay không chịu học hỏi , *không tự trọng* , bất chấp hoặc xem như mình nằm trên luật pháp như BD đã nói) , riêng về luật đi đường chẳng hạn: "phóng nhanh vượt ẩu" , " đi bộ ở khu Bolsa mà bị cảnh sát Mỹ cho "ticket" phạt hay lái xe trên xa lộ ở Đức, Tiệp bị tai nạn thảm khốc, Luật rừng trong giáo dục , buôn bán (trong và ngoài nước Việt)v..v...

* như nhà cửa bẩn loạn , tính đố kỵ ,ham lợi , hẹp hòi, lường gạt, chửi bới nhau... chỉ cần... nhìn quanh hay đọc báo (báo chí Việt Nam ở Sài Gòn, và hải ngoại)[20]

* Còn "chuyện lớn" (vì là những thành tích lẫy lừng của các người lãnh đạo, lãnh đạo mấy mươi triệu dân thường nói trên, thay phiên nhau nằm trên pháp luật, nắm quyền sinh sát trên hai miền Nam Bắc, suốt sáu bảy thập niên sau cùng của thế kỷ này) chúng ta chỉ cần

đọc những quyển hồi ký, lịch sử, các tâm thư, thư kêu gọi, những đơn kêu oan/kiện cáo[21]: từ chuyện xa xưa như những vụ thảm (ám) sát cá nhân hay tập thể (luật 59 miền Nam VNCH xử tử Việt cộng nằm vùng, chiến dịch Phượng Hoàng, luật *miệng* (?) của Việt Minh/ Cộng : tiêu diệt *Việt gian , phản động*: Phạm Quỳnh, Tạ Thu-Thâu, Phan văn Hùm và những người trotskystes khác... ngụy quân, ngụy quyền Mỹ Thiệu Tết Mậu Thân, vụ Trần Quốc Hoàn giết một số người dân Tày- chuyện chị em cô Vàng-) đến chuyện nay: *cô Cầm cùng cụ Kiệt* và vụ thầu đường dây cao thế[22], cụ Đỗ Mười với bài báo cáo nội bộ và một triệu đô la quà tặng của tư bản Nam Hàn, nỗi lòng của các đại cố vấn (Trần Quỳnh tâng bốc "anh Lê Duẩn" và tiếp tay thù trong giặc ngoài hạ bệ thần tượng, Hà Nghiệp[23] với sự phân vân đầy triết lý (hiện sinh): *tới nay ta vẫn chưa biết mình là ai!*)

Bạn tôi cười khoát tay: Thiếu tự trọng ư? Bẩn loạn ư? Chỉ bởi nghèo ! Phú quí sinh lễ nghĩa và... sạch sẽ. Vào những biệt thự ở Hà Nội, ở Sài Gòn bây giờ xem. Có khi còn... hơn vi la ở Nice, ở Foutain Valley hay Hollywood /Palm springs/ Miami, đừng vào những mái nhà xơ xác ở làng quê hẻo lánh hay của đồng bào thiểu số ở Sapa!

Xin hỏi bạn tại sao nghèo? Có phải bởi chiến tranh? Nhưng đó là chuyện quá khứ!

Về *cuộc chiến long trời lở đất* này, cho dù là *anh hùng bách chiến bách thắng*, nhìn lại những tiêu tan, mất mát, những đau thương oán hận bao trùm nhiều thế hệ, những ai tự trọng và có nhân đạo khó lòng dương dương tự đắc, hùng hổ hâm nóng chiến tích hay tiếp tục thổi lửa căm thù và ngang nhiên xâu xé nhau để tranh dành quyền lợi. Thứ quyền lợi nhỏ trước mắt. Biết đâu, khiêm tốn hơn, biết hoà giải hoà hợp dân tộc thật sự, với tình lý (luận) thuộc hạng siêu, và chỉ với những trí tuệ hơn bình thường một tí thôi, các vị đã chẳng có thể thuyết phục được người Mỹ và các đồng minh giúp đỡ (bồi thường?) hòng cùng nhau xây dựng lại đất nước[24].

Chẳng giống người bà con TQ của ông Bá Dương hay sao?

Về các khuyết điểm: *chế độ quan trường, tầng lớp quan liêu , nạn nhân mãn*: đều là những chuyện *biết rồi, khổ lắm, nói mãi*, Cũng chỉ cần đọc các báo đã dẫn, sách vở, thư từ (bỏ ngỏ) , tâm tình , của các sĩ phu, trí thức trong nước.[25] Những sự việc này, người dân thường trong nước bị thiệt thòi vì phải đọc lén lút, lắm khi có mà không dám đọc[26].

Về *Nho giáo bảo thủ?*

Cần lao (nhân vị), cần kiệm, liêm chính, chí công vô tư, anh hùng, liệt nữ, đảm đang, trung hậu, trí dũng, tuyệt đối trung kiên, trung

thành những **khẩu hiệu** đầy mùi vị tương chao xì dầu này đã được trương ra trong cả nước từ xưa đến giờ. Áp dụng có sáng tạo (?): *vua* được thay bằng *đảng,* và vài năm gần đây thêm những món mới: (nhà nước , đảng) *biết ơn nhân dân*, (nhà nước, đảng) khuyến khích tư nhân cũng như cơ quan xây dựng giúp đỡ mẹ liệt sĩ (trợ cấp, xây *nhà tình nghĩa*) Chúng xuất phát từ những người lãnh đạo vốn dĩ chịu ảnh hưởng Khổng Mạnh đúng vào thời Khổng Mạnh suy tàn và bị thay bằng Tây học. Nghĩa là hiểu nửa vời hoặc bị ảnh hưởng chỉ lớp ngoài những cái hay ho của Nho xưa, chỉ thấm nhuần nổi một phần của... *hình nhi hạ học?*[27]*)*

Nghĩa là hiểu *tự do, dân chủ như dân là chủ, cán bộ là đầy tớ hoặc đa thê thì được, đa nguyên.Hoặc khuyên cấp dưới đa thê thời được đa nguyên thời đừng*[28]!!! , hoặc cần kiệm liêm chính là mang dép cao su, mặc áo bỏ ngoài quần, không có vợ bé (hay vợ chính) mà thật nhiều nàng hầu, hoặc xa nhà đúng tiêu chuẩn (cây số) được cưới vợ... khác, của nhà nước là của chùa, tức của đảng tức của mình. Hiểu rằng Đảng là thiên tử cho nên các hoàng thái tử và công thần từ sau ngày Việt Nam thống nhất cho đến nay cứ tiếp tục nối ngôi và chia nhau của cải đất nước[29]. Những chịu đựng và chấp nhận, phục tùng của tuyệt đại đa số nhân dân từ hàng chục năm nay có phải cũng đến từ cái hiểu "đại khái" của *trung thần bất xử nhị (đảng) quân?, phu tử tòng tử?*

Nói nôm na là các đấng lãnh tụ giải nghĩa[30], áp dụng đại khái, cho hợp với tham vọng và quyền lợi riêng tư.

Chẳng là cái tinh thần Nho gia bảo thủ như BD nói đấy sao?

Thì ra từ lúc bị lệ thuộc Tàu đến khi (mấy phen) dành được độc lập, chúng ta không ngừng bị ảnh hưởng cũng như tự nguyện lấy mẫu mực từ Trung Quốc. Ngày nay, với những sửa đổi từ ngữ cho hợp với tình hình, nhu cầu, những rào đón tâm lý cần thiết cho tự ái, tự tồn (*dùng nhân liệu quá khứ, sử dụng, phát huy, khai thác toàn diện và sâu sắc giá trị truyền thống, bản sắc dân tộc, thấm nhuần đạo lý làm người của... người làm cách mạng với tìm tòi sáng tạo... trong khuôn khổ, bến bờ của quan điểm và lập trường... tính đảng* (!!) v..v... chúng ta không ngừng nghe thấy trong các diễn văn, nghị quyết, bài học tập từ trung ương đến làng xã, báo chí v..v.. từ vài mươi năm trước cho đến nay[31].

Nhưng cũng như tự ngàn xưa, quán tính nào đã khiến chúng ta chỉ "cóp dê" được phần bên ngoài: *quân tử nhất ngôn...* là quân tử dại! *Tứ hải giai huynh đệ* đích thị: *bốn phương thổ phỉ đều là anh em*? chúng ta thiếu khả năng hấp thụ với sáng tạo thật sự để tạo được bản sắc riêng? Có phải vì quán tính (dân tộc) hay vì (dân tộc) thiếu tài ba,

nội lực nên chỉ có thể giỏi tới mức bắt chước lớp vỏ ngoài đến nỗi làm *độc tài, toàn trị* cũng không tới nơi,tới chốn (xem chú thích 17) thậm chí còn *tự ý giản lược, đôi khi xuyên tạc.*[32] Có phải thời nào cũng chỉ có một lớp người nhiều khả năng , lẽ ra có thể chuyển hoá được cả cái quán tính đó thành sức đẩy cho cả nước,(như trường hợp vĩ nhân của hầu hết các nước trên thế giới) thì lại cứ vì quyền lợi riêng, hoài bão riêng, nên không có được sự đồng thuận (lâu dài) của toàn khối "ù lì"?

*

Xem kỹ lại những thứ xấu xí của người TQ do ông Bá Dương khai ra: tôi thật tình không tin rằng: *người TQ bẩn loạn, ở dơ, khạc nhổ ngoài đường., độc ác, bụng dạ hẹp hòi, ích kỷ... nói giỏi hơn làm, hay chỉ giỏi giang lẻ tẻ ở xứ người v..v...*

Năm 1994,tại Thượng Hải, quả tình , ra phố vào giờ đi làm hay tan tầm, chúng tôi bị xô đẩy và ép đến nghẹt thở như mọi người TQ khác, mỗi lần đi xe buýt. Nhân viên kiểm soát xông pha vất vả và tài tình. Một lần khác đi xe đò chúng tôi bị un /ướp khói thuốc lá và nghe tiếng khạc nhổ suốt một ngày trời. Ngoài đường, trong đám đông dày đặc thỉnh thoảng cũng nghe tiếng khạc nhổ. Người Việt có khạc nhổ ngoài đường không?

Nhưng cũng trong dịp đó, trước một viện bảo tàng, chúng tôi gặp ngay một đoàn trẻ con dài đến một cây số, có lẽ học mẫu giáo hay nhiều lắm là lớp một, đứa nào cũng hồng hào, ríu rít cười căng đôi má tròn, đỏ au. Vào bên trong viện bảo tàng, lũ chim con nói cười tíu tít nhưng rất vừa phải, các cô giáo đi kèm giảng giải từ tốn, chả nghe bà nào la lối, quát mắng. Gần trưa, chúng tôi thấy các cháu chia nhau từng nhóm ba bốn đứa ngồi ăn trên những mảnh vải nhựa cá nhân trải trên sân cỏ quanh viện, dưới những bóng cây. Ăn xong, mỗi đứa tự động thu lượm rác rến bỏ vào thùng rác và xếp mảnh vải nhựa bỏ vào túi đeo lưng đủ màu đủ kiểu của mình. Sân cỏ xanh rờn không một gợn rác khi cả đám ra khỏi cổng viện bảo tàng. Chỉ vẳng nghe tiếng hello, hello vui vẻ, trong trẻo mỗi khi chúng thấy một vài du khách Âu Mỹ.

Bốn năm sau, đến thăm Thượng Hải lần thứ hai, người bạn Tàu, chắc là nhớ kỷ niệm xưa, cứ bắt chúng tôi đi tắc xi. Cho đến một bữa chúng tôi "đòi" đi xe buýt. Nói sao cho hết nỗi ngạc nhiên: xe buýt nhiều và thường xuyên và trên suốt lộ trình hôm đó, không hề có cảnh chen lấn hay đè bẹp nhau. Xe buýt hai tầng, có máy lạnh. Tuyệt nhiên không có tiếng ho, khạc, không một chen lấn. Như thể khách

giữ mình cho xứng với xe.

Một tối, ăn xong chúng tôi đi dạo, trên một khoảng ngắn, đèn đường bị hỏng, một người dừng lại nhờ vợ giữ xe, ghé vào tường đứng đái. Lập tức những tiếng càu nhàu phóng ra từ những bóng tối sau và trước bọn tôi. Với dân số hiện tại một tỷ vài trăm triệu, trong suốt hai lần đi chơi ở TQ, chưa bao giờ tôi nhìn thấy một đường phố nào vắng người, dù nhỏ hẹp đến đâu ngay cả ở những vùng rừng núi hẻo lánh! Thì anh chàng, vì cấp bách, hay vì bàng quang có vấn đề, đã chẳng đặng đừng liều mạng... Người bạn Tàu đi với chúng tôi không nói gì, nhưng tôi đoán được nỗi xấu hổ của anh, dù sau đó tôi có khoe, bên nước tao, người ta đái ngay giữa ban ngày cơ[33]. Qua nơi có ánh đèn, tôi thấy người vợ vùng vằng trao xe cho chồng, dắt con vượt lên phía trước, miệng vo vảnh, chắc là mắng chồng hay xin lỗi những người bắt gặp chồng mình đ*ang thiếu văn minh.*

Ai lại không thấy những cảnh đái đường, ngủ đường nơi khác, kể cả Paris hoa lệ (chưa nói đến lề đường đầy cứt chó!) và có mấy ai nhìn thấy phản ứng như vậy của khách bàng quan? Cũng năm 94, ở bến buýt, bến xe lửa, bến tàu thuỷ, đầy dẫy người ăn xin. Bà bạn đầm đi cùng lỡ dại, một lần, cho một người hành khất ít tiền lẻ, lập tức chúng tôi bị bao vây, người bạn Tàu đưa đường khổ sở, xấu hổ, cản trở, phân trần, thậm chí cả cãi lộn với một bà ăn xin cứ theo lẳng nhẳng ở bến xe lửa Hàng Châu. Tháng tám năm 98, tôi chỉ thấy duy nhất hai người ăn xin, một già và một tàn tật trên con đường nhỏ dẫn đến vài ngôi chùa xưa trên một đảo nhỏ ngoài khơi tỉnh Ninh Phố, đầu dãy núi Ngũ Lĩnh. Chả lẽ công an nhốt tất vào mùa du lịch hay xua họ đi khuất mắt du khách? Tôi không tin. Và chúng tôi về nhà các bạn TQ quen, ăn uống, nói dóc thoải mái. Bốn năm trước, quả thật, khi đến nhà bạn, đi ngang qua *trạm gác nhân dân*, chúng tôi phải *ngậm tăm.*

Bốn năm sau, tôi nhìn thấy tận mắt kết quả những đổi mới của họ: xin kể, không theo một thứ tự nào, không nói đến thẩm mỹ, luân lý hay hậu quả sinh thái... : các xa lộ, bệnh viện, trường học, cao ốc được xây dựng ngay từ khu thị dân đông đúc Thượng Hải cho đến... Lhassa. Ngay nhà trong chung cư cũng trang bị máy lạnh, máy sưởi *made in China*. Nghe kể chuyện thủ tướng họ lên ti vi khen các máy VCD chế tạo trong nước: *xem compact disc piraté (ăn cắp!!) résolution (độ rõ) cứ tuyệt vời như bản chính*!! Và tuyệt nhiên không nghe một lãnh tụ nào tuyên bố tham nhũng không có ở lãnh đạo cấp cao . Đúng như bạn tôi nói: họ quyết tâm làm giàu, và phú quí, sạch sẽ đến dần! Mèo TQ đang bắt chuột có khác!

Đi từ Thượng Hải qua Tây An rồi Tứ Xuyên, Thanh Hải, qua các

khách sạn, các hiệu buôn lớn, thậm chí ngay cả trong những công viên, tôi đều thấy họ tổ chức quyên tiền giúp nạn nhân lũ lụt. Có nơi người cho phải xếp hàng để chờ lượt mình đến bỏ tiền vào thùng.

Đó là ở quốc nội, còn hải ngoai?

Một thí dụ nhỏ trước mắt, ở Paris, ai cũng thấy chưa đến hai mươi năm, những siêu thị của anh em nhà họ Đường (Tang... Frères) đua nhau mọc, xanh tươi rậm rạp. Một hai siêu thị Việt chỉ phát triển kha khá một lúc nào đó rồi thì bị phá, đốt hay lục đục, kiện cáo nhau, dần dần thu nhỏ, người mua thưa thớt. Vùng Bolsa ở Cali phát triển đến chóng mặt, phố xá, hàng quán Việt chen chúc, nhưng những đại siêu thị, đại nhà hàng, hay thậm chí chủ phố, hỏi ra lại là người Tàu. Mà nói chung, người Việt đến lập nghiệp trước nhất, lâu đời hơn. Nếu người TQ chỉ nói giỏi và không đoàn kết , họ không thể thành công như chúng ta thấy.

Những thành công thương mãi, kỹ nghệ (xin chừa nghệ thuật làm đồ giả, đang tiến tới giống đồ thật, nếu đổi mới của họ vẫn đi tới theo đường dân chủ hoá), và cả nghệ thuật (như điện ảnh, với Trương Nghệ Mưu chẳng hạn) không chỉ dừng ở phương diện quốc gia.

Đến đây, tôi đã sa đà, ra khỏi biên giới những xấu xí rồi.

Trở lại với những xấu xí TQ, xin nêu ra một thí dụ BD quên kê khai: Tây Tạng, một nước lớn đất rộng người thưa, diện tích gần bằng TQ , từ mấy mươi năm nay, thuộc nước TQ, càng lúc càng bị TQ hoá mạnh mẽ. Người TQ còn lấn chiếm các đảo Trường Sa, Hoàng Sa của nước ta, gây gổ với nhiều nước khác trong vùng biển Đông hải, thế giới chỉ la ó lấy lệ, có nước nào dám kéo quân, kéo tàu bay tàu thủy sang tấn công TQ như đã tấn công Irak của Sađam Hussein hay nước đại Serbie của Milosevic?

Như vậy, TQ có phải là một đất nước chỉ có những người nói giỏi hơn làm, thiếu đoàn kết, đố kỵ, hẹp hòi, chỉ thấy lợi lộc riêng tư, trước mắt?

Các nhà lãnh đạo Việt cũng toan tính, thử nghiệm ý đồ trên Lào, Kam pu chia mà không/ chưa thành công, chỉ mới giỏi ăn hiếp được những *đồng bào thiểu số* miệt rừng núi, cao nguyên.

Chúng ta bắt đầu thấy những khác biệt với người hàng xóm TQ rồi đó!

Ngoài những món đã được Bá Dương kê ra, ngoài chuyện bách chiến bách thắng, chúng ta còn **hơn** người TQ ở điểm nào?

Một điểm nhỏ chút xíu, nhưng cam đoan món này thì quí vị phải công nhận *bên ta thời có, bên Tàu thời không:* bia ôm.

Và nào chỉ bia, còn *karaôkê* ôm, *trà* ôm, *cơm* ôm, *cháo* ôm, *cà*

phê ôm, *phở* ôm v..v.. Danh từ/túc từ không quan trọng: cơm cháo phở... ta (và Tàu) đã có từ nghìn năm hơn ; còn thức lạ: từ hai mươi lăm năm nay, ta đã đuổi kịp tất cả các nước khác: bao sơn hào, hải vị lan tràn trên đường phố nước Việt - vỉa hè, khách sạn, cao lâu... -: chó, rắn, rùa, khỉ... nước ta cho đến của lạ nước người: vodka, saké, trứng cá caviar... và đỉnh cao là thịt người, nói rõ hơn là thịt phụ nữ (chính bản VN).

Ăn như người ta thì... xoàng quá, bắt chước nguyên mâm thì dễ quá, chúng ta bèn áp dụng có sáng tạo: ôm. Đó là đem theo cái ***tình*** (vốn thiếu từ thuở đất trời (Nam)nổi cơn gió bụi) vào cái lý (để sinh tồn, cho cuộc đời còn lại). Một bạn tôi đã nhầm khi tưởng rằng kể từ ngày Nguyễn Tuân, Chế Lan Viên rơi lệ , ngồi vào bàn ăn bánh vẽ, chúng ta thôi không luận, không nghĩ đến các kiểu/ cách ăn.

Mớ thịt người này thay thế cho bác sĩ phân tâm học, thay thế cho tấm gương, khỏi phải nhìn thẳng vào bộ mặt lởm chởm râu ria của những đêm mất ngủ. Ôm ấp tại chỗ thì còn thiếu sáng tạo, ít lợi nhuận nên mới có chuyện xuất khẩu. Sang Thái Lan, Đài Loan, Đức... thịt này có thể dùng làm món khác. Dòm xa xa thấy như không cần cả vốn!

Không, không, thức vặt cả, con người cả. Bạn tôi lại kêu: cái ông Bá Dương này thật... bá láp, chỉ thổi phồng những điều vặt vảnh. Thí dụ ông chỉ nói tới giả trá, lường gạt, cướp bóc xoàng xỉnh thôi, chúng ta còn hơn nữa: những bằng chứng về giả dối, phản bội, tàn ác... ở phương diện rộng lớn, tổ chức qui mô[34].

Chúng ta không thiếu tài năng, không thiếu tình đoàn kết, biết thưởng thức nghệ thuật, phân biệt dân chủ với độc tài?

Xin giải thích ra sao *chuyện cây cầu chưa xây mà đã gẫy?* Tại khu Phước Lộc Thọ ở Bolsa (hay bất cứ nơi nào khác, để cho thấy ta là ta) thay vì ba cái tượng chình ình rất chẳng Việt Nam đó, ta phải để cái chi? Một cái trống đồng Đông Sơn (đang được chùi rửa đánh bóng)? Một chiếc thuyền tí hon đầy đặc người *vẫy* tay (*gọi nhau làm người*? cầu cứu ?) giữa đại dương sóng gió? Một lá sớ gửi thiên đình với tên tuổi những người chết với những cái chết không tự nhiên ở đôi miền trong suốt mấy mươi năm? Chúng ta có ác với nhau, có thù hận nhau không? Nếu không sao từ xưa tổ tiên không ngừng khuyên dạy *ăn hiền ở lành, chín bỏ làm mười, lá lành với lá rách* và bây giờ nữa, chúng ta cứ kêu gọi nhau *hoà giải hoà hợp* mà lại cứ như **điên lên** vì thấy mình đã vô cùng hoà giải, hoà hợp, còn kẻ trước mặt lúc nào cũng ***thiếu thiện chí và giả dối.*** BD trách dân mình không dùng lý trí mà chỉ hay dùng cảm tính. Còn dân Việt ta? Hành động la ó, cấm cản, thậm chí xô xát những người đi xem/diễn nhạc kịch đến từ Việt Nam

là lý trí hay cảm tính?

Đành rằng xóa bỏ hận thù không phải là quên đi những tội ác. Hoà giải hoà hợp không phải là dùng bạo lực để áp đặt một chủ nghĩa hay đường lối. Quên không phải chỉ giản dị sửa đổi ngày tháng, sự kiện lịch sử, cấm đoán (không cho xem và truyền bá tài liệu không chính thống) là tiêu tan mọi bằng chứng và hậu quả. Không phải không nhắc nhở, cứ che dấu mọi chuyện là sẽ quên. Nói như BD, đó là thiếu tự trọng và không tôn trọng người khác.

*

Tôi tin rằng bạn sẽ tìm ra một nghìn thứ khác nhau và một nghìn lẻ một cái giống nhau với người TQ. Với những xấu xí và tốt đẹp của con người nói chung. Có phải người TQ đã nhìn ra những nhược điểm của mình và đang sửa đổi? Còn chúng ta?

Rõ ràng mấy nghìn năm nay, dù hời hợt hay nhiệt thành bắt chước, dù hân hoan hay miễn cưỡng chấp nhận bất cứ áp đặt nào đến từ bên trong hay bên ngoài, dù là một nghìn năm với... người TQ xấu xí, một trăm năm với..., năm mươi năm với... vv.. và vv.. (*biết rồi..khổ lắm...*) đến nay ,thanh bình, chúng ta vẫn còn quốc gia chưa thành chữ hầu của ai, một đất nước để ở và để đi về[36], vẫn tiếp tục học, viết, nói tiếng nói của chúng ta,. Có phải nhờ cái ***bề mặt*** của chúng ta? Cái bề mặt sâu lắng của băng sơn, của đám đông ù lỳ, thầm lặng? Nhờ cái nội lực mà lãnh tụ nào cũng mơ ước vận dụng?

Chưa đủ để sung sướng tạ ơn đất trời tiên tổ ông bà, và tất cả những người đã nằm xuống trong và sau cuộc chiến vừa qua? Chưa đủ để cùng nhau... dập tắt lửa thù hận? chẳng lẽ đợi cho mấy người hàng xóm xấu xí này (nói phỉ phui! phỉ phui!) sang cà khịa đòi *sát nhập* hay đòi làm *anh em* hay đem đến văn minh, lú c đó chúng ta mới tỉnh mộng? Có khi hối hận không kịp ngáp !

Diện mạo nào là của chúng ta? Xấu xí hay tốt đẹp? Bỏ cái gì, giữ cái gì? Làm sao có thể quay lại nhìn mình và không chối bỏ sự thật? Làm sao ta có thể tiếp tục tồn tại độc lập, không kiêu căng lố bịch cũng chẳng phải cúi mặt đau đớn, xấu hổ ? Tiếp tục tồn tại với bản mặt riêng (lai diện mục) của chính chúng ta?. Một bản mặt có trái có phải, có sâu xa, cạn cợt, có thắng bại, vui buồn, có khổ sở, mất mát... .mới dựng nên kích thước trong không gian và thời gian[37].

Tiếp tục tồn tại độc lập tự do với dân chủ hạnh phúc thật sự cho tất cả hay ít ra cho đại đa số chứ không phải chỉ cho một nhóm nhỏ[38] và những kẻ đại diện cho đại đa số đó không cần phải tiêu diệt hay hành

hạ những thiểu số kỳ cục luôn luôn có ở bất cứ thời đại nào, ở bất cứ đất nước nào.

Tôi nghi là ông Bá Dương vuốt ve tự ái những người Nam Dương, Mã Lai, người Việt Nam, người Mỹ, người Úc, dụ khị người Đài Loan, Tân Gia Ba... Chính thực là ông kích động dân ông tiến chiếm lấy thế giới đấy thôi.

Tặng tất cả các bạn của ngày 6/ 12/98 tại Paris,
kỷ niệm ba mươi năm biệt xứ.
PHAN THỊ TRỌNG TUYẾN

1- Tác giả các tập thơ *Đi trong bóng tối* (1970), *Tiếng kêu thương* (1982), *Vũng nước bùn lầy* (1986), *Trên đường về nhớ đầy* (1989), *Chợt nhớ* (1997) .

2- Xin mượn chữ của Kiến Văn, chú thích dưới một bài dịch từ bản tiếng Pháp một bài của Nguyễn Quang Đỗ Thống trong *Diễn Đàn* số cách đây vài tháng , phần lớn cũng vì chính bởi dịch giả cho biết "*... đã gặp phải quá nhiều đau khổ trong việc chế bản và chuyển đổi văn bản (...) vì cho đến nay tôi vẫn chưa tìm được một chương trình soạn thảo tiếng Việt nào đạt tiêu chuẩn...*" (NTQXX tr.7)

3- nxb Chân Mây Cuối Trời (Paris 1998), giá 88FF (1,25 euro); nxb Văn Nghệ tái bản tại California 1999, giá 15MK.

4-Bài này viết xong và gửi TL Paris... 2/99 . Sửa lại từ ngày 6/4 gửi Hợp Lưu ngày 10/4/99.

5-Vũ Hạnh (dưới tên giả :Pazzi) và Toan Ánh.

6-Trong phần lời người dịch, NHT cho biết ngay cả nước Trung Hoa "cộng sản" cũng đã chấp nhận và hoan nghênh NTQXX. Sách in lần đầu ở Đài Loan và tái bản ở Quảng Đông.

7-Trong thời chiến tranh Nam Bắc, Hà Nội nhận được rất nhiều viện trợ (thức ăn, khí giới...) của Trung Hoa lục địa. Trong năm 79, sau "bài học" TQ gửi vào bên trong và ngoài biên giới nước Việt, tổn thất hai bên: hàng trăm nghìn sinh mạng.

8- Dĩ nhiên Đài Loan (và cả Tân Gia Ba nữa) chỉ là một khác biệt giai đoạn, tương lai sẽ trả lời chúng ta.

9- Có một người bạn Tàu giải thích với chúng tôi rằng Tibet thuộc Tàu vì Tibet xưa nay -ít ra là tới khi Đạt Lai Lạt Ma thành lập chính phủ lưu vong- không chống đối -nghĩa là luôn chấp nhận việc thần phục Tàu- May quá chúng ta nhờ có hai Bà Trưng, Lê Lợi, Nguyễn Huệ... và dân quân miền biên giới năm 1979 "ồn ào phản đối"...

10-Nhấn mạnh bởi người chép .

11- biết thưởng thức, theo Bá Dương, là biết đề cao tài năng và phân biệt được cái tốt, cái đẹp, cái xấu trong lĩnh vực chính trị cũng như văn học, nghệ thuật.

12- Xin đọc *Vẫy gọi nhau làm người*, Trần Đạo (Phan Huy Đường) (nxb Hồng Lĩnh, Hoa kỳ 1996).

13- tương tự tính *gia trưởng hoang dã, bầy đàn* như ý Đỗ Minh Tuấn vì mối dây thiên tử/thần dân ở VN là ngài cán bộ, đảng viên, bác, chú/cháu, em và VN chỉ có 80 triệu dân?

14- Nhấn mạnh bởi người đọc (pttt).

15- id 13

16- id 13
17- id 13
18- Nhất là về mặt giá trị văn học. Điểm chung duy nhất của hai tác giả là vẽ xã hội TQ và VN. Có thể nói đến một điểm giống nhau nữa là phản ứng của người đọc trong và ngoài nước. Về PTH, tôi chỉ đọc được lõm bõm vài bài hay vài câu phê bình, trên báo chí trong nước, giọng điệu hằn học thiếu lý lẽ thuyết phục. Y như những bài đánh đấm viết theo chỉ thị (miệng) dành riêng cho những tiếng nói, câu hỏi lẻ loi, bởi không thể (?) có những trả lời chính thức, có văn bản, của nhà nước hay đảng cho những tâm thư, thỉnh nguyện thư, khiếu nại thư... v..v... bất luận về chuyện kêu oan, yêu cầu cải cách hay thắc mắc. Dĩ nhiên đôi khi tôi cũng gặp một vài câu khen chung chung, kèm theo (chỉ vì) tin PTH được người ngoại quốc mời sang thăm viếng hay một tác phẩm nào đó của bà được giải thưởng, hoặc được dịch ra tiếng ngoại quốc (người ngoại quốc dịch, chứ không phải ông Phan Huy Đường - người dịch các tác phẩm của Dương Thu Hương, cũng như viết nhiều bài tiểu luận chính trị kinh tế, triết học, văn học, nghệ thuật v...v... ông phán: chế độ VN thuộc loại toàn trị (totalitaire) chưa hoàn chỉnh,(= tương tự gia trưởng, hoang dã, bầy đàn của Đỗ Minh Tuấn?) (vì chỉ đi được một phần các con đường đưa tới chế độ toàn trị đúng nghĩa) là mafia da vàng, núp sau những bình phong bất lực như Đảng, Nhà nước, tổ chức quần chúng, thậm chí như một thứ ma cà rồng chỉ có thể sống trong bóng tối, bất lực trước ánh sáng của thông tin, ngôn luận, văn học và nghệ thuật. Ông hỏi (tiên đoán?) ngày nào cơ chế thi trường(dưới dạng tư bản rừng) không còn nuôi nổi bốn cái tập thể khổng lồ phi sản xuất là quân đội, công an, nhà nước (...) và bộ máy đảng, ngày đó có loạn? Hoặc ông chê các lãnh tụ VN đã hiểu (và áp dụng) sai be bét học thuyết Marx. Đọc những tiểu luận này, ta sẽ hiểu vì sao ông được Cơ quan văn hoá của bộ Văn hoá -Thông tin gọi là - một ông Việt kiều ở Pháp vốn vẫn hiềm khích với Việt Nam, như khi Phạm Thị Hoài bị mắng quay lưng lại dân tộc, toàn những Phiên Thiên Ấn nặng ký.
19- Nhấn mạnh bởi người chép.
20- Muốn biết một cách văn chương thú vị, xin đọc Nguyễn Ngọc Ngạn, Phạm Thị Hoài (để nhớ từ "giày dép như vãi kẹo" hay cuộc phiêu lưu của thầy trò Đông ki sốt bản xứ của Man Nương, tranh vân cẩu vẽ người tang thương của Thiên sứ, Ma ri sến) đọc lại Nguyễn Huy Thiệp, Những "mảnh đất lắm người nhiều ma" (Nguyễn Khắc Trường) "bến không chồng" (Dương Hướng) hay "thời xa vắng" (Lê Lựu) v...v...
21- Nghiêm Kế Tổ (*Việt Nam máu lửa*), Hoàng Liên (*Ánh sáng và bóng tối*) , các tướng lãnh VNCH, Hoàng văn Hoan (*Giọt nước trong biển cả*) , Đặng Văn Long (*Người VN tại Pháp 1945-1954*) , Hoàng Khoa Khôi (*Chroniques vietnamiennes, Hồ sơ phong trào đệ tứ....*) các thư của các ông bà cụ Nguyễn Văn Trấn (*Thư gửi mẹ và quốc hội*) Vũ Đình Huỳnh, Phạm Thị Tề, Nguyễn Hộ, Hoàng Tiến... .
22- Bài của Hai Cù Lần: *Luận bàn về tông, lông và cánh* (cuối 98, nhận được từ Thông điệp xanh, Internet đầu năm 99)
23- Trợ lý của (cựu) tổng bí thư Đỗ Mười, trong bài báo cáo (nội bộ) ngày 31 tháng 10 năm 92 ở viện Mác Lê nin - HCMinh trong *Đối Thoại* số 2 tháng tư năm 94 (CA, USA)
24- Nói theo một vài vị "săn đầu người" nên có QE cùng với QI một... lần.
25- Hà Sĩ Phu, Bùi Minh Quốc, Phan Đình Diệu,vô số sĩ phu, trí thức khác và ông tướng Trần Độ tuyệt vời (vì ông thú nhận đã rơi lệ và ông không nuốt lệ vào lòng mà ngược lại, ông bắt đầu nổi giận). Xin chúc mừng ông được khai trừ. Bạn tôi được thể: thấy chưa, ban đầu thì en ordre dispersé, nhưng dần dà, có số đông, sẽ có tổ chức, vì ai (nhất là bác) HKK cũng biết: làm cách mạng không thể không có lý thuyết cách mạng!

26- Người quen từ Hà Nội đến nhà chúng tôi chơi, chợt thấy tập thơ cũ của thi sĩ Nguyễn Chí Thiện, giở ra xem, chỉ vài câu thơ đầu, mặt anh tái hẳn đi, bỏ ngay tập thơ xuống, miệng lắp bắp "ối giời ơi, ối giời ơi, thằng này láo!" và nhất định không đọc tiếp và không tin rằng thơ ấy của người trong nước gửi ra qua toà đại sứ Anh ở Hà Nội. Đó là vào thời điểm 79, 80, anh được đi Pháp với cương vị giám đốc hay thủ trưởng gì đó, tôi hiểu được phản ứng của anh. Nhưng năm nay 1999, một người thân, từ Sài Gòn qua, đi du lịch chơi, chẳng là công thần hay đảng viên (?), tôi đưa thư "Một cái nhìn trở lại" của ông Trần Độ, anh ta cũng chỉ dám đọc vài hàng rồi bỏ xuống (lịm người) sans commentaire, tôi cũng đành no comment!
27-Tin mừng giờ chót: Công an VN đang xin nhà nước cho họ,với các vị đại diện (cho ban văn hoá tư tưởng(?) trong các ngành khoa học và nghệ thuật (?), kiểm soát hệ thống Internet ở mức địa phương, vì bọn thù địch với Việt Nam ở hải ngoại nhập nhiều tài liệu phản động và xuất... bí mật quốc gia cùng các bài viết của những "kẻ ngoại đạo" (dissidents) qua hệ thống này (Báo *Le Monde* ngày 9/4/99). Điều ngạc nhiên là chuyện "xin phép". Công an mà phải "xin phép"? Tin mừng!! Cần kiểm soát ở địa phương: các xóm nhỏ (?) VN bây giờ cũng có máy vi tính: Tin mừng!!
28- Nói như Đoan Hùng (Có cần chống Khổng giáo không? *Thông Luận*, số 125 tháng Tư 99) năm bác Hồ Nguyễn Văn Ba, xuống tàu sang Pháp, lúc bác mới 19 tuổi, và ông Diệm, thượng thư ở Huế, có đọc/viết thông thạo sách vở thánh hiền chữ Hán, chữ Nôm?
29- Theo báo *Diễn Đàn*, ông Nguyễn Văn Linh là tác giả câu danh ngôn bất hủ này.
30- Xin xem lại chú thích 22
31-Xin đọc *Thư gửi mẹ và quốc hội*, (sđd) lời giải thích của bác Hồ về dân chủ tập trung.

Nhà nước, thật ra cũng theo sát tâm lý nhân dân (tất cả do dân vì dân và của dân: chỉ giống mài mại cái chủ nghĩa... tam dân của Tôn Trung Sơn tiên sinh thôi, khẩu hiệu này là của ta, đậm đà bản sắc... nước mắm) đám dân đen (nhất là miền Nam cũ, có thói tiểu tư sản hay chê bai) mỉa mai cán bộ chỉ học hết lớp ba trường làng mà đòi quản lý đất nước: thế là có chuyện đi học thêm. Hết cấp 1, qua cấp 2, cấp 3, leo luôn cả sang đại học. Học cả ngoại ngữ, nào có ngán chi ai! Tha hồ ghi tên học, lớp đêm, lớp tại chức... nhất là khi lệnh nhà nước (thay vì thay thế các thủ trưởng, giám đốc già và cũ bằng lớp trẻ có đi học... lớp ban ngày hẳn hoi). Buộc các ngài phải có bằng đại học, và nói thông (ít nhất một) ngoại ngữ... Có học thì có thi. Có thi thì có... bài giải sẵn. Thí sinh đông đến nổi, ngày thi, có nơi, ban tổ chức (?) phải chở cả một cái máy làm phô tô cóp pi các bài giải để kịp thời phục vụ các quan chức thí sinh. (theo báo *Tuổi Trẻ*)
32- Theo Lữ Phương, người tự ý ly khai đảng cà khịa với người bị đảng khai trừ: trong *Thư gửi Trần Độ, Diễn Đàn* số 84, (Paris tháng 4-1999), Người thứ hai, sau bao nhiêu trăn trở, suy tư, từ tâm thư đến tùy bút, rồi kiểm điểm, mong muốn đảng cải tổ, để xây dựng đảng, theo chiều đã định từ thời (rực rỡ) kháng Pháp, nghĩa là từ... thời Staline, với sự quay về lý thuyết (trong sạch) nguyên thủy thuở Marx với Lénine. Người thứ nhất muốn đảng bỏ hết: hoá thân (hoá thân hay hoá kiếp) từ cộng sản thành dân chủ xã hội, coi như đó là lối thoát tốt nhất cho đảng và đảng viên cũng như cho những ai còn lưu luyến với lý tưởng xhcn và là chọn lựa thỏa đáng nhất về mặt lý luận lẫn thực hành dù rằng chủ nghĩa Stalin và chủ nghĩa Mao đã trở thành truyền thống vô thức với những người lãnh đạo cao nhất của đảng hiện nay: nghĩa là không dễ dàng thuyết phục được họ. Bá Dương ngồi tù mười năm vì nói lên vài sự thật, các ông Hà Sĩ Phu, Hoàng Minh Chính, Trần Độ... kẻ chỉ hơn một năm tù, bị du đãng hành hung, người lần lượt bị khai trừ, nhà bị nèm đá v..v... Lữ Phương có nhận định như nhà báo Vũ Huy Cương (trong bài Tướng Trần Độ bị khai trừ, có gì

lạ?) là đảng nay đã suy yếu nhiều, chỉ còn nước giở trò vặt, trò vu vạ nhà quê chứ trước kia đừng hòng cho ai "sống sót trở về" khi họ không nhất trí với đảng. Ông Nguyễn Thanh Giang dùng chữ khác: tiểu nhân, đểu giả, hạ tiện, chắc là đúng hơn nên ông bị bắt bỏ tù.

33- Tôi kể cho anh chàng nghe: trong lần về Sài Gòn năm 94, ngay trên một khoảng sân cỏ giữa đại lộ Nguyễn Huệ, tôi nhìn thấy một bà cụ nhà quê chít khăn mỏ quạ, váy nâu chùng dài, tay ôm một gói nhỏ thu thu vào ngực áo, đứng đái. Đứa em chở tôi trên chiếc xe gắn máy chạy vòng qua, sát bên cạnh, bà lão tỉnh bơ đứng đái. Cho đến bây giờ, tôi còn nhớ cảm giác lạ lùng của mình lúc đó. Cảm nhận một tự do không bến bờ, một thách thức ngạo mạn mà tự nhiên đến từ dáng người ngây ngây, nghiêng nghiêng, bất động , đôi chân khuỳnh chữ A chiếc váy nâu, mươi giây đồng hồ, đất trời ngưng quay. Bà là ai, một Bùi Giáng của Bắc Ninh, Sơn Tây , Phú Thọ... xa xôi, chưa hề làm thơ? Một bà mẹ đã đánh rơi châu bảo, tim phổi trên đường xuôi Nam? Hay lũ con tứ tán tìm lẽ sinh tồn bỏ quên mẹ ngoài đường một đôi hôm?

34- Xem *Nửa đời nhìn lại* (Tiêu Dao Bảo Cự, nxb Thế kỷ,California USA 1994) các sách vở, hồi ký đã dẫn.

35- Mượn tựa sách của Phan Huy Đường *Vẫy gọi nhau làm người* (sđd)

36- Nói là nói vậy chứ xin quí vị ở hải ngoại nên đề phòng: khi về nước, giao du với ai, nhớ phải giữ hành tung bí mật, di chuyển như mây gió, muốn nói chuyện với ai, dù là chuyện dóc tổ hay tào lao, nếu không đằng vân độn thổ được, nên nửa đêm chèo ghe ra giữa sông mà nói, tay đôi thôi nha. Nếu muốn tiết kiệm thì giờ thì mời hết tất cả bạn bè đến một chỗ, rồi làm gì thì làm nhưng không quên thuê vài thợ quay phim, mỗi xó đặt một ông, xong xuôi thì nộp một bản cho công an (văn hoá hay an ninh, tùy quí vị đoán xem mình được bên nào chiếu cố.) Xin cam đoan đỡ tiền cho nhà nước, đỡ cho quí vị công an khỏi phải khi chau mày, khi nức nở, khi ba toong, khi cà rốt, (- lần sau tao không cho mày về, liệu hồn! - một vị c.a rất quen thuộc với giới viết lách đã vỗ bàn quát với một bạn tôi như rứa-) Như thế đỡ mất thì giờ cho mình , đỡ vạ lây cho người khác. Xin đừng nản lòng, xin cố gắng về cho đông, gặp đủ người mình thích gặp, đừng... tiếp tay công an đặt thêm vòng dây cô lập quanh những người muốn suy nghĩ, nói năng, hành động bằng tim óc của riêng mình.

37- Nếu (mô đen) tuyệt mỹ mà... dẹp lép chắc là không giống ai!

38- Theo ông Hà Nghiệp, trong bài báo cáo trên, ở VN có 5 phần trăm người phản động (như 5 % đảng viên), con số chính xác (như trong một bài báo cáo về cải cách rung đất ở tỉnh Thái Bình, tôi đọc được trong một tờ báo cũ: số địa chủ bị trừng trị, số bị oan, và số bị sổng thật cũng như số sổng nhưng ta kịp thời bắt lại) tính ra khoảng 4 triệu, 4 triệu đảng viên thì có giấy tờ chứng nhận, còn những người phản động này thì sao? Phường khóm ghi trên sổ đen? Phản động ở hải ngoại có được tính trong số ấy không và "được kết sao vàng" (như người Do Thái thời Đức quốc xã) cách nào? Các sứ quán báo cáo hay bộ Nội vụ ghi chép theo lời khai của những Việt kiều về nước, trong những lần họ được các ngài công an mời đi ăn hay mời lên làm việc?



MARC LARCHET

Sự vĩnh cữu trong "Papyrus".



Tôi biết Phan Nguyên đã lâu, từ nhiều năm nay. Lần gặp gỡ đầu tiên ở trung tâm văn hoá Pháp Việt Paris, tôi đã bị cuốn hút bởi loạt tranh mang tên "Fractus". Xung lực bẩm sinh toát ra từ hội họa Phan Nguyên lao đến tôi những rung động nội tâm mãnh liệt.

Tôi đã trở lại nhiều lần để thấm nhiễm những toé vỡ từ tranh "Fractus". Một tổng thể hài hoà mang dấu vết một nhân cách sáng tạo, nghiêm cẩn và một lối chơi họa. Tôi đã tìm hiểu họa sĩ. Hiểu hành động sáng tạo đã gây men biết chừng nào trong hiện thân của anh.

Phan Nguyên thích khảo sát những cảm giác gây ra từ một chất liệu, một phóng bút có thể đem đến trong quá trình tạo tác. Tiến trình phối tạo tác phẩm mời gọi rung động thân xác. Chính nhu cầu giao tiếp cọ sát này của thể xác với vật chất đã làm nền cho loạt tranh mới mang tên "Papyrus". Biên giới giữa họa và điêu khắc nhoà lẫn ở đây, dù thoạt nhìn, không bật ra tức khắc chiều đẽo gọt của vật liệu.

Với Papyrus, Phan Nguyên khiến chúng ta sửng sốt. Không có mối liên hệ tiên khởi nào với hội họa của anh trước đây. Một trang tài năng mới của anh đang được viết. Tôi cố ý dùng chữ "Trang" và "Viết" vì những bức "Papyrus", như tên gọi của chúng, gợi ước vọng

vĩnh cửu của con người, muốn mã hoá thông điệp để thiết lập với đồng loại một quan hệ khả tri.

Chúng ta có thể tìm thấy trong loạt tranh ba mươi bức này, gốc rễ chung với một số biểu hiện hồng hoang : Họa trên vách đá tiền sử, chữ tượng hình Ai Cập, ký hiệu của thổ dân Úc, bùa chú thần linh... Nhưng tác phẩm Phan Nguyên thật ra không dính với các thời đại hay những biểu thị tư duy vừa kể. Họa của anh ngẫu sinh, ngẫu phát theo ước muốn đùa với hình tượng tựa như tự nẩy sinh từ một vô thức. Họa Phan Nguyên đến từ những sâu thẳm của tâm hồn, từ xung động dục tính của một kiếp nhân sinh, nhân tình. Sự chờ đợi của khách thưởng ngoạn như thế, không để hiểu, mà để cảm, để bị mê hoặc cám dỗ gọi mời vào trong từng mỗi bức tranh.

Vì ở đây mỗi bức tranh là một thực thể duy nhất.

Ở phút thưởng ngoạn đầu tiên, lướt nhìn toàn bộ, một mẫu số chung bật ra: những nan quạt màu sắc và ánh sáng cuộn lại trong pha trộn bất tận của ba sắc tố chính, vàng, tím, và đất cháy. Chúng ta có cảm tưởng, nhìn từ xa, đang khảo sát một lao động thuộc da. Ấn tượng tự nhiên do chất liệu sử dụng mang đến.

Nhưng hãy đến gần vì mỗi bức họa xứng đáng được nhìn gần. Độ nổi xuất hiện, nhiều tầng với cách vẽ tinh vi của sơn acrylic. Những hình tượng trong vũ trụ, hình thể động vật hay thánh thư tuồng như được khắc lên chất liệu, thực ra bằng giấy bột.

Lối chơi xé giấy cũng làm nền cho loạt tranh “Papyrus”. Một lối chơi bản năng, thân xác, gây bất ngờ cho cả họa sĩ lẫn người xem tranh. Rồi lối chơi dao, cách cắt dán, độ dầy mỏng của sơn khiến chúng ta lọt thỏm chính giữa thiên hà, trong hành lang xoắn ốc của những chuyển động, chạm trán một thế giới bí hiểm. Ở đây, bức tranh, một mảnh giấy thuộc - ở kia, bức họa thành một bảng mã.

Chúng ta không ngừng tới lui ngắm mỗi bức tranh để rồi trở lại trước từng bức, chiêm nghiệm tất cả những đặc tính của nó.

Cũng như vũ trụ, loạt tranh “Papyrus” là một tổng thể gồm những tế bào duy nhất.

MARC LARCHET
Viết trong dịp khai mạc “Papyrus” 3/99 tại Studio Péan
Trần Vũ *chuyển ngữ*
từ *“Dans l'éternité des Papyrus”*.



SƯƠNG MAI

Độc dược

Hình như anh bỏ vào ly cà phê em
những bùa mê, thuốc lú
Hình như anh bỏ vào ly nước chanh em
những cuồng chất nhớ thương
Hình như anh bỏ vào giấc mơ em
một thế giới tình yêu rất diệu huyền
Hình nhu anh bỏ vào trái tim em
những hòn sỏi yêu đương

Hình như anh bỏ vào tâm tư em
những nguồn ánh sáng không tên
Hình như anh bỏ vào nụ hôn anh
những hạt bạch phiến

Hình như anh đã bỏ vào thơ em
một luồng sinh khí mới
và bây giờ cũng chính anh
đã bỏ vào chén rượu tình ta
một liều độc dược.

Anh đầu em, hay anh đầu độc
chính anh?

SƯƠNG MAI



PHẠM NGUYỄN

Sinh hoạt văn học nghệ thuật



Đại Hội Điện Ảnh Âu Châu sẽ tổ chức tại Việt Nam

Theo tin Pháp Tấn Xã ngày 28.4.1999, do sáng kiến của đại biểu của Ủy Hội Âu Châu (*European Commission*, thuộc Liên Hiệp Âu Châu), phối hợp với Bộ Văn Hóa Thông Tin của Việt Nam, một đại hội điện ảnh Âu Châu sẽ được tổ chức lần đầu tiên tại Việt Nam vào các tháng 5 và 6 tới đây. Ban tổ chức đã tuyển lựa 9 phim của các nhà đạo diễn Âu châu; và các tòa đại sứ các nước Âu châu cũng như các cơ quan văn hóa Việt Nam sẽ phân phối hơn 25.000 vé vô cửa cho 51 buổi trình diễn tại Hà Nội và Sài Gòn. Đại hội này sẽ khai trương vào ngày 9 tháng 5, trùng với ngày kỉ niệm của Liên Hiệp Âu châu, và sẽ kết thúc ngày 8 tháng 6.

Hiệp Hội Thư Xã Đức trao Giải Hòa Bình cho Sử gia Fritz Stern

Ngày 29.4.1999, tại Frankfurt, hiệp hội các thư xã nước Đức đã quyết định sẽ trao tặng giải Hoà Bình năm 1999 cho sử gia người Mĩ gốc Đức Fritz Stern. Theo ban giám khảo, ông Fritz Stern được lựa chọn vì "từ nhiều năm qua, ông đã nghiên cứu, phân tích và trình bày lịch sử khó khăn của nước Đức, quê hương đã xua đuổi ông, ... đã có

công bắc cầu hiểu biết giữa các thời đại và giữa các dân tộc."

Ông Fritz Stern, năm nay 73 tuổi, đã theo gia đình gốc Do Thái sang Hoa Kì lánh nạn năm 1938. Hiện nay ông cư ngụ tại New York và giảng dạy tại trường đại học Columbia. Ông từng được đại học Oxford tặng bằng tiến sĩ danh dự năm 1985, và được coi là một trong những sử gia hàng đầu của Hoa Kì.

Những năm gần đây, Giải Hòa Bình của các thư xã Đức - trong đó có một số tiền trị giá 12.800 euros (khoảng 13.600 mĩ kim) — từng được tặng cho các nhà văn tiếng tăm như Vaclav Havel (1989), Jorge Semprun (1994), Yachar Kemal (1997).

Hiện tượng Michel Houellebecq

Từ mùa thu năm 1998, cuốn tiểu thuyết "*Les particules élémentaires*" (Những hạt cơ bản), của nhà văn 40 tuổi Michel Houellebecq đã gây sóng gió tại nước Pháp. Trên báo chí, phần đông các nhà phê bình chia hẳn thành hai phe, người thì khen ngợi hết lời, kẻ thì chê bai miệt thị. Rất nhiều độc giả tỏ í bất bình vì những trang dâm dật trong truyện, dẫu cho ngày nay điều đó đã quá thường, vàđiều này chính là một điểm độc đáo của tác giả.

Michel Houellebecq xuất hiện trên văn đàn năm 1991 với cuốn khảo luận về nhà văn Mĩ H.P. Lovecraft. Trong cuốn này ông đã viết một câu chua chát có thể coi như tóm tắt toàn bộ các tác phẩm sau đó của ông (gồm hai tập thơ, hai tiểu thuyết, và một khảo luận) : "Ngày nay giá trị mỗi con người được đo lường bằng hiệu năng kinh tế và tiềm năng tình dục."

Trong "*Les particules élémentaires*" (một từ ngữ thuộc khoa vật lí lượng tử), ông gửi gấm tự sự của chính mình cùng những suy tư triết lí. Cũng như ông, nhân vật chính, thuở thơ ấu từng bị cha mẹ không đoái hoài, được bà nội đem về nuôi, đi học đậu bằng kĩ sư rồi thành chuyên gia khảo cứu. Quá khứ đó khiến hắn chẳng bao giờ có tình cảm sâu đậm với bất cứ ai, ngoại trừ bà nội hắn, nhưng hắn cho rằng những người như bà nội hắn là những sinh vật đang trên đà tuyệt chủng. Con người ngày nay, ít ra là con người của các xã hội Tây phương, không còn khả năng yêu thương, hoàn toàn bị tiền bạc và tình dục chế ngự.

Những người ca ngợi cuốn tiểu thuyết này cho rằng tác giả có tài trình bày vô cùng tàn nhẫn những xấu xa của thời đại và bắt buộc ta phải đối mặt với những bí mật nhơ bẩn của chính mình. Những người chê bai thì cho rằng ai chẳng biết những xấu xa đó, đâu cần phải nhờ đến 400 trang sách "nhàm chán" này.

Đó là không nói đến những luận điệu phê bình cho thấy rằng người khen hay chê chưa hề đọc qua cuốn sách(*).

Tuy nhiên, điều đáng lưu í là đã từ lâu không có một cuốn sách nào gây tranh luận sôi nổi như thế tại nước Pháp.

100 năm Saint Exupéry.

Cách đây bốn năm là kỷ niệm nửa thế kỷ người cha của ''Hoàng Tử Bé'' bị mất tích. Năm vừa qua, sự kiện một người đánh cá vớt được chiếc vòng tay khắc tên ông trong vùng bờ biển thành phố Marseille (Pháp) đã gây nhiều xôn xao. Và năm 2000 sắp tới sẽ là 100 năm ngày ra đời của Saint Exupéry.

Các nhà xuất bản Pháp đang sửa soạn những sôi động ấy. Ngoài việc đã tái bản các ''Sổ Tay, Carnets'' của ông, họ vừa in thành sách những trao đổi về một cuộn phim phỏng theo ''Cõi Người Ta'' giữa Saint Exupéry và Jean Renoir, một nhà làm phim Pháp tị nạn ở Hoa Kỳ trong thời chiến tranh ấy. Jean Paul Sartre, nhà văn hiện sinh của hậu bán thế kỷ 20, đã cho rằng, Saint Exupéry là người báo trước nền văn học kiến tạo nhằm thay thế loại văn học tiêu thụ.

Nhưng những con số mới là bằng chứng hùng hồn hơn cả về ảnh hưởng rộng lớn và tất yếu của tư tưởng Saint Exupéry. Thật thế, từ 50 năm nay, ''Hoàng Tử Bé'' là cuốn sách Pháp được dịch ra nhiều tiếng ngoại quốc nhất, đến độ những best-seller của Mỹ cũng tái mặt trước cậu bé triết gia này.

Nên tưởng tượng một Beckett tinh ranh và vui nhộn.

Không cần phải nói nữa về danh tiếng nổi như cồn của Samuel Beckett. Tất cả các tác phẩm của ông, bắt đầu bằng vở kịch bất hủ ''Trong khi chờ Godot'' (1953), gợi lên sự đen tối và phi lý đã thể hiện trên gương mặt bị ám ảnh của kịch tác gia người Ái nhĩ lan.

Tóm lại, người đoạt giải Nobel về văn chương này đã có tất cả, trừ một điều là không được xem như một người tức cười, sung sướng. Nhưng gần đây, theo tờ The Observer (Anh), chúng ta nên xét lại ''huyền thoại'' ấy. Vì trong một tuyển tập vừa được nhà Harvard ấn hành, gồm những thư từ trao đổi trong ba mươi năm giữa Samuel Beckett và Alan Schneider, một đạo diễn người Mỹ, bạn thân của Beckett (No author better served: the correspondence of Samuel Beckett and Alan

---

(*) Thế thì tình trạng này không phải độc quyền của ta.
Nhà văn Nguyễn Mộng Giác đã hơn một lần ai oán: Người đọc *Mùa Biển Động* thì ít, nhưng người phê phán khen chê bộ trường thiên này thì nhiều vô số.

Schneider), người ta bắt gặp một Beckett ranh quái và vui nhộn. Tiếc thay, Schneider đã bị mô-tô đâm chết ở Luân-Đôn khi ông vừa đi gửi cho Beckett tờ thư cuối.

Ea Sola ra mắt vở múa mới nhất ''Voilà, Voilà''.

Với hai vở múa kết hợp nhạc dân tộc Việt Nam và nghệ thuật múa tây phương hiện đại: ''Hạn hán và cơn mưa'' cùng ''Ngày xửa ngày xưa'', Nguyễn Thủy Ea Sola đã gây sôi động trong giới nghệ thuật Âu châu nói chung và Việt Nam nói riêng.



Dù tán thưởng hay chỉ trích lối nghệ thuật đặc biệt này, từ hình thức, kỹ thuật đến nội dung, đa số khán giả đều công nhận khả năng sáng tạo và tìm tòi để làm mới nghệ thuật của Nguyễn Thủy, ngay từ công trình đầu tiên của cô là vở ''Hạn hán và cơn mưa''.

Mùa xuân này, cô vừa cho ra đời một vở múa thứ ba ''Voilà, Voilà'', trong đó cô sử dụng ba thể nhạc ca trù, chèo và tuồng Việt Nam. Vở này đã ra mắt khán giả lần đầu tiên ngày 15/5/ 99 tại Nhà Văn Hóa Thế Giới của thành phố Berlin (Đức), trong chương trình thông tin văn hóa, văn học và nghệ thuật ''Gặp Việt Nam'' (trong hai tháng 4 và 5/99). Sau đó vở sẽ được đem lưu diễn trên thế giới với lịch trình sau: Munchen (Đức, Muffathalle/Goethe Institut, 7-8 tháng 6). Arhus (Đan Mạch, Foreningen Freja, 19 tháng 6). Hamburg (Đức, Hammoniale Festival des Frauen, 22-23/ 6). New York (Hoa Kỳ, Lincoln Center Festival, 7-9-10/ 7). Tokyo (Nhật, Tokyo Int. Festival of Performing Arts, 1-2-3/ 10). Chicago (Hoa Kỳ, Museum of Comtemporary Art, 6-7-8 / 10).

Tìm thấy bản thảo chưa xuất bản của nhà văn Kawabata

Cuối tháng 4 năm 99 vừa qua, một số bản thảo tiểu thuyết chưa hoàn tất của nhà văn Yasunari Kawabata vừa được tìm thấy tại nhà riêng của ông tại Kamakura, phía Tây Nam Tokyo.

Các trang bản thảo này là những phần khởi đầu của sáu quyển tiểu thuyết của nhà văn Nhật từng đoạt giải Nobel Văn Chương. Các trang bản thảo chắc chắn sẽ rọi thêm nhiều tia sáng về nhà văn kiệt xuất này. Trước đây, nhà văn Nhật nổi tiếng Yukio Mishima, được xem như đệ tử lâu năm của Kawabata, từng gọi ông là một "kẻ du

hành vĩnh cửu."

Ba tiểu thuyết trong số bản thảo tìm thấy có tên là *"Thung Lũng Hạnh Phúc," "Cây Xanh,"* và *"Đôi Mắt."* Ba tiểu thuyết còn lại chưa có nhan đề.

Nguồn tin cho biết mỗi bản thảo có từ 400 đến 600 chữ. Tạp chí văn học *"Shincho"* số tháng Sáu sẽ cho phổ biến các đoạn bản thảo này cùng với các ghi chú trong sổ tay chưa từng xuất bản của Kawabata, qua đó ông tự miêu tả mình như một tử tội chờ thụ hình sau khi Mishima tự mổ bụng chết vào năm 1970. Những phần miêu tả này rõ ràng đã báo trước sự tự sát của Kawabata sau đó vào năm 1972.

Ông Tetsuya Hatori, giáo sư văn chương tại đại học Seikei, Tokyo, sau khi đọc qua bản thảo đã tuyên bố rằng: "Những tiểu thuyết chưa in này bất chợt phô bày những tinh túy nhất của văn chương Kawabata."

Quyển sách hay nhất thế kỷ 20

Hôm đầu tháng Năm, một quyển hồi ký cổ điển ban đầu gần như suýt không được in ra, tựa đề là *"The Education of Henry Adams"* đã được chọn bầu là tác phẩm nonfiction bằng Anh ngữ hay nhất thế kỷ 20, chọn từ danh sách 100 tác phẩm lớn.

Danh sách được một Ủy Ban gồm 13 thành viên của nhà sách Modern Library đã chọn thiên hồi ký của Henry Adams đứng đầu, kế đó là quyển *"The Varieties of Religious Experience"* của William James, hạng 2 và *"Up From Slavery"* của Booker T. Washington - một trong những tác phẩm lớn đầu tiên của người Mỹ Da đen - đứng hạng 3.

Hai tác giả phụ nữ đứng hạng bốn và hạng năm là "A Room of One's Own" của Virginia Woolf và quyển *"Silent Spring"* - cảnh cáo nguy cơ của việc sử dụng thuốc DDT và tạo ra các phong trào bảo vệ môi trường sau này - của Rachel Carson.

Các quyển sách được xếp hạng từ 6 đến 10 là: *"Selected Essays 1917-1932"* của T.S. Eliot, *"The Double Helix"* về DNA của James Watson, hồi ký *"Speak Memory"* của Vladimir Nabokov, *"The American Language"* của H.L.Mencken và *"The General Theory of Employment, Interest and Money"* của John Maynard Keynes.

Tác giả Adams là chắt nội của Tổng Tống John Adams chỉ cho in quyển hồi ký của mình có 100 cuốn để tặng bạn bè và từ chối không cho phép in ra cho công chúng "vì tin rằng các bản in riêng kia sẽ rơi vào sự quên lãng." Nhưng sau khi ông qua đời, NXB Massachusetts Historical Society đã cho in lại và trở thành một tác phẩm cổ điển.

Chuyện bên lề các giải thưởng văn chương

Nhà văn Ian McEwan, 50 tuổi, với tập truyện ghê rợn "Amsterdam" là nhà văn đã đoạt giải thưởng văn học cao quý nhất khối liên hiệp Anh năm ngoái.

Giải Booker làm tăng trương mục ngân hàng của tác giả lên $34.000 và đã khiến cho quyển sách trở thành bestseller tại Anh.

Nhà xuất bản của ông ở Hoa Kỳ là Doubleday cho biết sách của ông cũng được biết đến rộng rãi hơn. Trong suốt gần một phần tư thế kỷ vừa qua, những tác phẩm tối tăm đầy căng thẳng của ông, trong đó phải kể đến The Cement Garden," "Black Dogs," "Enduring Love"..., vẫn thường được giới phê bình ngợi khen nhưng chưa bao giờ thật sự có được số độc giả lớn.

Là giải văn học đã có mặt hơn ba thập niên qua, hàng năm giải Booker trao phần thưởng cho tiểu thuyết xuất sắc nhất được sáng tác bởi một nhà văn trong các khu vực trước đây thuộc Đế Quốc Anh - Anh quốc, Canada, South Africa, India... Nhiều tác phẩm đoạt giải gần đây đã trở thành những sáng tác văn học phổ biến nhất trong kỷ nguyên này, chẳng hạn như *"The English Patient," "The Remains of the Day," "The God of Small Things," "Possession,"* và *"Midnight's Children."*

Trước đây, nhà văn cho biết là ông sẽ dùng tiền trúng giải để mua một tác phẩm hội họa hay điêu khắc gì đó, "thứ gì đó mà tôi có thể trông thấy bên giường chết và nói rằng nó vẫn còn đấy."

Trong khi đó, những người đoạt giải Nobel năm nay thì sẽ nhận được số tiền thưởng nhiều hơn năm ngoái nhờ vào các đầu tư của tổ chức Nobel đã mang lại thêm lợi nhuận.

Tổ chức Nobel Foundation cho biết số tiền thưởng có thể tăng lên 4%, tức sẽ trị giá khoảng 7.9 triệu đồng crown tương đương khoảng $944.000 Mỹ Kim cho từng giải thuộc các ngành Vật Lý, Hóa Học, Sinh Học, Văn Chương, Hòa Bình và Kinh Tế.

Tuy nhiên, căn cứ trên đồng Mỹ Kim thì trị giá của giải thưởng lại sút giảm, vì chỉ 7.6 triệu crown của giải Nobel 1998 năm ngoái cũng đã tương đương với khoảng $976,300 Mỹ Kim rồi.

Thư tình của nhà văn J.D. Salinger sắp đem bán đấu giá

Mười bốn lá thư do J.D. Salinger viết cho Joyce Maynard trong quãng thời gian từ 25-4-1972 tới 17-8-1973 sắp được đem bán đấu giá ở New York.

Tháng Tư năm 1972, Salinger - lúc đó 53 tuổi - viết thư cho Maynard sau khi đọc một bài rất hay của cô sinh viên Đại Học Yale 18

tuổi đăng trên tạp chí hàng tuần của tờ New York Times. Sau đó hai người kết thân, nàng bỏ học và về chung sống với Salinger ở Cornish, N.H. Mối tình chấm dứt vào tháng Ba, 1973.

Nhà Sotheby ở New York ước tính rằng trong cuộc bán đấu giá, sẽ được tổ chức vào ngày 22 tháng Sáu, lô 14 bức thư này sẽ bán được khoảng 80.000 đô la.

Joyce Maynard (hiện cũng là một nhà văn, đã li dị và có 3 người con) nói rằng nàng cần tiền để cho con học đại học.

Salinger chắc hẳn là rất bực bội về tin này. Trước đây, trong một vụ kiện để ngăn cản người viết tiểu sử trích những lá thư của mình, ông nói: “Thư từ là chỉ để dành riêng cho những cặp mắt nào đó mà thôi.”

Trong hơn 30 năm qua tác giả của *The Catcher in the Rye* (một trong những cuốn tiểu thuyết Mĩ nổi tiếng nhất và hay nhất của thế kỷ 20) sống ẩn dật và không xuất bản cuốn sách nào. Nhưng tháng Ba năm nay tờ báo Sunday Times ở Luân Đôn trích dẫn lời các bạn ông nói rằng trong thời gian đó ông đã viết thêm ít ra là 15 tác phẩm và cất giữ trong một tủ sắt tại nhà, và họ không biết ông có ý định gì đối với những cuốn sách đó.

Ra mắt sách tranh Nghiêu Đề

Vào lúc 2 giờ chiều ngày 17 tháng 5/1999, tại phòng Sinh hoạt nhật báo Người Việt (thành phố Westminster, California), buổi ra tập sách tranh Nghiêu Đề được Hội Nghệ Thuật Tạo Hình Việt Nam Hải Ngoại & gia đình tổ chức.

Khoảng hơn 100 thân hữu đã đến, đã ngồi kín phòng Sinh Hoạt, và đã cùng nhau gợi lại những kỷ niệm một thời, với Nghiêu Đề.

Mở đầu, qua nhạc sĩ Nguyễn Đức Quang, người phụ trách điều khiển chương trình, Khải Thư (con gái út của ông bà Nghiêu Đề) đã ngồi trước đàn dương cầm, gửi đến bằng hữu cũng như hương hồn của bố tấu khúc Clair de Lune của Debussy. Tuy không phải nhạc sĩ chuyên nghiệp, nhưng bằng tâm hồn và sự rung động nhạy bén được thừa hưởng từ bố, tiếng đàn của Khải Thư đã đã mang một sức truyền cảm sâu lắng.

Tiếp theo, nhà văn Võ Phiến nhắc lại những kỷ niệm vui của ông với Nghiêu Đề. Mối duyên văn nghệ giữa hai người nẩy nở từ lúc Nghiêu Đề nhận lời vẽ bìa cho tác phẩm đầu tay của ông, *Giã Từ* . Rồi cuốn sách thứ` hai, *Thương Hoài Nghìn Năm*. Từ đó, mối duyên văn nghệ gắn bó đến ngày Nghiêu Đề giã từ trần gian.

Bà Nghiêu Đề là "diễn giả" thứ hai sau Võ Phiến. Bằng một

giọng nói nhiều xúc động nhưng lưu loát, bà nói về người chồng vắn số, về tình yêu đầu đời làm nên tình nghĩa vợ chồng mấy mươi năm, và về những nỗ lực tìm kiếm "tư liệu" hầu xuất bản cuốn sách này. Cuốn sách đã tập hợp được hai mươi tác phẩm hội họa, qua nhiều thời kỳ của Nghiêu Đề, cùng những bài viết của bằng hữu.

Sau đó, nhà văn Nguyễn Mộng Giác, họa sĩ Hồ Thành Đức, họa sĩ Nguyên Khai. Mỗi người một ít, làm sống lại hình ảnh của Nghiêu Đề thuở sinh tiền: một người bạn vui vẻ, dí dõm, chân thật, ... ham vui và... lười biếng vô địch.

Buổi ra mắt kết thúc trong bầu khí thân tình.

Nhà văn Thế Uyên bị tai biến mạch máu não

Sau một buổi họp mặt ra mắc tác phẩm thứ ba mươi: *Những Người Mỹ Chung Quanh Chúng Ta*, tại thành phố Seattle, nơi ông cùng gia đình hiện đang cư ngụ, nhà văn Thế Uyên đột ngột bị tai biến mạch máu não, phải đưa vào bệnh viện. Sau thời gian dài điều trị, ông đã xuất viện, nhưng, do ảnh hưởng của căn bệnh hiểm nghèo, bán thân bên phải của ông bị bại liệt. Dù thế, nhà văn Thế Uyên vẫn giữ được cho mình sự lạc quan đáng phục. Ông cho biết đang bắt đầu tập viết bằng tay trái, và sử dụng computer cũng chỉ bằng một tay trái. Ông hy vọng trong tương lai gần, khi đã quen, ông sẽ trở lại bàn viết, tiếp tục đóng góp cho gia tài văn học Việt Nam nhiều tác phẩm nữa.

Thay mặt độc giả từng đọc và mến mộ nhà văn Thế Uyên, Hợp Lưu mong ông mãi mãi giữ vững được niềm lạc quan trong tâm hồn, để tiếp tục sự nghiệp văn chương còn dang dở.

PHẠM NGUYỄN



LÊ MINH HÀ

Ý nghĩ tại Treptower Park

"Vinh quang
Đời đời vinh quang" (*)
Những người lính
Đã nằm xuống
Trên những nẻo đường chiến tranh.

Còn lại gì trên những bức phù điêu?
Lời Stalin
Những tư thế xung phong
Những mắt nhìn đau đáu
Mũ sắt súng trường lựu đạn...
Tiếng nổ nào âm vang trong đất đến bây giờ?

Chim hót rất vô tư trên bãi chiến trường xưa
Chỉ có chim thôi
(Người rất ít đến đây)
Và cỏ
Cỏ rất xanh
Trời rất xanh
Vinh quang
Đời đời vinh quang
Những liệt sĩ vô danh

Trên những bức phù điêu
Ngưng đọng một nỗi buồn vĩnh viễn
Đau thương
Đời đời đau thương
Những con người vô danh
Đã buộc phải trở thành người lính.

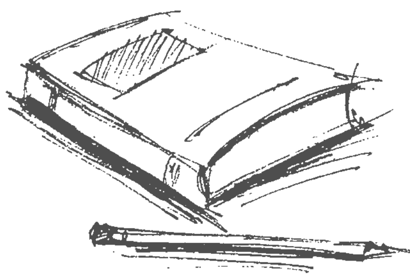
LÊ MINH HÀ

Chú thích:
Treptower Park: Nơi đặt khu tưởng niệm các chiến sĩ Xô viết hy sinh trong chiến tranh thế giới thứ II
* Thơ Rotdextvenski



KIM THI

Ngày... Tháng...



Ngày... tháng...

Kim Thi nghe nói đến Hạn Hán Và Cơn Mưa từ lâu. Kim Thi cũng nghe nói đến tác giả của nó - Ea Sola - một thiếu nữ mang ba dòng máu Việt- Hung & Ba Lan. Một vài lần sang Paris, nhưng rất tiếc không đúng vào thời điểm trình diễn vở kịch trên, nên cả người lẫn tác phẩm với Kim Thi vẫn là một khao khát tìm biết đầy hứng thú. Lần gần đây nhất, năm ngoái, cùng ngồi với dịch giả Phan Huy Đường ngoài vườn viện bảo tàng Picasso, anh có chỉ cho Kim Thi thấy nơi cư ngụ của Ea Sola. Đó là cái gác nhỏ nằm trên cao, sát mái một căn phố . Theo lời Phan Huy Đường, "giang sơn" của cái kẻ đã làm nên "hiện tượng hiếm hoi và lạ lùng" trên các sân khấu Âu châu mấy năm qua chỉ lớn bằng cái "chuồng chim", vừa vặn kê được một khung giường cá nhân và một bàn viết. Ban đêm, khung giường được kéo xuống, để ngủ. Ban ngày, bật lên, ép sát tường, để có chỗ đi lại. Với diện tích khiêm tốn về một nơi ăn chốn ở, cùng những "giai thoại" mang đầy chất "nghệ sĩ" của chủ nhân, do Phan Huy Đường kể, càng gây cho Kim Thi nhiều tò mò lẫn ngưỡng mộ. Lần ấy Kim Thi có nhờ Phan Huy Đường dẫn đến diện kiến Sola. Nhưng rất tiếc cô vừa trở lại Việt Nam để tìm thêm tư liệu thực hiện một vở kịch khác.

Ea Sola là ai, Hạn Hán & Cơn Mưa là cái gì? Có thể nhiều bạn đọc chưa rõ lắm. Bài viết sau đây của tác giả Nguyễn Khánh Long, một bạn văn hiện cư ngụ tại Canada, sẽ giới thiệu với chúng ta chân dung người nghệ sĩ đặc biệt này cùng tác phẩm của cô, qua một bài viết

Hợp Lưu vừa nhận được. Mời độc giả cùng đọc với Kim Thi.

Nguyễn Khánh Long

HÀNH TRÌNH CỦA EA SOLA

Ea Sola Nguyễn Thủy sinh tại Lâm-đồng, đúng hơn, như lời chị, "ở một vùng rừng nằm giữa Đà-lạt và Bảo-lộc, nay họ chặt hết rừng rồi." Nhan sắc cuồng nhiệt của chị là do chị mang ba giòng máu : Việt Nam bên cha, Hung và Ba Lan bên mẹ. Song thân chị đã gặp nhau vào cuối thập niên 40 tại Paris, khi ông là một sinh viên du học, và gia đình bà vừa định cư ở vùng bắc nước Pháp. Đưa vợ về Việt Nam, ông tham gia Mặt Trận Giải Phóng, và cả hai người sống lẩn lút trên rừng núi Tây Nguyên.

Ea Sola (tiếng dân tộc thiểu số, có nghĩa sông, nước, tức là Thủy) ra đời và lớn lên tại đây, giữa màu xanh của cây cỏ và những âm thanh của tiếng mã-la, tiếng chiêng Châu-mạ, K'ho. Tuổi nhỏ chưa biết sợ đạn bom, dù nhiều đêm phải theo mẹ xuống địa đạo, giữa những bóng người bí mật tới lui không ngớt. Ea Sola thương yêu mãnh liệt mảnh đất này; bao nhiêu năm sau chị vẫn còn nhận mình là "người con gái của núi rừng."

Năm 1974, sức khoẻ bà mẹ ngày một mong manh nên người cha tổ chức đưa bà, Ea Sola cùng hai người con trai vượt đất Miên qua Bangkok, và từ đó bay sang Paris. Lúc đó Ea Sola vừa tròn 16 tuổi. Chị không bao giờ chấp nhận những lý do ông đã buộc chị phải lưu vong. "Trước khi đi, tôi đã chào từng gốc cây, từng ngọn cỏ... Ở Paris, tôi đã phải luôn luôn đề kháng để tồn tại. Tôi đâm ra nói lắp. Suốt bốn năm. Hai anh tôi muốn đưa tôi theo họ sang Amazonie (họ hiện vẫn sống tại đó), nhưng tôi ở lại Paris, nơi cha mẹ tôi đã gặp nhau."

Giữa kinh thành Pháp, ai hiểu được chị? Lần đầu, Ea Sola đứng bất động giữa đường bảy giờ liền; những kẻ hiếu kỳ xúm lại ngó, có người ném tiền cho chị. Một lần khác, chị buộc mái tóc dài vào cành cây. Một lần khác nữa, chị ôm trong tay một tảng nước đá chờ cho tan hết. Và rồi có những nghệ sĩ sân khấu đến hỏi han chị: người con gái chỉ muốn chết này được cho hay mình "trình diễn tự phát (happening) mà không biết." Ea Sola nhìn thấy con đường phải đi.

Cuối những năm 70, Ea Sola được xem những thực nghiệm của nghệ sĩ Nhật Tanaka Min tại Forge Royale, một trung tâm nghệ thuật múa thực nghiệm; theo học những lớp múa tại Trung Tâm Văn Hoá

Mỹ; được Félix Guattari nâng đỡ và Gyorgy Ligeti khuyến khích lòng say mê âm nhạc; sang Ý theo học kịch với Grotowski. Chị miệt mài học hỏi. “Tôi quyết tâm tìm hiểu xã hội này như tôi đã quyết tâm chối bỏ nó. Điều khiến tôi kinh ngạc, đó là người ta có thể sẵn sàng coi nhẹ niềm vui đến thế. Ở Việt Nam chúng tôi biết ăn mừng. Ở đây, trầm trọng nhất là người ta mải mê làm việc đến nỗi phá hỏng cái quý giá nhất của ta: thời gian.”

“Ở Việt Nam...” Giáo sư Trần Văn Khê kể:

“Lần đầu tiên gặp tôi ở Paris, Ea Sola không hỏi về âm nhạc trước, mà hỏi về tổ quốc, hỏi về Việt Nam. Tôi biết cô ấy luôn nhớ Việt Nam, nhớ đến nỗi lật mấy cuốn địa lý, lịch sử có hình ảnh về Việt Nam là cô ấy khóc. Có lần tôi đờn nguyệt, đờn tranh cho cô ấy nghe, cô ấy thích lắm. Nhưng cô ấy nói: ‘Cái này bác học lắm. Mà con lại đang đi tìm vốn dân gian kia.’ Tôi liền cho cô ấy nghe chèo. Cô ấy mê lắm và hỏi: ‘Con muốn học chèo thì phải làm sao?’- Phải về nước sống và học thôi. Muốn vậy phải có học bổng.”

Năm 1990, Ea Sola xin được học bổng khảo cứu Léonard de Vinci, và lập tức trở về Việt Nam. Cha và bà nội chị đều còn sống cả. Vẫn lời giáo sư Trần Văn Khê:

“Cô ấy ở Hà nội mấy năm trời trong những khách sạn giá hai đô la một ngày và đi lại bằng xe đạp. Cuối cùng cô ấy về thẳng Thái Bình, gặp đoàn chèo, gặp các bà nông dân, tìm học bằng được những điệu múa ngày xưa, cách điệu hóa các động tác gieo cấy, gặt hái... Mấy bà cụ nông dân vừa là diễn viên vừa là thày dạy cô ấy những điệu múa thờ, múa lễ dân gian và trở thành người duyệt nghệ thuật cho Ea Sola. Cô ấy ở với các bà và mới thấy ở đây người ta lo hạn hán và mong mưa như thế nào. Cô ấy được chứng kiến những cảnh đời, những số phận phụ nữ nhẫn nại, nén đau đớn qua những mất mát trong chiến tranh: mất con, mất chồng... Cô ấy nhận ra một điều : lẽ ra con người phải được sống trong mưa thuận, gió hòa, vậy mà không được thế! Cô ấy học và cô ấy trăn trở, muốn diễn tả những cái đó để hát lên nỗi đau khổ và nói lên khát vọng của Con Người. Vở Hạn Hán Và Cơn Mưa đã ra đời như thế đó.”

Hạn Hán Và Cơn Mưa (biên đạo múa và phối cảnh do Ea Sola, nhạc của Ea Sola và Đỗ Tùng, lời của Nguyễn Duy), kết quả của ba năm làm việc miệt mài, đau đớn và xúc động, là tác phẩm lớn đầu tiên của chị. Người nghệ sĩ trẻ tuổi đã tìm ra điểm tựa. Chị dựng lại, lấp những khoảng trống của lịch sử đời chị, của lịch sử nước Việt Nam “của chị”. Lấy cảm hứng từ hát chèo, một nghệ thuật ra đời vào thế kỷ

XIV ở đồng bằng Bắc Việt, nhưng đó là một tác phẩm tân kỳ, khắc khổ. Tác giả gọi ra lịch sử, sự tàn nhẫn của lịch sử, đối chiếu đau khổ của mình với đau khổ của đồng loại, của những người đi trước, để tìm lại bằng an. Sức mạnh tha thứ. Sức mạnh thương yêu trở lại.

Mười bốn bà cụ, tuổi từ 53 đến 78, nhiều người còn nhuộm răng đen, múa và hát lên cả những ký ức xa xưa cũng như những ký ức mới đây của nước Việt Nam đau thương. Mười bốn bà cụ hiện lên trên sân khấu, nhỏ bé có, cao lớn có, hát lên sự sống, cái chết, mùa gieo mạ, bầu trời, những thần linh của mưa thuận gió hòa. Giơ lên ảnh những người chết. Những người chết của hai cuộc chiến. Không ai có thể quên được cảnh các bà xõa tóc quay lưng về khán giả, quỳ mọp trước hàng loạt chân dung đen trắng. Các bà trở lại là những thiếu phụ yêu kiều. Thời gian không là gì nữa, chỉ là ảo tưởng. Thanh xuân nằm ngay giữa lòng ký ức.

"Qua Hạn Hán Và Cơn Mưa tôi về lại cội nguồn, tìm thấy một gia đình lớn, ở đó tôi có mười bốn bà mẹ để kính yêu, cùng lúc cũng là những đứa con mà tôi phải chăm lo, bảo bọc. Tôi hãnh diện, hạnh phúc về cái gia đình ấy." Hai năm 1995, 1996, Ea Sola đưa các cụ Thái Bình đi trình diễn tại hơn mười nước, Anh, Bỉ, Đức, Pháp, Mỹ..., chăm lo cho các cụ từng ly từng chút. Tại đâu cũng thành công kỳ diệu. Các nhà phê bình dành những bài báo dài cho các buổi trình diễn, và tìm hiểu Ea Sola là ai. Khán giả lại có những phản ứng rất bất ngờ. Ở Mỹ, một cụ kể lại: "Xem múa mà họ cứ sụt sùi... có một cậu đen thui chạy đến, vừa khóc vừa vái làm chúng tôi phát hoảng. Hóa ra cậu có bà mẹ ở Việt Nam..."

Tác phẩm thật tân kỳ, nhất là đối với khán giả trong nước. Các báo có nhiều lời bình rất khác nhau, thậm chí trái ngược nhau. Nhưng, như lời nhà văn Nguyễn Quang Sáng, "Ea đã dám thực hiện điều tất cả chúng tôi vẫn muốn làm. Bây giờ thì trễ quá rồi. Ea sẽ mãi mãi là người tiền phong. Người đã tranh đấu, gây tranh luận, và mở một con đường cho sáng tạo ngày nay."

Tháng 12 năm 1996, Ea Sola đưa đoàn nghệ sĩ chân đất của chị "lại nhà", trả các cụ về với đồng ruộng quê hương. Sau miền Bắc và điệu hát chèo, chị xuống đồng bằng sông Cửu Long nghe vọng cổ, cải lương, các bài Tứ Đại, Văn Thiên Tường... Lần này, chỉ trong mấy tháng, chị hoàn thành tác phẩm thứ hai và khởi đầu trình diễn tại Paris vào cuối tháng 5/1997.

Tác phẩm mới của chị, lấy cảm hứng từ điệu hát tài tử, mang tên Ngày Xửa, Ngày Xưa, lời ca vẫn do nhà thơ Nguyễn Duy viết. Chị đã

tuyển chọn tám thiếu niên và tám thiếu nữ từ đồng quê Nam Việt để dựng vở này. Ngày Xửa, Ngày Xưa, hay là thần thoại về tạo dựng và chia lìa. Hình ảnh nước Việt Nam bao nhiêu năm phân đôi, bao gia đình ly tán.

Nhà nghệ sĩ dựng lên ở đây lần gặp gỡ cuối cùng giữa những người con, trai và gái, của tiên Âu Cơ và rồng Lạc Long Quân, lần gặp gỡ cuối cùng giữa những người sẽ ở lại với mẹ và những người sẽ theo cha về biển. Trong tiếng nhạc tuyệt vời, phía nam đồng ca và phía nữ đơn ca. Trên sàn gỗ màu đen, tất cả đều trang phục màu đỏ, con gái mặc áo dài và con trai để mình trần. Đen và đỏ, màu của chết chóc và của tình yêu. Họ không rời khỏi hai vùng ánh sáng hình chữ nhật, phân cách bởi các nhạc sĩ xếp thành hàng. Khán giả bị lôi cuốn theo những động tác của mười sáu thân hình : những bàn chân lướt trên sàn, những bờ vai oằn xuống, lưng gập lại, những nắm tay kề bên nhau, những bàn tay đưa lên che mặt, những tấm thân rướn lên một lần cuối để cố nhìn được kẻ ra đi. Ea Sola gạn lọc tất cả đến mức tối đa, không để một chút gì dư thừa. Như lời một nhà phê bình, chị "tranh đấu với chính mình để, từ những đam mê của mình, chỉ cho thoát ra một tia máu nhỏ". Và đó chính là thông điệp của chị: vào đời là phân ly và đau khổ, nhưng tình yêu truyền lại từ đời này qua đời khác. Một thông điệp hy vọng cho Việt Nam, cho Việt Nam của chị.

Một lần có người hỏi chị: "Ngày mai Ea Sola về Pháp à?" Ea Sola ngay lập tức chữa lại: "Không, em đi Pháp chứ!" Ea Sola luôn luôn dành tiếng về để nói tới quê hương.

Viết theo:
- Dominique Frétard (Le Monde, Paris, 31.5.1995, 14.9.1995, 10.11.1995, 4.5.1997, 24.5.1997)
- Việt Linh (Tuổi Trẻ Chủ nhật, Việt Nam, 21.7.1996)
- Nguyễn Đăng (Phụ Nữ, Việt Nam, Xuân Đinh Sửu, 1997)

Ngày... Tháng...

Tối hôm qua Kim Thi cùng một người bạn đi xem phim *Three Seasons (Ba Mùa)* của đạo diễn Việt Nam trẻ Tony Bùi. Cuốn phim vừa đoạt ba giải quốc tế tại Sundance Film Festival. Giải phim hay nhất trong năm (Grand Jury), giải hình ảnh đẹp nhất (Cinematography), và giải được khán giả đắc ý nhất (Audience Award).

Kim Thi sẽ không đề cập đến quá trình hình thành cuốn phim, những khó khăn, trở lực từ tài chánh đến ngôn ngữ, từ bộ máy hành chánh nặng nề và tiêu cực của chính quyền Việt Nam, đến những

"taboo" chính trị, xã hội mà đoàn làm phim phải uyển chuyển thích nghi. Kim Thi cũng tránh phê phán khen chê cặn kẽ cuốn phim trên quan điểm nghệ thuật thứ bảy, điều đó thuộc lĩnh vực chuyên môn, Kim Thi không mấy rành. Vả, cũng chả phải là trọng tâm chính của bài tạp bút này.

Trước tiên, thử tìm hiểu vài nét đại cương về đạo diễn trẻ Tony Bùi.

Tới Mỹ cuối tháng Tư / 1975 cùng với gia đình lúc chưa biết đi - hai tuổi, Tony Bùi không có một ý niệm nào về quê hương Việt Nam, vùng đất của chiến tranh, chết chóc, thù hận và đói nghèo. Vùng đất, nơi anh đã sinh ra, nơi cha anh đã cầm súng chiến đấu nhân danh tự do, độc lập của nửa phần đất phía Nam, đối nghịch với "kẻ thù", là nửa phần đất còn lại, phía Bắc, nơi cả triệu người đã chết, cũng chỉ vì hai chữ "tự do, độc lập".

Năm 1975, hai trăm ngàn người Việt tị nạn đặt chân lên đất nước này, nhưng chưa quần tụ thành cộng đồng như ngày nay. Họ bị phân tán khắp mọi tiểu bang, sống chao đảo, hoang mang giữa môi trường hoàn toàn xa lạ, từ ngôn ngữ, phong tục, tập quán, đến cách ăn nếp ở. Mọi nỗ lực của người Việt thuở ấy là bằng mọi giá, phải hội nhập vào xã hội mới. Tâm thức muốn hội nhập nhanh ảnh hưởng đến lối giáo dục con cái, họ muốn những đứa trẻ khi lớn lên phải trở thành "người Mỹ", để không còn bị lạc lõng như họ. Nói cách khác, vô hình trung, câu hỏi: liệu những đứa trẻ này, với lối giáo dục đó, sẽ còn giữ được hay sẽ tách lìa vĩnh viễn với cội nguồn? Có vẻ như câu hỏi mang đầy tính chất tầm phào, không phù hợp mảy may với thực tế. Bằng chứng là việc dạy dỗ con cái nói tiếng Việt đã trở thành việc làm xa xỉ, rất ít người nghĩ đến. Tony Bùi trưởng thành trong môi trường ấy. Bạn bè của anh toàn người bản xứ, anh nói tiếng Mỹ, và tất nhiên, suy nghĩ, hành sử như một người Mỹ. Quê cha đất tổ là cụm từ rất đỗi mơ hồ, không gợi được trong anh ý niệm nào. Việt Nam, một tên gọi, một địa danh nhỏ nhoi nằm trên bản đồ thế giới. Như Thái Lan, như Philippine, như Lào, như Singapore. Thế thôi, chỉ thế thôi.

Nhưng giao đoạn này cũng qua đi, người Việt xa xứ dần dà qui tụ lại thành những cộng đồng. Gia đình Tony Bùi định cư ở miền Bắc California, bố mẹ anh có một cửa hàng cho thuê Video tại San Jose, nơi đông người Việt thứ nhì trên nước Mỹ nói chung, thế giới nói riêng, sau Orange County, miền Nam California. Hàng ngày, ngoài giờ học và chơi, anh cùng người anh trai, Timothy, phụ gia đình trông coi cửa tiệm. Nhờ thế, Tony Bùi được xem hàng ngàn cuốn phim đủ loại.

Thoạt đầu những cuốn phim liên quan đến Việt Nam không lôi

cuốn được anh. Hầu hết những cuốn phim này đều ngập ngụa máu me, với cảnh bắn giết, rượt đuổi, đốt nhà, cướp bóc, hiếp dâm. Nhân vật tiêu biểu cho người Việt chỉ là những kẻ hèn nhát, mọi rợ. Đàn ông thì trộm cướp, dã man, khát máu, đàn bà thì làm gái bán bar, làm điếm. Nói chung, Việt Nam, dưới cái nhìn của các đạo diễn Mỹ, là một vùng đất đói nghèo, lạc hậu, sa đọa, với ruộng đồng xơ xác, tang hoang vì bom đạn, với người dân quê lam lũ, thất thần như một bầy thú bị rượt đuổi, hoảng loạn, đói khát. Đất nước và con người Việt Nam được vẽ bằng những nét phác quá đỗi tiêu cực. khiến Tony Bùi bị "dị ứng" nặng với nơi chốn sinh thành. Chẳng những dị ứng, anh còn tin những gì đã nhìn thấy trên màn ảnh là sự thực.

Năm 19 tuổi, Tony được mẹ khuyến khích làm một chuyến hồi hương thăm ông bà nội ngoại. Các cụ đã già yếu, chỉ ước mong được nhìn thấy các cháu trước khi nhắm mắt. Dù không muốn, Tony vẫn phải nghe lời mẹ, anh trở lại Việt Nam.

Tony tâm sự: "khi phi cơ hạ cánh xuống phi trường Tân Sơn Nhất, tôi ghét cay ghét đắng... Tôi nhớ khi cánh cửa máy bay vừa mở, hơi nóng và độ ẩm lùa vào khiến tôi ngạt thở. Kinh khủng nhất là cái nóng, tôi chưa bao giờ hình dung ra nổi. Chỉ ở Việt nam hai tuần, nhưng đó là hai tuần lễ ghê gớm nhất và bất tiện nghi nhất. Tôi sụt mất 10 pounds chỉ vì chẳng thể ăn được gì. Lần đầu tiên sống chui rúc trong một căn nhà thiếu hẳn mọi tiện nghi tối thiểu. Không nước máy, không máy điều hòa không khí, ban đêm, trời chưa tối hẳn, đã phải chui vào mùng, nếu không, sẽ bị "làm thịt" bởi muỗi. Thật là một cách tra tấn dã man nhất mà tôi đã phải chịu đựng.

Hai tuần lễ dài dằng đặc ấy rồi cũng trôi qua, đến ngày lên phi cơ trở lại Mỹ, tôi có cảm tưởng như sắp được rời khỏi địa ngục, tôi tự nhủ lòng: sẽ chẳng bao giờ nữa trở lại nơi này. Nhưng thật là lùng, bất ngờ, loáng thoáng dưới tầng mây thấp, tôi thấy đất nước Việt Nam khi ẩn, khi hiện, trần trụi và xơ xác, lòng tôi chùng xuống. Bỗng dưng tôi chảy nước mắt. Quả thực tôi đã trông chờ ngày đêm giờ phút này, giờ phút tôi sẽ trở lại Mỹ. Quả thực cái vùng đất ngột ngạt, đinh tai váng óc vì tiếng động ấy đã không mảy may quyến rũ tôi, đã biến thể xác và tâm hồn tôi, suốt nửa tháng qua, thành một miếng giẻ rách bèo nhèo. Thế thì lý do gì khiến tôi rơi lệ khi rời xa nó?

Sau đó, nhiều ngày, kèm theo câu hỏi không thể giải đáp đó, là những hoạt cảnh tôi từng chứng kiến quay chậm lại trong đầu, và từ bao giờ, tràn ngập nội tâm tôi tiếng leng keng của chuông xích lô, tiếng rao hàng trái cây, bánh mì nóng dòn, tiếng lốc cốc của xe hủ tiếu đầu đường... Tôi hiểu, những cảm xúc đến từ kỷ niệm ngắn ngủi nửa

tháng kia sẽ còn ám ảnh và sẽ mãi mãi không chịu rời bỏ tôi. Hình như tôi đã mắc nợ vùng đất ấy. Hình như tôi phải làm một điều gì đó, cho cái quê hương từng sinh thành ra tôi nhưng tôi chưa từng ràng buộc gắn bó.

Chính vì ý nghĩ này mà không lâu sau đó, tôi quyết định, một lần nữa, trở lại Việt Nam. Lần này, dù không ai ép buộc, tôi đã lưu lại ba tháng rưỡi. Tất cả những gì tôi ghét bỏ trong chuyến đi trước, bây giờ, lại có sức quyến rũ mạnh đối với tôi. Ngay cả cái nóng và độ ẩm tôi cũng hoan hỉ chấp nhận. Chật chội, đông đúc, bụi bặm, nạn kẹt xe triền niên, hơi người ngột ngạt, những gánh cơm bụi bên đường bu đen ruồi nhặng, đám dân lao động ngồi chồm hổm ăn uống ngon lành bên cạnh dòng nước đen đặc bốc mùi hôi thối của cống rãnh... dần dần trở nên thân quen. Tôi khám phá ra, quanh tôi, mọi sự kiện, sự việc đều thay đổi với tốc độ nhanh, và thiên nhiên, con người có những nét đẹp không ngờ."

Từ khi theo học ngành điện ảnh tại Loyola Marymount, Tony Bùi đã làm một cuốn phim ngắn nói về "Asian gangster shoot'em-up", bị ảnh hưởng bởi các đạo diễn như Quentin, Tarantino, John Woo. Nhưng sau chuyến trở về Việt Nam, Tony Bùi thay đổi hẳn quan niệm làm phim của mình. Anh bắt đầu nghiên cứu, tìm hiểu, ứng dụng, khai thác khía cạnh nhân bản, xã hội, văn hóa vào đề tài Việt Nam. Kết quả, *Ba Mùa* đã được thai nghén và hình thành.

Việt Nam, vùng đất đã từng khai sinh ra anh, không phải chỉ là nơi của bạo lực, máu me, giết tróc, hận thù. Đó là Việt Nam trong quá vãng. Việt Nam bây giờ, dù đói nghèo, lạc hậu, tha hóa bởi hàng vạn nguyên nhân, nhưng ở bất cứ nơi nào trên quê hương lầm than ấy, cái đẹp, cái thơ, và tình người ấm áp vẫn nẩy mầm, vẫn sinh sôi nẩy nở. *Ba Mùa*, ba mẩu chuyện tưởng chừng không liên hệ gì với nhau, lại cùng đồng qui về một hướng: hướng của cái đẹp. Phải chăng người đạo diễn trẻ này muốn hiến tặng cho chúng ta một thông điệp: cái đẹp sẽ cứu rỗi quê hương?

Mẩu chuyện thứ nhất: Việt Nam, qua biểu tượng người thi sĩ bị bệnh Cùi sống âm thầm trong ngôi nhà cổ, giữa hồ sen, dù biết cái chết sẽ đến với mình, vẫn tiếp tục làm thơ, tiếp tục nuôi dưỡng ước mơ: một ngày nào đó, những đóa sen trắng do ông trồng cấy sẽ được thả trôi đầy ngập khắp mọi dòng sông quê hương, ướp thơm cho đời. Ước mơ đó đã được cô gái bán sen, bằng tấm lòng và trái tim tinh khiết của mình, thực hiện hộ khi ông trút hơi thở cuối cùng. Người đàn ông cùi, cũng là biểu tượng của một Việt Nam già nua, thân thể bất toàn vì tật bệnh, nhưng trong đau thương cùng cực, vẫn còn giữ được cái đẹp,

cái thơ mộng của tâm hồn. Cô gái bán sen, biểu trưng cho thế hệ trẻ, đã cho người đàn ông cùi "mượn" bàn tay của mình, bằng cách chép lại và lưu giữ những sách tác do người đàn ông đọc. Hình ảnh những đóa sen do cô gái rải xuống, nhẹ nhàng trôi xuôi theo dòng nước, trong tiếng hát lồng lộng, là một biểu tượng tuyệt vời.

Mẩu chuyện thứ hai: Việt Nam ngày nay đã không còn nữa hình ảnh những hố bom trải thảm trên ruộng đồng, rừng núi. Không còn nữa những Sơn Mỹ, những Bạch Mai, những mồ chôn tập thể ở cố đô, hay những hận thù dai dẳng sân si hàng ngày biểu lộ trên đường phố Bolsa, trên những trang báo chợ rải đầy các hàng quán, nơi có đông người Việt sinh sống trên đất Mỹ, nói riêng, thế giới, nói chung. Việt Nam ngày nay là hình ảnh người cựu quân nhân Hoa Kỳ ngồi hàng giờ trước một motel nhỏ, trông chờ, tìm kiếm đứa con rơi của mình đã bỏ lại đất nước này thời chiến tranh. Một hình thức phục hóa tình người, xóa quên quá khứ, hướng đến tương lai.

Mẩu chuyện thứ ba: Việt Nam, cũng dưới cái nhìn của Tony Bùi, dù thế nào thì lòng tin, tình yêu và sự hướng thượng vẫn tồn tại, qua hình ảnh cô gái điếm hoàn lương, nhờ tấm lòng bao dung, chân thật của anh phu xích lô...

Như đã nói, Kim Thi không phân tích *Ba Mùa* bằng con mắt của nhà phê bình điện ảnh. Nếu nhìn dưới nhãn quan này thì *Ba Mùa* có rất nhiều nhược điểm. Chủ đề rời rạc, gượng, đôi khi dung tục, tầm thường. Tài tử chưa nhập vai trọn vẹn, có lẽ do khả năng yếu và trở ngại ngôn ngữ... Khuyết điểm nặng nhất là phần đối thoại, triết lý... rẻ tiền, làm văn chương một cách giả tạo trong ngôn ngữ nói [nghe đồn đối thoại này do nhà văn Nguyễn Bá Trạc viết (?) Không lẽ nào!], đã thế, diễn viên không "nói" mà là "đọc" thuộc lòng, như học trò trả bài. Người ngoại quốc không hiểu tiếng Việt, xem phụ đề có lẽ không chướng, nhưng sẽ rất kỳ cục đối với chúng ta. Trở lại vấn đề, Kim Thi chỉ muốn nói đến tấm lòng của một người Việt Nam trẻ, rất trẻ (khi bắt đầu thực hiện phim này, Tony Bùi chỉ mới 23 tuổi), dành cho quê hương mình. Đó là một tấm lòng rất nhân bản và hướng thượng. Nó phản ảnh một mong muốn trong sáng, đẹp đẽ. Đối với thế hệ trẻ, quá khứ đã thực sự trở thành quá khứ, quên được, nên quên, để dồn mọi nỗ lực cho tương lai. Một dân tộc không thể mãi trầm luân trong vũng lầy quá khứ, nếu muốn tồn tại và phát triển. Không riêng gì Việt Nam, tất cả mọi chủng tộc khác đang tồn tại trên hành tinh này đều hiểu rõ điều đó.

Ngày... tháng...

Kim Thi đọc bài viết của Nguyễn Khánh Long về Ea Sola, Kim

Thi xem phim *Three Seasons* của Tony Bùi, như một phản xạ có điều kiện, tự nhiên Kim Thi nhớ đến những tiếng hò hét cuồng nộ suốt nhiều tháng qua tại quận Cam, từ vụ cờ quạt Trần Văn Trường, đến chuyện đòi *Recall Tony Lam* (nghị viên hội đồng thị xã Westminster, quận Orange County) vì ông này trong những ngày *sục sôi khí thế đấu tranh* đã không chịu xé bỏ lời thề trước khi nhậm chức với chính quyền Mỹ: Tuyệt đối tôn trọng tu chính án số một, bảo vệ quyền tự do ngôn luận, ra trước cửa chợ Bolsa cùng hò hét đấu tranh với tên "*giặc cỏ*" (lời của chủ tịch cái gọi là Ủy Ban Bảo Vệ Chính nghĩa Quốc Gia) Trần Văn Trường đã rước giặc vào *nhà* (nhà ai, nhà Mỹ hay nhà Việt Nam? Nếu là *nhà* Mỹ thì chủ nhà chẳng những không sợ, trái lại còn ra sức bảo vệ cho thằng *giặc cỏ* kia tha hồ muốn treo cờ treo hình hay bất cứ cái gì nó muốn, miễn đừng vi phạm những qui định của pháp luật. Nếu là *nhà* Việt Nam thì làm gì có ở đây? Ở đây, chỉ là nơi *chủ nhân* cho ăn nhờ ở đậu lúc chưa hoặc không nhập quốc tịch Mỹ. Nhập rồi, thì đã là người Mỹ, tất *nhà* mới là nhà Mỹ, tổ quốc mới là tổ quốc Mỹ, thằng *giặc cỏ* nào dám lũng đoạn, lung lạc, dành dân chiếm đất? Kim Thi đọc một số bài "bình luận" trên các tờ báo xuất bản tại quận Cam, mà không nín được cười. Tính chất khôi hài đã lên đến mức bão hòa, không có cách gì tăng thêm được nữa. Nào là *"giặc đến nhà đàn bà cũng đánh"* (thậm chí có "đàn bà" mang theo con thơ còn nằm nôi, trong lúc *đánh* hăng quá, đôi co với cảnh sát, bị bắt, xe nôi cũng được mang theo, thế là một ông nhà văn bèn hồ hởi tuyên dương *"người tù binh nằm trong nôi"* như một thứ Phù Đổng Thiên Vương! Trời ạ, sống trên đất Mỹ bao nhiêu lâu rồi, sao ông lại không hiểu được rằng đi biểu tình hoan hô đả đảo mà mang theo con nít - nhất là con nít nằm nôi - là vi phạm trọng tội "hành hạ trẻ con", tù mọt gông, chưa kể còn bị dân bản xứ nói riêng, các nước văn minh nói chung, xem đó là hành động của bọn dã man mọi rợ.), nào là *"tiếp nối truyền thống giữ đất của cha ông ta"*... Gần hơn, những cái gọi là "Thỉnh nguyện thư" của các "chức sắc" lớn bé, tự xưng "đại diện cộng đồng" cùng "các tôn giáo", được đăng tải rộng rải trên báo chí, được đọc ra rả hàng ngày trên các hệ thống truyền thanh, truyền hình. Nội dung của các "Thỉnh nguyện thư " này cũng chỉ quẩn quanh chuyện tố cáo "tội ác CS", nhằm đưa đến mục đích chính: "tha thiết yêu cầu người anh em đồng minh" một thời đừng cấp Tối huệ quốc cho Việt Nam, để mặc cho cái đất nước khốn khổ ấy tiếp tục trầm kha trong nghèo đói! Nước đói, dân nghèo tất sẽ đại loạn, kẻ thống trị sẽ bị lật đổ. Đến lúc ấy, không cần đấu tranh, xin xỏ hay nỗ lực xây đắp, tự do no ấm sẽ từ trời rơi xuống, như hơi nước bốc lên, gặp lạnh, rụng thành mưa; như mùa thu

đến, lá trên cành sẽ cùng qui về cội! Trước đây, khi người Mỹ dự định bỏ cấm vận, những "chức sắc" này cũng đã rầm rộ phản đối, (và tất nhiên, đã thất bại!). Bây giờ , bổn cũ soạn lại (cũng tất nhiên, sẽ thất bại nữa). Kẻ lơ mơ nhất về chính trị cũng thừa hiểu người Mỹ cấp hay không Tối huệ quốc cho Việt Nam chẳng phải vì những tiếng nói lạc điệu kia. Quyền lợi của quốc gia họ, xu thế chung của chiến lược toàn cầu mới là yếu tố trọng tâm. Các "chức sắc" liệu có hiểu điều ấy không? Chắc chắn hiểu. Hiểu, nhưng tại sao vẫn làm? Câu hỏi khiến Kim Thi ngao ngán quá đỗi. Bởi lý do nào tâm thức hận thù, dòng máu qùi lụy cầu cạnh ngoại bang cho đến ngày hôm vẫn còn sực sôi trong huyết quản những cái đầu, những trái tim già cỗi gần đất xa trời này? Kim Thi thật tình không lý giải nổi.

Càng không lý giải được, Kim Thi càng cảm thấy đồng cảm với những tấm lòng của thế hệ trẻ, như Ea Sola, như Tony Bùi, như rất nhiều thành phần trí thức trên dưới hai mươi lăm, đã học hành đỗ đạt, đã đem hiểu biết, tài năng của mình mong cống hiến, làm đẹp quê hương. Bằng sự trong sáng và lương thiện, họ hiểu ra điều giản dị này: chế độ nào rồi cũng lụn tàn, riêng đất nước, con người Việt Nam, sẽ tồn tại, mãi mãi. Nhiều tháng nay, mỗi lần đọc báo Việt ngữ, nhìn thấy cụm từ *"chuyển lửa đấu tranh cho tuổi trẻ" "30/4, ngày tuổi trẻ quật khởi!"*, Kim Thi không khỏi rùng mình kinh sợ. Cái lớp người già nua, ngập chìm trong hận thù và quán tính nô lệ ấy, vẫn chưa muốn im tiếng, vẫn cố tình tung hỏa mù, mị dân, nhồi nhét vào tim óc thế hệ trẻ ngọn lửa sân si đã mang theo và nuôi dưỡng hai mươi bốn năm nay! Càng nghĩ, càng thấy bất hạnh quá chừng cho đất nước Việt Nam.

KIM THI



NGUYỄN THỊ GIÁNG CHÂU

Giới thiệu sách mới



NGƯỜI TRUNG QUỐC XẤU XÍ, Bá Dương, Nguyễn Hồi Thủ dịch, bìa Khánh Trường, Văn Nghệ xuất bản. Giá 15MK. Ngoài Mỹ thêm 2MK.

Là nhà thơ, nhà văn, nhà báo và sử gia, Bá Dương đã bị bỏ tù 10 năm tại LụcĐảo (Đài Loan) vì dịch sang tiếng Trung Quốc một tranh hý họa Popeye (Pôp-Pay) mà chính phủ Đài Loan cho là phạm thượng. Năm 1977, khi ra khỏi tù, ông bắt đầu đi nói chuyện về hiện tượng "người Trung Quốc xấu xí". Những bài nói chuyện của ông và những người tranh luận với ông được tập trung lại thành quyển sách này.

Bằng thể văn châm biếm, tác giả đề cập đến những "thói hư tật xấu" của người Trung Quốc trên mọi lĩnh vực: xã hội, văn hóa, phong tục, tập quán, triết học... Những "thói hư tật xấu" này, theo tác giả, đã khiến người Trung Quốc - một dân tộc tự xưng đã có một nền móng văn hóa sâu dày những năm nghìn năm - cho đến ngày hôm nay, vẫn còn lạc hậu, chậm tiến và thua kém rất nhiều dân tộc khác.

Tuy viết về "người Trung Quốc", nhưng qua nội dung, chúng ta thấy hiển hiện rõ nét cái nhân diện của người Việt Nam chúng ta.

Nên tìm đọc, để hiểu thêm về mình, và để cùng thấm thía với nụ cười cay đắng của tác giả.

HỒI KÝ VIẾT TRÊN "GÁC BÚT", Nguyễn Thụy Long, bìa Khánh Trường, Văn Nghệ xuất bản. Giá 13MK. Ngoài Mỹ 15MK.

Là tác giả của hơn ba mươi tác phẩm được viết từ trước 1975 tại miền Nam Việt Nam.

Cuộc đời của NTL nhiều sóng gió: Đi lính, đào ngũ, vượt biên thất bại, vào tù, vợ bỏ, gia đình ly tan, sống nổi trôi dưới đáy cùng xã hội.

Hồi ký viết trên "gác bút", một căn gác ở vùng Gia Định, nơi tác giả cư ngụ, được viết từ năm 1977, thành từng tập. Đây là hai tập đầu.

Với văn phong có vẻ như bất cần, chấp nhận, nhưng vẫn không che dấu được sự cay đắng, Nguyễn Thụy Long đã ghi lại những thăng trầm của bản thân ông, từ sau biến cố tháng Tư, 1975.

Cuốn hồi ký vẽ lại cảnh trạng bi đát của một nhà văn "ngụy" giữa lòng chế độ mới.

CHUYỆN LÃO TƯỢNG PHẬT DI LẶC VÀ NÀNG NẬM MÂY, Phạm Thị Hoài, Bìa Khánh Trường, Văn Nghệ xuất bản. Giá 8MK. Ngoài Mỹ 10MK.

"Từ những "bi kịch be bé" trong số phận của một pho tượng, Phạm Thị Hoài viết thành một "hài kịch nhân sinh"; từ một chuyện tưởng là dành cho trẻ con mà thành chuyện người lớn, với tất cả cái thâm trầm nấp đằng sau một thứ ngôn ngữ diễu cợt tinh luyện.

... mỗi lần Phạm Thị Hoài đưa ra một tác phẩm mới là mỗi lần bạn đọc kinh ngạc, khám phá một Phạm Thị Hoài khác, một bút pháp khác. Cái nhất quán trong toàn bộ văn nghiệp của Phạm Thị Hoài, có lẽ là sự trân trọng đối với chữ nghĩa, và mối quan tâm của nhà văn đối với mọi sắc thái của "hài kịch nhân sinh"."

Trên đây là lời giới thiệu *Chuyện Lão Tượng Phật...* của nhà xuất bản in ở bìa sau cuốn sách.

HỒ CHÍ MINH TẠI TRUNG QUỐC, Tưởng Vĩnh Kính, Thượng Huyền dịch, bìa Khánh Trường, Văn Nghệ xuất bản. Giá 18MK. Ngoài Mỹ 21MK

Mục đích và trọng điểm nghiên cứu của cuốn sách này là căn cứ vào phạm vi hoạt động của ông Hồ tại Trung Quốc, tìm xét những quan hệ tiếp xúc, những tình huống tương quan, con đường và cách thức hoạt động, nguồn gốc ảnh hưởng, cùng động cơ hoặc ý đồ hoạt động của ông, để giải đáp cho một số vấn đề, trong đó, có một vấn đề trọng yếu là, ông Hồ xuất hiện cùng những hành động thực tế của ông, như dùng chủ nghĩa dân tộc để hô hào, là lấy sự độc lập chân

chính của dân tộc Việt Nam làm tiền đề, hay lấy sự sinh tồn và phát triển của thực lực bản thân ông làm tiền đề?

Theo tác giả "tuy chưa thể có những giải đáp trọn vẹn nhưng xin sẽ hết sức căn cứ trên sự thật để tìm hiểu"

Đồng ý hay không với quan điểm và ý hướng của công trình nghiên cứu này, độc giả cũng rất nên tìm đọc *Hồ Chí Minh tại Trung Quốc*, để có thêm một hướng nhìn, về một nhân vật đã tác động mạnh mẽ đến hướng đi của lịch sử Việt Nam hiện đại.

THE SACRED WILLOW (Four Generations in the life of a Vietnamese Family), Duong Van Mai Elliott, xuất bản bởi New York Oxford (Oxford University Press), 1999.

Sách Anh ngữ, bìa cứng có bìa phụ bọc ngoài, dày trên 500 trang.

The Sacred Willow (Four Generations...), tạm dịch: Dương Liễu Linh Mộc (bốn thế hệ trong đời một gia đình Việt Nam) được tác giả viết dựa theo gia phả, kết hợp với những cuộc phỏng vấn những người trong dòng họ Dương, cùng nhiều nguồn tư liệu khác.

Tác giả trình bày cái nhìn của bà về lịch sử dòng họ Dương, xuyên qua bốn thế gần đây, từ những người nổi tiếng trong văn học như Dương Khuê, đến âm nhạc như Dương Thiệu Tước... Cũng qua một dòng họ, tác giả có tham vong vẽ lại bối cảnh rộng hơn: lịch sử dân tộc Việt Nam cận đại.

Từ tháng Tư vừa qua, Bảo tàng viện Á Châu Thái Bình Dương (Pacific Asia Museum Store) tại California đã giới thiệu các tác phẩm của những nhà văn Mỹ gốc Á châu Thái Bình Dương, trong đó, lần đầu tiên tác phẩm của một người Mỹ gốc Việt Nam đã có được chọn, đó là cuốn *Saccred Willow* của bà Dương Văn Mai Elliott chúng tôi vừa giới thiệu bên trên.

CÁC VUA CUỐI TRIỀU NGUYỄN - 1883-1945, tập I, biên khảo Vũ Ngự Chiêu, Văn Hóa xuất bản. Giá 22MK. Liên lạc: Hoàng Đỗ, P.O.Box 38325, Houston, TX 77238-8325. Tel & Fax: (713) 528-2606.

Tập I, chủ đề **Việt Nam Mất Tự Chủ** - 1858- 1884, gồm 6 chương.

Chương Một: Gánh nặng di sản, phân tích những nguyên nhân đưa đến việc Pháp biểu dương lực lượng và rồi xâm chiếm Đại Nam. Chính sách *tự cô lập* và *bài đạo ki tô* của các vua Minh Mạng, Thiệu Trị và Tự Đức được trình bày trung thực dưới ánh sáng sử học, giúp xóa bỏ loại tài liệu tuyên truyền thường chỉ nhằm mục đích buộc tội và bài bác ba vua cuối cùng của vương quốc VN độc lập, nhằm biện minh cho "*tân trào*".

Bốn chương kế tiếp: Biểu Dương Lực Lượng (1858-1859); Pháp Chiếm Miền Nam (1859-1867); Bắc Kỳ Dậy Lửa (1860-1879) và Hòa Cũng Chẳng Yên (1879-1883) tổng hợp những tư liệu mới nhất về việc Pháp xâm chiếm Đại Nam, từ 1858 đến1883.

Chương Sáu: Hai Năm, Bốn Vua (1883-1884) thuật lại phương cách thiết lập sự bảo hộ của Pháp trên phương diện ngoại giao và công pháp quốc tế.

Phần hai sẽ xuất bản trong tương lai.

Theo tác giả, cuốn sách là "nỗ lực sử dụng những biến đổi văn hóa và xã hội để giải thích và tái tạo 100 năm lịch sử cận đại Việt trong một trường phái tạm gọi là *văn hóa sử...*"

Cuốn sách có mức độ khả tín cao, dựa vào nguồn tài liệu tác giả đã "may mắn" thu tập được tại các văn khố, thư viện Pháp, Mỹ...

CÔNG GIÁO CHÍNH SỬ (MỘT KHẢO LUẬN QUA CÁC TÀI LIỆU), Trần Chung Ngọc. Giao Điểm xuất bản. Giá 18MK. Liên lạc: P.O.Box 2188, Garden Grove, CA 92842. USA.

Đánh giá, nhận định, phê phán một tôn giáo đã tồn tại và phát triển trên trái đất hai nghìn năm qua, cũng như đã đến Việt Nam trước đây hai thế kỷ, là việc làm không dễ. Nhất là đối với Việt Nam, nơi mà những trang sử cận đại đã cho chúng ta thấy - khi ẩn mình, khi công khai - phía sau những tín điều về công bằng, bát ái của Chúa Ki Tô, là mưu đồ bành trướng và thôn tính của kẻ đi đô hộ.

FLOWERS CAN'T BELIEVE FRUITS WOULD GROW THAT BITTER! - HOA NÀO TIN QUẢ ĐẮNG ĐẾN KHÔNG NGỜ!, thơ Du Tử lê. phần Anh ngữ do Như Hạnh chuyển. Bìa Vũ Hoàng Lan, chân dung vẽ bởi Khánh Trường, chụp bởi Phùng Nam Cường.Tủ Sách Văn Học Nhân Chứng xuất bản. Gía 15MK. Liên lạc mua sách: xem phần quảng cáo ở các trang cuối.

Nói theo phong cách của chính tác giả, thì DuTử Lê là người *"chọn ở, thủy chung với thi ca. Và, anh đã ở được, như thiên nhiên, ở với địa cầu, như địa cầu, ở với vũ trụ."*

Điều này được minh chứng bằng những tác phẩm. Trung bình, mỗi năm nhà thơ Du Tử Lê cho ra đời ít nhất một thi phẩm, và thi phẩm nào cũng đầy đặn, cũng mang ít nhiều cách tân trong ngôn ngữ, trong cấu trúc, trong tư tưởng.

Ở thi tập mới nhất này, thơ đã được tác giả cô lại, kết tinh thành những "công án" ít lời, hàm ý. Chúng ta thử đọc một "công án thơ" của họ Lê, mang tên Triết Lý Tạm Dung:

Cũng tốt thôi! - Niềm vui
là nỗi buồn tọng ngược
cũng tốt thôi! - Mất được
là tọng ngược: buồn vui.

NHỮNG NGƯỜI MỸ CHUNG QUANH CHÚNG TA - Sự Biến Đổi Gia Đình Việt Nam Qua Thời Gian & Không Gian - của Thế Uyên, Xuân Thu xuất bản. Giá 12MK. Liên lạc: P.O.Box 97 Alamitos, CA 90720. USA. Điện thoại: 714-826-9222.

Tác phẩm thứ 30 của một nhà văn Thế Uyên.

Sách chia làm ba phần. Phần một: Những người Mỹ chung quang chúng ta, gồm VIII chương, trình bày khái quát các giai tầng xã hội của người Mỹ: thượng lưu, trung lưu, vô sản, các sắc dân tiêu biểu: người da đen, Spanish, Mễ Tây Cơ. Các cấu trúc xã hội, các công xã, công xã Oneida, nông trường tập thể Koinonia..., và cuối cùng là hai chương: Cách yêu đương mới tại Hoa Kỳ và Thân phận phụ nữ tại Bắc Mỹ.

Phần hai: Sự biến đổi của gia đình Việt Nam qua thời gian và không gian, gồm V chương. I: Mô thức gia đình Khổng giáo - II: Gia đình VN thơi độc lập - III: Dưới thời Pháp thuộc (1884-1945) - IV: Thời kỳ hai nước Việt Nam (54-75), miền Nam, miền Bắc và cả nước sau 75 - V: Gia đình VN tại hải ngoại.

Phần ba: Phụ lục, gồm II chương. I: Bài viết về Gia Đình của Thanh Thủy - II: Sự biến đổi của luân lý (Thế Uyên trả lời phỏng vấn.)

NHƯ NHỮNG NGỌN GIÓ, 30 truyện ngắn Nguyễn Huy Thiệp, Anh Trúc tuyển chọn, bìa Khánh Trường, Văn Nghệ tái bản tại hải ngoại với sự đồng ý của tác giả. Giá 22MK. Ngoài Mỹ 25MK.

Gồm 39 truyện ngắn hay nhất của một nhà văn tiêu biểu nhất của văn học Việt Nam hiện đại.

NHỮNG HẠT ĐẬU BIẾT NHẢY, truyện ngắn Lâm Thanh Huyền (Trung Quốc) , bản dịch Phạm Huê. Bìa Khánh Trường. Văn Nghệ xuất bản.Giá 13MK, ngoài Mỹ 15MK.

29 truyện ngắn Phật học. Vui, thâm thúy. Khai mở nội tâm, giúp người đọc đến gần với chân lý thiện hảo một cách thoải mái, không bị câu thúc bởi những giáo lý khô cứng của kinh điển.

GIÓ BIẾC, tập truyện Lê Minh Hà, bìa Khánh.Trường, Văn Mới xuất bản. Giá 8MK.

Tập truyện thứ hai sau *Trăng Góa*, Thanh Văn xuất bản 1988.

Nhà văn Võ Phiến nhận xét về Lê Minh Hà:

"Chị bình tĩnh, mà rất tinh. Chị nhìn vào đâu, cuộc sống ở phía ấy nó giật mình, luống cuống. Nó tự thấy có gì thất thố, hớ hênh (...) Trước và sau cái nhìn của chị những cái nọ vẫn còn đấy. Nhưng chị bắt gặp, nó bối rối liền. Chị không nói gì nhiều, nhưng cuộc đời nó buồn hiu. Nó chợt thấy mình nhếch nhác. Nó thấy tất cả lỗi về phần nó. Nó đập ngực: "Lỗi tại tôi. Lỗi tại tôi mọi bề."

... Nữ giới viết văn thường bù lu bù loa . Khi yêu khi ghét thường cực đoan. Chị ít lời, thể thống."

MIÊNG, bìa KTrường, Văn Mới xuất bản.

Ngay từ hình thức, cuốn sách đã trưng ra dưới mặt độc giả một ấn tượng mạnh, kèm theo nhiều dấu hỏi. Miêng. Chỉ duy nhất một từ, nằm ngạo ngược, bề thế giữa mặt trước bìa sách. Miêng? Là gì? Tại sao? Khảo luận? Truyện dài? Truyện ngắn? Miêng. Tác giả hay nhan sách?...

Lật vào bên trong, người ta dần hiểu ra: Miêng là bút hiệu của tác giả Nguyễn Thị Xuân Sương, cuốn sách là một tập truyện ngắn.

MỘT CÁI NHÌN MỚI VỀ HỌC THUYẾT XÃ HỘI CÔNG GIÁO (Quyển I: Tài Liệu Hướng Dẫn Nghiên Cứu), Hervé Carrier, S.J

NHÂN QUYỀN VÀ GIÁO HỘI, hai bài nghiên cứu trình bày trong một cuộc hội thảo quốc tế do hội đồng Giáo hoàng "công lý và hòa bình" tổ chức tại Rôma từ ngày 14 đến ngày 16-11-1988. Tủ sácxh Muối Đất, Định Hướng xuất bản. Không ghi giá bán.

Sách tôn giáo.

XUÂN HẠ - Sống Sót Sau Cơn Máu Lửa (The Suryiyors), Khổng Có Chi, Việt Lang Publishing House. Thư từ chi phiếu liên lạc: Việt Lang Pub. House, 1430 Prince of Wales Drive - P.O.Box 38066 Ottawa, Onttario K2C 1N0, Canada.

Tác giả viết: *"may mắn làm sao tôi vớ được cuốn tiểu thuyết của cụ Vũ Trọng Phụng (...) Thế là tôi ăn cắp ngay lối viết văn của cụ. Một lối hành văn chửi đời rất độc đáo..." (...) Tôi lại khoái đấu láo về quá khứ của dân tộc mình. Thành ra tôi quyết định chơi cái trò phịa đại một chuyện tiểu thuyết huyền sử..."*

Và qua hơn 300 trang chữ *phịa đại* mà tác giả đã nói bên trên: *ăn cắp lối viết của cụ* (Vũ Trọng Phụng), tác giả múa bút chửi vung táng tàng, từ quốc gia đến cộng sản, từ "Mẫu quốc Huê Kỳ" với các vị tông

tông có dính líu ít nhiều đến chiến tranh VN, đến "đàn em VNCH bị cầm đầu bởi tay sai đầu sỏ Nguyễn Văn Thiệu cùng bọn quan tướng xuất thân khố xanh khố đỏ" dưới trướng, từ "đàn anh Trung Quốc, Liên Sô vĩ đại bách chiến bách thắng" đến "Thiên đường Cộng Hòa XHCN Việt Nam độc lập, tự do, hạnh phúc"!

VIẾT VÀ ĐỌC, Trần Hữu Thục, Văn Học xuất bản. Giá 13MK. Văn Nghệ tổng phát hành.

Gồn những bài tiểu luận đã đăng rải rác trên các tạp chí văn học tại hải ngoại, được chia làm ba phần. Phần một: những suy gẫm về sáng tác; Phần hai: những suy nghĩ về một số tác giả & tác phẩm. Phần ba: Những phát biểu về văn học từ nhà văn Nguyễn Mộng Giác qua một bài trả lời phỏng vấn & một lá thư của nhà văn Võ Phiến thay cho một bài phỏng vấn khác.

CÙNG NHAU TRÔI NỔI, hồi ký Phạm Thị Quang Ninh, bìa tranh Ninh Hà. Việt Đạo xuất bản. Giá 12MK. Văn Nghệ phát hành.

Sinh ra, lớn lên, lấy chồng, sinh con, đón nhận và cam chịu mọi thăng trầm của kiếp nhân sinh suốt mấy mươi năm làm người, để cuối cùng, nhìn lại quá khứ, thấy lòng thanh thản, vì dù ở hoàn cảnh nào, vẫn chưa từng làm điều gì trái với lương tâm.

NGUYỄN THỊ GIÁNG CHÂU

CHIA VUI

Nhận được hồng thiệp của anh chị Song Thao Tạ Trung Sơn
báo tin hôn lễ của hai cháu

Tạ Phương Uyên & Victor Charies Quintozo
sẽ cử hành tại Montreal ngày 12 tháng 6 năm 1999. Xin chia
vui cùng hai họ và chúc hai cháu hạnh phúc bền vững

Ôb Hồ Đình Nghiêm, ôb Luân Hoán,
ôb Trang Châu, ôb Phan Ni Tấn, ôLưu Nguyễn,
ôb Hoàng Chiều Nhân, ôb Hoàng Xuân Sơn.

Độc giả ghi danh mua dài hạn hoặc tái hạn HỢP LƯU sẽ được bớt 15% trên giá bán của bất cứ tác phẩm nào do VĂN NGHỆ xuất bản. Nhà xuất bản bao cước phí.

PHIẾU MUA SÁCH của nxb VĂN NGHỆ

(Dành cho độc giả **Hợp Lưu** mua dàu hạn hay tái hạn))

Họ & tên ______________________

Địa chỉ ______________________

____

Điện thoại ______________ | Email ______________

đặt mua những tác phẩm do nhà VĂN NGHỆ xuất bản sau đây, sau khi đã trừ 15% tính trên giá ghi ở bìa sau mỗi đầu sách:

	Tên tác phẩm	**Tên tác giả**	**$ (đã -15%)**
1.			
2.			
3.			
4.			
5.			
6.			
7.			
8.			

Gồm (*bao nhiêu?*) [ ] tác phẩm, giá tổng cộng: [ ]

- Gửi phiếu này về VĂN NGHỆ, P.O.Box 2301,Westminster, CA 92683. USA kèm check (ngoài nước Mỹ bằng Money Order), sau khi đã trừ 15%, trả cho VĂN NGHỆ, cùng bản sao (photocopy) phiếu Mua hoặc Tái hạn Hợp Lưu.
- Chọn sách trong thư mục các trang kế.

Thư Mục

Nhà xuất bản VĂN NGHỆ

P.O.Box 2301, Westminster, CA 92683. USA

(Những cuốn đã tuyệt bản chúng tôi không ghi trong list này)

1. Mười câu chuyện văn chương, *tiểu luận văn học* Nguyễn Hiến Lê - 7MK
2. Con đường thiên lý, *tiểu thuyết* Nguyễn Hiến Lê - 9MK
3. Hồi ký *tập I* - 14MK
4. Hồi ký *tập II* - 15MK
5. Hồi ký *tập III* - 9MK
6. Tôi tập viết văn tiếng Việt, Nguyễn Hiến Lê - 7MK
7. Chiếc cầu trên sông Drina, Nguyễn Hiến Lê dịch - 14MK
8. Ý cao tình đẹp, Nguyễn Hiến Lê *tuyển dịch* - 8MK
9. Bài học lịch sử, Will và Ariel Durant, N. H. Lê & Trần Lương Ngọc *dịch* - 8MK
10. Kinh dịch (*sách viết sau 75, tái bản*), Nguyễn Hiến Lê - 20MK
11. Khổng Tử (*viết sau 75, mới in tại Mỹ*), Nguyễn Hiến Lê - 12MK
12. Lịch sử văn minh Trung Quốc, Will Durant, Nguyễn Hiến Lê d*ịch* - 14MK
13. Luận ngữ, Nguyễn Hiến Lê - 13MK
14. Đời nghệ sĩ, Nguyễn Hiến Lê 9MK
15. Einstein, đời sống và tư tưởng, Nguyễn Hiến Lê - 8MK
16. Lịch sử thế giới, Nguyễn Hiến Lê - Thiên Giang - 25MK
17. Kiếp người (*tiểu thuyết* W.S. Maugham, Nguyễn Hiến Lê *dịch* - 13MK
18. Tùy bút I (*tái bản*), Võ Phiến - 15MK
20. 20 năm văn học miền Nam (*biên khảo*), Võ Phiến (*in lần* 2) - 14MK
21. Truyện ngắn II, Võ Phiến - 14MK
22. Tạp luận (*còn ít*), Võ Phiến - 15MK
23. Tiểu thuyết I, Võ Phiến - 15MK
24. Tiểu thuết II, Võ Phiến - 15MK
25. Tiểu luận, Võ Phiến - 14MK
26. Tạp bút, Võ Phiến - 16MK
27. Truyện thật ngắn (*tái bản*) Võ Phiến - 8MK
28. Thơ miền Nam *tập I* (*trong bộ* Văn học miền Nam), Võ Phiến - 6MK
29. Thơ miền Nam *tập II (trong bộ* Văn học miền Nam) Võ Phiến - 11MK
30. Truyện miền Nam *tập I (trong bộ Văn học miền Nam*), Võ Phiến - 6MK
31. Truyện miền Nam *tập II (trong bộ Văn học miền Nam*), Võ Phiến - 10MK
32. Truyện miền nam *tập III (trong bộ Văn học miền Nam*), Võ Phiến - 10MK
33. Quê, *tập truyện* Võ Phiến - 6MK
34. Viết, Võ Phiến - 10MK
35. Đối thoại, Võ Phiến - 8MK
36. Ký, bút, kịch miền Nam (*trong bộ VHMN*), Võ Phiến - 10MK

XEM TIẾP TRANG KẾ

37. Xuôi dòng, *truyện ngắn* Nguyễn Mộng Giác - 7MK
38. Bèo giạt (Mùa biển động IV), *tiểu thuyết* Nguyễn Mộng Giác - 15MK
39. Tha Hương (MBĐ V), *tiểu thuyết* Nguyễn Mộng Giác - 21MK
40. Đường một chiều, *tiểu thuyết* Nguyễn Mộng Giác - 7MK
41. Ký thác (*tái bản*), *tập truyện* Bình Nguyên Lộc - 7MK
42. Cuống rún chưa lìa (*tái bản*), *tập truyện* Bình Nguyên Lộc - 8MK
43. Thơ hiền, *thơ* Như Chi - 6MK
44. Hóa ra nét chữ lên đàng quẩn quanh, *thơ* Ngu Yên - 6MK
45. Tựa đề ở bên trong, *thơ* Ngu Yên - 8MK
46. Hỡi ơi, *thơ* Ngu Yên 6MK
47. Trầm mặc cây rừng, *tập truyện* Võ Hồng - 6MK
48. Con suối mùa xuân, *tiểu thuyết* Võ Hồng - 7MK
49. Hoa bươm bướm, *tiểu thuyết* Võ Hồng - 9MK
50. Như cách chim bay, *tiểu thuyết* Võ Hồng - 13MK
51. Hợp Lưu, *truyện dài* Hồ Trường An - 7MK
52. Mùa hè một nơi khác, *tập truyện* Phan Thị Trọng Tuyến - 10MK
53. Một chút riêng tư, *tập truyện đầu tay* Mai Kim Ngọc - 10MK
54. Đêm dài một đời, *truyện dài* Lê Tất Điều - 7MK
55. Một quả cười Xuân, *phiếm luận* Kiều Phong - 7MK
56. Thư về Bloomington Illinoise, *tập truyện* Lê tất Điều - 11MK
57. Cao Tần, *thơ* - 6MK
58. Vòng đai xanh, *truyện dài* Ngô Thế Vinh - 8MK
59. Mặt trận ở Sàigòn, *truyện ngắn* Ngô Thế Vinh - 8MK
60. Mây bão, *tiểu thuyết* Ngô Thế Vinh - 12MK
61. Xứ sấm sét, *tập truyện* Võ Đình - 8MK
62. Sao có tiếng sóng, Võ Đình - 13MK
63. Lầu xép, bảy chuyện, tám truyện Võ Đình - 11MK
64. Yoga căn bản (*dễ tập & thực dụng*), Võ Đình Mai *hướng dẫn bằng hình* - 8MK
65. Nụ cười tre trúc, *tập truyện* Kiệt Tấn - 11MK
66. Lớp lớp phù sa I, *truyện dài* Kiệt Tấn - 13MK
67. Yêu con, dạy con nên người Việt (*tái bản*), Đỗ Quí Toàn - 8MK
68. Cỏ và tuyết, *thơ* Đỗ Quí Toàn - 8MK
59. Tìm Phật ở đâu? (*tái bản*), Minh Tâm - 9MK
70. Tù ngục và tâm thức lưu đày, *thơ* Nguyễn Ngọc Thuận - 6MK
71. Nơi trại trừng giới, *tuyển tập dịch* Vũ Huy Quang - 10MK
72. Long lanh hạt bụi, *tập truyện* Nguyễn Thị Hoàng Bắc - 10MK
73. Chinh phụ ngâm và tâm thức lãng mạn của kẻ lưu đày, Lê Tuyên - 10MK
74. Thềm hoang, *truyện dài* Nhật Tiến - 8MK
75. Tiếng kèn, *tập truyện* Nhật Tiến - 8MK
76. Ngày N+..., *hồi ký về cuộc di tản quốc lộ 7*, Hoàng Khởi Phong - 11MK
77. Nguyệt thực, *tập truyện* Hồ Đình Nghiêm - 7MK
78. Thần người & đất Việt, khảo luận Tạ Chí Đại Trường - 16MK

XEM TIẾP TRANG KẾ

79. Căn nhà ngói đỏ, *tập truyện* Nguyễn Xuân Hoàng - 8MK
80. Quê Hương, *thơ* Định Nguyên - 8MK
81. Một thuở làm "trùm", *tập truyện* Nguyễn Tấn Hưng - 8MK
82. Gió đêm, *tập truyện* Trần Thị Kim Lan - 7MK
83. Nghĩ về *thơ*, biên khảo Nguyễn Hưng Quốc - 9MK
84. Văn học VN dưới chế độ Cộng sản (*tái ban*), Nguyễn Hưng Quốc- 16MK
85. Thơ, v.v... và v.v..., Nguyễn Hưng Quốc - 14MK
86. Võ Phiến, Nguyễn Hưng Quốc - 12MK
87. Hoa sen trên tuyết (*tái bản*), Nguyên Phong *dịch* - 9MK
88. Minh triết trong đời sống, Nguyên Phong *dịch* - 12MK
89. Khi những lưu dân trở lại, *khảo luận văn học* Nguyễn Văn Xuân - 7MK
90. Ngoài giấc ngủ - *thơ* Thường Quán - 11MK
91. Vài chú giải về thiền đốn ngộ, Nguyên Giác Phan Tấn Hải - 8MK
92. Tiểu thuyết vô đề (*tái bản), trong nước gửi ra*, Dương Thu Hương - 13MK
93. Đặc khảo Trường Sa - Hoàng Sa, nhiều học giả - 12MK
94. Hồ Chí Minh, Ngô Đình Diệm & Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam
(*tái bản lần I, còn khoảng 20 cuốn, bìa cứng*), Hồ Sĩ Khuê - 25MK
95. Tự do trong lưu đày (*tái bản lần 3*) *Hồi ký* Đức Đạt Lai Lạt Ma,
Chân Huyền *dịch*, Chân Văn *nhuận sắc* - 14MK
96. Truyện của một người di cư nhức đầu vừa phải, Nguyễn Bá Trạc - 10MK
97. Việt Nam máu lửa quê hương tôi (*tái bản lần 9, bìa cứng*), Đỗ Mậu - 35MK
98. Sài Gòn tạp pín lù (*tức* Sài Gòn năm xưa II. III), Vương Hồng Sển - 15MK
99. Hơn nửa đời hư (*bản đầy đủ hơn bản in trong nước*),
hồi ký Vương Hồng Sển - 20MK
100. Nửa đời nhìn lại, *Hồi ký* Vương Hồng Sển - 18MK
101. Dấu chân cát xóa, Doãn Quốc Sĩ - (NK
102. Người vái tứ Phương, Doãn Quốc Sĩ - 10MK
103. Mình lại soi mình, Doãn Quốc Sĩ - 16MK
104. Cò Đùm, *truyện* Doãn Quốc Sĩ - 8MK
105. Thư gửi bạn ta I, *phiếm luận* Bùi Bảo Trúc - 16MK
106. Thư gửi bạn ta II, *phiếm luận* Bùi Bảo Trúc - 16MK
107. Thư gửi bạn ta III. *phiếm luận* Bùi Bảo Trúc - 16MK
108. Viết cho mẹ và quốc hội (*thêm hai tài liệu: bản báo cáo của nhóm công tác viên số 6CB, Quyết định của UBND thành phố Hồ Chí Minh lưu hành, tịch thu sách. Tái bản*), Nguyễn Văn Trấn - 20MK
109. Chân Trần, *tập truyện* Y Chi - 12MK
110. Thực phẩm rau đậu qua lăng kính khoa học, Tâm Diệu - 12MK
111. Công lý đòi hỏi, *tiểu luận* Nguyễn Minh Cần - 12MK
112. Về vùng chiến tuyến, *hồi ký* Lê Xuân Nhuận - 15MK
113. Lý luận và phê bình 20 năm văn học VN ngoài nước, Bùi Vĩnh Phúc - 27MK
114. Cấu trúc thơ, *biên khảo* Thụy Khuê - 13MK
115. Sóng từ trường, *tiểu luận, phê bình* Thụy Khuê 12MK

XEM TIẾP TRANG KẾ

116. Đêm giữa ban ngày, *bút ký* Vũ Thư Hiên - 28MK
117. Miền thơ ấu, *hồi ký* Vũ Thư Hiên - 13MK
118. Đường mây trên đất Hoa, *tự truyện* Hòa thượng Hư Vân, Thích Hằng Đạt & Nguyên Phong *dịch* - 13MK
119. Sài Gòn trong mắt tôi, *biên khảo* Phụng Nghi - 12MK
120. Dòng Thames thì thầm, *phiếm luận* Vĩnh Phúc (*BBC Luân Đôn*) - 12MK
121. Đạo Đức kinh, Lão Tử, *cựu luật sư* Đinh Sĩ Trang *dịch và chú thích Anh -Việt - Hán* - 20MK
122. Nhìn cây thấy rừng, *18 cuộc phỏng vấn liên quan đến VN (nhiều khám phá thú vị)*, Đỗ Quyên - 18MK
123. Hành trình cuối đông (*bút ký vận động cho dân chủ VN*), Tiêu Dao Bảo Cự - 16MK
124. Màu tím (*hai giải văn chương Mỹ*), Alice Walker, Nguyên Thi *dịch* - 15MK
125. Những giọt mưa trên giàn bông giấy, *tiểu thuyết* Nguyễn Hùng Vũ - 14MK
126. Tìm em trong nắng thu vàng, *tiểu thuyết* Nguyễn Hùng Vũ - 14MK
127. Tử tù xử lý nội bộ, *hồi ký đau thương của Trung tá* Trần Thư, *đảng viên đảng CSVN* - 15MK
128. Ngụ ngôn, giáo sư Đoàn Nhật Tân - 11MK
129. Việt Nam dân tộc bị đọa đày, *tiểu luận* Lý Đại Nguyên - 13MK
130. Đường mây trong cõi mộng, *cuộc đời hành đạo của* Đại sư Hám Sơn, Thích Hằng Đạt, Nguyên Phong *dịch* - 18MK
131. Những huyền thoại và sự thật về chế độ Ngô Đình Diệm, Vĩnh Phúc - *cựu chủ biên ban Việt ngữ đài BBC Luân Đôn* - 22MK
132. Bút khảo về Xuân I, Lê Văn Lân - 18MK
133. Bút khảo về Xuân II. Lê Văn Lân - 13MK
134. Dưới bóng từ bi, Inna Malkhanova, *nữ Phật tử người Nga* - 11MK
135. Cô Rơm và những truyện ngắn, Trần Mộng Tú - 12MK
136. Chuyện lão tượng Phật Di Lặc và nàng Nậm Rơm, Phạm Thị Hoài - 8MK
137. Hồi ký viết trên "gác bút", Nguyễn Thụy Long - 13MK
138. Hồ Chí Minh tại Trung Quốc, Tưởng V. Kính, Thượng Huyền *dịch* - 18MK
139. Người Trung Quốc xấu xí, Bá Dương, Nguyễn Hồi Thủ *dịch* - 15MK
140. Như những ngọn gió, Nguyễn Huy Thiệp - 25MK
141. Những hạt đậu biết nhảy, Lâm Thanh Huyền, Phạm Huế *dịch* - 13MK

PHIẾU TẶNG

HỢP LƯU

Tôi tên: ____________________

Địa chỉ: ____________________

____

____

Điện thoại: ____________ Email: ____________

gửi tặng (*1 hoặc 2*) [ ] năm tạp chí HỢP LƯU đến:

Họ tên: ____________________

Địa chỉ: ____________________

____

____

Điện thoại: ____________ Email: ____________

Yêu cầu tòa soạn báo cho chúng tôi biết (*bằng thư, điện thoại, hoặc điện thư*) khi nhận được PHIẾU TẶNG này, cùng với ngân phiếu.

PHIẾU GIỚI THIỆU

HỢP LƯU

Tôi tên: ____________________

Địa chỉ: ____________________

____

đề nghị tòa soạn gửi tặng một số HỢP LƯU mới nhất đến:

Họ tên: ____________________

Địa chỉ: ____________________

____

Nếu người thân của tôi bằng lòng với nội dung của tờ báo, họ sẽ đặt mua dài hạn.



P.O.Box 277, Garden Grove, CA 92842. USA
Tel: (714) 265-1394. Email: tchl@aol.com

PHIẾU MUA DÀI HẠN HOẶC TÁI HẠN
(Subscription or Renew form)

Họ tên / Full name xin viết chữ IN / Please PRINT

Địa chỉ / Address xin viết chữ IN / Please PRINT

Điện thoại / Phone Điện thư / E mail

Tôi đặt mua HỢP LƯU / I would like HOP LUU delivered to me:

☐ Một năm / one year. ☐ Hai năm / Two years

Bắt đầu từ số / Starting from Issue #:

Mỹ & Gia Nã Đại (US & Canada):

- *Một năm / One year*
  Hạng tư / Four class: ☐ US$40.00. Hạng nhất / First class: ☐ US$50.00
- *Hai năm / Two years*
  Hạng tư / Four class: ☐ US$78.00. Hạng nhất / First class: ☐ US&96.00

Âu châu (Europe):

- *Một năm / One year*
  Đường thủy / Surface: ☐ US&50.00. Máy bay / Air mail: ☐ US$70.00
- *Hai năm / Two years*
  Đường thủy / Surface: ☐ US$96.00. Máy bay / Air mail: ☐ US$136.00

Úc, Á châu (Australia & Asia):

- *Một năm / One year*
  Đường thủy / Surface: ☐ US$50.00. Máy bay / Air mail: ☐ US$80.00
- *Hai năm / Two years*
  Đường thủy / Surface: ☐ US$96.00. Máy bay / Air mail: ☐ US$156.00

Trả bằng ngân phiếu (*Mỹ & Canada*), Money order (*Úc, Á, Âu châu*) đề HOP LUU / Check (*US & Canada*), Money order (*Australia, Asia, Europe*), in US funds, pay to HO LUU.

Thay đổi địa chỉ xin cho biết trước & gửi kèm nhãn gửi báo cũ / Please let us know in advance when you change adderess & attach your old label.

Ghi chú / Note: Số báo dầu tiên & cuối cùng in trên nhãn báo / The first & the last subcribed issues are printed on the label.

HỢP LƯU TRÂN TRỌNG GIỚI THIỆU

LÊ MINH HÀ

GIÓ BIẾC

tập truyện



VĂN MỚI

VĂN MỚI xuất bản
VĂN NGHỆ tổng phát hành